SỬ ĐỊA

DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ, SINH-VIÊN ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM SÀI-GÒN CHỦ TRƯƠNG

PHÙ-LANG TRƯƠNG-BÁ-PHÁT

■ Trương-Định, Dòng Tướng huyện Tân-Hòa

LÊ-THỌ-XUÂN

■ Vài giai thoại có dính líu tới cụ Lãnh Binh Trương Định

ĐẶC KHẢO VỀ TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH

TÔ-NAM và BÙI-QUANG-TUNG

■ Truyện Lãnh Binh Trương Định — Tình hình ba Tỉnh Miền Đông

HỒ-HỮU-TƯỜNG

■ Hiện tượng Trương-Công-Định

VƯƠNG-HỒNG-SỂN

■ Trương-Công-Định và đạo hiếu trung

Nhà sách Khai-Trí bảo trợ

1966

3

SỬ ĐỊA

TẬP-SAN SƯU-TẦM, KHẢO-CỨU, GIÁO-KHOA.

BAN CHỦ BIÊN :

Nguyễn-thế-Anh, Bửu-Cầm, Phan-Khoang, Lâm-thanh-Liêm, Phạm-văn-Sơn, Thái-việt-Điểu, Phạm-cao-Dương, Phù-Lang, Quách-thanh-Tâm, Trần-đăng-Đại, Phạm-đình-Tiếu, Nguyễn-khắc-Ngữ, Phạm-long-Điền, Trần-anh-Tuấn, Nguyễn-thái-An, Trần-quốc-Giám, Lan-Đài, Nguyễn-sao-Mai.

VỚI SỰ CỘNG-TÁC THƯỜNG-XUYÊN CỦA :

Hoàng-xuân-Hãn, Chen-ching Ho, Thích-thiện-Ân, Lê-văn-Hảo, Nguyễn-văn-Hầu, Tạ-trọng-Hiệp, Nguyễn-trần-Huân, Phạm-văn-Diêu, Bửu-Kế, Nguyễn-khắc-Kham, Trương-bửu-Lâm, Lê-hữu-Mục, Nguyễn-Phương, Hồ-hữu-Tường, Lê-thọ-Xuân, Ưng-Trình, Nghiêm-Thẩm, Tô-Nam, Bùi-quang-Tung.

BAN TRỊ-SỰ :

Nguyễn-Nhã, Nguyễn-nhựt-Tấn, Phạm-thị Hồng-Liên, Nguyễn-ngọc-Trác, Trần-đình-Thọ, Nguyễn-hữu-Phước, Phạm-thị Kim-Cúc, Trần-Ngọc-Ban, Phạm-văn-Quảng, Phạm-Đức-Liên.

Thư từ, bài vở, tiền bạc xin gửi :

NGUYỄN-NHÃ

221 Cộng-Hòa, Sài-gòn, B.P. : 380

LÁ THƯ TÒA SOẠN

Sử Địa đang chập chững tiến bước. Qua hai kỳ ấn hành, Sử Địa cảm thấy vững tâm tiến bước vì được sự hưởng ứng hợp tác của hầu như hết thảy những vị thiết tha đến ngành sử địa nước nhà và được sự ủng hộ của quí bạn đọc khắp đất nước.

Có bạn đọc đã kêu rằng Sử Địa quá khô khan và khắc khổ. Sử Địa xin nhìn nhận điều đó. Nhưng Sử Địa không thể nào làm khác được bởi Sử Địa đã chọn con đường đi của mình. Sử Địa ước mong sẽ là nơi diễn đàn của các công trình nghiên cứu sử địa thực sự có giá trị và hữu ích, sao cho ngành sử địa xứ ta ngày càng phát triển. Mà các công trình nghiên cứu thì khó có thể là món giải trí hấp dẫn thông thường được.

Sử Địa cũng hiểu thực trạng hiện tại gây nhiều khó khăn cho Sử Địa nên Sử Địa, nguyện sẽ cố gắng sao cho thích hợp với hoàn cảnh để tránh sự yểu vong.

Sử Địa không phải chỉ biết cố gắng nâng cao trình độ và chỉ chú ý tới giá trị của các công trình nghiên cứu mà quên đi vấn đề phổ biến. Tuy vậy sự thực thì sự phổ biến của Sử Địa phải có giới hạn.

Nhiều bạn độc đã viết cho chúng tôi yêu cầu rằng đừng vì lý do gì mà Sử Địa ngưng xuất bản và cho rằng đó là cần não của quốc gia. Chúng tôi thật không biết trả lời sao, chỉ biết rằng chúng tôi sẽ xin nguyện cố gắng và đem hết khả năng cùng thiện chí để làm việc, bởi sự tồn tại của Sử Địa cũng như giá trị của nó còn tùy thuộc vào sự đóng góp của nhiều người, của các nhà nghiên cứu hợp tác với Tập-San của quí vị ủng hộ, cổ võ cho Tập San.

Với số đặc khảo kỳ này về Trương Định, mở đầu cho các số có chủ đề sau này, Sử Địa gặp nhiều trở ngại, khó khăn, cái khó khăn chung cho việc sửa soạn một số có chủ đề cũng như sự thiếu thốn tài liệu về Trương Định.

Với số đặc khảo này cũng như các số đặc khảo về các danh nhân về sau, nếu Sử Địa không đóng góp được gì vào kho tàng sử học Việt Nam thì cũng mong rằng đó là cái dịp để quí bạn đọc cùng chúng tôi tưởng nhớ tới nhữug vị anh hùng dân tộc.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

TRƯƠNG ĐỊNH

Kính dâng vong
linh dưỡng mẫu

■ PHÙ LANG TRƯƠNG BÁ PHÁT

▼ VÀI LỜI ĐỀ TỰA CỦA GIÁO SƯ BỬU CẦM.

Trương Định là một vị anh-hùng kháng-chiến miền Nam dưới triều Tự-tức, đã khởi nghĩa chống thực-dân Pháp và chiến-đấu anh-dũng đến phút cuối cùng.

Một nhân-vật quan-trọng đối với lịch-sử Việt-nam như thế, nhưng sử sách của ta chép về ông chẳng có là bao.

Chính-sử nước ta như *Đại-nam chính-biên liệt-truyện* (nhị tập, quyển 38, tờ 26a — 27a) chép về Trương Định rất sơ lược.

Bởi vậy, muốn tìm được nhiều tài-liệu về Trương Định, muốn biết rõ những chi-tiết về cuộc đời của vị anh-hùng dân-tộc nầy, người ta phải dùng đến những sách viết bằng chữ Pháp.

Chính những sĩ-quan Pháp đã đụng độ với Trương Định lại viết rõ về ông hơn các sử-gia Việt-nam. Đó cũng là dễ hiểu: vì họ là kẻ xâm-lăng mà cũng là chứng-nhân của thời-đại.

Những sử-liệu bằng ngoại-ngữ ấy, ngoài việc ghi chép khá đầy đủ chi-tiết về cuộc đời cách-mạng của Trương Định, còn cho độc-giả biết rõ lòng khâm-phục của kẻ thù ông (bọn thực-dân Pháp) đối với ông. Đó là một điểm quan-trọng, vì có đọc những sử-liệu ấy ta mới thấy được những người chủ-trương diệt-trừ Trương Định lại thừa-nhận giá-trị và uy-tín của ông bằng những lời lẽ chân thành.

Trước đây, đã có vài bài báo, vài quyển sách bằng Việt-ngữ khảo-cứu về Trương Định, nhưng chưa làm cho độc-giả thỏa-mãn, vì những tài-liệu liên-quan đến vị võ-tướng ái-quốc ấy vẫn chưa được các tác-giả tận-lượng khai-thác.

Nay, ông Phù-lang Trương Bá-Phát, người đã nhiều năm chuyên khảo về sử-học và có nhiều bài lai-cảo đăng trong *Văn-hóa nguyệt-san*, vừa viết xong tập biên-khảo về Trương Định và có nhã-ý muốn đề tôi đề tựa.

Tôi nhận thấy tập biên khảo nầy soạn rất công-phu, tài-liệu dồi-dào, dẫn-chứng phân-minh, có thể giúp ích nhiều cho những ai muốn nghiêm-cứu lịch-sử Việt-nam trong thời cận-đại, nên có vài lời giới-thiệu để đáp lại thịnh-tình của soạn-giả và đồng thời góp một vài ý-kiến thô-thiển với các sử-gia.

Sài-thành, ngày 5 tháng 5 năm 1964

BỬU-CẦM

VIỆN KHẢO-CỔ SAIGON

■

▼ THÂN THẾ TRƯƠNG ĐỊNH.

« Thân-phụ của Trương Định danh là Trương-Cầm (1) người « huyện Bình-Sơn, tỉnh Quảng-Ngãi ».

« Cầm làm chức Vệ-Úy hữu-thủy-vệ ở tỉnh Gia-Định.

« Khi Cầm nhiệm-chức nầy, Định theo thân-phụ. Đến khi Cầm « từ lộc, Định ngụ ngay chỗ cha làm việc ; Định là người tinh-thông võ- « nghệ, có thao-lược lại thêm sức mạnh (2).

Định làm viên-tử (con quan) có một con dấu chứng nhận tước [?] (3).

Chắc là năm Giáp-Dần 1854, sau khi nghe lời Nguyễn-Tri-Phương gọi lập đồn-điền, Trương-Định làm quản-cơ kiêm luôn Chánh-Tổng (4) song chưa rõ tổng tên gì trong 4 tổng ở huyện Tân-Hòa. (5)

---

(1) Sách *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* tác-giả : Léopold Pallu de la Barrière, nhà xuất-bản Berger-Levrault, Paris. Nancy 1888, trang 19, dòng 4 tới 8 có nói vầy :

Phụ thân của Định là một vị sĩ quan lớn ngoài triều đình Huế, danh là Thị-Vệ-Sâm.

Là người Pháp không thể ai cũng biết chức-tước danh-vị của người Việt, nên tôi nghiêng theo *Đại-Nam Chánh-Biên Liệt-truyện* tập 2, quyển 38, trang 26 a và b.

(2) Khoảng có dấu ngoặc đôi là theo « *Đại-Nam chánh...* » như đã dẫn.

(3) Sách Pallu de la Barrière, trang 219.

(4) Lính Đồn-Điền noi theo câu : « tĩnh vi nông, động vi binh ». (Thời-bình làm dân cày, thời-loạn làm binh-lính).

Theo Pallu de la Barrière trang 295 thì sự thiết-lập Đồn-Điền mới hồi Giáp-Dần 1854 do Nguyễn-tri-Phương kêu gọi.

Nhưng thuyết nầy không mấy vững, vì đất trong Nam hồi thời Nguyễn-Ánh và trước nữa, chưa khai phá mà dân thưa. Muốn vừa khai-thác, vừa có linh để bảo-vệ an-ninh, tất nhiên nhà cầm-quyền nảy ra ý-kiến Đồn-Điền,

cho lính có đất cày để tự-túc và có thể làm lính khi cần. Đồn-Điền có từ năm Canh-dần 1830 lúc Lê-văn-Duyệt, chớ không phải là hồi 1854, có họa chăng là Nguyễn-Tri-Phương kêu gọi chỉnh-đốn lại và thiết-lập thêm Đồn-Điền.

Có tất cả 24 Liên-Đội Đồn-Điền ở Nam-Kỳ, bảy ở Gia-Định, sáu ở Mỹ-Tho, năm ở Vĩnh-Long, bốn ở Biên-Hòa và hai ở An-Giang. Viên chỉ-huy một liên-đội gọi là Quản-Cơ, có dưới tay những viên ấp-trưởng, Quản-Cơ kiêm luôn chức Cai-Tổng, trong tổng có Đồn-Điền (Pallu de la Barrière trang 297). Một liên-đội không lên quá ba trăm người (theo Pallu de la Barrière trang 297 dòng 29-30) còn theo Paulin Vial đến năm trăm (sách *Les premières années de la Cochinchine*, của Paulin Vial, quyển I, trang 105 dòng 12), một đội không hơn ba mươi người (Pallu de la Barrière).

Hồi 24 tháng hai 1861 có mười ngàn người Đồn-Điền tại Ki-Hòa. Vậy đồ đồng một liên-đội được 416 người.

Mỗi liên-đội có một súng đại-bác cỡ nhỏ. Mười người lính có súng, kỳ dư cầm giáo. Quản-Cơ chia võ-khí cho lính (sách de la Barrière trang 299 dòng 8, 9 và 10), có thể lính sắm súng mà đeo.

« Lính Đồn-Điền đội trên đầu nón nhỏ của lính Việt, một áo ngắn « xẻ nửa ở vạt trước (cũng như áo bà-ba bây giờ) và màu đen, một quần « tím hay là hung-hung. Nói thẳng ra, lính ấy không đồng-phục. Quản-Cơ « đeo giây băng đen hay tím, gắn huy-hiệu trên ngực (Pallu de la Barrière « trang 299) ».

(5) Tân Hòa là nơi Trương Định đã mộ nghĩa dõng quân để chống Pháp. Năm Gia-Long thứ 7 (mậu thìn 1808) Tân Hòa ở địa phận huyện Phước Lộc, tỉnh Gia Định và Kiến Hòa tỉnh Định Tường.

Năm Minh Mạng thứ 13 (nhâm nhìn 1832) lấy bốn tổng trong huyện Kiến Hòa đặt tên huyện Tân Hòa song thuộc tỉnh Định Tường.

Năm Thiệu Trị nguyên niên (Tân sửu 1841) đặt tên là phủ Hòa Thạnh, thuộc về tỉnh Gia Định.

Năm Tự Đức thứ 5 (nhâm tí 1852) lại bỏ phủ Hòa Thạnh, đặt tên là huyện Tân Hòa, kiêm thêm huyện Tân Thạnh thuộc tỉnh Gia Định.

(Theo quyển *Đại Nam Nhất thống chí* dịch giả Tu Trai Nguyễn Tạo, Lục tỉnh Nam Việt, tập thượng, 1959, trang 52).

▼ TRẬN TẤN CÔNG CHÙA KIỀNG-PHƯỚC.

Đến khi 17 tháng hai 1859 (1) thành Gia-Định thất-thủ do Hải-quân Trung-Tướng Rigault de Genouilly chiếm, khắp Quốc-Gia Việt-Nam đều đặt vào tình-trạng báo-động. Định là một Quản-Cơ chỉ-huy Đồn-Điền trong tỉnh Gia-Định không làm sao thoát khỏi tình trạng báo-động ấy. Thế nên sự có mặt Định ở chiến-tuyến Kỳ-Hòa cùng nhiều viên tướng khác là lẽ tất nhiên vậy. Họ đồ-mưu thiết-kế để địch-quân sống trong hồi-hộp.

« Đêm 3 rạng ngày 4 tháng 7 năm 1860 (2) ít nhứt là hai « ngàn người Việt, im-lìm rời chiến-tuyến của mình và bao vây « chùa Clochetons (Kiềng-Phước) xung-phong vào, la lớn tiếng. Súng địch-« quân bắn vào các chùa khác, và cũng vào chùa Kiềng-Phước, Pháp, « Tây-Ban-Nha và người An-Nam (3) đều hứng đạn. Người ta giết lẫn « nhau trong một giờ. Viện-binh ngoài Saigon vô làm dứt chiến cuộc ấy « Địch-quân để trên một trăm xác chết trên gạch. Binh trong chùa Kiềng-« Phước gồm có một trăm người Tây-Ban-Nha, Trung-Úy Hernandez « chỉ-huy toán ấy, và sáu chục người Pháp, do Hải-quân Trung-Úy Narac « và Gervais chỉ-huy. Từ đó trở đi, những người An-Nam không còn « có ý tấn-công chùa Kiềng-Phước nữa ; mà từ hào đôi của họ, họ đắp « một lũy song-song với phòng-tuyến của ta. Vậy thì họ bắt buộc đồn-« binh Pháp, Tây-Ban-Nha ở trong phòng tuyến và họ cấm đoán binh « ta ra đồng mé sau Ki-Hòa (4) ».

---

(1) Rằm tháng giêng kỷ mùi

(2) Đêm rằm rạng 16 tháng 5 năm Canh thân

(3) Người Việt đầu Pháp

(4) Sách *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861*, trang 35 và 36.

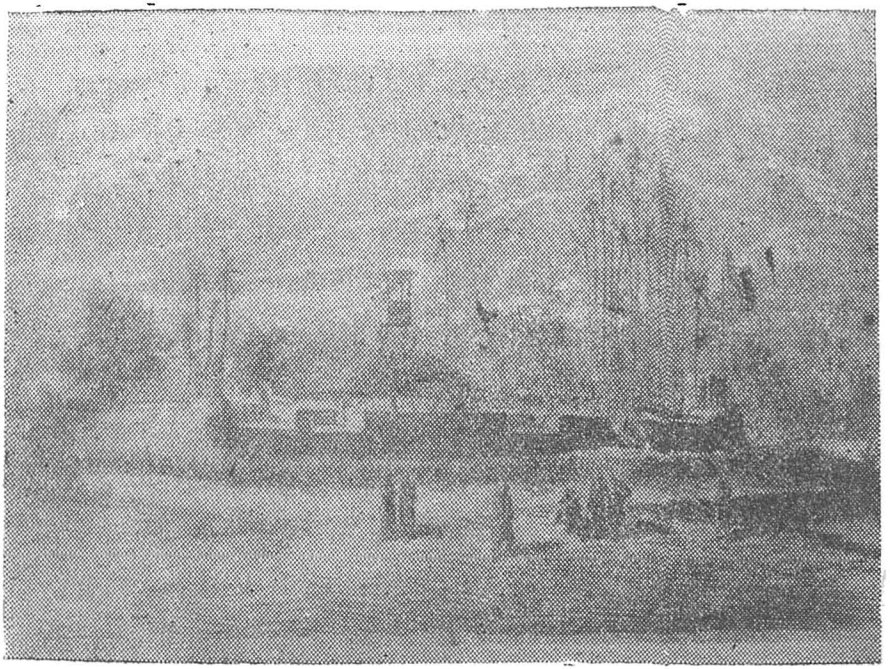

Ảnh Kiểng-Phước cổ tự.

Ngày thứ năm 28 hay là thứ sáu 29 tháng sáu 1860 (Canh-Thân) Pháp-quân và quân Tây-Ban-Nha chiếm chùa Kiểng-Phước, đóng đồn.

Đêm 3 rạng ngày 4 tháng bảy (rằm và 16 tháng năm) năm 1860, Việt-quân đánh cướp đồn nầy mà không giựt khỏi móng của vuốt địch-quân.

Quí độc-giả nhìn thấy:

Ở bình-diện thứ nhứt một nhóm bảy Pháp-quân hay là quân Tây-Ban-Nha và ở mé trái một tốp binh-sĩ khác.

Ở bình diện thứ nhì, thấy một lũy có lẽ là lũy đất và gạch, rất dày, bao bọc hết khung-cảnh chùa, ba nhà đòm ở ba góc kèm theo ba người lính gác, nhà đòm thứ tư bị lần khuất, ở hai khía răng cưa là hai súng đại-bác đưa họng đen ngòm ra ngoài và một cây thứ ba nằm dưới gốc chòm cây cau.

Ở bình-diện thứ ba và trên cao là một chòi canh.

Ở bình-diện thứ tư ba nhà chùa, một trước hai sau, trên nóc lợp ngói âm-dương, mé trái có lẽ là nóc của hai nhà bếp.— Ảnh trong sách của Taboulet trang ở giữa 470 và 471.

Chùa nầy đã bị dỡ phá hồi năm 1866 (Bính-Dần). « Truy ra vị-trí chùa nầy một phần lọt vào con đường Nguyễn-văn-Thoại, còn một phần lớn lại ở về lô đất, bông đồ mới số 20 và 23 ngang ngang lại với trường học của con gái (bông đồ 21) thường gọi « trường Bà Đầm » (ở Chợ Lớn bây giờ).— Vương-Hồng-Sển, sách *Saigon năm xưa*, trang 112.

Trận công-hãm chùa Kiểng-Phước đêm tối 03 rạng ngày 04 tháng 07 năm 1860 là do binh-lính dưới sự chỉ-huy của lãnh-binh Sất (1).

Ngày thứ tư 18 tháng 07 năm 1860, quân Việt trở lại tấn-công Pháp-quân, nhưng chẳng làm gì được chỉ kiềm-soát rất xa châu-thành vậy thôi. Việt-quân cũng bỏ cuộc phong-tỏa châu-thành (2).

▼ CUỘC ÁM-SÁT ĐẠI-ÚY BARBÉ.

Từ tháng ba năm 1859 (Kỷ-Mùi) trở đi, quân Việt cho treo giá các đầu của các quan võ Pháp.

Thế nên lối năm tháng sau trận đánh chùa Kiểng-Phước có xảy ra vụ hành-thích viên Đại-Úy Barbé.

Vụ ấy như vầy:

« Chùa Barbé (3) hay là chùa Khải-Tường lấy tên của viên Đại-« Úy lục-quân thủy-chiến trấn ở đó, bị giết chết và kẻ ám sát cắt đầu. « Một buổi chiều (4), cỡi ngựa đi tuần tối, theo thường lệ, từ chùa « Khải-Tường đến đền Hiến-Trung (pagode des Mares), tới khúc quanh « thứ nhứt, Barbé bị bọn ám-sát tấn-công, bọn nầy núp trong một lùm « rậm mà người ta chỉ ngại cho những người nào đi qua chỗ đó. Bọn

(1) Xem *Văn-Hóa Nguyệt-San* số 50, dưới đầu bài *Từ Trần-Tộc Từ đến Khải Tường-Tự* tác giả; Tân-Việt-Điểu.

(2) Ngày 01 tháng 06 năm Canh-Thân. Theo *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 19 ème année, Janvier-Mars 1932, trang 33, tạp-chí nầy đăng lại của báo *Le Mémorial d'Aix* No du Dimanche 28 Oct. 1860 page 2, colonne 1.

(3) Pallu de la Barrière không biết mặt và không biết tên Barbé. Thế nên khi viết Barbé (trang 46, dòng 9) khi viết Barbet (cũng trang ấy, dòng 20) rồi đến trang 52 dòng 23 viết Barbé. Ngoài cuối sách Pallu de la Barrière trang 350 thấy nơi sổ các người tử trận : Barbé (Nicolas Michel-Aug) Capitaine, 7 Décembre 1860 đệ-tam liên-đội lục-quân thủy-chiến.

(4) Thứ sáu 25 tháng 10 năm Canh-Thân nhằm 7 tháng chạp năm 1860 — *Văn-Hóa Nguyệt-San*, số 50, trang 366.

« ám-sát dùng giáo, Barbé té xuống ngựa khi bị mấy mũi giáo đầu tiên. « Bọn ám-sát cắt đầu liền, và bò ngang trong nhánh và trong cỏ cao « đề về chiến-tuyến cũ Kì-Hòa. Sớm mai ngày sau, người ta thấy thi-thể « của Barbé nằm trên lề đường; ngựa bị thương đứng gần bên không « cử-động. Người ta thật lại rằng, khi thủ cấp Đại-Úy đề bên mâm trầu, « lúc đầu viên tướng An-Nam không nói chi cả đếm tiền trao cho những « người ám-sát, rồi sau lại buông ra một lời tiếc. Đại-Úy Barbé to người, « có sức như lực-sĩ, và người An-Nam đều biết (1)».

Theo lời thuật của Tân-Việt-Điểu (2), Barbé sanh quán tại Prenschdorff (tỉnh Bas-Rhin, tỉnh-lỵ Strasbourg) Barbé bị quân kháng-chiến của Trương-Định lấy đầu.

« Theo Legrand de la Liraye, những đồn của Trương-Định rất « vững chắc và nếu tướng Tôn-Thất-Hiệp chịu để cho Trương-Định nhiều « sáng kiến hơn thì quân xâm-lăng rất có thể bị nhiều thất bại ».

Rồi tám mươi tám ngày sau vụ Đại-Úy Barbé trận chiến-tranh quyết-định xảy ra trong những ngày 24-25 tháng hai 1861 (3).

▼ GÒ-CÔNG BỊ TẠM CHIẾM.

Binh Việt rút lui... rồi binh Pháp tiến tới.

Ngày 12 tháng 4 năm 1861 (4), Pháp-quân chiếm cứ đồn Mỹ-Tho.

« Cuộc chiếm-cứ Mỹ-Tho đem lại hậu-quả là phải chiếm luôn « các xứ ở giữa châu-thành ấy, sông Tiền-Giang và sông Soi-Rạp ; người

---

(1) Sách đã dẫn trên phần-tổng (3) trang 52 và 53. Coi *Tấm bia lịch sử* ngoài sau cùng.

(2) Tân-Việt-Điểu dưới đầu bài *Từ Trần-Tộc-Từ đến Khải-Tường-Tự*, tạp-chí *Văn-Hóa Nguyệt-San*, số 50, tháng 5 năm 1960, trang 364.

(3) Chúa nhật 15 và thứ hai 16 tháng giêng năm Tân-Dậu.

(4) Chúa nhật mồng 03 tháng 3 năm Tân-Dậu.

Theo *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 19 ème Année, No 1, Janvier-Mars 1932, *À la suite de Lamiral Charner*, trang 90, dòng 18 tới 33.

« ta thiết-lập liền tay những đồn lính Pháp ở Gia-Thạnh (1), ở Chợ « Gạo và ở Gò-Công (2).

Như vậy Gò-Công thất-thủ lần đầu từ 15 đến 20-4-1861 (3).

Gò-Công là một thánh-địa của giòng vua, vì nơi đó có mồ-mả tổ-tiên bên ngoại vua Tự-Đức.

« Phía biển, hướng Tây-Bắc và hướng Đông-Nam của Gò-Công « người ta thấy một giẫy những thôn xã nhỏ : những xã Đồn-Điền, « những thôn thường, các xã thôn nầy thường hay gây gổ nhau... »

« Ở mé mặt Gò-Công, khi ngó ngay sông Cửu-Long, một con rạch « từ Gò-Công chảy vào sông lớn và sông Vàm-Cỏ (4) : ấy là Rạch-Lá.

---

(1) Phủ Tân-An, vị-trí lối vòng thứ nhì của Vàm-Cỏ Tây bắt từ hợp-lưu hai Vàm-Cỏ đi lên.

(2) Sách *Les premières années de la Cochinchine*, tác-giả : Paulin Vial, trang 114, dòng 5 tới 8.

(3) Thứ hai mồng 06 tháng ba tới thứ bảy 11 tháng ba năm Tân-Dậu. *Nỗi lòng Đồ-Chiểu*, nơi trang 24, ghi 14-12-1861, không biết tác-giả thấy trong sách nào mà nói như thế.

(4) Trên địa-đồ tạm xứ Nam-Kỳ, vẽ tại Saigon 1859-1863 đính sau sách *Onze mois de sous préfecture en Basse-Cochinchine*, tác-giả : Đại-Úy Lucien de Grammont, Paris, Challamel-Ainé Librairie-Editeur, 30 rue des Boulangers, 1863 (do Viện Khảo-Cổ tàng trữ). Rạch-Lá là Rạch-Tra bây giờ gọi theo địa-đồ Hành-Chánh Nam-Phần năm 1960), Rạch-Lá là tên từ sông Vàm-Cỏ đi lên tới một rạch chắn ngang (không có tên) rồi từ chỗ ấy lên nữa gọi là Rạch-Tram (không dấu).

Rạch-Lá có một chi-lưu bên bờ hữu và gần ngã ba ra Đại-Vàm-Cỏ : ấy là Rạch Gò-công. Rồi Đại-Vàm-Cỏ mới đổ ra sông Soi-Rạp. Vậy, Rạch Gò-Công là nhánh của Rạch-Lá, Rạch-Lá nhánh sông Đại-Vàm-Cỏ.

« Một chiếc tàu chiến nhỏ (1) L'Amphitrite đi trên rạch ấy và đậu cách « quận ba dặm, trước một xã lớn tên gọi là Tân-Hoa. Viên quận nhậm- « chức dưới sự che chở của một tiểu-đội hai mươi lăm người thủy- « quân lục-chiến do một sĩ-quan hậu-tuyển chỉ-huy. Quận nầy cũng hệt « như các quận An-Nam khác, có một công trường lớn và một chợ, đường « hẹp để nối liền chợ và công trường ; một chùa (2) mà hồi nầy phải « trở thành đồn lính (3) ».

« Kịp đến thượng-tuần tháng 6 năm 1861, đồng-thời với toàn- « quyền phái-viên của Hoàng-Đế ở Huế, vị nầy đang viết bức thư thứ « tư cho Tổng-hành-dinh quân-đội viễn-chinh Pháp một người An-Nam « táo-bạo, cương-quyết và có dõng-lực, danh là Định, ra mắt viên sứ-thần « ở Biên-Hòa và hứa sẽ làm cho sôi nổi trong xứ ».

---

(1) *Lorchas.*— Ấy là những tàu hay ghe chài bồn-xứ, người ta cho đậu trong nhiều rạch để tăng sự canh-phòng, và thay cho pháo-hạm ; thủy-thủ-đoàn là Pháp-quân, một sinh-viên hải-quân hay là tới một Trung-Úy chỉ-huy tàu ấy ; người ta cho thủy-thủ, đoàn gồm cả lính Tagals (lính Phi-Luật-Tân hay là hồi 1861 gọi là lính Ma-Ni) các lính nầy trở nên thủy-binh ưu-tú, và lính bồn-xứ kiểm-soát chung quanh chiếc tàu. Người ta lợp mui lá hay là chiếu, ấy là những đồn nổi không hơn không kém. *L'Amphytrite* ở làu ngày trước Gò-Công và Gia-Thạnh, và tiểu-hạm *l'Espérance* (a) ở Vàm Nhựt-Tảo. Những tàu ấy cũng giúp ích nhiều lắm, và nhứt là đỡ cho pháo-hạm. Nhưng, người ta nhận-định ra cũng có một mối tệ hại. Sự khó xoay xở đưa nó vào một tình thế bất-lợi, nhưng cái bất-lợi ấy được đền bù vào bởi những chiếc ghe nhỏ túa ra canh chừng và những người An-Nam do-thám.

(a) Chiếc nầy bị đốt ngày 10-12-1861 (thứ ba mồng 09 tháng 11 năm Tân-Dậu) do Nguyễn-Trung-Trực.

Theo sách *Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine*, trang 116, dòng thứ 10 đến thứ 25.

(2) Dịch tiếng *pagode*, nhưng ở đây có lẽ là đình.

(3) Đoạn từ *Phía biển... tới đồn lính* là dịch sách *Histoire de l'Expédition de la Cochinchine...* của Pallu, trang 218.

« Hai viên dưới tay Định là hai viên chỉ-huy phó đã lên Biên-
« Hòa hồi tháng ba để hai người vợ lại Gò-Công. Cuộc nổi dậy được
« tổ-chức mau lẹ, và vài ngày sau viên ấy nhóm được 600 người võ-
« trang, gồm có 200 người đồn-điền, 200 người binh chánh-quy tản-mát
« bởi thua trận đánh Ki-Hòa, và 200 người lính vệ tuyển trong hàng
« ngũ bà con vua và những người bạn của bà con vua (1) ».

Theo *Đại-Nam chánh-biên liệt-truyện* thì : Định chiêu-tập sáu ngàn tráng-đinh, kiêm quản cả cánh thân-hào và các đầu-mục, xếp thành mười tám cơ. »

Vài gián-điệp có cho hay trước là binh ấy sẽ đánh phá Pháp-quân.

Hồi bấy giờ Vial — tháng hai 1861 là hải-quân trung-úy ở dưới tàu Le Wéser (2) — làm Giám-Đốc bổn-xứ sự vụ cai-trị Gò-Công (3).

« Vial thức suốt đêm 21 rạng 22-6-1861 (4). Vừa bình-minh, tiếng
« chiêng và tiếng trống đánh rầm lên. Người An-Nam vũ-trang bằng độc
« tiến tới. Bên Pháp nổ súng. Vial với 10 lính thủy chạy đến, bên An-
« Nam dừng lại tạm-thời, Vial thối lùi mau về công-trường chợ, vì Vial
« thấy lối tiến mình đã bị chận. Việc giựt lùi đúng lúc, vì địch-quân lố
« dạng ở đầu đường. Bên Pháp nhả đạn ra, trúng đích vào những người
« đi đầu, nhưng những người khác tiếp-tục tiến, phải bắn ngã. Đến
« một lúc mười quân Pháp phải xáp lá cà. Tên thủy-quân lục-chiến

---

(1) Sách *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* của Léopold Pallu de la Barrière, nhà xuất-bản: Berger-Levrault, Paris, Nancy, 1888, trang 218-219.

(2) Cũng sách đã dẫn trang 257.

(3) Theo *B.A.V. Huế*, 19ème année No 1 Janv. — Mars 1932, trang 70, dòng thứ 9, 10, 11 và 12 thì : *... người ta đã bổ dụng phủ (préfets) và huyện (sous-préfets) cho các tỉnh : ngoài số tiền lương đã lãnh mỗi tháng còn nhận mỗi ngày 40 phật-lăng cho viên phủ, 30 phật-lăng cho huyện. Những Trang-Ủy hạm-đội, Trang-Ủy hải-quân, Ủy-viên nhậm những chức ấy.*

(4) Thứ sáu rạng thứ bảy 14 và rằm tháng 05 năm Tân-Dậu

« Bodiez ở trong một ngôi chùa thấy Vial đang lâm nguy, bay đến giải vây. « Bodiez tự choàn qua mình của Vial và bị đâm liền chưa kịp bắn phát « nào. Vial bị hai mũi độc và trên mắt một vệt phòng lên do mào đạn.

« Mười bốn thây nằm trong gạch trong đó có huyện Toại (1). Trước « Pháp chiếm, huyện Toại cai trị huyện Tân-Hòa.

« Bên Pháp, một người bị giết và một bị thương ».

Ngày sau (ngày 23-6-1861) quản Định với lính đồn-điền (2) công-kích Gò-Công nữa. Nhưng một phát đại-bác khiến Định rút lui (?).

Ngày 24-6-1861, Pháp-quân đến tiếp trợ; hải-quân Trung-Tá Lebris với hải-phòng-hạm Duchayla đậu ở cửa Rạch-Lá, Lebris đổ bộ lên địa-phương ấy và giải-tán những lũ người (3).

Trương-Định và tất cả nghĩa-dõng-quân không bằng lòng cho dân Việt-Nam cộng-sự với Pháp, vì như thế là ngấm-ngầm đầu hàng, và cũng như thế là Định bị cô-lập rồi.

▼ TRƯƠNG ĐỊNH TỔ CHỨC TẤN CÔNG PHÁP QUÂN, THANH TOÁN CÁC TAY SAI CỦA PHÁP.

« Định có một người bạn cũ tên bá-hộ Huy nhận chịu làm chức « Cai-tổng (4) với Pháp, lúc nầy Huy có trú-sở nơi Đồng-Sơn (5) gần tàu

---

(1) Huyện Toại là quan văn mà lại xung-phong trong đạo binh nầy.

(2) Sách *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* trang 301, dòng 30 có viết: *mais après la prise d'armes contre Gò Công et les événements qui en furent la suite ces colons (Đồn-Điền) furent dissous par un arrêté rendu le 22-8-1861 nhưng sau khi phản công Gò Công và các biến cố sau ấy, lính Đồn điền bị giải-tán bởi nghị-định ngày 22-8-1861.* Như vậy có lính Đồn-điền trá hàng và có lính đồn-điền trong vụ tấn-công nầy.

(3) Dịch *les bandes*, trang trên đây ở sách *Histoire de l'Expédition...* trang 220.

(4) Viên tổng nầy muốn bảo-vệ tài-sản của mình, mới chịu ra làm cai-tổng.

(5) Đồng-Sơn nay còn thấy trên *Địa-đồ Hành-Chánh Nam-Phần* Đông giáp làng Bình-Phú-Đông và Thạnh-Trị, Tây giáp Bình-Phục-Nhứt và Bình-Phục-Nhì, Bắc giáp sông Tra, và Nam giáp Vĩnh-Bình.

« chiến của chúng ta, Huy trù-định nộp Định cho chúng ta. Huy bị một « tên ở mướn tâm-phúc phản-bội, hành-động nầy ít thấy ở người An- « Nam, Huy trao cho người ấy một bức thơ bảo đem đến một Sĩ-quan « Pháp trong ấy chỉ chỗ ở của Quản Định. Người ở bất-trung-thành này đem « thơ cho Định. Tức thời, Định đi Đồng-Sơn và bắt Huy liền; thấy « mình bị siết chặt vì Pháp-quân, Định chạy ngang qua một đồng ruộng, « bỏ lại thi-thể không đầu của Huy (1) ».

Một gương khác cũng về vấn-đề bất-hợp-tác với Pháp:

« Quản Định tư thơ hăm-dọa viên xã-trưởng ở làng Gò-Công vì « viên nầy còn tiếp-tục làm nhiệm-vụ mình khi người Pháp đến cai-trị. Viên « xã khiếp sợ hiến cho Định tất cả tài-sản coi Định có xiêu lòng. Sau « cùng, viên xã phải đi qui-phục Định, nhưng Định cũng hạ sát viên « xã ấy (2) ».

Quân-sự đã thất-thế, thì chánh-trị yếu kém luôn.

Dẫu có dùng nghiêm-hình đến đâu, cũng làm cho con người khủng-khiếp mà không làm cho lòng người gắn chặt về hướng mình.

Xưa nay người ta thường thấy vậy và dân-chúng nào cũng có bản tánh cầu an.

Lợi-dụng nhược-điểm của Chánh-Phủ Huế mà Định làm đại-diện ở Gò-Công, Pháp ra dáng hiền lành, vỗ về dân-chúng, tất cả quyến rũ lần-lần dân-chúng về bên Pháp.

Ngày 29 tháng 09 năm 1861 (3), Pháp-quân truy tầm rất gắt những người đã giết viên xã trưởng, nhưng công dã-tràng (4).

---

(1) Dịch trong sách *Les premières années de la Cochinchine* : quyển I, trang 115, từ dòng 15 tới 27.

(2) Dịch sách *Les premières années*..., trang 116, dòng 15 tới 21.

(3) Chúa nhật 25 tháng 8 năm Tân-Dậu.

(4) Theo sách *Abrégé de l'Histoire d'Annam*, tác-giả A. Schreiner trang 215.

▼ VIỆT QUÂN LÀM CHỦ GÒ-CÔNG.

Ngày 14 tháng chạp 1861 (1) Gò-Công bị công-kích. Viên quan cai-trị Gò-Công, hồi bấy giờ là d'Arfeuille (2).

Ngày 30 tháng chạp 1861 (3), Charner trao quyền lại cho hải-quân Thiếu-Tướng Bonard (4) mà về Pháp.

Tuy chiếm, nhưng Pháp chưa trị được. Lực-lượng của Pháp mỏng, vì hồi tháng hai có đệ-nhị lục-quân và đệ-nhị đại-đội của 101 chiến tuyến với vài chiếc tàu đều hồi về Pháp-quốc (5).

Lẽ tất nhiên, Pháp-quân phải rút đi khỏi các đồn nhỏ lẻ-tẻ, để củng-cố các pháo lũy quan-trọng và các cứ-điểm. Một mục-phiêu chánh, mà chưa tiện bày tỏ ra lúc bấy giờ, là binh Pháp dự-tính tấn-công và chiếm giữ thành-trì Vĩnh-Long để làm tin, hầu dễ bề thương-thuyết.

Thật vậy, Pháp-quân dưới quyền chỉ-huy của Bonard xua lực-lượng chiếm lần thứ nhứt thành Vĩnh-Long ngày 23 tháng ba năm 1862 (6), nhưng rồi trả lại cho triều đình Huế ngày 25 tháng 5 năm 1863 (7), tái-chiếm thành nầy lúc 7 giờ rưỡi ngày 20 tháng 6 năm 1867 (8).

---

(1) Ngày thứ bảy 13 tháng 11 năm Tân-Dậu.

(2) Theo sách của Schreiner trang 224.

(3) Chúa nhật 29 tháng 11 năm Tân-Dậu.

(4) Theo *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 19 ème année No 1,Janvier-Mars 1932 thì nơi trang 110 dòng 31, trang 113 dòng 17, trang 114 dòng 6, trang 115 dòng 16, trang 120 dòng 2 đều viết là Bonnard với hai chữ n, còn Paulin Vial, viết một chữ n thôi. Tôi nghiêng theo Vial vì Vial làm phó quan, lẽ thì thạo hơn.

(5) Theo sách của Schreiner trang 232.

(6) Chúa nhựt 23 tháng hai năm Nhâm-Tuất.

(7) Thứ hai mồng 08 tháng tư năm Quí-Hợi.

(8) Thứ năm 19 tháng 05 năm Đinh-Mão.

Bây giờ, chúng ta trở về Gò-Công của chúng ta. « Ngày 01 tháng « 03 năm 1862 (1), hải-quân Thiếu-Tướng Bonard truyền cho các đồn « Gò-Công, Chợ-Gạo, Gia-Thạnh và Cái-Bè đều đi hết, và Bonard rút các « sĩ-quan đã cai trị huyện Cần-Giộc (Phước-Lộc) Tân-An và Tân-Hòa. Một « viên huyện An-Nam bổ-nhậm ở Cần-Giộc dưới sự bảo-hộ của một chiếc « tàu Pháp ; những các viên huyện thiên-bổ ở Tân-An và Gò-Công không « ở tại hai huyện-lỵ được, vì lẽ hai huyện ấy đã bị chiếm do binh-lực « phiến-loạn (2). Cuộc di-chuyển khỏi các trung-tâm cai-trị ấy, dưới mắt « của dân-chúng, chúng ta hết còn sở-hữu-quyền về luật-pháp và thật-tế « của xứ nầy » (3).

Dân-chúng, nhứt là những nhà có ăn, phần nhiều ở chung-quanh chợ Gò-Công, đều cộng-tác không nhiều thời ít với Chánh-Phủ Pháp. Thế nên khi nghe được tin quân Pháp rút đi họ lật-đật kiếm ghe thuyền đi theo.

« Bốn trăm sáu mươi người (trong số 600 người) xuống thuyền « đi lên ẩn trú ở Saigon 1863 »... (4)

« Lúc Pháp-binh đóng Gò-Công, Định không làm chi được; bây « giờ Quản-Định làm chủ, nên cho lịnh phá các nhà của những kẻ thân « Pháp, hủy các chùa chiền vì nơi đó binh Pháp đã đóng và cho kiến-« tạo thật chắc-chắn một đồn nhỏ » (5).

E Pháp-quân đóng lại, các người cộng-tác hồi nầy trở nên những người thù vô cùng nguy-hiểm trong tương-lai, Định thanh toán họ, nhứt là chức việc đã cộng-sự với Pháp và các gia-đình trung-thành với Pháp.

Lẽ tự-nhiên, các cấp chỉ-huy nghĩa-dõng-quân đều ra mặt, đóng quân các điểm hệ-trọng, tuyển-mộ thêm tân-binh, đánh thuế lưu-thông và tiên-đoán với dân chúng rằng binh Pháp sẽ rút khỏi xứ (6).

---

(1) Thứ bảy mồng 01 tháng 02 năm Nhâm-tuất.

(2) Giọng văn của người đi xâm-chiếm.

(3) Trích dịch sách *Les premières années de la Cochinchine* của P. Vial, quyển 1, trang 141, từ dòng 10 đến dòng 22.

(4) Theo sách *Les premieres années de la Cochinchine* của P. Vial, quyển 1, trang 142, dòng 6 tới 8,

(5) và (6) Theo sách *Les premières années de la Cochinchine* của P. Vial, quyển I, trang 142.

▼ TRIỀU ĐÌNH HUẾ KÝ HÒA-ƯỚC 1862.

Ngày 16 tháng 05 năm 1862, một chiếu-chỉ của nhà Vua hạ xuống cử Phan-Thanh-Giản làm toàn quyền phái-viên và Lâm-Duy-Hiệp làm phó để thương-thảo hòa-bình.

Sau đây là bức thơ phong chức ấy:

Chiếu chỉ ngày 16 tháng 05 năm 1862

(tài-liệu do gia-quyến Phan-Thanh-Giản đưa ra)

(tài-liệu số B3)

Chiếu-chỉ hạ cho Phan-Thanh-Giản, Hiệp-biện Đại-học-sĩ kiêm Lễ-Bộ Thượng-Thơ kiêm Hộ-Bộ Thượng-Thơ, Quốc-Sử-Quán tổng-tài và Quốc-Sử-Giám tổng-tài.

Trẫm vừa mới nhận được của Giám-đốc Sở Thương-Thuyền một giác-thơ ngoại-giao như sau đây:

« Hải-quân thượng-tướng Bonard, Tổng Tư-Lịnh, đặc-sứ toàn-quyền « của xứ Đại-Phú Lang-Sa (1) đã phái một mật-sứ đem cho Trẫm một « bức thơ, yêu-cầu gởi một toàn-quyền phái viên đến Saigon để dự cuộc « hội-nghị hòa-bình. Từ ngày hai đạo-binh của hai nước chiến-chinh chống « nhau, lính tráng và dân-chúng rất khổ sở. Khi đệ lên cho Trẫm bức « thơ về cuộc hòa-đàm, hải-quân thượng tướng biểu lộ thiện-ý ngưng « chiến và đỡ khổ chúng dân.

« Vậy Trẫm bổ-nhậm khanh đệ-nhứt phái-viên trong cuộc hội- « nghị hòa-bình và Trẫm sẽ cho Lâm-Duy-Hiệp, Binh-bộ thượng-thơ, « phó Giám-Đốc thủy-vụ ở đế-đô, làm phó Phái-viên.

« Với tư-cách toàn-quyền phái-viên, các khanh sẽ xuống chiếc ghe « có võ đồng (2) với các thân-hào, các sĩ-quan, binh lính và phu để « đi phó-hội. Về các cuộc đàm-phán hòa-bình và các điều-khoản để đi

(1) Kêu theo hồi Nhâm-Tuất 1862.

(2) Ghe ấy tên là Thoại-Nhạc (loài điêu tưởng tượng mang điềm lành).

« đến kết-thúc hòa-ước, hai khanh hãy hành-động rất cẩn-thận, hầu có ngưng « chiến càng sớm càng tốt, để làm đầy đủ sứ-mạng của Trẫm giao phó « cho.

« Hãy kính lịnh nầy.

Tự-Đức, năm thứ 15, tháng 4, ngày 18 »
(16-5-1862)
Ấn-tín đề bổ-nhậm (2)

Ngày 05 tháng sáu 1862, toàn-quyền phái-viên Phan-Thanh-Giản và Lâm-Duy-Hiệp ký hòa-ước bất-bình-đẳng, gồm 12 điều khoản, nhưng có những điều khoản thứ 3, thứ 8, thứ 10 và thứ 11 là hệ trọng vì thứ 11 là điều nói đến nghĩa quân. Đây là năm điều khoản trích trong hòa-ước:

Điều-khoản 3.— Ba tỉnh trọn vẹn Biên-Hòa, Gia-Định và Định-Tường (Mỹ-Tho) (3) và đảo Côn-Nôn, đều nhượng đứt hoàn-toàn cho Hoàng-Đế của người Phú-Lang-Sa bởi hiệp-ước nầy. Vả lại, người Phú-Lang-Sa làm thương-mại và lưu thông trên các sông Cửu-Long và chi-lưu của sông ấy bằng tất cả các loại tàu; những tàu chiến Phú-Lang-Sa sai đi giám-thị trên sông ấy hoặc là chi-lưu của nó cũng sẽ lưu thông luôn.

. . . . . .

. . . . . .

(2) Trích trong sách *Phan-Thanh-Giản 1796-1867 et sa famille d'après quelques documents annamites, recueillis,* traduits et annotés par Pierre Daudin en collaboration avec Lê-văn-Phúc, Saigon, Imprimerie de l'Union Nguyễn-văn-Của, 57 rue Lucien Mossard, 1941, pp. 61-62.

(3) Theo bài *Le rapport de Phan-Thanh-Giản et de Lâm-Duy-Hiệp sur leur mission à Saigon, auprès de l'amiral Bonard et Palanca* trong tạp-chí *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 1918, số 4, trang 224 và 225 thì vầy

« Những điều-kiện nầy, mặc dầu tập-trung lại trong 8 điều-khoản — « từ hồi mới khởi đầu tới đây các điều-khoản khác nhau dài dặc và rườm « rà — đều có mục-đích chính-yếu là nhường lại LỤC-TỈNH và bồi khoản to- « tát là năm triệu đồng ».

Cụ Phan nói với Giám-Đốc Hà-Bá-Lý (a) và viên thông-dịch quốc-tịch Hoa-Kiều Lý-Liên-Phương rằng :

« Theo dõi ý-kiến trong bản văn nầy, hình như là các vị soái chưa « có ý muốn hòa-bình ; Vì vậy nên các vị bắt buộc gắt-gao quá. Muốn cho « hòa-bình được vĩnh-viễn, nền hòa-bình ấy phải công-bình, đừng để một « bên khô héo, còn bên khác xanh tươi đầy sự sống. Hỏi có ai chấp nhận « sự hòa-bình của quí ngài tướng soái. Mời ông hãy về dinh và bẩm lại « với quí vị soái gia, yêu-cầu sửa đổi lại các điều-khoản trong hòa-ước, « làm thế nào cho ba quốc-gia khỏi nhục thể-thống và hai bên sẽ có lợi « cả. Tôi rất mang ơn Ông vậy ».

« Hà-Bá-Lý trả lời : Sự quyết-định của hai soái-gia tôi đã ra rồi. « thảo-luận nữa không đem lại kết-qnả ».

Rồi từ mồng ba tháng năm (b) tới mồng sáu tháng năm (c) năm NhâmTuất, cụ Giản thương thảo với Hà-Bá-Lý. Cuối cùng ngã ngũ như sau đây :

« Từ đây sắp đi cốt-yếu là (bên Việt) nhường lại bốn tỉnh thay vì « sáu tỉnh, giảm giá bốn triệu thay vì năm. Ông Hà-Bá-Lý cho chúng thần « biết rằng các vị soái đã xóa bỏ những đòi hỏi quá mức nếu hai thần, « muốn hòa-bình, hai thần khỏi phải nhọc công thảo-luận gì nữa. Xét vì, « giữa hiện-trạng, đem các điều-khoản ra mà bàn cãi thì e bất nhã, một « lần chót, chúng thần mời viên Giám-Đốc (d) tường-thuật lại cuộc nghị- « luận giữa hai thần và Ông cho hai vị soái rõ. Nhơn danh của các vị « ấy Ông Hà-Bá-Lý sử-dụng ngôn-ngữ như sau : « Ba quốc-gia sẽ kết chặt « tình giao-hảo ; trong mục-đích ấy, tôi không thấy có chi trở ngại mà hai « quốc-gia sẽ giao trả tỉnh Vĩnh-Long và những hòn Phú-Quốc. Để đối-tỷ, « Ông đưa ra mười hai phụ-khoản để hai thần cùng bàn-luận ».

(a) và (d) Gabriel Aubaret.

(b) thứ sáu 30 Mai 1862.

(c) thứ hai 02 Juin 1862.

Điều-khoản 8.— Về ngân-khoản bồi thường, trong một thời-gian là mười năm, nhà Vua An-Nam sẽ phải trả một số tiền là bốn triệu Mỹ-Kim (1). Do đó, mỗi năm, nhà Vua sẽ trả cho người đại-diện Hoàng-Đế của Pháp ở Saigon bốn trăm ngàn Mỹ-Kim. Số tiền nầy để bồi thường cho nước Pháp và Tây-Ban-Nha về chi-phí chiến-tranh. Một trăm ngàn quan (2) trả rồi sẽ khấu-trừ vào số tiền nầy. Quốc-Gia An-Nam không có lưu-hành đồng Mỹ-Kim, một đồng Mỹ-Kim sẽ thay thế bằng bảy mười hai phần trăm một lượng (3).

Điều-khoản 10.— Nhơn-dân ba tỉnh Vĩnh-Long, An-Giang và Hà-Tiên sẽ được tự-do đi lại để thương-mại với ba tỉnh Phú-Lang-Sa (4) với điều-kiện là phải theo luật-pháp hiện-hành ; nhưng những đoàn binh, võ-khí, đạn-dược hay quân-lương cấp cho ba tỉnh kể trên sẽ phải chở-chuyên bằng đường biển. Nhưng Hoàng-Đế của người Phú-Lang-Sa cho phép những đoàn ghe tàu vào sông Cửu-Long nơi vô Mỹ-Tho tục là Cửa Tiểu (5), với điều-kiện là mỗi lần nhà chức-trách An-Nam cho người

(1) Dịch tiếng *Dollar*, bạc con ó của Hoa-Kỳ trước kia :

(2) Dịch tiếng *Ligature* là một xâu tiền. Thời bấy giờ một xâu tiền bằng giá-trị một Phật-Lăng.

(3) Lương-bạc.

(4) Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Tường.

(5) Theo quyển *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* tác giả Léopol Pallu, Paris, Librairie L. Hachette et Cie, 77, Boulevard Saint-Germain, 1864, trang không số (tức là bên trái trang 1), có tấm địa-đồ xứ Nam-kỳ tùy theo công tác thi-hành (d'après les travaux éxécutés) năm 1859, 1860, 1861, 1862 (do Viện Khảo-Cổ Saigon tàng trữ) thì hồi 1862 biên-giới tỉnh Định-Tường như vầy :

Đông, từ ngã ba Bảo-Định-Hà (arroyo de la Poste) với sông Vũng-Gù (Vaico occidental) chạy giọc theo bờ bên mặt Bảo-Định-Hà tới lối nửa sông nầy (theo bề dài) chạy tách ra gồm Chợ-Gạo xuống tới sông Cửa Tiểu (lối Vàm Giồng gọi theo bây giờ) ra biển, Cửa Đại và Cửa Bà-Lai ;

Nam, từ Cửa Ba-Lai chạy lên theo bờ bên trái sông Ba-Lai tới đò Mỹ-Thuận bây giờ (hồi 1862 gọi là gì không biên trong địa-đồ) ;

Tây, từ bến đò Mỹ-Thuận lên đến Hồng-Ngự bây giờ (hồi 1862 biên trong địa-đồ là Bouthan) bờ bên trái sông Tiền-Giang.

Bắc, từ trên (Bouthan) Hồng-Ngự chạy dài theo địa-giới Vương-quốc Cam-Bốt đến nguồn sông Vũng-Gù, từ đó chạy theo bờ mặt sông nầy tới ngả ba sông nầy với Bảo-Định-Hà.

Như vậy ghe tàu của Việt vào Cửa Tiểu là vào tỉnh Định-Tường đã nhường cho Pháp.

đại-diện của Hoàng-Đế hay trước, người nầy sẽ trao cho một giấy thông-hành. Nếu sơ-suất thủ-tục ấy và một đoàn ghe tàu vô cửa sông không thông-hành, thì đoàn ghe tàu ấy và tất cả những cái gì của đoàn đều bị bắt hết, những đồ vật tịch-thâu được đều bị hủy hoại.

Điều-khoản 11.— Vĩnh-Long-thành sẽ bị binh Phú-Lang-Sa giữ lại tới chừng nào có lịnh mới, nhưng không cản trở một chút nào sự làm việc của các quan An-Nam. Thành nầy sẽ được trả lại cho Vua An-Nam, sau khi Vua nầy bảo sự dấy loạn chấm dứt, sự dấy loạn do mạng-lịnh của nhà Vua ở trong tỉnh Gia-Định và Định-Tường và khi nào những kẻ đứng đầu các cuộc khởi dậy ấy sẽ đi khỏi và xứ sở có an-ninh và quy-thuận như phải có trong một xứ hòa-bình.

Điều-khoản 12.— Hòa-ước nầy ký-kết giữa ba quốc-gia, và các toàn-quyền phái-viên của ba quốc-gia ấy ký tên và đóng dấu, mỗi toàn-quyền phái-viên sẽ trình bày cho Quốc-Vương mình rõ, và, khởi sự từ ngày ký tên cho đến khoảng một năm sau ba Quốc-Vương xem xét và phê-chuẩn hiệp-ước nầy, sự trao đổi cuộc phê-chuẩn sẽ xảy ra trong thủ-đô Vương-Quốc An-Nam.

Để làm bằng, các toàn-quyền phái-viên của mỗi Quốc-gia đã thủ-ký trên tờ hòa-ước hiện-hữu và đã đóng dấu.

Saigon, năm 1862, ngày 5 Juin.
Tự-Đức, năm thứ mười lăm, tháng năm ngày mồng chín.

Bonard — Carlos Palanca Gutierres

con dấu và chữ ký của
những toàn-quyền phái-viên An-Nam (1)

Giới kháng-chiến lên tiếng phản-kháng nhứt là điều-khoản thứ 11.

Tán thành, phản-đối là quyền dân-chúng, cụ Phan thay mặt triều-đình Huế, người đốt đuốc dẫn đạo, sáng-suốt hơn dân-chúng, chủ-trương mềm dẻo và hợp-tác với Pháp.

---

(1) Bốn điều-khoản trong hòa-ước trên đây là trích-dịch trong sách *Abrégé de l'Histoire d'Annam* của A. Schreiner trang 444, 445 và 446.

Người đi Long-Hồ (1), ở làng đối diện với thành-trì Vĩnh-Long, và kết chặt mối giao-hảo với Pháp.

Lúc nầy thế nào cũng có cáo-thị của nghĩa-dõng-quân, thơ từ gởi đến cho nhà cầm-quyền Pháp, hiềm vì tạp-chí. *Revue du Monde Colonial, asiatique et américain* không đăng những bức phản-kháng thơ ấy mà chỉ nói tóm tắt thôi. Thế nên chúng ta không thể nào tin trọn vào tạp-chí kia, lại trong đấy chứa nhiều thiên-kiến nghiêng về phía Pháp.

« Phần lớn những đại-lý trong các bức thư ấy như vầy : Trào-« Đình Huế muốn giữ hòa-bình và muốn chứng thật sự ấy, Trào-Đình « không những muốn trả tiền bồi-khoản trong kỳ lục-cá-nguyệt mà trả « luôn trong năm ; nhưng Trào-Đình-Huế nghĩ rằng, Phan-Thanh-Giản « một phần và hải-quân trung-tướng phần khác cả hai đều đi quá quyền « hạn của hai Vua đã thừa nhận khi nói chuyện về nhượng-địa cho « Phú-Lang-Sa ; Hoàng-Đế của ta hết sức ưng-thuận cho người Phú-Lang-« Sa sanh cơ lập-nghiệp ở đất Nam-kỳ, nhưng sự nhượng-địa cho Phú-« Lang-Sa là chuyện tuyệt đối không thể có, Hoàng-Đế của ta không « thuận theo vậy.

« Như thế là phải khởi sự thảo-luận lại.

« Bức thơ nầy đến với hải-quân trung-tướng trong lúc cuộc khởi « dấy xảy ra (2). Về phần Phan-Thanh-Giản cho phát ra những bản hịch « (3) trong đó cụ tiên-tri sự thắng-trận của người An-Nam trên khắp

---

(1) Sau khi ký-kết hòa-ước, Tự-Đức quở trách cụ Giản và bổ-nhiệm cụ làm tổng-đốc Vĩnh-Long để điều-đình với Pháp hầu chuộc ba tỉnh miền Đông và chuộc lỗi lầm của cụ. Cuộc điều-đình không thành cụ bị bãi-chức nhưng vẫn còn nhiệm-vụ. Hồi bấy giờ lối nửa tháng sáu năm 1862. Trong *B.S.E.I.* 2 ème trimestre 1941 không nói đích xác là ngày tháng nào.

(2) Có lẽ kể từ tháng tám năm 1862 tính tới. Sách *Onze mois de sous préfecture...* trang 388.

(3) Không lẽ cụ Giản là người đại-diện cho tất cả dân Việt lại thuộc về phái chủ-hòa mà xuần-động như thế.

Ở xa vạn dặm, đường sá cách sông biển, làm gì tạp-chí nầy không nghe theo những người Pháp có ý-định xâm-chiếm xứ Việt vẽ rắn thêm chơn, để người chánh-quốc tưởng người nào cũng đê tiện, man trá hết.

mọi vị-trí của xứ, người Phú-Lang-Sa sẽ bị bầm nhỏ ra như thịt làm dồi (1).

Cụ Giản biết Việt-quân kém sút mọi mặt, và thấy viễn ảnh của Pháp là muốn cho Việt nhường hết sáu tỉnh (như ta đã thấy khi thương-thảo trước lúc ký Hòa-ước). Nếu cụ không khéo dàn xếp cho hòa-bình chóng vãn hồi thì có thể Pháp-quân xin viện-binh thêm và một sớm một chiều, xua quân chiếm-cứ ngay; nếu cụ khéo lèo lái rất có thể Việt-đình chỉ nhường ba tỉnh thì chấm dứt. Như Anh đối với Hương-Cảng, đối với Tinh-Châu (Singapour), đối với Aden, đối với Gibraltar, Pháp cũng chiếm Biên-Hòa. Gia-Định, Định Tường thôi.

Thế nên cụ Giản lo tiện góc cạnh cho tròn.

▼ SAU HÒA ƯỚC 1862 TRƯƠNG ĐỊNH TIẾP TỤC KHÁNG PHÁP.

Cụ khuyên hải-quân Thiếu-Tướng Bonard đừng nóng tánh vội để tránh cuộc đổ máu vô ích, cụ sẽ can-thiệp với nghĩa quân để họ trở về với lẽ phải, hạ khí-giới và giao cho các phủ huyện của Chánh Phủ Pháp.

Quản Định tư thơ cho hải-quân Thiếu-Tướng Bonard nói rằng «các thuộc hạ của Ông có sự nhờm gớm lột võ khí trao tay, cho công chức ngoại-quốc» (2).

---

(1) Trích dịch bài *La France en Cochinchine* tạp-chí *Revue de Monde Colonial, asiatique et américain*, organe politique des deux mondes publié sous la direction de M. A.Noirot, 6 année, 2ème série, No 4, Tome XIè — Avril-1864, Paris, 3 rue Christine, trang 394.

Chuyện xảy ra từ tháng 06 năm 1862 đến tháng 04 năm 1864 mới đăng lên báo, rồi báo ấy qua tới đây ít nhứt cũng là tháng 07 năm 1864. Kể cũng lâu.

(2) Sách *Les premières années de Cochinchine* của P. Vial, quyển I, trang 164, dòng 24 và 25.

Thừa dịp cuộc ngưng chiến, ngày 07 tháng chín 1862 (1) Bonard đi thăm dò sông Mékong viếng Vĩnh-Long và Vương-Quốc Cam bốt .

« Tới Vĩnh-Long, Bonard được cụ Giản tiếp rước rất chu-tất, và « và hứa chắc với Đại-Tướng là cuộc kháng-chiến của Quản Định sẽ « chấm dứt rất gần đây trước sự khuyến-cáo và hăm dọa của cụ (2) ».

Ngày chín tháng chín năm 1862 (3) cụ Giản có gởi cho Định một mạng-lịnh rõ-ràng buộc Định phải quy-hàng, song rồi đâu cũng y chỗ ấy:

Làm chủ tình hình ở Gò-Công, Định tự-do đắp lũy đào hào.

« Muốn cho Định xa Gò-Công, Vua Tự-Đức phong cho Định làm « chức lãnh-binh trấn thủ An-Giang (Châu-Đốc), nhưng thay vì đi « phó-lị Định không chịu đi, và có viết một bức thơ cho một trong « nhiều công chứng an-nam (4) quan-trọng tùng sự dưới Chánh-Phủ « Pháp..

« Nội-dung của bức thơ như vầy :

« Quân-binh của tôi cầm tôi lại không cho tôi đi lên An-Giang « nhận chức. Tháng trước đây, tôi được lịnh của quan Tổng-Đốc tỉnh « Vĩnh-Long bảo tôi phải nạp khí-giới trong tay các phủ huyện Pháp « nhưng quân của tôi không muốn nạp ; chúng nói rằng không phải « các quan Pháp cấp cho chúng khi trước. Chúng tôi sẽ lìa khỏi Gò-« Công. Tôi đợi lịnh của các quan ở Vĩnh-Long đến thâu hồi khí « giới. Địa-vị của tôi rất rắc-rối.

Tháng tám, ngày mười hai (5)

---

(1) Sách *Onze-mois*... trang 310, dòng 13 và chúa-nhựt 14 tháng 8 năm Nhâm-Tuất.

(2) Sách đã dẫn trên phản-tống (1) trang 174, dòng 20 tới 23.

(3) 16 tháng 8 trước (năm nầy nhuần hai tháng tám) năm Nhâm-Tuất. Sách đã dẫn trên phản-tống (1) trang 185, dòng 24,

(4) Tôn-Thọ-Tường.

Theo Khuông-Việt trong quyển *Tôn-Thọ-Tường*, trang 40 thì:

« Thủy-sư Đề-Đốc Bonard, thống-lãnh quân-đội Pháp ở Saigon, hết « lòng tin cẩn Tôn, ngài không ngần ngại việc cử Tôn đi Gò-Công điều- « đình giải-hòa... Lãnh-binh Trương-Định ».

Do đó mà tác-giả định là vị « công-chức An-Nam quan-trọng » đó là Tôn-Thọ-Tường.

Và cứ theo quyển *Tôn-Thọ-Tường* của Nguyễn-Bá-Thế, nhà xuất-bản Tân-Việt, 1957, trang 25, thì bài thơ *Tự thuật* sau đây của Tôn-Thọ-Tường là gởi cho Trương-Định mà dùng theo lối trá-hình để nói ra ý sâu của mình:

Vườn xuân vắng chúa lậu tin mai
Hoa cũ ong xưa dễ ép nài ?
Lời hẹn đã dành toan kiếp khác
Tình thương nên mới trở bề ngoài.
Gió trăng quến khách e nhiều nỗi
Đinh sắt, gìn lòng dễ mấy ai !
Ganh gổ gớm cho con tạo-hóa
Phanh-phui nên nỗi sắc xa tài.

Trong bài báo đăng ở tờ tuần-báo *Tân-Văn* số 80, ngày 14-3-1930, Phan-Tứ-Lang nói là Tôn-Thọ-Tường khi trước có hứa giúp Định, về sau Tường thấy việc khởi dấy của Định không có thể thủ thắng được, nên Tường viết bài thơ nầy để đáp lời kêu gọi của Định và thối-thác khéo. Có chỗ chép bài này đề tựa là *Kỳ tình nhân*.

(5) Chúa nhật ngày 05 tháng 10 năm 1862. Bên âm-lịch, tháng tám nầy nhuần. Tháng 08 nhằm tháng 09 dương lịch và ngày 12 nhằm ngày 05-9-1862, xét lại thì ngày nầy không phải, vì lối thượng tuần tháng 11 Bonard có nói với cụ Giản rằng Quản-Định là phiến loạn và sẽ bị xử như thế, từ ngày Định viết thơ nầy tới ngày Bonard nói như vậy, chưa đầy một tháng có lẽ là trúng hơn.

Khoảng đóng dấu ngoặc đôi dịch trong sách *Les premières années* của Vial, quyển I, trang 184, dòng 17 đến 27 và trang 185, dòng 1 đến 4.

Ngày 16 tháng 8 (1) năm Nhâm-Tuất, nghĩa là bốn ngày sau, lãnh binh Định lại gởi một bức thơ thứ nhì cũng cho viên quan ấy lời lẽ như dưới đây :

« Quân của tôi không khứng cho tôi đi. Tôi rất lưỡng-nan.
« Quan hãy đợi tôi, tôi sẽ gom góp quân-binh của tôi và bấy giờ tôi
« sẽ quyết-định (2). Tôi không có tham vọng muốn làm lãnh-binh. Tôi
« e dè cho sự giận dữ của quan phó Đại-Kiểm-Duyệt (3) (Phan-Tan-
« Giang), và tôi không hiểu hải-quân Thiếu-Tướng có khoan hồng đối
« với tôi sau khi tôi về hàng. Đàng khác, nếu tôi không làm theo quân
« đội tôi, chúng sẽ giết tôi. Người An-Nam không có ý tưởng chống
« binh Pháp bằng võ-khí. Quan hãy đem các dòng nầy đề dưới mắt
« của Đề-Đốc và yêu cầu ngài hãy đợi tôi nữa. Không chừng tôi sẽ
« khuất-phục quân-lính của tôi (4) ».

Quí bạn thường thấy các cường quốc không nhứt-quyết cho các thuộc-quốc độc-lập. Muốn vậy các quốc-gia ấy hay sử-dụng lối thủ đoạn ngoại-giao diên-kỳ (manœuvres dilatoires), thì ở đây Định dùng thủ-đoạn đó đối với Pháp.

Lãnh-binh Định nuôi ý-chí sắt đá là chống Pháp cho đến kỳ cùng, chớ không chịu làm.

« Hàng thần lơ láo »

thì làm gì phải nạp khí-giới và về hàng ?

---

(1) Thứ năm ngày 09 tháng 10 năm 1862.

(2) Là người cương-quyết mà làm tuồng như không quyết-định gì.

(3) Dịch tiếng *vice grand-censeur*. Hồi bấy giờ Phan-Thanh-Giản làm Tổng-Đốc Vĩnh-Long. Có lẽ trong bức thơ này cũng gọi là Tổng-Đốc, nhưng Tổng-Đốc mà dịch *vice grand-censeur* thì ổn chăng? Theo *Việt-Nam sử-lược* của Lệ-Thần, nhà in Vĩnh và Thành, Hà-Nội, 1928, trang 2 3, dòng 23.

(4) Sách *Les premières années de la Cochinchine* của Vial, Quyển I, trang 185, từ dòng 5 đến 21.

Thời cuộc cưỡng-bách không cho phép làm khác hơn nữa, triều đình Huế mới hạ-lịnh thiên chuyển lên An-hà nhậm-chức lãnh-binh để rời xa huyện Tân-Hòa.

Có lẽ là sau đó một thời-gian rất-ngắn, triều-đình Huế thấy Định không nhúc-nhích đi đâu cả nên có hạ-lịnh khác thuyên chuyển Định ra Phú-Yên (1). Đình-thần trao lịnh cho cụ Phan đích-thân kiếm Định để hiểu-thị (2).

▼ TRƯƠNG ĐỊNH KHÔNG TUÂN LỊNH THUYÊN-CHUYỂN CỦA TRIỀU ĐÌNH HUẾ.

Bài đăng trong *Bulletin des Amis du Vieux-Huế* chỉ rõ điều mà Định không chịu xê-dịch :

XXXV

Cuộc nhóm họp của Đại-Triều.

« Sau khi ký tên vào Hòa-ước, Hoàng-Đế Bệ-Hạ hạ chiếu chỉ-
« định cho các viên-quan ở Lục-Tỉnh Nam-Kỳ đình-chỉ các chiến-trận
« chống Pháp và gọi Trương-Định về tỉnh Phú-Yên. Nhưng nhơn-dân
« ba tỉnh Gia-Định, Định-Tường và Biên-Hòa phản-đối kịch-liệt về sự
« nhường đứt ba tỉnh nầy cho Phú-Lang-Sa (3) và công đồng hội-hợp
« tuyển lựa Trương-Định làm chỉ-huy (4) và dưng lên Hoàng-Đế một
« sớ tấu (5) yêu cầu cho phép tiếp-tục cuộc chiến-tranh chống Phú-Lang-
« Sa (6) tới kỳ cùng.

---

(1) Có lẽ là lối giữa tháng 09 tới cuối tháng 09 năm Nhâm-Tuất hay là lối 06 tháng 11 đến 21 tháng 11 năm 1862.

(2) *Đại-Nam Chánh-Biên liệt truyện*, tập 2, quyển 38.

(3) và (6) Gọi theo hồi Nhâm-Tuất 1862.

(4) Dịch chữ *chef* ở đây có thể là *Tướng-soái*.

(5) Tiếc rằng sớ tấu nầy không còn, hóa ra không tài-liệu thực-tích (document positif).

« Triều-Đình nghĩ rằng chiến-sự Bắc-Kỳ đang diễn-tiến và hết sức « khẩn-cấp (1), nên vấn-đề Nam-Kỳ phải triển-lại được có hòa-bình miền « ấy. Vậy có lịnh cho Phan-Thanh-Giản hãy bảo Trương-Định hạ võ-khí « và đầu hàng.

« Trương-Định không khứng nghe nhiều lần những lời yêu-cầu, « Định phải bị bãi các chức và tước (2) ».

Tuy là bãi chức và tước cho người Pháp thấy thành-tâm thật ý của Triều-Đình Huế, nhưng biết đâu bên trong chẳng cho người đem mật chỉ khuyến-khích cuộc chiến đấu của Định. Lẽ cố nhiên là đất nước Đại-Nam toàn vẹn bây giờ xén bớt ba tỉnh trong đó có hai tỉnh Biên-Hòa và Gia-Định mồ-mã tổ-tiên bên ngoại các Vua Thiệu Trị và Tự-Đức nằm đấy thì làm gì Tự-Đức không sốt ruột, dân chúng không hoang-mang.

Trong *Bulletin des Amis du Vieux-Huế* có một bài khác đề cập đến Trương-Định. Bài ấy như vầy :

---

(1) Lúc nầy ở đất Bắc, giặc nổi lên như nồi cơm sôi ; Giặc Tạ-văn-Phụng có dưới tay tên Trường, tên Ước và tên Độ, dấy binh ở đất Quảng-Yên.

Loạn Nguyễn-văn-Thịnh (tục gọi là cai-tổng Vàng) vây thành Bắc-Ninh.

Giặc Nông và giặc Khách ở tỉnh Thái-Nguyên.

Theo *Việt-Nam sử lược*, của Lệ-Thần. nhà in Vĩnh và Thành, 1928, trang 241. và 242.

(2) Dịch *Notes pour servir à l'établissement du protectorat français en Annam* bài thứ 35, *Une réunion du Haut-Conseil*, tác-giả : Lê-Thanh-Cảnh, *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 24ème année, No 4 Octobre - Décembre 1936, trang 187. Chức và tước của Trương-Định có lẽ bị bải sau ngày 05 tháng 10 năm 1862 (ngày Tôn-Thọ-Tường được bức thơ thứ nhì) sấp lên.

XXXVII

Sự ngoan cố của Trương-Định

« Mặc dầu Phan-Thanh-Giản đã ký Hòa-ước và mặc dầu mạng-« lịnh minh-xác của Hoàng-Đế Bệ-Hạ, Trương-Định tiếp-tục chống Pháp đến « kỳ cùng. Định mộ chí-nguyện quân trong Lục-Tỉnh để đánh lại nhà « chức-trách Pháp. Mặc dầu có lời khuyến-cáo nhiều lần của Phan-Thanh-« Giản, Định cũng ngoan-cố. Hải-quân Thiếu-Tướng Pháp đã nhiều phen « dắt Định lên đường hòa-giải. Định không muốn nghe, thề rằng ưng « sống dưới ách người Pháp. Phan-Thanh-Giản phải dưng sớ tấu với « Hoàng-Đế xin bảo Trương-Định hạ võ khí.

« Bấy giờ Hoàng-Đế mới phán với Triều-thần rằng : Dầu dùng « cách gì cũng không thể bảo người cuồng trở lại lý lẽ. Và lại, Sự ngoan-« cố của Trương Định biểu-lộ một trạng-thái tinh-thần mà Triều-Đình « có thể lợi dụng để khôi phục Vương-quốc » (1).

Có lẽ là sau lời phán nầy và rõ tình-hình trong Nam qua các mật sớ, nên vua Tự-Đức hạ lịnh cho thị-vệ Thi đem một tấm huy chương bằng vàng cho Định (2).

Trương-Định trí các súng trên các rạch đi vô trong sông rạch đi vô trong nội-địa huyện Tân-Hòa, tấn-công các tàu Pháp đi trên sông rạch gần đó (3).

---

(1) Dịch *Notes pour servir à l'établissement du protectorat français en Annam* bài thứ 37 *L'entêtement de Trương-Định*, tác-giả: Lê-Thanh-Cảnh, *B.A.V.H.*, 24ème année, No 4 Octobre-Décembre 1937, trang 390-391.

(2) Sách *Les premières années de la Cochinchine* quyển II, 1874, trang 261, dòng 18, 19 và 20. Biết đâu Tự-Đức lại chẳng phong chức « Bình-Tây-Sát Tả Đại-Tướng » trong lúc kèm theo tấm huy-chương ấy.

(3) Có lẽ là thắng các trận nhỏ như ở Cửa-Khâu, Trại Cá, nhưng hiềm vì sử Pháp không nói rõ, còn sử Việt biết đâu mà tìm, duy có coi bài *Văn-tế Phó Quản-Cơ Trương-Định* đăng ở sau.

Trong hàng ngũ Pháp-quân xâm-chiếm thuộc-địa có Trung-Úy chiến-hạm Guys, hồi chưa đồ bộ ở chiến-hạm Rhin (1), năm 1861 ở Tây-Ninh; Guys sành tâm-lý người Việt. Guys hợp cùng Huỳnh-công-Tấn (2) ở trên chiếc l'Alarme theo dõi những hành-động của Định trong nhiều tháng dưới sự nhả đạn liên-miên của đại-bác của Định khiến cho chết mất vài người (3).

«Một buổi sáng các thủy-thủ dưới pháo-hạm l'Alarme bắt gặp trên « chót một cây sào cắm trên bờ sông một bức thơ của Quản Định gởi « cho hải-quân Thiếu-Tướng, đại-đề trong ấy nói rằng: Trào-Đình Huế « không nhìn nhận chúng ta, nhưng chúng ta cứ bảo-vệ Tổ-Quốc của chúng « ta; Hoàng-Đế (5) gọi chúng ta là phiến-loạn, nhưng bên sâu Hoàng-Đế (6) « khen thầm sự trung-hậu của chúng ta; và tới ngày thắng trận, Hoàng-« Đế (7) sẽ không những xóa lỗi mà thăng-thưởng chúng ta nữa. Các « người có dõng-lực, nhưng ít người; mỗi ngày vài người lính của các « người ngã quỵ dưới sự phục-kích của chúng ta; bịnh rét cũng ở một bên « ta để chiến-đấu chống các người và nó bù lại sự khiếm-khuyết võ-khí « của chúng ta. Chúng ta ở xứ ta, chúng ta được lợi hơn các người; « chúng ta vẫn đợi chờ và người An-Nam kiên nhẫn lắm. Hãy từ bỏ một « cuộc xâm-chiếm không thể được, hãy qui-hoàn đất đai lại cho ta và lúc « bấy giờ chúng ta rất hân-hạnh tiếp rước các người Pháp như bằng-hữu « của chúng ta vậy».

Paul Emile

Bản sao lục: A. Noirot

Dưới bức thơ ký-giả có phát-biểu cảm-tưởng như vầy:

«Ấy rành rẽ là những ngôn-ngữ cao-thượng, đáng gợi sự chú-ý của chúng ta.

---

(1) Theo sách *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* của De la Barrière, trang 262.

(2) Theo sách *Les premières années de la Cochinchine*, quyển I, trang 319, dòng 27.

(3) Sách đã dẫn trên chú giải (2) trang 186, dòng 14 tới 16.

(4) Bức thơ nầy có lẽ từ lối 06 tháng 10 năm 1862 sắp đi.

(5), (6) và (7) Hoàng-Đế Đại-Nam.

Rồi lại hối tiếc :

« Nhưng ta không lẽ thối lui trước một doanh-nghiệp minh-« mông như vậy, khi người ta đổ ra bao nhiêu vàng và bao nhiêu « máu ? ».

Và viện lẽ thêm :

« Chúng ta phải trả lại cho Vua ở Huế những người An-Nam « đã về bên phe chúng ta ? Vậy chúng ta phải bỏ những người ấy cũng như « ta đã bỏ những người *Thát-đát* ở bên Crimée » (1).

---

(1) Theo sử Pháp, trong *Vấn-đề Cận-đông* của nước Pháp, nước Anh, xứ Piémont và Thổ-Nhĩ-Kỳ chống Nga ở tại Crimée từ năm 1854 tới 1856.

Bức thơ và cảm-tưởng đều dịch theo bài *La France en Cochinchine III* tập-chí *Revu du Monde colonial, asiatique et américain*, organe politique des deux mondes, publié sous la direction de M. A. Noirot, 6ème année, 2ème série, No 4, Tome XIème, Avril 1864, Paris, 3 rue Christine, trang 396 và 397.

Chúng ta đừng hình-thức lý-luận : Nước Pháp (hoặc các cường-quốc khác) đã văn-minh sao còn đi xâm-lăng thuộc-địa, ỷ mạnh hiếp yếu mà chúng ta phải xem bài toán-đố thuộc-địa là cưỡng-bách tồn-tại vì các cường-quốc duyên-hải Tây-Âu như Anh, Pháp, Tây-Ban-Nha, Bồ-Đào-Nha, Hòa-Lan, lúc bây giờ, phát-triển hơn các dân-tộc khác trên thế-giới ; nếu quốc-gia nầy có thuộc địa, quốc-gia nọ không có thì không thế được, bởi vậy nên họ đang tranh nhau đi tìm. Pháp không để chơn đến xứ Việt, thì có Tây-Ban-Nha hay Anh hoặc Hòa-Lan. Ngay như ông khổng-lồ Trung-Hoa còn phải bị xén. Có thuộc-địa đem về cho quốc-gia mình phải hạ thấp nhân-phẩm của dân thuộc-quốc vì không ai trọng-vọng dân mất chủ-quyền và cả dân thượng-quốc vì mình đã gọi văn-minh, tự-do mà còn đi ăn bám vào dân-tộc hèn yếu, đè đầu cỡi cổ nhược-tiểu dân-tộc, còn chỉ bảo điều hay thì hiếm. Hỏi bấy giờ, dân-tộc Việt-Nam ở trong trạng-thái yếu ớt, thế nên phải chịu định-luật là « cá bé bị cá lớn nuốt », dầu có hùng-biện đến đâu, phản-đối gì cũng không được.

Khốn nạn và nguy hại thay cho các nhược-tiểu quốc-gia !

Ở Khánh-Thuận (1), Tổng-Đốc (2) Lâm-Duy-Hiệp yêu-cầu trả thành Vĩnh-Long; Bonard đáp nếu Định chưa nạp khí-giới đầu hàng, Pháp-quân sẽ còn giữ thành Vĩnh-Long.

Giục-giặc bên ngoài, bên trong binh viễn-chinh Pháp có ít, không đủ sức để tấn-công nghĩa-quân.

Bonard một mặt tư thơ qua cứ điểm Pháp ở Trung-Hoa yêu-cầu bên ấy trợ quân-lực, một mặt tin về Pháp xin viện-binh (3).

Lời kêu gọi của Bonard có kết-quả mỹ mãn.

Hải-quân Đại-Tướng Jaurès, tức thời từ thành Thượng-Hải sang thành Ma-Ní với tàu chiến của sư-đoàn, viên toàn-quyền ở Ma-Ní cho tám trăm người lính bổn-thổ xuống tàu, và Jaurès chỉ mũi ngay bến Saigon. Lính đóng ở Thượng-Hải đều là người An-gé-ri (4).

Đầu thượng-tuần tháng mười một (5) Bonard có gởi thơ cho cụ Giản tuyên-bố rằng *Trương-Định là một tên phiến-loạn và sẽ bị đối xử như thế; song le Bonard chịu đứng chung với cụ một bản tuyên-ngôn như các người nổi-loạn ra đầu hàng* (6).

---

(1) Khánh-Hòa, Bình-Thuận nhập lại.

Sách *Việt-Nam sử lược* của Lệ-Thần, quyển II, Hà-nội, 1928, trang 233, dòng 24, Vial gọi Bình-tuân là lầm (Vial, quyển 1, trang 190, dòng 9).

(2) Tuần-phủ thay vì Tổng-Đốc, theo *Việt-Nam Sử-Lược* đã dẫn trên cũng trang ấy dòng ấy.

(3) Sách *Les premières années...* » trang 191, dòng 26 và 27. Hồi 24 février 1861, ở trận Kì-Hòa, Pháp và Tây-Ban-Nha gồm tất cả tám ngàn người (theo *Histoire de l'Expédition de Cochinchine* của Pallu trang 88), tới cuối năm 1862 thì chắc-không còn bao nhiêu, vì hồi hương hết đệ-nhị lục-quân và đệ-nhị đại-đội của 101 chiến-tuyến, rồi vừa chết vừa bịnh, phế-binh, và lính nầy chưa thay đổi được vì không có lính để thay đổi.

(4) Sách *Les premières années de Cochinchine* của Vial, quyển 1, trang 192, dòng 23 tới 27 và trang 202, dòng 1 tới dòng 6.

(5) Lối 10 tháng 09 năm Nhâm-Tuất.

(6) Sách *Les premières années de Cochinchine* quyển 1, trang 191, dòng 12 tới 16.

Cũng lúc ấy bên biên-giới Đông của tỉnh Biên-Hòa, một viên cai-tổng nổi lên đánh phá các làng rồi rút lui để kéo dài trận-tuyến Việt.

Ngày 02 tháng chạp triều đình Huế đề nghị với Pháp có thể sai người đến Phan-Rí lấy tiền bồi khoản trong nửa năm đầu là hai trăm ngàn bạc.

Đầu thượng-tuần tháng chạp 1862 (1), Bonard muốn qui hoàn Vĩnh-Long lại cho Nam-trào (2).

Thình-lình, một viên quan hạ-cấp đem một bức công-hàm ở Huế đề ngày 02 tháng 11 (3) và đến Saigon ngày 12 tháng chạp (4). Trao bức ấy rồi, viên quan kia (5) đi liền không đợi phúc đáp.

Triều-thần của Vua đòng yêu-cầu rành mạch sự canh-cải đến tận gốc hòa-ước và hủy bỏ điều-khoản đã nhượng lại cho Pháp-quốc các tỉnh Saigon, Mỹ-Tho và Biên-Hòa (6).

Bức công hàm ngày 18 tháng chạp (7) *khiến Phan-Thanh-Giản viết*

( ) Lối 10 tháng mười năm Nhâm-Tuất.

(2) Tác-giả rất nghi ngờ thiện-chí của Bonard, vì Định còn ở Gò-Công Bonard còn kêu viện-binh ở Thượng-Hải và ở Ma-Ní quyết tiêu-diệt nghĩa quân và có lẽ nếu có thể viễn-xâm luôn. Đây, chắc là một đòn chánh-trị để ru ngủ bên Nam-trào.

(3) Chúa nhựt 11 tháng 09 năm Nhâm-Tuất. Sao có việc rất lạ là công-hàm của Nam-trào mà đề ngày dương-lịch, lẽ thì đề ngày âm-lịch và muốn rõ thì Vial chua ngày dương-lịch thêm.

(4) Thứ sáu 21 tháng mười năm Nhâm-Tuất.

(5) Sao không nhờ cụ Giản trao lại cho Bonard mà để viên quan hạ-cấp ? Rất tiếc là Vial không cho ấn-hành bức công-hàm có giá trị lịch-sử nầy.

(6) Sách *Les premières années de la Cochinchine*, quyển 1, trang 193, dòng 26-27 và trang 194 dòng 1-2.

(7) Sách *Les premières années de la Cochinchine*, trang 193, dòng 24 đề 12 tháng chạp 1862 nhằm thứ sáu tháng 10 năm Nhâm-Tuất, còn ở tạp-chí *Revue de monde colonial*... trên đây, ở trang 394 lại đề 18-12-1862 nhằm thứ năm 27 tháng 10 năm Nhâm-Tuất. Lúc nầy mà trịch đi một hai ngày cũng có thể xảy ra việc khác.

cho hải-quân Trung-Tướng một bức thơ (1). Bức công-hàm của viên quan ở Huế không có giá-trị.

1.— Bởi vì nó không có đi qua tay cụ là toàn-quyền phái-viên được Hoàng-Đế (2) ủy-nhiệm để giao-thiệp với người Phú-Lang-Sa ;

2.— Bởi vì nó là công-hàm của các quan thượng-thơ không có dấu-hiệu ưng-thuận của Hoàng-Đế (3).

Từ ấy, vị toàn quyền đại diện không ngừng đề-cập đến việc hòa-bình ; nếu hòa-bình vi-phạm tôi sẽ đến với người Phú-Lang-Sa, lời cụ Phan nói với một giáo-sĩ ; nếu hòa-bình bị vi-phạm, tôi bất-động trong nhà tôi, quân lính của tôi cũng như tôi, rồi người ta bắt tôi và thắt cổ tôi, cụ Phan tuyên-bố lần khác với giáo-sĩ ấy. Phan-Thanh-Giản mời mọc luôn luôn các sĩ-quan ở trong thành (4) dự tiệc với cụ và các mối tình bậu bạn đi đến chỗ hèn hạ (5). Đàng khác, Quản Định ít bằng lòng cho cử-chỉ của Phan-Thanh-Giản trong những trường-hợp trên, hăm-dọa sẽ đốt làng của cụ Phan ở và cắt đầu của cụ. Toàn-quyền đại-diện

---

(1) Tiếc vì không thấy lời lẽ trong bức thơ ấy. Hồi tôi coi sách của Paulin Vial tôi đã có thầm ý nghĩ như tôi nói ở chú giải (5). Sau tôi xem *Revue du monde colonial...* mới thấy cụ Giản có gởi bức thơ phản-đối bức công-hàm ở Huế, nhưng chỉ thấy ở đây nói lại mà thôi, nội-dung của bức thơ không có trước mắt tôi.

(2) và (3) Hoàng-Đế Đại-Nam, hồi bấy giờ có Hoàng-Đế người Pháp Napoléon III ngự-trị từ năm 1852 tới 1870.

(4) Thành Vĩnh-Long.

(5) Dịch tiếng *jusqu'à la bassesse*. Không biết hèn-hạ chỗ nào? Đời nào và lúc nào cũng có lớp người viết không đúng sự thật. Người ta gọi là hạng *học giả* giả.

lợi-dụng tình-thế ấy yêu-cầu và được chuẩn-y một đội vệ-binh Pháp, để cho thấy rõ nhiệt-tâm của cụ (1)».

▼ TRƯƠNG ĐỊNH LY KHAI TRIỀU ĐÌNH VÀ THOÁT KHỎI TRẬN TẤN CÔNG QUI MÔ CỦA ĐỊCH.

Tới đầu tháng hai (2) 1863, Định công-khai tuyên-bố không dính líu với Nam-Triều nữa và viết một bức thơ cho các quan Việt ở Vĩnh-Long. Nội-dung như vầy :

Muốn trở lại y như thuở xưa, dân-chúng ba tỉnh yêu-cầu chúng tôi đứng đầu khởi-nghĩa. Vậy chúng tôi không thể hành-động gì khác hơn hành-động bây giờ. Bởi vậy, chúng tôi chuẩn bị chiến đấu, và hướng Đông cũng như hướng Tây chúng tôi chống đỡ và chiến-đấu, chúng tôi sẽ đánh ngã lọn giặc cướp. Nếu các quan đề-cập đến sự duy-trì các mối bang-giao với giặc cướp, chúng tôi chống lịnh Nam-Triều, và chắc-chắn là sẽ không có hưu-chiến, hay hòa-bình đối các quan, và như thế các quan sẽ đừng lấy làm ngạc-nhiên (3).

Vì không bằng chứng đích-xác, nhưng trực-giác cho chúng tôi biết rằng Trương-Định mưu áp-dụng kế ly-khai với các quan ba tỉnh miền

---

(1) Một người dám hy-sanh suốt cả đời để phụng-sự quốc-dân mà không có chút can đảm ư ? Nếu cụ không can-đảm làm sao có vụ cụ tự tử xảy ra khi Vĩnh-Long-Thành mất vĩnh-viễn ngày 20 tháng 6 năm 1867.

Luro và Rieunier là hai người Pháp biết cụ bằng xương, bằng thịt còn đại-ngôn khen cử-chỉ cá-nhơn cụ và sự trung-thành của cụ đối với Tổ-Quốc Việt-Nam. Vì ở đây chưa ắt nói ròng chuyện cụ Phan, nên xin tạm gác lại, chờ dịp khác.

Từ «Bức công hàm...» tới «nhiệt-tâm của cụ» là trích dịch bài *La France en Cochinchine*, tạp-chí *Revue du Monde colonial, asiatique et américain*, organe politique des deux mondes, publié sous la direction de M.A. Noirot, 6ème année, 2ème série, No 4, Tome XI ème — Avril 1864 Paris, 3 rue Christine, trang 394 và 395.

(2) 14 tháng chạp năm Nhâm-Tuất.

(3) Dịch trong sách *Les premières années de la Cochinchine* trang 216, dòng 21 tới 27 và trang 217 dòng 1 tới 5.

Tây, để rước tất cả trách-nhiệm về Định. Nếu chẳng may, Định có sa lưới của Pháp, trào-đình Huế khỏi lôi-thôi đối với Pháp.

Khởi đầu tháng hai 1863, hải-quân Đại-Tướng Jaurès (1) đổ bộ lên Saigon với tất cả lực-lượng mà người có dưới tay, là một phần đại-đội binh Al-gé-ri đã ở Thượng-Hải và một đại-đội lính bồn-thổ Phi-Luật-Tân của Chánh-Phủ Ma-Ní cho mượn, như chúng ta đã thấy trước.

Ở Vàm Rạch-Lá, trên sông Đại-Vàm-Cỏ, tàu vận-tống L'Européen biến thành dưỡng-đường, trung-tâm-điểm tiếp-tế lương-nhu, võ-khí và trữ than. Kế bên chiếc L'Alarme đậu ở rạch Gò-Công, binh Pháp cất trên bờ một pháo-đài án-ngữ chỗ ấy. Ở Đồng-Sơn, Tây-Bắc Gò-Công, Pháp-quân tấn-công rất gắt gao trước mặt và trái những pháo-đài đắp lên do quân nổi-loạn (2); cuộc vận-chuyển mau do Đại-Tá Biétri với lính Al-gé-ri quyết định lẹ sự thành-công trong lượt ấy; bên Đông, hải-phòng-hạm Tây-Ban-Nha « Circé » bao vây và chiếm ngõ ra ở Lang-lop (3) trên sông Soi-Rạp; hướng Tây và hướng Bắc người ta giữ. địch-quân do đồn Chợ-Gạo và những toán lính ở Mỹ-Tho dưới sự chỉ-huy của Đại-Tá d'Ariès (4), Vergnes (5) giữ Rạch-Giá (6) và Gongeard

---

(1) Hồi tháng ba 1860, trên soái-hạm *Impératrice Eugénie*, có hải-quân Trung-Tướng Charner tổng chỉ-huy; Laffon de Ladébat, Đại-Úy chiến-hạm; Le Couriault du Quilio, Đại-Úy chiến-hạm phó quan thư nhứt; Jaurès Trung-Úy chiến-hạm phó-quan thứ nhì. Theo sách *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* » của Léopold Pallu de la Barrière, trang 249.

(2) Giọng văn của kẻ xâm-chiếm.

(3) Không biết chắc địa-điểm ở chỗ nào, nhưng trên *địa-đồ hành-chánh Nam-Phần* thấy có một rạch nhỏ từ Gò-Công chảy ra Soi-Rạp mà gọi là Rạch Cam-Lộc. Không biết cửa rạch ấy phải là Lang-lop chăng?

(4) D'Ariès, Đại-Úy chỉ-huy chiến-hạm « Le Primauguet », hồi năm 1861 *Histoire de l'Expédition de Cochinchine* trang 253.

(5) Trong sách *Histoire de l'Expédition...* của Pallu trang 207 và trong tạp-chí *Revue de monde colonial...* trang 180 tên Vergnes viết không có s.

Trong sách trên Vergne là Trung-Úy chiến-hạm, phụ-tá chỉ-huy-trưởng Desvaux hồi năm 1861.

Chắc là một người chớ không ai lạ mà Vial viết thêm s.

(6) Không biết vị-trí đích-xác nhưng phải là chi-lưu bên trái của sông Cửa Tiểu.

(1) giữ Vinh-toi (2).

« Guys, chỉ-huy chiếc L'Alarme, phải đi vô sâu trong rạch (3) và trợ giúp cuộc điều-động lục-quân chủ-yếu của Đại-Tướng Chaumont và Đại-Tá Palanca.

Những công việc to-tát được chuẩn-bị để qua bưng biền và ruộng rẫy hay là để đi ngang qua sông rạch ; ba chục chiếc thuyền bọc sắt ở mũi chở được mỗi chiếc sáu tên lục-quân hay là sáu người trở lên khiêng tay theo bộ-binh và trong vài phút đồng-hồ biến thành cây cầu phao chắc-chắn trước mặt địch-quân nào rất quả-quyết.

Ảnh một chiếc xuồng đôi của Pháp-quân trong mười lăm chiếc như vậy trong trận đại-tấn-công vào Gò-Công những ngày 25 và 26 tháng hai năm 1863 (mồng tám và mồng chín tháng giêng năm Qui-Hợi).

---

(1) ?

(2) Tên nầy nay không thấy trên bản-đồ, nhưng phải ở ven bờ mé trái sông Cửa Tiểu và có lẽ là Vĩnh-Thới thay vì Vinh-toi (mé trái sông Cửa Tiểu có làng Vĩnh-Viễn, Vĩnh-Hựu có lẽ vị-trí Vĩnh-Thới cũng ở lối đó).

Trên địa-đồ sách *Onze mois...* của De Grammont tôi ngó thấy có Vinh-loi (Vĩnh-Lợi), không biết phải Vĩnh-Lợi và Vĩnh-Thới là một hay là hai địa-điểm khác nhau.

(3) Rạch Gò-Công.

Quí đọc-giả thấy :

Ở bình-diện thứ nhứt các người lính Pháp đang vịn theo be xuống để đẩy xuống đi ;

Ở bình-diện thứ nhì một tấm thớt bằng gỗ nối liền hai chiếc xuồng và bốn người lính ngồi, hai cây dựng lên bên trong, mỗi chiếc xuồng, chắc là để chống xuồng đi khi gặp nước sâu ?

Ở bình-diện thứ ba, cái giá gỗ có súng đại-bác trí ở giữa, hai bên là hai cái mộc bằng sắt để bảo vệ cho lính ngồi trên xuồng. Bốn chiếc đôi hoặc nhiều hơn, để khít sau sẽ kết thành một cầu phao chắc chắn lắm.

Ở bình diện chót là cảnh trí bưng-biền nhiệt-đới, nước minh-mông, vài chòm lau sậy, thủy-liễu hoặc tràm.

Tuy tấn công bằng xuồng như thế, và nhiều pháo-hạm khác, nhưng Trương-Định lọt lưới rất dễ dàng.— Ảnh trong sách Taboulet, trang ở giữa 470 và 471.

Sau hậu-tuyến, thông-báo hạm Forbin án-ngữ tại Đại-Vàm-Cỏ ở vàm Rạch-Lá với thuyền và một tàu Lorcha ; chiếc l'Avalanche, chiếc la Dragonne và pháo-hạm 31 (1) phong-tỏa chi-lưu Bắc của Camboge (2) ; chiếc Cosmao, pháo-hạm số 20 (3), tàu chiến Lorcha Saint-Joseph với mười lăm chiếc ghe vây hãm mặt Tây.

Ngày 25 (4) lúc tám giờ tối, biết chắc là người nào ở chỗ nấy, ở dưới tàu Ondine, Bonard ra dấu-hiệu bảo sáng sớm tấn-công. Sáng mỗi người điều-động quân. Địch-binh, khủng-khiếp, bắn vài loạt trọng-pháo và trốn lánh tứ phương bỏ lại những cỗ đại-bác, súng tay và cởi đồng-phục. Chúng ta có ít người chết hay bị thương, nhưng nhiều binh-nhơn vì bị cưỡng-bách lội bưng dưới trời nắng thiêu.

---

(1) Hồi 1861, theo hải-quân Trung-Tướng Charner, tất cả 13 chiếc pháo hạm có số như sau : 12, 13, 15, 16, 18, 19, 22, 24, 25, 27, 29, 30 và 31, (Pallu).

(2) Tức là sông Mékong, ở đây là Cửa Tiểu.

(3) Chắc là mới tới trợ giúp.

(4) Thứ tư mồng tám tháng giêng năm Quí-Hợi.

Sáng sớm, ngày 26, Đại-Tướng Chaumont, chỉ-huy một đội-quân xuống hướng Nam huyện Tân-Hòa kết-thúc cuộc hành-quân, chiếm cứ lũy chót của loạn-quân ở Trai-Ca (1) (chi-tiết bản phúc-trình của hải-quân Trung-Tướng Bonard đề ngày hai tháng ba năm 1863 (2).

Bonard xua binh hùng tướng mạnh cướp được đất Gò-Công. Theo sở-kiến thì thay vì thắng trận 26 tháng hai 1863, Bonard thua to trận nầy.

Tại sao ?

Cuộc hành quân ấy tổn-phí không ít, phải huy-động tất cả lực lượng đạo-quân viễn-chinh, cả đồn lính bên Thượng-Hải và binh Ma-Ní, chuẩn bị non tháng, bố-trí hết sức chặt-chẽ, phong-tỏa không sót chỗ nào, song kết-quả Định, một tướng không từ trường đại-học nào ra, thoát khỏi rọ, có lẽ cười thầm Bonard cùng các Đại-Tá, Trung-Tá v.v.. Theo Paulin-Vial thì Trương-Định *hình như được một ảnh-hưởng lớn lao thêm sau khi Gò-Công thất-thủ* (3). Theo tôi thì không phải là «hình như» mà thật sự như vậy.

---

(1) Trong địa-đồ sách *Onze-mois de sous-préfecture*... tôi thấy có tên Trai-Co (chắc là Trại Cá) kế bên có vẽ hình tam-giác và hình nầy để chỉ đồn hoặc lũy đã bỏ. Có lẽ là lũy nầy đã được Định cho người giữ, và ngày 26-2-1863 đã bỏ.

(2) Thứ năm 13 tháng giêng năm Quí-Hợi.

Dịch sách *Les premières années de Cochinchine* của Paulin Vial quyển I, trang 202 và 203.

Đọc-giả thấy Pháp-quân nhiều tàu ghe, nhiều binh tướng và một thời-hạn ít nhứt là 20 ngày mới tấn-công Gò-Công, thì bên Việt, Định một tướng soái không phải dở vậy, hiềm vì võ khí không đầy đủ, tầm súng bắn ngắn hơn súng Pháp (a), nên cứ giữ thế thủ mà không tấn-công đại qui mô được.

(a) Hình như hồi 1830, nghĩa là trước khi vũ-khí của Pháp thay đổi có một người độc-chiếm mua tất cả võ-khí bị sa thải ra rồi đem bán lại cho người Việt; anh ấy không ngờ rằng chúng ta (Người Pháp) lại thấy súng của ta bắn lại ta). Theo *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 19ème année No 1 Janv.— Mars 1932, trang 76.

(3) Theo sách *Les premières années de la Cochinchine* quyển I, trang 215 dòng 27 và 216 dòng 1.

Ngày 12 tháng 03 năm 1863 (1), theo Lucien de Grammont, khi tái-chiếm Gò-Công, Bonard có xuống một châu-tri trong đó, một phần, Bonard ra những điều-kiện cưỡng-bách các quan Việt phải theo nếu muốn hưởng sự khoan hồng (De Grammont không nói rõ những gì). Phần khác, Bonard bắt buộc dân-chúng Gò-Công phải chịu những điều-kiện sau đây, và châu-tri ấy cũng áp-dụng vào các huyện khác trong ba tỉnh Pháp chiếm :

1) Những người đứng đầu đều thọ tử-hình (2) theo luật lệ Nam-Trào.

2) Tịch thâu tất cả tài sản thâu tổng-số thuế má năm 1862 làm một lần.

3) Giao nạp tất cả các loại võ-khí.

4) Bắt dân-chúng phải khổ-dịch làm đường sá và hủy hoại các đồn lũy.

5) Bồi thường chiến-tranh thật nặng nề đối với Huê-kiều trú ngụ trong huyện (3).

▼ SỰ HY-SINH CAO CẢ CỦA HAI VỊ ANH HÙNG KHÔNG TÊN TUỔI.

Trong thời-gian 24, 25 và 26, Vergne ở Rạch-Giá có bắt được hai anh em người Việt, buộc phải chỉ chỗ trú của những lãnh-tụ nghĩa-quân. Hai người nầy chịu để đổi mạng sống của mình, song rồi đánh lạc lính Pháp. Chiều về, Vergne truyền xử bắn như lời giao trước, hai vị anh hùng không tên tuổi ấy can đảm bước đi đến chỗ chết. Dưới đây là lời tường thuật của hải-quân Thiếu-Tướng Réveillère (không biết hồi bấy giờ Réveillère làm chức gì ?)

Lòng ái-quốc của người An-Nam (4)

---

(1) Thứ năm 23 tháng giêng năm Qui-Hợi.

(2) Lúc nào câu nói của La Fontaine cũng hợp thời : Lý lẽ của kẻ mạnh luôn luôn được xem là đúng nhứt.

(3) Huê-kiều tiếp-tế cho nghĩa-quân.

Dịch theo sách *Onze mois de sous-préfecture...* trang 318, dòng 5 đến dòng 19.

(4) Dịch hai tiếng *Patriotisme annamite.*

Lấy sự công-bình mà nói chúng ta (1) quí-trọng một người bởi giá trị tinh thần nhiều hơn những kiến-thức, thì chúng ta phải hạ thấp xuống tánh tự-đại tự-cao của chúng ta đối với người Viễn-Đông, những người nầy biết chết lắm vậy.

Năm 1862 (2), chúng tôi được lịnh xuống Rạch-Giá (3) để tiêu trừ một cuộc nổi loạn (4). Thiếu-Tá V... (5) sai hải quân Trung-Úy de M... chận đường về của quân dấy loạn (6) sau lúc bại trận.

---

(1) Người Pháp.

(2) Theo sự nhận xét của tôi thì là lối hạ tuần tháng hai năm Quí-Hợi 1863. Mỹ-Tho thất thủ ngày 14-4-1861.

Cuộc chiếm-cứ Mỹ-Tho đem lại hậu-quả là phải chiếm luôn các xứ ở giữa châu-thành ấy, sông Tiền-Giang và sông Soi-Rạp : người ta thiết lập liền tay những đồn lính Pháp ở Gia-Thành (quận Tân-An), ở Chợ-Gạo và ở Gò-Công (sách Les premières années de Cochinchine của Paulin-Vial, trang 114 dòng 5 tới 8 ».

Như vậy Gò-Công thất-thủ 15 đến 20-4-1861 là cùng. Từ ngày ấy tới 21-6-1861 không có gì lạ ở Gò-Công. Kịp đến 22-6 thì có trận đánh ban ngày giữa nghĩa-quân Gò-Công và Pháp. Nghĩa-quân thất-bại. Rồi không nghe nói đến Gò-Công nữa có lẽ là có những trận mai-phục lưa-thưa làm mệt lính Pháp. *Từ 1 đến 14-12-1861 lại nghĩa-quân công-kích Gò-Công (sách Abrégé de l'Histoire d'Annam, trang 224), ngày 22-1-1862 một bọn ở Gò-Công công-kích rạch Cà-Hôn. ngày sau Rạch Gầm sách Abrégé de l'Histoire d'Annam trang 232*), toàn người Pháp ở thế-thủ. Kịp đến 1-3-1862 các đồn lẻ-tẻ của Pháp ở Gò-Công, Chợ-Gạo, Gia-Thạnh, Cái-Bè đều bị rút quân (P. Vial trang 141).

Đầu tháng hai 1863 quân Pháp tính bao vây Gò-Công. Trong các người Pháp có Thiếu-Tá Vergne ở. Rạch-Giá (P. Vial trang 202). Tên nầy tương xứng với tên V... trên bài.

Vậy thì lối hạ tuần tháng 2 năm 1863 là phải. nhưng sao có lầm vậy ; theo sở-kiến thì bài nầy ấn-hành sau cuộc truy-kích lâu lắm nên mới lầm về năm, còn bản tuyên-ngôn thì có chép để lại nên còn nhớ rành mạch.

(3) Nay không biết là rạch nào, nhưng phải là một chi-lưu phía tả của sông Cửa Tiểu.

(4) Nghĩa-quân theo Việt, còn Pháp kêu nổi loạn.

(5) Thiếu-Tá Vergne như trên chú thích (3).

(6) Nghĩa quân.

Khi mặt trời lặn, chúng tôi thấy De M... về, theo sau một toán lính mệt nhừ, mình mẩy dính bùn sình. Sự vắng mặt của tùbinh một phần, các mặt chán nản phần khác cho chúng tôi biết sự thất-bại của cuộc chinh-tiểu lúc vừa liếc mắt qua. Những người dẫn đường, đầu cúi xuống, tay trói lại, tiến giữa bốn người lính mang súng. Mình mẩy gần trần truồng, mang vết đòn.

De M... tiến hẳn đến Thiếu-tá V... và nói hơi luống cuống:

— Thưa Thiếu-Tá, từ sáng sớm đến giờ, những hướng-đạo dắt chúng tôi lội sình tới rún, nhưng chúng tôi chẳng thấy một tên phiến-loạn nào hết.

— Anh muốn gì nữa l... Đó không phải là lỗi nơi anh.

Anh bảo lính đi ăn cơm... Đáng tiếc thật, chúng ta bủa lưới hụt, nếu trúng đích ắt có cá to.

V... kêu người thông-dịch tên Paulus, đàm-thoại một chút, rồi ngồi trước (1) một cái bàn nhỏ dưới mái (2) lá, rồi bảo dẫn hai người An-Nam ấy tới.

Đấy là hai anh em ruột: sự giống tạc chỉ rõ. Duy có người anh đáp những câu hỏi của Thiếu-Tá.

— Chúng bây biết vị-trí như chúng bây đã thú thiệt.

— Chúng tôi đã rõ vậy.

— Ta đã giải-thích hết sức tỉ-mỉ, nơi nào và cách nào để dắt dẫn lính của ta. Bây tỏ bày đã hiểu hết.

— Chúng tôi hiểu rõ.

— Ta có nói như vầy: « Nếu bây dẫn lính ta trúng đường đi, ta cho chúng bây an-toàn, nếu bây dẫn lạc, bây sẽ bị bắn ? ».

---

(1) Dịch tiếng *devant*, đáng lý ra là sau mới phải.

(2) *Ajoupa*: chòi của người dã-man, người da đen, ở đây cái mái lá để che nắng.

— Ông có hứa vậy.

— Bây cố ý dẫn lính của ta lạc lối trong bưng.

Hai thiếu niên làm thinh.

— Trước khi đi, ta đã nói rằng chúng bây sẽ bị bắn nếu chúng bây sẽ là hướng-đạo bất trung-thành ? Trả lời đi...

— Ông có cho hay như vậy, người anh cả đáp lời sau khi do-dự một chút.

— Vậy bây chịu bị bắn ?

— Chúng tôi sẵn lòng.

Thản-nhiên, người Nam-kỳ đáp lời với sự nhẫn-nại phương Đông.

Thấy cuộc thẩm vấn chấm dứt, hai người An-Nam chào.

V. . . bảo một viên cai lính, người Al-gê-ri.

— Kêu bốn người lính, và bắn hai tù-binh ấy sau trại.

Viên cai ra dấu cho hai người An-Nam : hai người nầy theo sau, một loạt súng nổ rập báo cho biết là xử bắn rồi.

Day qua chúng tôi, gương mặt đỏ rần, thiếu-tá nói :

— Đấy là những người hùng. . . xứ Hy-lạp có thể lập tượng hình cho các người ấy . . . còn tôi, tôi phải xử tử chúng.

Theo nguyên-tắc thì V . . . chẳng thương xót ai, nhưng bầm tánh người không tàn-nhẫn ; sau một lúc im lặng, dường như để vuốt-ve lương-tâm, ông ta lặp lại định-thức thích nhứt của Ông :

— Chiến-tranh là chiến-tranh . . . Nó càng tàn bạo, càng mau kết-liễu có lợi cho người thắng cũng như kẻ bại.

Sáng sớm ngày sau, đứng nơi pháo-hạm, chúng tôi thấy xa-xa, một tấm ván đóng dính vào một cây sống ở trên bờ, viên thông-ngôn dịch lại cho chúng tôi biết như vầy.

Tất cả dân chúng tỉnh Gò-Công (1) đồng-thanh tuyên-ngôn thế này.

Khi Chánh-Phủ của vua ta không tồn-tại ở phần đất này, chúng ta đau khổ như đứa hài-nhi mồ-côi cha mẹ.

Xứ các người ở về Tây-dương, quốc-gia của ta ở về Đông-hải.

Như con ngựa và con trâu khác biệt nhau, các người và ta cũng khác nhau về ngôn-ngữ, văn-tích và phong-tục. Thuở xưa, người ta sanh ra trong chủng-loại sai-biệt nhau; dầu ở đâu người ta cũng có giá-trị ngang nhau, nhưng bẩm sanh bất đồng.

Sự tri-ân buộc chặt chúng ta với nhà vua của ta, chúng ta trả thù tất cả những si-nhục đối với vua ta hay là chết vì đế-vương ta. Nếu các người tiếp-tục đem sắt lửa gieo rắc cho xứ sở ta, thì sự lộn-xộn còn dai dẳng; nhưng ta tùy theo Thiên-luật mà hành-động, cái nghĩa của ta sẽ thắng.

Nếu các người muốn hòa-bình, hãy trả lại lãnh-thổ của vua ta; ta chống các người vì mục-đích ấy.

Các người chiếm-cứ các tỉnh của chúng ta để thêm phú cường cho đế-quốc các người, để thêm sự chói sáng cho danh-vọng các người. Vậy các người muốn một số tiền chuộc lại lãnh-thổ của ta bị mất? Ta sẵn lòng, với điều-kiện là các người sẽ ngưng mọi sự gây rối và rút binh về lãnh-địa chiếm-hữu (2) của các người. Chúng ta cũng sẽ cám ơn các người, và thanh danh các người sẽ được biết khắp hoàn-vũ. Các người có muốn một nhượng-địa để làm thương-mãi? Chúng ta vui lòng nhận chịu.

---

(1) Hồi bấy giờ *huyện Tân-Hòa* là phải hơn. Tôi chắc là tên tục Gò-Công cũng thông-dụng, bằng chứng Vial dùng tiếng Gò-Công phần nhiều để chỉ vị-trí Gò-Công hơn là huyện Tân-Hòa. Song về mé dân-chúng mà đề *tỉnh Gò-Công* là không được, họa chăng là *xứ Gò-Công*, vì Gò-Công đối với họ chưa phải là tỉnh.

(2) Dịch *Possessions*, nhưng ở đây tôi nghĩ là nước thì phải hơn vì dân chúng hồi bấy giờ không chịu đầu hàng và nhượng tấc đất nào cho Pháp-quân nếu Pháp-quân dùng binh chiếm.

Nhưng, nếu các người từ chối, ta chiến-đấu không ngừng để vưng theo Thiên-chí. Ta khiêng giá trị các người, song ta sợ lòng Trời nhiều hơn thế-lực các người- Chúng ta thệ nguyện sẽ đánh mãi và không ngừng. Khi ta thiếu tất cả ta sẽ bẻ nhánh cây làm cờ và gậy gộc để làm khí-giới cho quân lính ta. Hỏi vậy làm sao các người sống giữa ta ?

Chúng ta yêu cầu các người chú-ý đến bản tuyên ngôn nầy và chấm dứt một trạng thái có hại cho quyền lợi đôi bên.

Chẳng phải là lời hăm-dọa suông : không có dân-tộc nào tiếp-tục kháng-chiến đến tình-thế nguy nan như vậy. Trong lúc mạt-lộ của đảng quốc-gia, tôi có bắt được một tù-binh với cây súng tay mà tôi tiếc không còn giữ cây súng ấy. Nó làm ra bởi một cây dù ! Bá súng là cái tay nắm của dù, cán cắt độ sau đốt (1) bề dài làm thành lòng súng; xoi ở trên một lỗ sáng (2) để quẹt lửa châm ngòi. Bên trong súng ấy đầy sắt nghiền nhỏ. Khỏi nói là khí giới nầy không được dùng lần nào, vì nó sẽ nổ nòng ngay trước mũi người bắn.

Sau nhiều cơn thất trận khốc-liệt, những người « *nâng vạc* » của một quốc gia lâm nguy còn kháng-chiến chống binh đội âu-tây với những khí cụ như vậy. Một vài lần, họ giết vài người của ta trong cạm bẫy của họ, nhưng nhứt là họ bắt chúng ta phải lội bưng hôi hám để rượt họ, dưới mặt trời nung đốt và như thế phải chết lần về bịnh hoạn.

Và hơn một lần, khi đuổi theo những người ái-quốc ấy mà chúng ta gọi là phiến-loạn (3), tôi cảm thấy một nỗi thương xót vô-biên cho dân tộc nầy và một sự kính-phục các quan-liêu của họ trong nghị-lực không giảm sút vì họ tin cậy vào sự công-bình (4) (Sách ấy ấn-hành luôn chú giải (4) ở dưới cuối trang)

---

(1) Đơn-vị dài xưa, đo được 0th027. Ở đây đo tất cả 0th162.

(2) Lỗ nhỏ ở hậu súng đại-bác hay cây súng.

(3) Nói ra đoạn nầy, chúng tôi ngờ rằng Réveillère hồi 1863 là Trung-Úy De M . . . giấu tên.

(4) Tình của chúng ta đối xứ chúng ta không phải cần chúng ta hiểu lòng ái-quốc của các dân-tộc khác. Ta hãy cung kính những cổ-tục của dân thuộc-địa của ta, và cho họ những lý lẽ để yêu Pháp-quốc vì nước nầy bảo-hộ họ. Dịch theo quyển *Lectures morales* tác-giả sách : *A. Despois và Mme Labérenne*, Paris, nhà sách Delagrave, 15 đường Soufflot, tác-giả bài : *Hải quân Thiếu-Tướng Réveillère*, trang 376-377-378-379-380.

Vậy cũng đồng-thời đi xăm-lăng, nhưng Réveillère cũng còn tình-cảm của con người!

Nói gì về các người Việt một sớm một chiều lên chơn thì lúc nầy tha hồ cho họ khoát nạt và vơ-vét dân lành. Bọn đó dưới thời-gian nào và không-gian nào cũng có

Lối đầu tháng tư (1), Bonard ở Huế về. Trương-Định có viết cho Bonard bức thơ như sau:

Chánh nguyên-soái, anh-hùng chốn rừng rú, chỉ-huy trưởng nghĩa-quân có trách-nhiệm loại trừ bọn Tây-dương ra tờ hịch nầy: Vương-quốc cao cả Phú-Lang-Sa phải cho chuộc ba tỉnh bị chiếm, tránh cho bông-hoa dân-chúng (2) và không để chúng ta chống đối trào-đình Phú-Lang-Sa mà cũng không nghịch với Nam-Trào. Và lại, các quan Phú-Lang-Sa ra lịnh cho treo cổ tất cả những kẻ qui-hàng sau khi bản tuyên ngôn hòa-bình ra đời. Dân-chúng không chịu thái-độ như vậy, và yêu cầu ta hỏi lần nữa vấn-đề chuộc tất cả đất đai đã bị chiếm (3).

Lẽ cố-nhiên là bức thơ nầy không đem kết-quả chi cả.

Ngày 1 tháng năm 1863 (4) Bonard lìa bến Saigon, về Pháp-quốc, để trách-nhiệm lại cho tướng De la Grandière.

Ngày 25 tháng 5 năm 1863 (5) cụ Giản về thành Vĩnh-Long. Tin nầy khiến dân-chúng Việt tin rằng nước Pháp sẽ qui-hoàn tất cả thành lũy ở ba tỉnh miền Đông.

Trái lại, lúc nầy khó cho Nam-Trào có cảm-tình đầy đủ của dân-chúng là nạn đói kém đang hăm-doạ và sắp hoành-hành trong Nam, nhứt

---

(1) Lối 14 tháng 2 năm Quí-Hợi sắp lên.

(2) Định muốn ám-chỉ mình, nhưng theo tác-giả nầy còn khuyết, phải nói: tránh cho bông-hoa dân-chúng khổ-cực.

(3) Sách *Les premières années...* của Vial trang 217, dòng 25 tới 27, và trang 218 dòng 1 tới 8.

(4) Thứ sáu 14 tháng 03 năm Quí-Hợi.

(5) Thứ hai 08 tháng tư năm Quí-Hợi.
Sách Vial, trang 220, dòng 26 và 27.

là chỗ bãi chiến-trường mới rồi. Hồi trước Pháp chưa đến, trào-đình Huế đảm-đương việc tiếp-trợ khi có đói, giờ đây làm sao được ? De la Grandière thi-hành đòn chánh-trị rất có công-hiệu :

Cấm xuất-cảng lúa gạo trong năm 1863, cho vài làng nghèo mượn bạc trước, khiến mua chuộc được thiện-cảm của dân-chúng còn hơn là những chiến-thuật chói lọi. Dân bản xứ cảm-động, lúc thấy ta ân-cần xem sóc quyền-lợi và nhu-cầu của họ (1).

Như vậy, dân-chúng khỏi lo nạn « lửa cơ đốt ruột » và yên-ổn làm mùa năm Giáp-Tý (1864).

▼ TRƯƠNG-ĐỊNH LẠI THOÁT KHỎI MỘT TRẬN TẤN CÔNG THỨ NHÌ Ở CÙ-LAO LÝ-NHƠN.

Về phần Trương-Định lại thoát mành lưới và tiếp-tục cuộc chiến-đấu. Không hao hơn nhơn mạng bao nhiêu nhờ có đường rút lui khôn-khéo (2), nghĩa-quân tụ-tập lại từng nhóm tại biên-giới Biên-Hòa (3), ở Lý-Nhơn (nay hãy còn thấy trên địa-đồ), nhóm cù-lao đối diện với

---

(1) Sách *Les premières années...* của P.Vial, quyển I, trang 232, dòng 22 đến 27.

Chánh-Phủ chinh-phục hay dùng chiến-thuật « đánh rồi bơm ngọt » Bonard đánh mạnh, de la Grandière dùng chánh-trị mềm dẻo như trả thành Vĩnh-Long, cho dân-chúng mượn tiền làm mùa không ăn lời, cấm xuất-cảng lúa gạo v.v... để gieo cảm-tình trong dân-chúng, và dân-chúng có ấn-tượng rằng mình được săn-sóc còn hơn Chánh-Phủ cũ của mình. Kỳ thiệt, tiền dân-chúng sẽ đóng góp trong ngày tương-lai chớ không phải bên Pháp xuất công-quỹ ra cho mượn, De la Grandière cấm xuất-cảng lúa gạo vì biết không làm vậy dân sẽ đói mà dân đói không dễ gì trị. Cứ một người gọi là dữ tợn đi rồi, thì người gọi là hiền lành đến, mà dân-chúng thiển-cận, không dè rằng người sau mới là sâu độc, có bàn tay sắt bọc nhung.

(2) Sách *Les premières années de la Cochinchine* quyển I, trang 214, 12 và 13.

(3) Hồi bấy giờ tỉnh Biên-Hòa lấy biên-giới mé Tây đến phía tả sông Đồng-Tranh, từ Vũng-Tàu chạy lên sông Ngưu-Chữ (sông Saigon) và từ đó lên nguồn sông nầy.

Theo địa-đồ sách *Histoire de l'Expédition...*

Gò-Công ngăn-cách bởi sông Soi-Rạp và Đồng-Tranh (1). Các cù-lao nầy đầy đặc thủy-liễu, dưới sông, và sình lầy nơi bưng biền ; nước lớn bao trùm mặt đất, trừ phi những khuỳnh đất cao ; trên rừng loại cây đước bao phủ xanh kịt, các tay « ngoài vòng pháp luật », cọp, heo rừng hoàn-thành bức họa của chốn man-dã còn trinh bạch ấy.

Trương-Định dời cả hành-dinh ra nơi ấy, mưu tính việc đánh phá. Định xây cất phòng-tuyến vững-vàng.

Một cuộc hành-quân đại-qui-mô, tốn kém mà không đem lại kết-quả mong muốn như ở Gò-Công, hồi 26 tháng hai 1863 không cần thiết nữa, và việc làm ấy nâng-cao giá-trị của Định dưới con mắt của dân Việt.

Ngày 25 tháng 09 năm 1863 (2) vài người mật-báo chỗ ở của Định cho Gougeard và Béhic biết. Tức thời một cuộc hành-quân được tổ-chức mau lẹ.

Pháp-quân và vài phụ-tá bản xứ đánh úp vào phòng-tuyến, câu-lưu vài người và chiếm đoạt nhiều súng ống.

Một người lính mã-tà níu Định nơi vai, nhưng Định chém một lát gươm, vùng chạy rồi trốn trong bụi rậm. Cuộc rượt bắt sôi nổi, Định xuống xuồng và bảo chèo đi mất ; vợ Định bị bắt và vài người khác.

---

(1) Sách *Les premières années de la Cochinchine* quyển I, trang 215, dòng 4 và 5 có viết vầy :... *aux embouchures du Soi-Rap et du Dam-Trang* Tôi có thành-kiến rằng Pháp đọc không đúng giọng rồi phải viết trại bẹ Đồng-Tranh ra Đam-Trang, nhưng ngoài sau cùng *Les premières années de la Cochinchine* quyển II có một tấm địa-đồ vẽ ra năm 1868 ở chỗ cửa Đồng-Tranh có đề *Cua Dong-Tranh* hay *Đam-Trang*, vậy thì có hai tên rõ-ràng để gọi một cửa, song đến bây giờ còn nghe gọi là Đồng-Tranh còn Đam-Trang thì hồi 1863 chưa biết gọi sao, vì tiếng Pháp không dấu nên không bỏ dấu. Một học-giả viết *Đầm tran tục gọi là đám lá tối trời*. Vậy tôi nêu ra hết để thỉnh-giáo với các văn-hữu.

(2) Thứ sáu 13 tháng 08 năm Quí-Hợi.

Đoạt được tài-liệu trong đấy có mục-lục kê danh-tánh các đồng-lõa và một bức thơ giao đạn-dược cho Định của người Hoa-Kiều ở Phan-Rí.

Đồng-thời, nghĩa-quân lại nổi lên đánh phá ở biên-giới tỉnh Biên-Hòa, chung-quanh Tân-An, Mỹ-Tho, Cần-Giuộc và Chợ-Lớn (1), quyết theo đuổi chánh-sách làm rối trật-tự, không cho Pháp-quân cai-trị được.

Về phần Trương-Định phóng tin huyên-truyền rằng Định đã đi Huế với sứ mạng gì đó, thoạt lại loan là người ta thấy Định ở Bình-Thuận, thoạt nghe tiếng đồn rằng Định ở ngoại ô thành Saigon. Đây là Định áp dụng một chiến-thuật làm địch-quân lạc lối.

▼ TRƯƠNG ĐỊNH BỊ HUỲNH-CÔNG [?]-TẤN HẠI.

Định có một người tử-thù là Tấn.

Đội Huỳnh-công-Tấn gốc-gác ở làng Phước-Hậu (tên nầy nay hãy còn trên địa-đồ lối Rạch Cầu-Tràm, hướng Đông và Tây giáp-giới những làng Mỹ-Lộc, Long-Trạch, hướng Bắc và Nam giáp-giới với Long-Thượng và Phước-Lâm) tỉnh Chợ-Lớn. Thân-phụ của Tấn làm chức phó-quản-cơ, kịp sau khi Kỳ-Hòa thất-thủ, người lui về phủ Tân-An để đi thương-mại sanh sống, trong lúc ấy người có liên-lạc với một người quan Việt cộng-sự với Pháp. Tấn tùng-ngũ dưới quyền của Định, song lúc nghe được thân-phụ của Tấn giao-dịch với viên quan ấy, Định hăm dọa lấy đầu Tấn nếu thân-phụ Tấn còn giao-thiệp với viên quan kia nữa. Tấn khiếp. Thừa cơ Định lơ-lỏng, Tấn trốn sang hàng-ngũ Pháp hồi năm 1862 (2).

---

(1) Sách *Les premières années de la Cochinchine* trang 234, dòng 19 và 20.

(2) Phỏng theo sách *Abrégé de l'Histoire d'Annam* của A. Schreiner, trang 265 phản-tổng (1).

Tấn sang hàng-ngũ Pháp-quân lối đệ-nhị tam-cá-nguyệt hay là đệ-tam tam-cá-nguyệt năm 1862.

Khỏi phải nói là lúc qua bên nầy lằn mức, Tấn phải hết sức sốt-sắng, nhiệt-thành để mua lòng Pháp.

Tấn hiểu ngách ngõ của xứ Gò-Công. Vì lập nhiều công-trạng ở xứ nầy, nên được Định tin dùng và cố-nhiên là biết mặt Định. Tấn phải tùy theo Guys hồi Guys còn chỉ-huy chiếc l'Alarme, ngữ trên rạch Gò-Công để coi chừng những cử-động của Định. Tấn là người hiếu-thảo, rất thông-minh, rất liều-lĩnh, gan dạ kỳ lạ... (1).

Ngày 26 tháng hai 1863, ngày đại-tấn-công của Bonard vào Gò-Công, Tấn giữ một cây cầu chống trả dõng-binh đông quân-số hơn. Bị một viên đá bắn vào đầu gối, Tấn được đem về và quân-y Pháp tính cưa chơn để cứu Tấn, nhưng Tấn không chịu. Sau Tấn lành bịnh một cách phi-thường. Tấn sang dưới quyền chỉ-huy của Gougeard. Viên nầy ở tại Gò-Công và theo dõi Trương-Định mãi.

Khi nghe truyền tin, Định đi xa, Tấn không tin như vậy, trái lại Tấn đinh-ninh là Định ở lẩn-quẩn vùng Gò-Công.

Tôi đã nói đòn đánh chánh-trị có hiệu-quả rất mỹ-mãn là De la Grandière cho các làng chỗ bãi chiến-trường mượn tiền không ăn lời, nhưng với điều-kiện là phải mách vị-trí Định, nếu Định có về.

---

(1) Nguyên-văn : *Cet homme pieux, très intelligent, très hardi, d'une bravoure extraordinaire...* sách P. Vial, quyển I, trang 319, dòng 22 và 23. Pieux có hai nghĩa là kính-tinh tức sùng-đạo và hiếu-thảo. Ở đây tôi gượng để hiếu-thảo, bất tất đã là đúng.

Cũng trong trang 319 dòng 9 và 10 Paulin-Vial có than-phiền một câu rất lố-bịch, là sau khi nghe Định nay ở Huế, mai ở Bình-Thuận, mốt ở Saigon, rằng :

Ấy là một cuộc âm-mưu thường-xuyên khéo léo tạo nên để không cho chúng ta ngơi nghỉ. (C'était une conspiration permanente savamment ourdie contre notre repos).

Đi xâm-chiếm mà còn phiền hà dân-chúng bên địch là âm-mưu thì thật là buồn cười quá lẽ !

Đêm 19 rạng 20 tháng tám năm 1864 (1) có người mật-báo với Tấn rằng Định sẽ về tại làng Kiềng-Phước (tên nầy nay hãy còn trên địa-đồ, Đông giáp-giới Soi-Rạp, Bắc, Tây, và Nam giáp-giới những làng Tân-Phước, Tân-Niên-Tây, Tân-Niên-Đông và Tân-Bình-Điền) (2). Tấn chỉ-huy một số người dưới tay, âm-thầm vây nhà mà Định với hai mươi lăm (3) người tâm-phúc đang trú trong đấy.. Nằm đây tới bình-minh, Tấn mới dậy và ào vào nhà.

Tấn gặp một cuộc đương-cự cương-quyết. Quản Định và tâm-phúc-nhơn chống trả như những anh-hùng, các người ấy dành nhau phóng ra ngoài, còn vài người khác hy-sanh chịu để cho quân ta giết. Quản Định ở giữa những người chen ra, chém một lát gươm nón của tên mã-tà, một lát khác một tên nữa khiến rớt súng và đến gần bụi rậm suýt khỏi bị một vết thương nào hết ; lúc bấy giờ Tấn chĩa súng sáu bắn ngay Định và hô lớn cho các mã-tà bảo nhả đạn, mặc dầu Tấn có ý bắt sống. Một viên đạn trúng đích, Định bị gãy xương sống té xuống đất. Năm thây chết trong số ấy có Quản Định, võ-khí và tài-liệu đều bị Tấn lấy được.

Xác của Quản Định được đem về Gò-Công và để cho công-chúng xem và nhìn biết ; Quản Định có vóc thanh-lịch, nước da trắng, nét mặt tao-

---

(1) 18 rạng 19 tháng 7 năm Giáp-Tý.

(2) Sách *Bốn vị anh-hùng...* của Thái-Bạch nơi trang 70, nói *Chiến-Khu Bình-Xuân, Kiến-Phước*» (không g mà địa-đồ hành-chánh Nam-phần viết có g). Tôi không thấy tên Bình-Xuân ở trên hoặc dưới Kiềng-Phước, chỉ có làng Gia-Thuận trên Bắc, Tân-Bình-Điền dưới Nam. Hoặc là hồi 1864 có làng Bình-Xuân mà bây giờ đã nhập vào làng khác, hoặc là một ấp nhỏ mà ngày nay không có biên trên địa-đồ.

Sách *Nỗi lòng Đồ-Chiểu* của Phan-văn-Hùm, in lần thứ hai, tủ sách Tân-Việt, trang 97 cũng thấy tác-giả viết Phước-Kiến. Vậy Kiến và Kiềng tên nào đúng ?

(3) Cũng sách *Bốn vị anh hùng...* trang 71, dòng 2 nói ba mươi người.

nhã và tinh-tế hơn người đồng-hương với Định (1).

Nhơn dịp nầy, De la Grandière trả tự-do cho Đề Đốc Huân bị quan viên Nam-Trào câu-lưu và giao cho Pháp.

Theo giấy tờ thâu thập được có cả thảy 10.800 danh-sách của quân tình-nguyện và cưỡng-bách tùng-ngũ dưới quyền chỉ-huy của Định. Chánh-Phủ xâm-chiếm bắt vài tay quan trọng. Người ta gặp một tờ hịch biểu-lộ nỗi nguyện-vọng nhiệt-liệt của một tinh-thần không phục-tùng, và hy-vọng thầm kín rằng ngày tương-lai vua Tự-Đức sẽ ban thưởng xứng đáng cho người, song lại giấu tên vua e làm nguy-hại đến Hoàng-Đế một khi Pháp bắt được tờ hịch nầy.

Hịch của Quản Định trong cuộc nghĩa tháng 8 năm 1864 (2).

Hịch rằng :

Từ ngày bọn mọi-rợ ngoài khơi (3), *tự đắc vì lực-lượng thủy-quân và sự dõng-mạnh của đại-bác, vô cớ đến khuấy rối biên-thùy của ta và nọc độc của chúng lan tràn khắp chốn, những vị thần-linh bảo-vệ ta và dân-chúng đều run vì uất-hận. Nhiều lần lịnh tối-cao đã xuống để dân chúng cản ngăn*

---

(1) Dịch theo sách *Les premières années de la Cochinchine* của Paulin-Vial, trang 321-322. P. Vial có đến tại chỗ để coi mặt Định, nên mới biết mà tả ra như vậy.

Lật quyển *Documents pour servir à l'Histoire de Saigon* của Jean Bouchot, nhà in A. Portail, Saigon, 1927, trang 215, 216 và 217 thấy P. Vial làm phó-quan gởi cho Boresse bốn bức thơ và Maucher một bức (trước nữa không tính) 312 ngày 11-8-1864, 314 không đề ngày duy đề 1864, 315 đề ngày 12-8-1864, 316 cho Maucher đề ngày 12-8-1864, 317 đề ngày 18-8-1864. Đến ngày 22-8-1864 có hai thơ khác cho Boresse số 323, 324, và cho Cảnh-Sát-Trương với số 325 đều ký tên E. de Jonquières gởi, tới ngày 23, 24, 26-8-1864 đều ký trở lại là P. Vial.

Từ 19 tới 22-8-1864 P. Vial vắng mặt ở Saigon. Trong thời-gian ấy Vial đã đi Gò-Công để xem biết mặt Định nên mới không có ở nhiệm-sở mình, chắc-chắn không đi đâu khác.

(2) Từ ngày 01 tháng 9 đến 30 tháng 9 năm 1864. Lẽ phải đề năm Giáp-Tý.

(3) Dịch *Barbares du large* ở đây tôi tưởng là ngoại-dương thì đúng hơn.

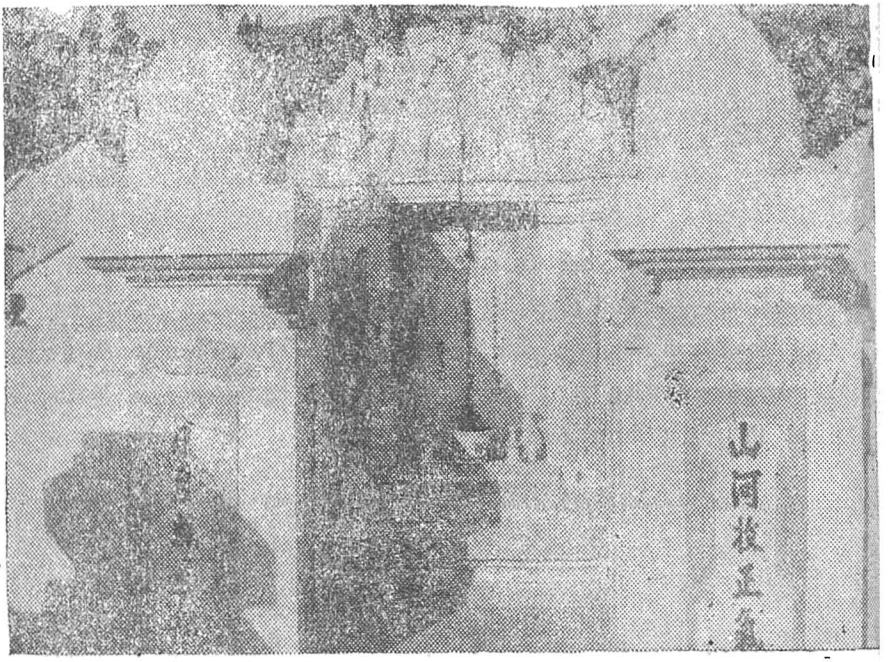

Ảnh mộ Trương-Định trùng tu (thấy trước mặt)

Ngay từ năm 1864, mộ Trương Công đã được xây bằng đá ong với hồ vôi ô-dước ; trên bia mộ có đề *Đại Nam, Bình Tây Đại tướng Quân, Trương Công Định chi mộ*. Hai cây trụ trước mộ có đôi liễn :

Sơn hà thâu chánh khí
Nhựt nguyệt chiếu đơn tâm.

Sau đó bia mộ này bị Pháp cho bằm nát.

Đến năm 1945, mộ Trương Công được sửa chữa lại. Mộ bia được khắc : *Đại Nam, thần dõng Đại Tướng quân truy tặng Ngũ Quân Quận công, Trương Công Định chi mộ*. Tới 1956, được trùng tu và thêm 2 câu đối nơi cửa :

Trương chí quật cường, võ liệt nêu cao đất Việt,
Định tâm kháng chiến, văn mộ chói rạng trời Nam.

■

bọn đó, nhưng chống hay là không chống đều là ở lòng dân : người ta không đương đầu chống chúng nổi (1).

Vậy chớ định ràng kháng-cự chúng không kham sao ?

Từ ngày lòng dân đã muốn, ta lên làm nguơn-nhung ba tỉnh, trước hết ta cố-gắng điều-khiển Tân-Hòa chống quân cướp ấy, không thâu lượm được kết-quả mỹ-mãn. Chỉ còn trông cậy vào tấm lòng yêu thương không phai lợt của người người đối với ta và ân-trạch vĩ-đại của Trào-Đình. Vâng, ta sẽ lấy vi-lô làm cờ, lấy tầm vông làm võ-khí. Thế là xong, bất dung tha bọn cướp.

Nhưng mà ! than ôi ! binh không lương-thực ; còn bao nhiêu lúa ở Tân-Hòa đều bị tản-mác, và võ-khí, một lúc dự-trữ phải bị chôn, vì giờ đây không có nghĩa-quân để sử-dụng nó. Sợ là lòng dân đổi hướng.

Từ bấy (2) *nay gom góp đồng tro-tàn, trong mười phần, còn bốn hay năm ; sự mua chác vừa đầy đủ và bây giờ còn tìm phương-pháp để dùng một khi giờ phút hủy-hoại đến* (3) *; nhưng dò sâu đến chín và thời-vận cần-thiết, tất cả đều phải đợi chờ. Trong một ấp mười nhà, có nhiều nghĩa-quân ; vậy chớ sao người ta bảo là không có ai ?* (4). *Và những tướng tùng-ngũ như tổng-binh và quan-suốt là những người giàu có muôn hộ hay là hàng nho-sĩ đều có một số lớn vì nghĩa cả. Vậy khi muốn quân man-rợ ấy dừng tay và để ta lập an-ninh trong dân-chúng, làm sao không có người làm cố-vấn cho ta và không có người đề-nghị với ta một phương-pháp để đem lại kết-quả vĩ-đại ấy, để, diệt-trừ*

---

(1) Bản dịch P. Vial, trang 323, từ dòng 15 đến 18 như vầy : *mais résister ou ne pas résister est au cœur de l'homme : on n'a pu tenir contre eux. Serait-il dit cependant qu'il n'y a pas à résister ?*

Câu *on n'a pu tenir contre eux* người ta không đương đầu chống chúng nổi, còn thiếu một mạng-đề bổ-túc. Theo tôi : Người ta không đương đầu chống chúng nổi vì lòng dân không muốn chống nữa. Song tôi nghe thấy ngờ-ngợ vì đã chống rồi không chống rồi chống.

(2) Từ ngày 26 tháng hai 1863.

(3) *Từ bấy nay... tới hủy hoại đến* là nói về võ-khí.

(4) Đây là Định trả lời cho các người cầu-an hoặc có tinh-thần hàng đầu rằng : phải có người có nhiệt-huyết cầm súng chống Pháp, chớ lẽ nào không ?

quân cướp và lấp đầy hy-vọng ta (1). Sao lại từ cao đến thấp người ta lo tranh dành nhau, những sự bằng lòng hão về tham-lam và những mưu-mô đen tối (2). Lẽ phải có những cuộc tuyển-chọn người thông-minh và có ý-kiến sâu thẳm ở dưới từng lớp thuộc-hạ, mà từ hồi nào đến nay, các người nầy không thể tiến vào điện-đài quyền-tước và như vậy thì hoàn-toàn vô ích cho những người nầy.

Về ta, ta chỉ là một tên lính vô-học-thức và trở nên tướng-lãnh vì thời-thế: ta chỉ có lấy cái đốt của ta để chống đỡ, cho đến đỗi ta hổ thẹn ngồi cao hơn tam vị tướng-lãnh kia: bên hữu như bên tả đều chẳng có người để ta vấn-kế, ta thi-hành trong sự dọ-dẹ và ta thâu-thập những ý-kiến của bình-dân để chiêm-nghiệm và phụng-sự nhơn-dân, những mưu-lược mục-đích hủy-diệt quân cướp để cuối cùng, sau dứt một dấu-hiệu trống (3), dân-chúng đều thở không-khí thông-thả.

Vì lẽ ấy, ta ra tờ hịch nầy yêu cầu hãy đến đây tất cả người dầu ở dưới đạo-binh nào, từ tổng-binh tới quan-suốt, không phân-biệt sĩ-phu hay võ-biền, nếu các vị nầy có phương-pháp diệt quân cướp, dầu dưới nước, dầu trên bờ, dầu với xe, dầu với ngựa hay là trâu, nếu các vị ấy có ý-tưởng đoạt tàu, thâu thành, nếu các vị nầy có một vị-trí tốt để kháng-chiến, một hang sâu, một vực-thẳm để đóng một đạo quân, ta cầu xin với các vị ấy hãy giúp ta phương-pháp để đem về một kết-quả lớn lao, ta sẽ thăng-thưởng những người ấy bằng những chức-vị tương-đương với công, những tưởng-lệ bằng bạc tiền châu báu xứng đáng để không thể gọi là phần thưởng của anh hà-tiện cấp cho.

---

(1) Lúc nầy, có lẽ, người ta đã bắt đầu sợ cho tánh-mạng mình, nên không còn nhơn-tài dưới soái-tướng nữa ?

(2) Trong hàng-ngũ nghĩa-quân đồng một lòng nhau mà cũng còn những ganh-tị nhỏ nhen làm hại nghĩa to. Thật, thời-gian nào và không-gian nào cũng có những bọn thích làm lớn (*mégalomane*).

(3) Dịch *Signal de tambour*, ở đây *một hồi trống* phải hơn ?

Ta làm hịch này để cho mọi người đều biết.

Nay hịch.

(Bản nầy dịch ra do Giáo-Sĩ Legrand de la Lyraie (1), Thanh-Tra Bổn-Xứ Sự-Vụ, thông-dịch-viên của Toàn-quyền) (2).

Mộ-phần của Trương-Định đã được lựa gần Tòa-Bố Pháp. Nhiều người Việt đến dự đám táng. Những công-sự-viên Việt biết tâm-lý người hay giấu bặt những hung-tín loại ấy, để duy-trì tinh-thần chiến-đấu của dân-chúng Việt, nên mách cho người Pháp hiểu rõ.

Người Pháp, cắt lính bố-phòng chung-quanh mả e nghĩa-quân lại đoạt đi.

Theo *Đại-Nam Chánh Biên Liệt truyện,* vợ Định là Lê-thị-Thưởng (3).

---

(1) Cố-Tràng, cha Tràng hay Cụ Trường hay Legrand de la Liraie mà dưới thời Pháp-thuộc đường Phan-Thanh-Giản bây giờ mang tên, từ ngả tư đường Lê-văn-Duyệt tới rạch Thị-Nghè. Theo bài *Le rapport de Phan-Thanh-Giản et de Lâm-Duy-Hiệp sur leur mission à Saigon, auprès de l'Amiral Bonard et Palanca* trong tạp-chí *Bulletin des Amis du Vieux-Huế 1918,* số 4, trang 219, phản-tống (3).

(2) Bản hịch dịch trong sách *Les premières années de la Cochinchine* tác-giả : Paulin-Vial trang 323, 324, 325 và 326.

(3) Ở Lý-Nhơn, vợ Định bị bắt, không biết phải bà nầy chăng ? Chấp nhận rằng là bà bị Pháp giam cầm, đến Định mất cũng cho bà ra để bà làm tròn phận-sự người vợ ngày cuối cùng của chồng. Sao lại có mình bà hầu đứng tống-táng, mà bà hầu nầy đáng-lý không ra mặt được vị bà triệt-để ủng-hộ nghĩa-quân và tình-nguyện theo giúp ? Bà hầu đã giàu thì sao để bà Thưởng không nơi nương-tựa mà phải về nguyên-quán ? Ba cái « tại sao » ấy khiến tôi trả lời không được.

Sau khi Định qui-tiên, con trai tên Tuệ (trong Nam gọi là Huệ) nổi lên và cũng bị chết (1). Bà Thưởng hết còn chỗ nương tựa phải trở về nguyên-quán là Quảng-Ngãi để sanh nhai.

Năm Tự-Đức thứ 27 (2), thấy Định nghĩa-khí đáng khen, nay vợ bị nghèo khổ thật đáng thương, quan tỉnh bèn tâu về triều xin cấp cho bà mỗi tháng hai mươi quan tiền và hai phương gạo đến khi bà chết thì thôi.

Năm Tự-Đức thứ 31 (3), tỉnh-thần Trà-Quí-Bình tâu rằng : Một nhà Định cha con trung-nghĩa, được vua soi xét từ lâu, vậy xin cấp cho tự-điền năm mẫu, để người trong họ là Văn-Hồ nhận làm kế-tự. Vua y theo.

Năm Tự-Đức thứ 34 (4), vua nhớ đến công của Định lại sai dựng đền thờ ở làng sở tại tức là Xã Tư-Cung, và cấp thêm cho vợ một tháng mười quan tiền và sức cho xã đó phải lo săn-sóc bà.

Khi bà mất, vua ban cho một trăm quan tiền để làm ma chay (5).

Nén hương hoài-cổ sắp tàn.

Chuyện Trương-Định tự sắp sửa đánh hồi chuông cáo chung.

Định là nhơn-vật của đại-chúng miền Nam Quốc-Gia Việt, nên

---

(1) Theo *Les premières années de la Cochinchine* của Vial quyển II, trang 256 thì Huệ bị người Miên dụ vào rừng để dự tiệc. Huệ, vợ Huệ và bao nhiêu du-kích-quân đều bị hạ sát. Trừ vài người phụ-nữ và con nít trốn trong bụi mới thoát chết. Họ lần về đồn của Pháp và tiết-lộ sự nầy. Huệ bị tàn hại lối tháng năm năm 1870 (tháng tư năm Canh-Ngọ).

(2) Năm Giáp-Tý (1864).

(3) Đinh-Mão (1867).

(4) Tân-Mùi (1871).

(5) Từ *Theo Đại-Nam Chánh... tới làm ma chay* là rút trong *Đại-Nam Chánh-Biên Liệt truyện*, tập 2, quyển 38, trang 26 a và b do cụ Tô-Nam dịch ra cho tác-giả chép lại. Tác-giả rất cảm tạ cụ Tô-Nam.

tác-giả xin bàn góp chút ít về Định thôi, tuyệt-nhiên không có ý phê-bình chi cả.

Khen Định ưu-tú ư ?

Giữa lúc nầy, khen như vậy, tác-giả hóa thành bánh xe thứ năm rong chiếc xe bốn bánh, việc mà tác-giả không thích tí nào.

Vả lại, nếu khen như thế, tất phải phủ-nhận công-cán, sự hy-sanh không bờ bến của Phan-Thanh-Giản (70 tuổi còn đi sứ bên Pháp) người mà cả phe chủ-hòa và người Pháp đồng-thanh cho là người ái-quốc sáng-suốt (patriote éclairé), cố-gắng đem sự tối-thiểu tổn-thất cho quốc-gia Việt.

Nói Định là người bất tuân kỷ-luật, cùng chẳng hiểu rõ tình-hình trong nước và khát-vọng của các cường-quốc ngoại-dương, làm cho rối thêm chớ không gỡ-gạc chi hết, vì trận Kỳ-Hòa đã chẳng quyết-định vận-mạng của quốc-gia Việt rồi ư ?

Nói như thế là bao quát luôn phe chủ-chiến gồm cả Vua Tự-Đức trong đấy vì Vua Tự-Đức tha-thiết và sốt-ruột với xứ Gò-Công, đã khuyến-khích Định trong việc đề-kháng chống Pháp.

Vậy Định sẽ được phẩm-từ nào ?

Các bạn tìm dễ-dàng tiếng ấy trong các lời mọn thốt ra trên kia.

Không phải là nhà phê-bình hay là học-giả, tác-giả chỉ là một kẻ hiếu-kỳ muốn xếp đâu vào đó. Có thế thôi.

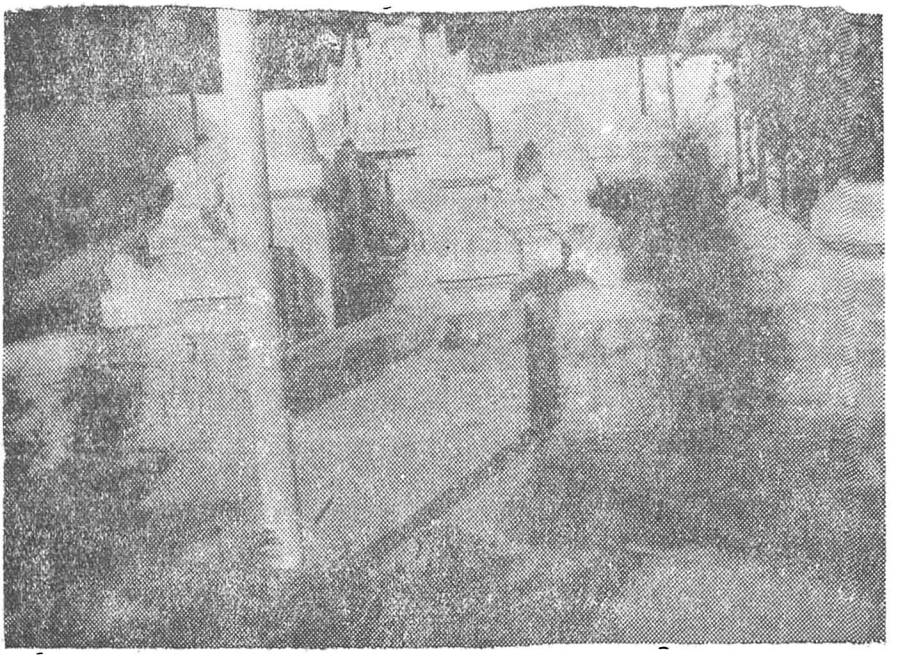

Ảnh tổng-quan mộ Trương-Định

PHỤ - BẢN

▼ MƯỜI HAI BÀI LIÊN HOÀN BÁT CÚ VÀ VĂN TẾ CỦA NGUYỄN - ĐÌNH - CHIỂU.

Trương-Định có một tri-kỷ : Nguyễn-Đình-Chiểu.

Nguyễn-Đình-Chiểu sinh năm Nhâm-Ngọ 1822 (1), người bài Pháp triệt-để.

Có lẽ vào đệ-nhị tam-cá-nguyệt hay là đệ-tam tam-cá-nguyệt năm Tân-Dậu 1861, Định có yêu-cầu Đồ-Chiểu gia-nhập bộ tham-mưu của mình, nhưng Đồ-Chiểu từ chối vì lý-do bị mù mắt. *Tuy thế mà mỗi khi có việc chưa thông, Trương-Định cũng cầu mưu hỏi ý nơi ông đồ* (2).

Khi nghe Định bị bắn thác, Nguyễn-Đình-Chiểu hết sức đau khổ về tinh-thần. Thế Đồ-Chiểu mới điếu Định mười hai bài liên-hoàn bát-cú và một bài văn-tế. Bài sau nầy não-nuột, lâm-ly, một thể cổ-văn đại-bút trong Nam vậy.

---

(1) Sách *Nỗi lòng Đồ-Chiểu* trang 11.

(2) Sách *Nỗi lòng Đồ-Chiểu* của Phan-văn-Hùm trang 26 dòng, 13, 14, và 15.

Điếu TRƯƠNG - ĐỊNH

Mười hai bài

I

Trong Nam tên họ nổi như cồn,
Mấy trận Gò-Công nức tiếng đồn.
Dấu đạn hỡi rêm tàu bạch quỉ (1)
Hơi gươm thêm rạng thẻ hoàng-môn
Ngọn cờ ứng nghĩa trời chưa bẻ,
Quả ấn Bình-tây đất vội chôn.
Nỡ khiến anh-hùng (2) rơi giọt lụy
Lâm-dâm ba chữ điếu linh-hồn.

II

Linh-hồn nay đã tách theo thần,
Sáu tỉnh còn roi dấu tướng-quân.
Mực sở lãnh-binh mờ mắt giặc,
Son bằng ứng nghĩa thắm lòng dân.
Giúp đời dốc trọn ơn nam-tử,
Ngay chúa nào lo tiếng nghịch-thần.
Ốc (3) ngỡ tướng tinh rày trổ mặt,
Giúp xong nhà nước buổi gian-truân.

III

Gian-truân kể xiết mấy nhiêu lần,
Vì nước đành trao một tấm thân.
Nghe chốn Lý-Nhân (4) người sảng-sốt,
Nhìn cồn Đa-phước (5) cảnh bâng-khuâng.

---

(1) Người Pháp.

(2) Hai tiếng anh-hùng không biết cụ Đồ muốn trỏ về ai. Không lý cụ Đồ tự gọi mình như vậy?

(3) ?

(4) Cù-lao giao mặt với xứ Gò-Công.

(5) Không thấy ghi tên trên *Địa-đồ Hành-Chánh Nam-Phần*, song lấy trực-giác mà suy chắc là cồn cát ở giữa cửa Soi-Rạp và cửa Đồng-Tranh?

Bát cơm Kê-lữ (1) chi sờn buổi.
Mảnh áo Mông-lung (2) chẳng nệ phần.
Chí dốc ra tay nâng vạc ngã,
Trước sau cho trọn chữ quân-thần.

IV

Quân-thần còn gánh nặng hai vai,
Lỡ dở công-trình hệ bởi ai ?
Trăm đám mộ-binh vầy lớn nhỏ,
Một gò cô-lũy (3) chống hôm mai.
Lương-tiền nhà ruộng ba mùa trước,
Thuốc đạn nghe buôn bốn biển ngoài.
May rủi phải chăng, trời đất biết,
Một tay chống-chỏi mấy năm dài.

V

Năm dài những mảng (4) ngóng tin vua,
Nín nhục thầm toan lẽ được thua.
U kế (5) năm hằng còn chỗ đoái,
Ngô Tôn (6) trăm chước đợi ngày đua.
Bày lòng thần-tử vài hàng sớ,
Giữ mối giang-sơn mấy đạo-bùa,
Phải đặng tuổi trời cho nượn số,
Cuộc nầy ngay vạy có phân-bua.

---

(1) ?

(2) Áo giáp.

(3) Lũy ở chơ-vơ một mình.

(4) Những phải dấu ngã chớ không dấu hỏi và có nghĩa là liên-tiếp, luôn-luôn. Mảng là trí suy vào một chỗ mãi, lo lắng. Những mảng là liên-tiếp suy-nghĩ, lo-lắng.

(5) ?

(6) Ngô-Khởi, Tôn-Võ-Tử hai chiến-pháp-gia đại-tài.

VI

Phận-bua trời đất biết cho lòng,
Công việc đâu đâu cũng muốn xong.
Cám nỗi nhà nghiêng lăm (1) chống cột,
Nài bao bóng xế luống day đòng.
Đồng-Nai, chợ Mỹ (2) lo nhiều phía,
Bến-Nghé, Saigon (3), kể mấy đông.
Dẫu biết dùng binh nhờ đất hiểm,
Chẳng đành xa bỏ cõi Gò-Công.

---

(1) Mong.

(2) *Đồng-Nai*: theo Đường-Thơ gọi Chu-Nại, người nhà Thanh gọi là Nông-Nại và tiếng Việt biến ra thành Đồng-Nai, ở đây Đồng-Nai là Biên-Hòa.

Chợ Mỹ: Cù-úc Mỹ-Tho tên gọi của Cam-bốt.

(3) *Bến-Nghé*: Lối cầu quay qua đường Trịnh-Minh-Thế bây giờ kêu là Bến-Nghé. Trong *Đại-Nam Nhất Thống-Chí Tập Thượng*, dịch-giả: Tu-Trai Nguyễn-Tạo, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản, trang 75 có: *Ngưu-chử thị (chợ Bến-Nghé) ở phía Đông huyện Bình-Dương, phố xá trù mật.*

Chỉ vỏn-vẹn bấy nhiêu thôi mà tìm hiểu, và không biết đích-xác chợ nầy hiện giờ ở vị-trí nào, phần người Việt định, phương-hướng sai. Ở lối ấy có *Chợ Sỏi, Chợ Sỏi* cũng để ở phía Đông huyện Bình-Dương ... (sách đã dẫn trang 73) Chợ Sỏi ở lối Hội-trường Diên-Hồng bây giờ. Ở hướng Hội-trường Diên-Hồng mà gọi là hướng Đông thì không được, chỗ ấy vào hướng Nam.

Saigon: tên Saigon là đặc-biệt cho châu-thành Huê-Kiều. Những người nầy gọi là Tại-ngon hay là Tai-ngan (Đề Ngạn). Châu-thành mà chúng ta (người Pháp) kêu là Saigon, người An-Nam gọi là Bến-Nghé. Vì duy nhứt dân-chúng nghe chúng ta nói Saigon nên họ gọi địa-điểm ấy là Saigon để dễ bề chúng ta hiểu. Sách *Histoire et Description de la Basse-Cochinchine* (*Gia-Định Thông-Chí* của Trịnh-Hoài-Đức) dịch-giả: G. Aubaret (tên Việt gọi là Hà-Bá-Lý) trang 194.

Vậy thì trước 1861, Saigon là tên gọi Chợ-Lớn bây giờ.

VII

Cò-Công binh giáp hỡi chàng-ràng,
Đoái Bắc trông Nam luống thở-than.
Trên trại Đồn-đàn (1) hoa khóc chủ,
Dưới vàm Bao-ngược (2) sóng kêu quan.
Mây giăng Truông-cóc (3) đường quân vắng,
Trăng xế Gò rùa (4) tiếng đầu tan.
Mấy dặm non sông đều xửng vững (5),
Nạn dân ách nước để ai toan ?

VIII

Ai toan cho thấu máy trời sâu ?
Sự thế nghe thôi đá lắc đầu !
Giặc cỏ om-sòm mưa lại rưới.
Binh sương lác-đác nắng liền thâu.
Cờ lau đã xếp trên Giồng-tháp, (6)
Trống sấm còn gầm dưới Cửa-khâu. (7)
Cảnh ấy những mơ người ấy lại,
Hội nầy nào thấy tướng-quân đâu.

---

(1) ?

(2) Hẳn ở vàm sông Tra chảy ra Đại Vàm-Cỏ ?

(3) ?

(4) ?

(5) *Xửng-vửng* : xây-xẩm. Trên đây viết vững dấu ngã là lầm. Lỗi in.

(6) ?

(7) Còn thấy ở trong *Địa-đồ Hành-Chánh Nam-Phần* ở mé hữu sông Cửa Tiểu một con rạch đề tên *rạch Luông-Uong* (chữ sau viết như vậy không bỏ dấu chi cả) ở trên nguồn có đề cửa Khâu.

Hồi Định còn sống có phục-kích quân Pháp ở đây, song không rõ ngày tháng, và cuộc xáp chiến như thế nào ?

IX

Tướng-quân đâu hỡi có hay chăng ?
Sáu tỉnh cơ-đồ, nửa đã ngăn. (1)
Cám nỗi kiến ong ra sức dẹp,
Quản bao sâu-mọt chịu lời nhăng. (2)
Đá kêu rêu mọc bia Dương-Nghiệp. (3)
Cỏ úa hoa tàn mả Lý-Lăng. (4)
Thôi vậy thời vầy, thôi cũng vậy,
Anh-hùng đến thế dễ ai dằn ? (5)

X

Dễ ai dằn-thúc lối sau nầy,
Trời bởi chưa cho vội đổi xây.
Thà buổi trường-sa da ngựa bọc, (6)
Khỏi nơi Đạo-chích tiếng muông rầy. (7)
Lục-lâm mấy chặng hoa sầu bạn,
Thủy-hử vì đâu nhạn rẽ bầy ?
Hay vậy cõi biên giong vó ký, (8)
Náu-nương chờ vận có đâu vầy. (9)

---

(1) Biên-Hòa, Gia-Định và Định-Tường đã về Pháp do hòa-ước ký kết ngày 5 Juin 1862 (mồng 09 tháng 05 năm Nhâm-Tuất), còn Vĩnh-Long, An-Giang và Hà-Tiên về tròa-đình Huế.

(2) Lời của kẻ tiểu-nhơn bàn tán.

(3) Danh-tướng đời Tống, cả nhà cha con đều giỏi, thời nhơn gọi chung là Dương-gia-tướng.

(4) Tướng đời Hán Võ-Đế, năm 99 trước Tây-Nguyên đánh Hung-Nô, kiệt-lực phải qui hàng — sách *Nỗi lòng Đồ-Chiểu*, trang 58.

(5) Dằn thúc — sách đã dẫn cũng trang 58.

(6) Cảnh của chiến-sĩ khi thác giữa trận mạc.

(7) Chó của người ăn trộm tên Chích cứ sủa người lạ mặt.

(8) Vó ngựa hay ở đây là chiến-mã. Nếu trước rõ được cảnh chết như nay, thì lên ngựa đi nhậm chức lãnh-binh.

(9) Rồi lây lất chờ vận đỏ còn hơn.

XI

Đâu vầy sấm chớp nổ thình-lình,
Gió bặt thêm buồn mấy đạo binh.
Ngựa trạm xăng-văng miền Bắc-khuyết, (1)
Xe nhung ngơ-ngẩn cõi Tây-Ninh.
Bài văn phá Lỗ, cờ chưa tế,
Tấm bảng phong-thần gió đã kinh. (2)
Trong cuộc còn nhiều tay tướng-tá,
Lời nguyền trung-nghĩa há làm thinh.

XII

Làm thinh hổ đứng giữa hai ngôi, (3).
Nếm mật từ đây khó nỗi ngồi. (4)
Mũi giáo Thi-Toàn đừng để sét, (5)
Lưỡi gươm Dự-Nhượng phải toan giồi. (6)
Đánh Kim (7) chi sá thằng Lưu-Dự, (8).

---

(1)-Tới hai tiếng *Bắc-khuyết*, bắt người chú thích liên-tưởng tới bài *Văn-tế phò-mã Võ-Tánh và Thượng-Thư Ngô-Tùng-Châu* do Đặng-Đức-Siêu soạn :

Sửa mũ áo lại về Bắc-khuyết, ngọn quang-minh hun-hút tấm trung-can...

Bắc-khuyết : trên Bắc, khuyết là cửa cung, vậy cửa cung trên Bắc là ở Huế đối vị-trí Nam là Nam-Kỳ.

(2) Đã qua, đã thổi qua.

(3) Trời, đất.

(4) Ngồi trên gai, nếm mật đắng như Việt-Vương Câu-Tiễn hồi lối năm 412 trước Công-Nguyên, đã làm vậy để nhớ mối thù Vua Ngô.là Phù-Sai.

(5) Thi-Toàn người trong truyện Nhạc-Phi, có chí phục thù cho Nhạc-Phi.

(6) Đời xưa, Dự-Nhượng cứ đeo đẳng ý-tưởng trả thù cho Trí-Bá.

(7) Nước Kim, hồi đời Nam-Tống, là một quốc-gia rộng lớn trên Bắc Trung-Hoa.

(8) Người trong truyện Nhạc-Phi.

Giúp Tống xin phò gã Nhạc-Lôi. (1)
Dâng hộ nước Nam về một mối,
Ngàn năm miếu-vũ rạng công tôi.

Văn-tế Phó Quản-Cơ TRƯƠNG-ĐỊNH (2)

Hỡi ôi!

1.— Giặc cỏ bờ lan;
Tướng-quân mắc hại!

2.— Ngọn khói Tây-bang (3) đóng đó, cõi Biên (4) còn trống đánh sơn-lâm;
Bóng sao Vũ-Khúc (5) về đâu, đêm thu vắng tiếng canh dinh trại. (6).
Nhớ tướng-quân xưa;

3.— Gặp thuở bình cư,
Làm người chí đại.

---

(1) Tôi thần nhà Nam-Tống, con của Nhạc-Phi.

Mười hai bài bát-cú trên đây trích sách *Nỗi lòng Đồ-Chiểu* những trang 55, 56, 57, 58 và 59.

(2) Tuy hồi qui-tiên, Định không còn chức-tước của triều-đình Huế đối với con mắt người Pháp, nhưng bên trong triều-đình Huế khuyến-khích và dân-chúng kháng-chiến ủng-hộ, nhứt là Đồ-Chiểu thì thế nào không gọi là Bình-Tây Sát-Tả tướng-quân hoặc là lãnh-binh Định, chớ đâu gọi là Phó Quản-Cơ. Chắc là sự sơ suất của Võ-Sâm?

(3) Nước ở hướng Tây tức là Pháp-quốc.

(4) Cõi Biên. Nếu viết Biên B hoa thì là Biên-Hòa, ở đây tôi nghĩ không phải là Biên-Hòa mà là cõi giáp-giới với tỉnh khác, vì về dưới tiếng thu là danh-từ chung.

(5) Sao của người chuyên-nghiệp võ.

(6) Trích ở sách *Nguyễn-Đình-Chiểu*, Nguyễn-Bá-Thế, trang 118.

4.— Từ thuở ở hàng viên-tử
pháp-binh trăm trận đã làu.
Đến khi ra quản đồn-điền,
võ-nghệ mấy ban cũng trải.

5.— Lúc giặc đánh tới theo quan Tổng-Đốc, (1)
trường thi, mồ súng,
trọn mấy năm ra sức tranh tiên ;
Lúc cuộc tan về ở huyện Tân-Hòa,
đắp lũy, hàn sông, (2)
giữ một góc bày lòng địch-thái. (3)

6.— Chợt thấy cánh buồm lai sứ (4)
việc giảng-hòa những tưởng rằng xong ;
Đã đành tấm giấy tựu phong (5)
phận Thiên-tử (6) há đâu dám cãi.

7 — Bởi lòng chúng chẳng nghe Thiên-tử chiếu,
đón ngăn mấy dặm mã tiền ;
Theo bụng dân phải chịu tướng-quân phù (7),
gánh vác một vai khôn ngoại.

8.— Gồm ba tỉnh dựng cờ phấn nghĩa,
sĩ-phu lắm kẻ vui theo ;
Tóm muôn dân gầy sổ mộ quân,
luật-lịnh nào ai dám nhại. (8)

---

(1) ?

(2) Đóng nọc và để các chướng-ngại vật khác.

(3) Kháng-cự chống người nghịch mình.

(4) Thứ hai 26-5-1862 hay là 28 tháng tư năm Nhâm-Tuất giờ dần (từ 15 giờ đến 17 giờ) thuyền sứ bỏ neo ở bến Gia-Định-Thành là Saigon bây giờ.— *B. A. V. Huế*, 1918, No 4.

(5) Cấp bằng lãnh-binh.

(6) Chỗ nầy Thần-tử mới phải.

(7) Ấn, Tướng-Quân phù phải ở triều-đình Huế ban, hay là dân-chúng tôn lên mà được ?

(8) Dễ ngươi — *Nỗi lòng Đồ-Chiểu* trang 98.

9.— Văn thì nhờ Tham-biện, Thương-biện,
giúp các cơ bàn-bạc nhung công.
Võ thì dùng Tổng-binh, Đốc-binh,
coi mấy đạo sửa sang khí-giới.

Thương ôi!

10.— Tiền vàng ơn chúa, trót đã rỡ-ràng
Ấn bạc mưu binh, nào từng trễ-nải,
11.— Chí lăm dốc cờ xuê lộ bố (1),
chói sắc giữa trào;
Ai muốn đem gươm báu cang tương (2),
chôn hơi ngoài ải.

Há chẳng thấy?

12.— Sức giặc Lang-Sa,
Nhiều phương quỉ-quái.
13.— Giăng dưới nước tàu đồng tàu sắt,
súng nổ quá bắp rang.
Kéo lên bờ Ma-ní (3), Ma-tà (4),
đạn bắn như mưa vãi.
14.— Dầu những đại-đồn (5) thuở trước,
cũng khó toan đề trứng ngàn cân;
Huống chi cô lũy (6) ngày nay,
đâu dám chắc treo mành một dải

---

(1) Lộ bố : Bức thơ báo-cáo việc thắng trận.

(2) Cang. Chữ cang này phải không g.

Tên một thanh gươm báu xưa, gươm trống gọi là can-tương, gươm mái gọi là mạc-gia.

(3) Binh Tagals ở Phi-Luật-Tân mà Ma-Ní (Manille) là đế-đô.

(4) Lính Việt theo về Pháp buổi ban đầu.

(5) Đại-đồn là đồn Kỳ-Hòa đắp lên hồi 1860.

(6) Cô lũy là lũy đứng một mình.

Nhưng vậy mà.

15.— Vì nước tấm thân đã nấy t
còn mất cũng cam;

Giúp đời cái nghĩa đáng làm :
nên hư nào nại.

16.— Rạch-Lá, Gò-Công (1) mấy trận,
người thấy đã kinh;

Cửa Khâu (2), Trại Cá (3) các nơi,
ai nghe chẳng hãi.

17.— Nào nhọc sức hộ tào (4) biên sổ, lương tiền nhà ruộng,
cho một câu háo nghĩa lạc quyên;

Nào nhọc quan võ-khố bình-cân (5) thuốc đạn ghe buôn,
quyền bốn chữ giang thương đạo tải.

18.— Núi đất nửa năm ngăn giặc (6) nào thành đồng
lũy sắt các nơi.

Giáo tre ngàn dặm đánh Tây,
là ngựa giáp xe nhung mấy cái.

Ôi!

19.— Chí dốc đem về non nước cũ, ghe phen hoạn nạn,
cây thương phá lỗ (7) chưa lìa;

---

(1) Các chiến-tích nầy không còn lưu lại để làm giàu cho lịch-sử.

(2) Cửa Khâu (xem chú-thích bài thơ thứ tám ở một trang trước).

(3) Xem chỗ bản phúc-trình của Bonard.

(4) Một chức-vụ chia nhiều bộ-phận, mỗi bộ-phận gọi là tào. Ở đây những quan coi sổ tiền bạc, lúa thóc.

(5) Giang thương do giang thâu đạo tải.

(6) Ám-chỉ lúc ở Gò-Công, nhưng ở đấy từ 1-3-1861 đến 26-2-1862 tổng-cộng là mười tháng hai mươi sáu ngày.

(7) Tôi mọi tiếng ám-chỉ hạng-thấp.

Nào hay trở lại cảnh quê xưa, nhắm mắt lâm chung,
tấm bảng phong-thần vội oải (1).

20. - *Chạnh lòng quân-sĩ, thương quan Tướng (2),*
nhắc quan Tướng (3), chiu chít như gà :

Bực trí nhân-dân, giận thằng tà, mắng thằng tà,
om sòm như nhái.

Ôi !

21 — *Sự thế hởi (4) bên Hồ, bên Hớn (5),*
bao giờ về một mối xa thơ ?

Phong cương còn nửa Tống nửa Liêu (6),
đâu nỡ hại một tai (7) tướng soái !

22. — *Nào phải kẻ táng sư (8) đầu giặc,*
mà để nhục miều đường ;

Nào phải người kiều chiếu (9) đánh (10) phiên,
mà gây thù biên tái ?

23. — *Hoặc là chuộng một lời hòa-nghị,*
vận Nam-Thiên phải bắt Nhạc-Phi về ;

Hoặc là lo trăm họ hoành la (11)
thời U-địa (12) chẳng cho Dương-Nghiệp lại.

---

(1) Quảy là mang lên vai mới trúng.

(2) và (3) Hai tiếng nầy phải viết bằng t không hoa.

(4) Dấu ngã mới có nghĩa. Đây chắc lỗi in.

(5) Rợ phía Bắc Trung-Hoa gọi là Hồ, Hớn là tên triều-đại xứ Trung-Hoa, xung đột lẫn nhau với Hồ (năm 425 trước Công-Nguyên tới năm 196) ?

(6) Một triều-đại Trung-Hoa gọi là Tống, một triều vua ở Bắc Trung-Hoa gọi là Liêu, tương-khắc với nhau.

(7) Y chớ không i.

(8) Giải binh chỗ nầy tán không g.

(9) Giả chiếu Vua ra.

(10) Chỗ nầy tiếng hòa phải hơn là đánh

(11) Giăng rộng ra.

(12) Tên một châu trong cửu-châu Trung-Hoa, tức là đất Bắc-kinh ngày nay.

24.— Vì ai khiến dưa chia khăn xé,
nhìn giang-sơn ba tỉnh luống thêm buồn ;

Biết thuở nào cờ phất trống rung,
hỏi nhật nguyệt hai vầng sau (1) chẳng đoái !

25.— Còn chi nữa ; cõi cô thế riêng than người khóc tượng (2),
nhắm mắt rồi may rủi một trường không ;

Thôi đã đành : bóng tà dương gấm ghé kẻ day đòng,
quày gót lại hơn thua trăm trận bãi.

Ôi !

26.— (3) Làm ra cớ ấy, tạo-hóa ghét nhau chi ?
Nhắc đến đoạn nào, anh-hùng rơi lụy mãi !

27.— Cuộc trung-nghĩa hai năm làm đại-tướng,
nhọc nhằn vì nước.
nào khờn (4) tiếng thị, tiếng phi ;

Cõi An-hà (5) một chức chịu Lãnh-binh,
lây lất theo thời,
chưa chắc đâu thành, đâu bại.

28.— Khóc là khóc : nước nhà cơn bấn loạn,
hôm mai vắng chúa,
thua buồn nhiều nỗi khúc nôi ;

Than là than : bờ cõi lúc qua phân (6),
ngày tháng trông vua,
ngơ-ngẩn một phường trẻ dại.

---

(1) Sao mới phải.

(2) Người khóc tượng là người khóc hình vẽ.

(3) 26 mà biên 28, đấy chắc lỗi in.

(4) Sờn là nao núng thay vì khờn là mòn (*Việt-Nam Tự-Điển*).

(5) Châu-Đốc.

(6) Xắt dưa. Ở đây chia xẻ ba tỉnh miền Đông về Pháp, còn lại ba tỉnh về trào-đình Huế.

29.— *Tướng-quân còn đó, các nơi đạo-tặc thảy kiêng-dè;*
Tướng-quân mất rồi, mấy chỗ nghĩa-binh thêm bái-xái.

30 — *Nào đã đăng mấy hồi thích-lý,*
màng hùm (1) che mặt rằng xuê:

Thà chẳng may một giấc chốn trường-sa,
da ngựa bọc thây mới phải.

Ôi !

31.— *Trời Bến-Nghé (2) mây mưa sùi-sụt,*
thương đứng anh-hùng gặp lúc gian-truân (3);

Đất Gò-Công cây cỏ ủ-ê;
cám niềm thần-tử hết lòng trung-ái.

32.— *Xưa còn làm tướng,*
dốc rạng giồi hai chữ bình Tây;

Nay thác về thành (4)
xin dưng hộ một câu phục thái (5).

Phù-Lang
TRƯƠNG BÁ-PHÁT

Thảo cảo 8 - 6 - 1963
Cảo thành 7 - 8 - 1963

---

(1) Màn không có g mới trúng. Màn có vẽ hình con hổ, nơi ngươn-soái đặt Tổng Hành-Dinh.

(2) Tên chữ nho là *Ngưu-chử*, *Ngưu-tân*, và ngày nay là Saigon.

(3) Vất-vả, khổ-cực.

(4) Thần mới phải thay vì thành.

(4) Trở về nơi Thái tức là cõi vĩnh viễn — trong sách *Nỗi lòng Đồ-Chiểu* những trang 96, 97, 98, 99, 100, 101 và 102, sách này cũng rút Thi-phú văn-từ của Võ-Sâm.

TẤM BIA LỊCH SỬ

Quí bạn có bà con hay anh em chôn ở nghĩa-địa đô-thành Sài-gòn đường Phan-Thanh-Giản hay nói theo bình-dân là « *đất thánh Tây* » mà người ta gọi không trúng là ở đường Mạc-đĩnh-Chi, hoặc là không có bà con gì yên giấc ngàn thu trong đó cũng vậy, cứ lễ các Thánh là vô chốn ấy thong-thả. Tôi mới vô hôm 1 tháng 11, rồi với anh Minh-Kha, một là thăm mộ của bạn tôi cất táng ngày 4-9 và hai là dắt Minh-Kha lại tấm bia lịch-sử để coi. Bia nầy tôi biết nó từ năm 1960, sau khi xem *Văn-hóa Nguyệt-San* số 50 ấn-hành hồi tháng 5 năm ấy, bài của Tân-Việt-Điểu.

Chúng tôi qua khỏi cửa, quẹo mé trái, đi thẳng tới mút đường lại rẽ bên mặt. Mộ bạn tôi ở lô tay mặt. Vào kiếm viếng xong xả, tôi lại trở ra đường và đi tới lối trước nhà quàn. Khỏi đường nách số 9 một chút tại lô 23, chúng tôi đã trông thấy tấm bia lịch-sử mà đứng ngoài thấy một thập-tự sơn đen, dưới có chữ đề như vầy :

CI - GÎT

Barbe capitaine dinfanterie de Marine,
Tue dans une embuscade.
Le 7 Décembre 1860
Souvenir de ses camarades

(Các tiếng *Barbé* không dấu sắc, *d'infanterie* cũng không dấu phết trên và tué cũng vậy).

Tôi xin phép múa búa trước mặt thợ mà dịch rằng :

Đây nơi an nghỉ :
Barbé Đại-úy lục-quân thủy-chiến
Bị giết trong một cuộc phục-kích
Ngày 7 tháng 12 năm 1860
(thứ sáu, 25 tháng 10 năm Canh-Thân)
Kỷ-niệm của các bè-bạn.

Chúng tôi vô vòng rào bông bụp để coi, và đồng thấy những tiếng ấy khắc bấm vào tấm bia và vẽ sơn đầu đen.

Rồi thấy chi chít những chữ Hớn, có chỗ đọc được, sáu chục phần trăm là đọc không được vì lẽ bị người tẩy xóa, và mưa nắng.

Anh Minh-Kha ráng đọc, nhưng kết-quả ít ỏi lắm, vì anh nói mỗi một hàng chữ mất hết nửa, thành thử các chữ còn lại tối nghĩa hết. Tôi bảo anh ráng coi thử, anh xem nơi bìa trái của tấm bia thấy chữ còn rõ, và đọc cho tôi chép lại :

Thái-Bảo Cần-Chánh-Điện Đại-Học-Sĩ Đức-Quốc-Công
Phạm-Trung-Nhã Công Mộ Bia Minh.

Nơi bìa mặt của tấm bia :

Tự-Đức thập-tam-niên, thập nhị ngoạt kiết nhựt

Sắc-Soạn (rồi kế hàng chữ coi không rõ)

Hiệp-Biện Đại-Học-Sĩ . . . . . ,Phan-Thanh-Giản

. . . . *quận Hình-Bộ Thượng-Thơ Trương-Quốc-Dụng-phụng*

Phạm-trung-Nhã là tên thụy của Phạm-Đăng-Hưng. Tự-Đức thập-tam niên thập-nhị ngoạt... là năm Canh-Thân (1860) tháng Chạp, ngày tốt (chưa biết ngày nào).

Phạm-Đăng-Hưng là thân-sinh của Từ-Dũ tức Nghi-Thiên Chương Hoàng-Hậu, vợ vua Thiệu-Trị.

Ngoài Huế, khi thợ khắc xong, tấm bia được đưa xuống ghe vào hải-phận Nam-Kỳ bị bọn Pháp gặp cướp lấy và sẵn đó lấy tấm bia ấy, khắc thêm chữ Pháp chồng lên và dựng trên mộ của *Barbé* để kỷ-niệm.

Tấm bia nầy bằng cẩm-thạch loại xấu, có lộn sạn, mới trông thì lầm như bằng gra-ni-tô.

Bề cao độ 1 th 70
Bề ngang lối 1 th
Bề dày lối 0, th 25

Dựng trên một cái đài :

Bề cao chừng 0, th 60
Bề dài lối 1, th 40
Bề rộng lối 0, th 50

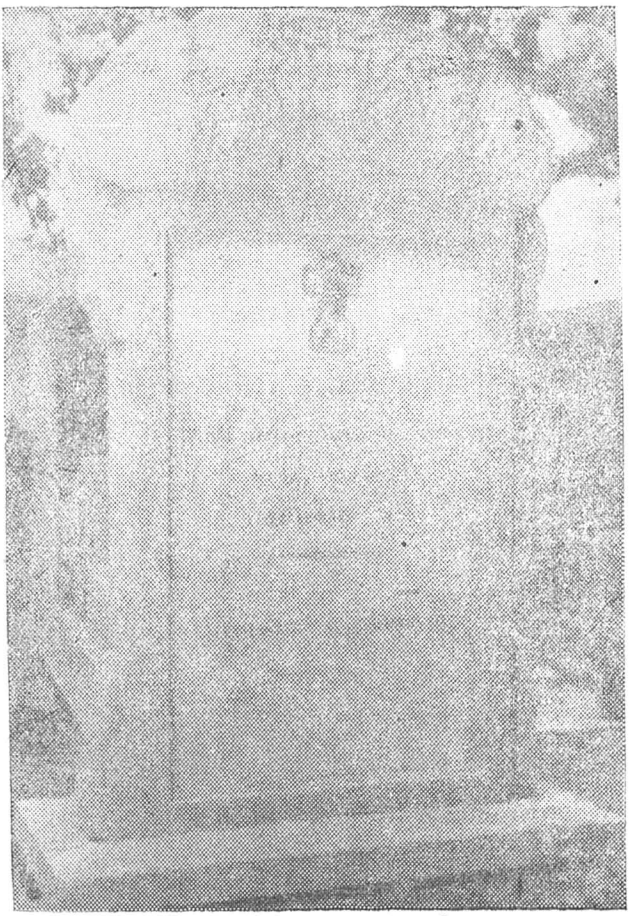

« Tấm bia lịch sử » được chụp ngày 28-7-66. Bản văn bia này do Phan-Thanh-Giản và Trương-Khắc-Dụng phụng sắc thảo bằng Hán tự, nay còn đọc được, tuy một đôi chữ hơi mờ, chúng tôi sẽ xin trở lại bản văn bia này trong một dịp khác gần đây.

Ảnh chụp không trông thấy những hàng chữ Hán. Hình trên từ trái qua phải: Ông Phù-Lang, Giáo sư Phan-Khoang và bốn báo chủ nhiệm, đến coi « tấm bia lịch sử » trên.

Đặc-biệt của tấm bia là kiểu-thức chạm theo người Việt.

Mé trên cao thế của bia, trổ Lưỡng-Long triều nguyệt và mây bay.

Kế đó là khuôn tấm bia.

Bề trên « hai rồng giỡn châu », hai bìa đứng chạm nhánh lá hóa đầu rồng, ở dưới chân bia có tạc mây bay và mặt thủ-quyền.

Hai bên hông, bên trên và dưới chân tấm bia, bốn miếng đá chạm dây lá, làm trang-trí cho tăng thêm vẻ hoa-mỹ.

Phần của đài, mặt rồng ngang chạm ở trước, hồi-văn qua tuốt hai mặt hai bên, nhưng không có rồng ở hai mặt nầy.

Tất cả, tấm bia và đài đều làm trong một khối cẩm-thạch, cái khéo, cái hay ở chỗ ấy.

Chúng tôi trông qua, tấm tắt khen hình-thức của bia. Tôi nhóm ý nói với Minh-Kha:

— Tấm bia nầy phải để chỗ nầy chăng?

— Tôi tưởng không phải.

— Tôi cũng vậy. Nó phải ở trong Viện-Bảo-Tàng, nơi để Mỹ-thuật Việt-Nam, theo ảnh Phan-Thanh-Giản mới hợp lẽ.

Anh Minh-Kha tiếp:

— Vậy thì phải lắm, vì tấm bia nầy có một tiểu-sử khá quan-trọng dính-dáng đến hồi. Việt chống Pháp xâm-lăng.

Tôi không nói nữa, vì ở đây không phải là nơi của tôi đáp lời mà Viện-Khảo-Cổ mới đủ thẩm-quyền để phúc-đáp.

Rồi lìa tấm bia ấy, chúng tôi đi xem qua các nhà mả khác.

Ngày 5-11-1965

Phù-Lang

TRƯƠNG-BÁ-PHÁT

HÃY TÌM ĐỌC ĐẶC-SAN PHỔ-BIẾN HẠN CHẾ

THÁI - ĐỘ

✶ TIẾNG NÓI CỦA NHỮNG NGƯỜI TRẺ KHÔNG MUỐN ĐẦU HÀNG CỘNG-SẢN, CŨNG KHÔNG MUỐN CHIẾN-ĐẤU ĐỂ BẢO-VỆ TƯ-BẢN ĐỊA-CHỦ.

NHỮNG SÁCH, TẠP-CHÍ DÙNG KÊ CỨU

1) *Đại-Nam Nhất Thống-Chí, Lục-Tỉnh Nam-Việt,* tập thượng, dịch-giả: Tu-Trai Nguyễn-Tạo, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản, 1959.

2) Nguyễn-bá-Thế, *Nguyễn-đình-Chiểu,* tủ sách những mảnh gương; Tân-Việt 1957.

3) Phan-văn-Hùm, *Nỗi lòng Đồ-Chiểu,* in lần thứ hai, loại sách tìm hiểu, Tân-Việt, 1957.

4) Nguyễn-bá-Thế, *Tôn-Thọ-Tường,* nhà xuất-bản Tân-Việt 1957.

5) Lệ-Thần Trần-Trọng-Kim, *Việt-Nam Sử-Lược,* quyển hạ, in lần thứ hai, nhà in Vĩnh và Thành, Hà-nội, 1928.

6) Nguyễn-như-Lâu, *Hai trăm năm dương-lịch và âm-lịch đối chiếu 1780 - 1980,* nhà in Man-Sanh.

7) *Địa-đồ Hành-Chánh Nam-Phần;* tỷ-lệ $\frac{1}{200.000}$ do Nha Tổng Giám Đốc Địa-Chánh Việt-Nam, 1960.

8) Địa-đồ xứ Nam-Kỳ tùy theo công-tác thi-hành năm 1859, 1860, 1861, 1862 trong quyển *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861* của Léopold Pallu, Paris, Librairie L. Hachette et Cie, 77 boulevard Saint-Germain, 1864 (do Viện Khảo-Cổ Saigon tàng-trữ).

9) Đại-úy Lucien Grammont, Địa-đồ tạm xứ Nam-Kỳ, vẽ tại Saigon 1859-1863 ngoài sau sách *Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine* Paris, Challamel-Aîné Libraire Editeur, 30 rue des Boulangers, 1863 (do Viện Khảo-Cổ tàng-trữ).

10) Paulin Vial, *Les premières années de la Cochinchine,* tome I et II, Paris, Challamel-Aîné, Libraire Editeur, 30 rue des Boulangers et rue de Bellechasse 27, 1874.

11) Léopold Pallu de la Barrière, *Histoire de l'Expédition de Cochinchine en 1861,* Berger-Levrault éditeur, Paris-Nancy, 1888.

12) Alfred Schreiner, *Abrégé de l'Histoire d'Annam,* deuxième édition, Imprimerie Coudurier et Montégoût, Saigon 1906.

13) Henri Bouchot, *Documents pour servir à l'Histoire de Saigon;* Imprimerie Albert Portail, 1927.

14) Dürwell, *Ma chère Cochinchine*, (thơ-viện Société des Etudes Indochinoises ở Thảo-Cầm-Viên tàng trữ).

15) *Phan-Thanh-Giản et sa famille d'après quelques documents annamites*, recueillis, traduits et annotés par Pièrre Daudin en collaboration avec Lê-văn-Phúc, Saigon, Imprimerie de l'Union Nguyễn-văn-Của, 57, rue Lucien Mossard, 1941.

16) A Despois et Mme Labérenne, *Lectures morales*, Paris, Imprimerie Delagrave, 15, rue Soufflot.

17) Lucien de Grammont, *Onze mois de sous-préfecture en Basse-Cochinchine*, Paris, Challamel-Aîné, Libraire Editeur, 30, rue des Boulangers, 1863.

18) *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 19ème année No 1, Janvier-Mars 1932.

19) *Le rapport de Phan-Thanh-Giản et de Lâm-Duy-Hiệp sur leur mission à Saigon, auprès de l'Amiral Bonard et Palanca* dans *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 1918, No 4.

20) Tạp-chí *La France en Cochinchine*, revue du Monde Colonial, asiatique et américain, organe politique des deux mondes, publié sous la direction de M.A. Noirot, 6ème année, 2ème série, No 4, tome XI ème — Avril 1864, 3 rue Christine Paris.

21) *Notes pour servir à l'établissement du protectorat français en Annam.* Une réunion du Haut-Conseil par Lê-Thanh-Cảnh, *Bulletin des Amis du Vieux-Huế*, 24 ème année, No 4, Octobre-Décembre 1937.

22) *Văn-Hóa Nguyệt-San*, số 50, tháng 5, năm 1960, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

23) Sách chữ nho :

Đại-Nam Chánh-Biên liệt-truyện, tập 2, quyển 38, trang 26 a và b.

24) Vương-hồng-Sển, *Saigon Năm Xưa*, Tự-Do xuất-bản, Saigon, 20-9-1960.

25) Nguyễn-Huỳnh-Mai, *Võ-Tánh, Trương-Định. Hai vị anh hùng đất nước Gò-Công.*

Hai ảnh chụp trong sách *La geste française en Indochine*, tác-giả Taboulet, Tome II, Adrien, Maisonneuve, Éditeur, 11 rue Saint-Sulpice, Paris 6ème, 1956.

Hai ảnh mà chụp tại chỗ ở Gò-Công.

VÀI GIAI-THOẠI CÓ DÍNH LÍU TỚI CỤ LÃNH-BINH TRƯƠNG-ĐỊNH

LÊ-THỌ-XUÂN

Những tài-liệu Sử-Địa nước nhà về sách vở và hình chụp mà tôi tự tìm-tòi gom-góp trong ngót hai mươi năm trời từ vàm sông Ông Đốc đến tận đỉnh Hùng-Sơn, đã bị mất cả trong cơn binh-lửa.

Mà anh chị em trong nhóm chủ trương tập-san Sử-Địa cố đòi ở tôi một bài khảo-cứu. Dám khảo-cứu Sử-Địa bằng «tuồng bụng» hay bằng trí-nhớ thì âu cũng là quá bướng và... quá chướng.

May thay, tôi có một lối thoát!

Anh chủ-nhiệm tập-san Sử-Địa vừa gởi đến tôi một cái thơ «Phát riêng» với con dấu Bưu-điện Saigon 24-6-1966. Anh mong tôi giúp cho những giai-thoại về Cụ Lãnh-binh họ Trương.

Vậy, hôm nay, giữa đêm mưa tầm-tã, trong cảnh tịch mịch thôn-quê, từ xa vọng lại ầm-ì những tiếng đại-bác hoặc như canh-phòng hoặc như bắn phá, tôi trịnh-trọng chép lại vài giai-thoại có dính-dáng tới Cụ Trương, trừ một giai-thoại mà bà con Gò-Công thường nhắc là «Hồn Cụ Lãnh-binh Trương đã vật Lãnh-binh Tấn hộc máu mà chết».

I.— TÊN HỌ CỤ LÃNH BINH.

Tôi nhớ là từ khi tôi bắt đầu nghe thuật chuyện vị anh-hùng «Cửa-Khâu, Trại-Cá, Rạch-Lá, Gò-Rùa» nầy, hay đọc những sách chữ Hán và chữ Pháp chép về vị «Cõi An-Hà một chức chịu Lãnh-binh» nầy, tôi quen với hai chữ họ tên: TRƯƠNG-ĐỊNH.

Năm xưa, chính ông Nguyễn-Đình-Chiêm, em ruột bà Sương-Nguyệt-Anh, con Cụ Nguyễn-Đình-Chiểu, khi đọc cho tôi chép bài văn-tế và 12 bài liên-hoàn của Cụ Nguyễn-Đình-Chiểu khóc Cụ Lãnh-binh, cũng bảo với tôi là Cụ Lãnh-binh họ TRƯƠNG tên ĐỊNH.

Gần đây, tôi mới thấy sách chữ Việt chép ba chữ *Trương-Công-Định* cũng như bảng tên đường gần chợ Bến-thành.

Tôi ngờ rằng ai kia đã đọc được một văn-liệu nào nói về Cụ Lãnh-binh bằng chữ Hán với ba chữ *Trương-công-Định*, nên chép lại như thế. Chữ công đây phải chăng có nghĩa là « ông » như Quan-Vũ nhà Hán thì được gọi là *Quan-Công* (ông Quan, ông họ Quan), Bao-Chửng nhà Tống thì được gọi là Bao-Công (ông Bao, ông họ Bao)?

Vả lại, văn xưa cũng có đệm chữ « công » trước tên để tỏ lòng sùng-kính, như bài của Cụ Phan-Thanh-Giản soạn trong dịp di-táng phần-mộ Cụ Võ-Trường-Toản, chỉ môn-sanh Cụ Võ thì viết : *Trịnh-công Hoài-Đức*, *Lê-công Quang-Định*, *Ngô-công-Tịnh*...

Hoặc-giả người nào đó đã có đọc những chữ còn lại trên mộ-bia trước kia của Cụ Lãnh-binh, như tôi sẽ thuật sau đây ?

Thêm một điều cũng đáng ghi-nhớ là thân-phụ của Cụ Lãnh-binh tên TRƯƠNG-CẦM và con của Cụ Lãnh-binh tên TRƯƠNG-HUỆ (1), một người cũng theo đuổi việc đánh Tây cho đến chết và trong quyển *Abrégé de l'Histoire d'Annam*, Alfred Schreiner đã chép ra « Trương-Huế ».

II.— MỘT « KỶ-VẬT » KHÔNG CÒN NỮA.

Hồi trước, đã nhiều lần tôi đến Gò-công để ăn bắp Sơn-qui của song-thân bà Từ-Dũ, để xem lễ Cúng Ông (2) ở Vàm Láng, nơi dụng-võ đắc thế của Cụ Lãnh-binh họ Trương.

Tôi đã đến chụp hình mộ Lãnh-binh Tấn để làm tài liệu, cũng như đã đến nhà thờ của Tấn để đọc lại đôi đối treo ở căn giữa mà

(1) Chữ 穗 này đọc *Huệ* theo âm trong Nam mà đáng lẽ phải đọc *Tuệ* (bông lúa). Trương-Huệ còn có một tên nữa là Quyền, và vì là con cả của Cụ Lãnh-binh, nên được người đương thời gọi là « Cậu hai Quyền » (Tại miền Nam, người con cả gọi là thứ hai).

(2) « Ông » đây là Cá Ông.

tôi chỉ nhớ ba chữ chót về trước là « *Khinh nhứt trịch* » và bảy chữ chót về sau là « *tức dương công luận phó thiên thu* ».

Ba chữ « khinh nhứt trịch » gợi lại câu thơ bất-hủ của Lý Bạch « *Thái-sơn nhứt trịch khinh hồng-mao* » và câu dịch quá hay trong « *Chinh-phụ-ngâm* » : *Gieo Thái-sơn nhẹ tựa hồng-mao*, khiến cho tôi đương đứng trước bức ảnh rọi lớn của Lãnh-binh Tấn trên chánh điện mà miên-man liên tưởng tới Cụ Lãnh-binh họ Trương, con người đem cái chết đáng lý phải nặng như Thái-sơn mà « cân » nhẹ còn hơn lông con chim Hồng.

Đến như nêu trước mặt Lãnh-binh Tấn bảy chữ « *tức dương công luận phó thiên thu* » (khen chê công-luận mặc ngàn thu), thì ta mới nghĩ sao đây ? Nhứt là người để tặng đôi đối nầy là ông Tôn-Thọ-Tường. Ai cũng biết : đối với Pháp thì Tường với Tấn là hai người trong những kẻ ra hợp tác sớm nhứt, mà đối với đồng-bào thì Tường còn chút lương tâm hơn Tấn. Cũng đành : « *rằng hay thì thật là hay* », nhưng Tôn khen chăng. Tôn mỉa chăng ? Thôi đành : phó cho « *ngàn năm bia miệng mặc khen chê* »!...

Tôi cũng còn nhớ là sau khi chụp kỹ hình đài kỷ-niệm Lãnh-binh Tấn trước sân chợ Gò-công — một « kỷ-vật » nay không còn nữa, — tôi rất hài lòng mà bảo anh bạn — một công-chức như tôi — rằng :

— Nhờ anh đưa đến đây, tôi chụp cái đài nầy rất kỹ, chụp cho thật rõ cái câu kỷ-công nầy chạm sâu trên đá ở chơn đài : « *A la mémoire du Lãnh-binh Tấn, grand serviteur de la France* » (1) Anh coi : người viết chính là người Pháp mà người đọc lại chính là người Việt, như anh và tôi.

— Nghĩa là...

— Nghĩa là người viết định nghĩa chữ « serviteur » là người giúp việc, người có công; còn người đọc thì hiểu nghĩa... như anh và tôi.

---

(1) Theo *Abrégé de l'Histoire d'Annam* thì câu nầy : « A la mémoire du Lãnh-binh Tấn, Chevalier de la légion d'honneur, fidèle et courageux serviteur de la France ».

— Là nghĩa làm sao?

— Thì còn làm sao nữa? Một ngàn lần, anh và tôi gởi đơn cho bề-trên thì đều đủ một ngàn lần dưới chót phải có mấy chữ « Votre très humble et très obéissant serviteur » rồi mới dám ký tên. Nghĩa là serviteur là đày-tớ, nghĩa mấy chữ trên là « Tui đây là tên đày-tớ quá đỗi thấp-hèn và rất dễ sai-khiến của Quan-Lớn », hiểu chưa?

— Vậy câu ở bài nầy nếu dịch cao-cao theo Tây thì là « Để kỷ-niệm Lãnh-binh Tấn, người giúp việc rất dày công của Đại-Pháp », bằng dịch dốt-dốt theo kiểu « an-nam-mít », thì là... nghe kỳ quá!

★

III.— LẠI MỘT « KỶ-VẬT » KHÔNG CÒN NỮA.

Tôi cũng cùng anh bạn đến viếng một « kỷ-vật » khác. Nhưng khi gần đến một ngã-tư thì anh đứng lại và bảo:

— Anh đi một mình, quanh qua tay mặt, đến cái cửa sắt nhỏ bên tay trái là đó. Và nhớ đừng nói là tôi đưa đường chỉ chỗ đa!

— Sao vậy?

— Sợ lính-kín sẽ « phi-lê » (1) hoặc ông xếp đòi-hỏi thì mệt, biết hôn. Mà anh đi thì đi chớ chưa chắc là được lại gần.

— Sao vậy?

— Vì chủ nhà, chủ đất sợ, e không nói thiệt. Họ sợ nhà cầm-quyền quở sao họ cho anh xem, và có khi họ cũng sợ anh là lính-kín muốn thử họ, và họ cũng sợ giùm cho anh nữa. Lôi-thôi lắm, tùy anh.

Tôi « lần-mò » đến. Một hàng rào chạy dài theo lộ; khỏi cái cửa ngõ sắt đến một cửa ngõ sắt khác nhỏ hơn, vừa một người đi. Tôi rảo qua rồi rảo lại, nhìn vào. Bên trong cửa sắt nhỏ có một ngôi mộ cổ; bên trong hàng rào và cửa ngõ rộng là một ngôi nhà xưa khá lớn, tủ cẩn, độc-bình quý giá. Ngôi mộ và ngôi nhà cách nhau bởi một sân rộng, cỏ mọc

(1) Theo dõi.

cao, chứng rõ là người trong nhà nầy ít khi ra mộ, và chắc-chắn là ai có đến thăm mộ vào ngày lễ nhứt-định nào thì phải do cửa sắt nhỏ mở có lúc có giờ, chớ không được vào cửa ngõ dành riêng cho nhà nầy.

Mà mình không phải thân-nhân của kẻ nằm dưới mồ và cũng không phải gặp ngày lễ được mở cửa sắt nhỏ. Thấy một người đờn-ông đứng tuổi, tóc chải láng, mặc bộ đồ bà-ba trắng tinh, đương săm-soi cây-kiểng trong chậu to-tướng, tôi gõ cửa xin vào. Nhờ có áo bành-tô và cà-vạt rất mực đàng hoàng, tôi được chủ nhà ra tiếp.

Sau khi khen cội trắc-bá-diệp uốn đúng thức, cái tô Nội-phủ rất hiếm, bộ ghế ngồi trang-nhã, sách báo có giá-trị, tôi khen trà ngon, rồi chầm rãi phân-trần :

— Thưa ông, tôi từ Sài-gòn xuống, nghe nói ngôi mộ nầy là mộ quan-lớn đàng cựu.

Tỏ vẻ ngạc-nhiên, ông dè-dặt đáp :

— Phải ! Mà không biết bởi trước bà ngoại tôi có bà - con chị không hay nghe ai nói sao đó mà cho chôn ở đó ; lúc sau nầy không có ai thăm-viếng sửa-sang nên cũ-kỹ và u-trệ quá.

— Xin ông cho phép tôi ra xem một chút.

— Thì ngồi đây cũng thấy rõ, cần chi ra đó. Mộ cũ quá, hư nhiều.

— Thưa ông, tôi tìm học lịch-sử nước-nhà nên được xem mộ nào càng cũ càng xưa càng quý.

Tôi lại nài xin. Ông gượng-gạo :

— Được, mời ông ra xem, miễn ông nhớ là không phải tôi chỉ bảo !

★

Ngôi mộ vôi khá lớn, xung-quanh có vòng thành thấp mà rộng. Quanh vòng thành mộ, ông chủ đất cho dựng vô-số tàu dừa đã róc sạch lá, phơi để làm củi.

Tôi vác mớ tàu dừa dẹp qua rào. Tôi kính-cẩn tưởng-niệm tiền-nhân. Tôi rất xúc-động khi chép mộ-bia. Tôi thận-trọng chụp hình tấm mộ-bia đến ba lượt, cốt sao cho được một tấm ảnh thật rõ từ nét, từ chấm, từ lỗ nhỏ lắm-tấm trên bia, một tấm bia hi-hữu. Tôi nhớ như những chữ trên là : « *Đại-Nam lãnh An-Hà Lãnh-binh kiêm Bình-Tây Đại Tướng-Quân* », và tôi nhớ chắc-chắn sáu chữ chót là : « *Trương-công huý ... chi mộ* ».

Tại sao tôi rất xúc-động khi chép mộ-bia ? — Tại sao có những lỗ nhỏ lắm-tấm gì trên bia mà tôi phải chụp ảnh cho thật kỹ ?

Thưa quý bạn, đó là một tấm mộ-bia bị ... BĂM ! Tôi còn nhớ rõ chỗ hai chữ « *Bình Tây* » thì bị băm mà vẫn đọc và đoán ra được, đến như cái tên của Cụ An-Hà Lãnh-binh sau chữ « huý » thì bị băm nát một cách cẩn-thận và tàn-nhẫn, bị lấy đục đá đục lăm nhăm tới không còn rõ một nét nào !

Phải chăng hồi Cụ Trương mới đền xong nợ nước, người Pháp phần thì trọng Cụ, phần thì muốn mua-chuộc dân-tâm nên cho phép xây mộ dựng bia hẳn-hòi ; rồi về sau, mấy tên Việt-gian « tâu ra tâu vào » hay tự-ý băm nát tên Cụ, một người mà chúng cho là « phiến-loạn ».

Không rõ sau ngày quốc-gia được độc-lập, ngôi mộ của Trương-Công được xây-đắp lại một cách xứng-đáng như thế nào, song chắc-chắn tấm mộ-bia bị BĂM kia — tấm mộ-bia lịch-sử đáng lưu tại Bảo-tàng-viện — là một « kỷ-vật » mà nay không còn nữa !

IV.— MỘT ANH-HÙNG VÔ-DANH.

Nhắc tới Trương-Công, ta không được quên Cụ Nguyễn-Đình-Chiểu ; không phải chỉ vì 12 bài liên-hoàn và bài văn-tế khóc Cụ Lãnh-binh, mà vì tác-giả *Lục-Vân-Tiên* là người có nhiều quan-hệ đến cái ở, cái đi, cái sống, cái chết của Cụ Lãnh-binh. Tuy mang tật mù-lòa, Cụ Nguyễn-Đình-Chiểu không cam làm một kẻ vô-dụng trước cảnh gia-vong quốc-phá mà vẫn nặng lòng cùng non-nước, luôn-luôn tiếp-xúc với nghĩa-quân, bày mưu tính kế.

Trong số Xuân Tạp-chí *Đồng-Nai*, khoảng 1933-1934, viết tiểu-sử Cụ Nguyễn-Đình-Chiểu (1), tôi có theo lời ông Nguyễn-Đình-Chiêm mà thuật rằng : « Cụ Trương-Định cầm đầu nghĩa-quân tại Gò-Công. Vua Tự-Đức phong Cụ làm Lãnh-binh và dạy vào trấn hai tỉnh An-giang Hà-tiên để chấn-chỉnh việc binh-nhung hầu sau nầy đánh Tây đắc-lực hơn... Cụ ra đi thì an-thân và vinh-hiển hơn, nhưng các đồng-chí than là cuộc kháng-chiến vỡ tan, nghĩa-quân sao đành lìa bỏ; mà Cụ ở lại thì mạng vua dễ cải được nào !...

Đứng trước cảnh nầy, Cụ Lãnh-binh phân-phân bất nhứt, bèn cho người qua Ba-tri tỏ bày mọi việc và vấn kế ở « Ông Đồ ».

Cụ Nguyễn-Đình-Chiểu mật bảo : « Tình-thế của anh thì đi càng hay mà ở lại LẠI càng hay ! »

Cho nên Cụ Lãnh-binh quyết-tâm « *Bởi lòng chúng chẳng nghe Thiên-tử-chiếu, đốn ngăn mấy dặm mã-tiền* » và bỏ hẳn ý-nghĩ « *Cõi An Hà một chức chịu Lãnh-binh, lây-lất theo thời, chưa chắc đâu thành đâu bại* » (2)...

★

Và, nhắc tới « Ông Đồ Ba-tri », tôi tưởng nên chép ra đây chuyện một Ông Đồ khác mà trên ba mươi năm nay tôi chưa tiện tỏ bày và không một sách báo nào viết đến.

Mùa hè năm đó, tôi đến ở nhiều ngày tại vùng Phú-kiết — Tịnh-hà (Mỹ-tho) để chép bài bia khắc trên đá thuật việc đào lại Kinh Thang-trông thuộc làng Phú-Kiết trong thời Minh-Mạng (3), và cũng để tìm dật-sự về Cụ Tri-huyện Âu-Dương-Lân và Cụ Thủ-khoa Nguyễn-Hữu-Huân, hai người cùng sanh-trưởng ở vùng nầy, cùng học rộng đỗ cao, cùng bỏ

---

(1) Trong số Xuân nầy, tôi có chép tiểu-sử Cụ Nguyễn-Đình-Chiểu và Cụ Phan-Thanh-Giản. Đó là hai bài đầu-tiên của tôi viết về danh-nhân nước-nhà nên có nhiều sai-sót.

(2) Hai câu nầy rút trong bài văn-tế khóc Cụ Lãnh-binh, của Cụ Nguyễn-Đình-Chiểu.

(3) Ăn thông từ sông Chợ-cũ Mỹ-tho (Tiền-giang, Định-tường) đến sông Vũng gù (Vàm-cỏ Tây, Tân-an). Khi kinh đào lại xong, vua đặt tên là « Bảo-định-hà » và sách Pháp gọi là « Arroyo de la Poste ».

vinh-hoa phú-quý mà theo-đuổi việc đánh Tây, rồi cùng chịu cảnh *Bất hàng cam đoạn tướng-quân-đầu* (1).

Lối một giờ đêm, sau khi ăn cháo gà tại nhà ông Hội-đồng Thông, cháu Cụ Thủ-khoa, chúng tôi cuốc bộ ngót ba cây-số dưới bóng trăng lờ-mờ để về nhà. Anh H., người đã tốn cơm với tôi và đã bỏ công ăn việc làm mà đưa tôi đi đây đi đó, vừa mệt-nhọc lê chơn vừa thỏ-thẻ cùng tôi :

— Ông thân tôi thường nói ở đây có một bộ sử-sống về các cuộc cách-mạng tại vùng nầy : đó là Bà Đồ. Nhưng bà không chịu nói cho ai nghe, nhứt là đối với người lạ, hơn nữa là với bọn trẻ tuổi và còn hơn nữa là với tụi bận đồ Tây.

Mà chúng tôi đều là kẻ lạ hoắc lạ hươ đối với bà, chúng tôi là bọn tuổi lối ba mươi, thêm nữa là ra đường thì chúng tôi phải khoác áo bành-tô và đeo cà-vạt cho có vẻ đàng hoàng.

Mặc-dầu vậy, chúng tôi cũng cứ đến và sẽ tùy-cơ ứng-biến. Nhà : ba căn mái lá cột cây, tại đầu dãy bên hữu, sát lộ từ châu-thành Mỹ-tho chạy đến. Bà : một cụ già tuổi trên 80, đầu cạo trọc, mặc áo dài vải nu, quần vải đen quá cũ, dáng khỏe-mạnh, vẻ trầm-tĩnh, cùng người cháu ngoại trai tuổi độ tứ-tuần, thản-nhiên tiếp chúng tôi.

Lần-lượt chúng tôi hỏi thăm niên-canh, sức-khỏe và gia cảnh của bà. Chúng tôi kể tiếp là có đến giáp-nước và cầu Cai-Lộc, chỗ Cụ Thủ-khoa thọ-hình, có viếng mộ Cụ Thủ-khoa, có đến thăm Ông Ba (2) và gặp ông đương phơi lúa ; bà nhích môi cười. Chúng tôi lại kể là có đến viếng mộ Cụ Âu-Dương-Lân, một ngôi mộ lạ mắt xây cao với ba lớp đá ong (3) và có nghe nói chuyện Cụ Tri-huyện với cái nón xếp (4) ; bà lại nhích

(1) Một câu trong bài thơ hậu-nhân nhắc-nhở Cụ Thủ-khoa.

(2) Người thân-tính của Cụ Thủ-khoa.

(3) Đá đỏ, thường gọi là đá Biên-hòa.

(4) Truyền rằng Cụ Tri-huyện tinh-thông nham-độn, đi đâu cũng đem theo mình một cái nón xếp, trong nón có nhiều bùa-chú.

môi cười. Rồi như rất bằng lòng, bà thuật cho chúng tôi nghe một việc mà chắc chưa ai được nghe, kể cả người cháu ngoại của bà đương ngồi đó, ngoáy rộng lỗ tai :

... Tại vàm sông Bảo-định (Chợ-cũ, Mỹ-tho), trước Cù-lao Rồng khi Cụ Tri-huyện Lân vừa bị đao-phủ-thủ xuống tay thì con gái riêng, của bà vợ thứ của Cụ, 17 tuổi, người Chợ-Bưng, chùi mình vào giữa pháp-trường, chìa vạt áo lụa trắng hứng lấy đầu-lâu không để rơi xuống đất...

Kể đó, biết chúng tôi ở quận Ba-tri, bà hỏi về Ông Đồ Chiểu. Chúng tôi mạnh miệng trình-bày : Ông Đồ lúc trước ở gần chợ Ba-tri chúng tôi thường đến viếng mộ hai ông bà tại đó; chúng tôi cũng thường đến viếng người con trai của Ông Đồ là Thầy bảy Chiêm ở làng Mỹ-chánh, cách chợ Ba-tri 6, 7, cây số. Chúng tôi hỏi bà có quen-lớn thế nào với gia-quyến Ông Đồ Ba-tri. Bà đáp :

— Quen-lớn thì không quen-lớn, mà tôi chỉ có đến Ba-tri một lần để thăm Ông Đồ.

— Thưa bà, bà đến thăm có việc chi?

Nét mặt bà bỗng dàu-dàu, giọng nói bà bỗng run-run, như quả xúc-cảm vì một câu chuyện xa-xưa nào, bà từ-từ kể...

Thì ra: sau khi nghĩa-quân « Đám Lá Tối Trời » bị Lãnh-binh Tấn dất lính Tây càn-quét, bà về ngụ tại chợ Thang-trông. Rồi một nhà nho miền Trung đến đây dạy học và xin cưới bà: vì vậy mà người ta gọi bà là « Bà Đồ », « Bà Đồ Phú-kiết », « Bà Đồ Thang-trông »...

Kế có cuộc khởi-nghĩa do Cụ Thủ-khoa Huân và Cụ Tri-huyện Lân lãnh-đạo. Trần-Bá-Lộc đem bọn « bạt-ti-dăn » đến đóng tại đây để... giết đồng-bào. Lộc biết Ông Đồ Phú-kiết là người hay chữ nên mời giúp việc văn phòng và rất tin-dùng... Bà sanh hai lần đều là gái. Kế

Cụ Thủ-khoa từ «nước Bòn-bon» (1) về, bị giam lỏng tại Chợ-lớn, bí-mật kết-liên cùng nhóm «Chệc Trường-phát» (2), rồi trốn thoát về Mỹ-tho tiếp-tục đánh Tây.

... Sau ngày Cụ Thủ-khoa lên đoạn-đầu-đài tại cầu Cai-lộc, bà Đồ sanh thêm một gái thứ ba, nhằm mùa «ghe bầu về Quảng». Ông Đồ bèn nói với bà là vào Nam đã lâu, muốn về thăm quê nhà, mùa «ghe bầu vào Đồng-nai» năm sau thì trở vô ...

Bà thoạt dừng lời, bảo người cháu ngoại dở trắp măng (3) lấy cái tờ cớ mất ghe đưa cho chúng tôi xem. Đoạn, bà kể tiếp:

— Đây là bút-tích của ổng. Ổng làm tờ cớ giùm cho người lối xóm bị mất ghe và ổng có ghi «tên người viết tờ» ở cuối trương giấy. Mà đây là ... tên giả! Ăn ở với nhau đã ba mặt con, đến ngày về Quảng, ổng mới nói rõ là vì việc «mần ăn» nên ổng phải thay tên đổi họ; nay phần đường-sá xa-xôi, phần giặc-giã liên-miên, nếu chẳng may có cúng cơm cho ổng thì vái tên họ thiệt của ổng là. . . . . : (4). Và sau khi ổng ra đi, muốn biết tin-tức của

---

(1) Cụ Thủ-khoa bị bắt và bị kết-án tử-hình. Chẳng bao lâu sau, Cụ Lãnh-binh Trương-Định tử-trận, người Pháp giảm án Cụ Thủ-khoa ra chung-thân khổ-sai và phải bị «bán mọi» qua «nước Bòn-bon», tức là đảo Réunion, vì thuở trước người Pháp đặt tên thuộc-địa nầy của họ là «île Bourbon». Đảo nầy ở trong Ấn-độ-dương, cách phía Đông đảo Madagascar (Phi-châu) 700 cây số.

(2) Chỉ những người Trung-hoa để tóc dài, không chịu cạo đầu gióc bín đồng-hóa với Mãn-Thanh; họ gia-nhập Thiên-địa-hội hoặc theo Bạch-liên-giáo, hoặc theo Giang-hồ-giáo... cùng với một lời thề «Phản Thanh Phục Minh».

(3) Một thứ rương nhỏ, cũng gọi trắp vỏ măng, vì nắp rương bầu-bầu như vỏ măng.

(4) Bà nói rõ tên họ Ông Đồ cho chúng tôi ghi. Bà cho chúng tôi bổn «Tờ cớ mất ghe» để làm tài-liệu và bà cũng vui lòng ra ngồi trước sân đặng chúng tôi chụp một bức ảnh. Những sử-liệu nầy bị mất cả trong cơn binh-lửa 1945. Cách nay mấy năm, tôi có hai lần trở lại Phú-kiết: một lần với em tôi, Bác-sĩ Lê-Văn-Ngôn; một lần với hai bạn Phạm-Văn-Lược, Hiệu-trưởng trường Trung-học Nguyễn-Đình-Chiểu và Huyện Hương ở Chợ-cũ Mỹ-tho. Lần nào tôi hỏi thăm cũng không gặp ai, tại chợ Thang-trông, còn biết đến Bà Đồ hay con cháu bà!

ổng thì hãy cứ đến hỏi. Ông Đồ Chiểu ở Ba-tri ! . . . Ổng đi được vài tháng, nhơn có người qua mua tơ-lụa tại Ba-tri, tôi nhờ hỏi thăm tin ổng thì Ông Đồ Chiểu cho biết là đã về đến nơi đến chốn và vẫn khỏe vẫn mạnh. Tôi nghe cũng mừng . . Mãn mùa « ghe bầu vào Đồng-nai » mà sao không thấy ổng trở vô, tôi nóng ruột, đến Ba-tri . . . Nghe tôi hỏi, Ông Đồ Chiểu trả lời :

« Chị Đồ Thang-trông đày à ? Chào chị ! Chị đã biết ảnh có tên giả « và ảnh đã nói rõ với chị tên họ thiệt của ảnh trước ngày ra đi là ảnh có « định-ý. Chị biết ảnh là thơ-ký thân-tín của « thằng » Lộc, chị biết ảnh dạy « học rất xứng danh Ông Đồ, nhưng chắc chị không rõ ảnh còn làm gì khác « nữa. . . . Ảnh là bạn tâm-giao của Thiên-hộ Dương và cũng là một cố-hữu « của Lãnh-binh Định. Nhờ có ảnh mà hai người nầy làm thế ỷ-giác « với nhau để đánh Tây. Khi Thiện-hộ Đồng-tháp về Trung rồi tử-nạn « và Lãnh-binh Gò-công bị « thằng » Tấn trở giáo, ảnh mai danh ẩn tích « ở Phú-kiết, dạy học cầm chừng, rồi khéo làm thơ-ký đắc-lực cho « thằng » « Lộc mà kỳ-thiệt là để giúp tay trong cho anh em nghĩa-đảng, liên-lạc « bí-mật và chặt-chẽ với Thủ-khoa Tịnh-hà và Tri-huyện Thang-trông. « Nhiều nghĩa-quân đỡ khổ khi bị giam-cầm, Thủ-khoa và Tri-huyện bao « phen thoát được vòng vây của giặc phải nói phần lớn là nhờ một tay Ông « Đồ Phú-kiết.

« Nầy chị, vì chị lại sanh con gái nên ảnh ra đi có một mình ; « phải chi chị sanh con trai thì ảnh chờ nó trộng tuổi mới đem về ngoải « để tập-luyện cho nó đánh Tây...

« Mà bây giờ ảnh ở đâu ? Năm ngoái, chị nhờ người đến hỏi, « tôi e chị còn non ngày non tháng nên trả lời qua-loa. Nào ảnh có về « Nam-nghĩa Bình-phú gì đâu. Ảnh vừa tới Phan-thiết thì theo đường bộ « trở vào góp sức đánh Tây ở miệt Hỏ-tràm, Thị-vãi, rồi ảnh đã tử-trận « và tôi có bảo học-trò tôi ghi rõ ngày tháng để chờ đưa cho chị đây ! . « Chị nén sầu bớt thảm vì ảnh đã toại-nguyện, ảnh đã nêu gương sáng-

« chối trước mọi người. Chị nhớ kỹ tháng ngày để hàng năm cúng cơm « cho ảnh !...

★

Ngồi trước miệng hùm để giúp mưu đánh cọp, như Ông Đỗ Phú-kiết, đúng chăng là việc mà có lẽ cả một Lãnh-binh Định, một Thủ-khoa Huân, một Tri-huyện Lân, một Đỗ Chiểu cũng phải cho là khó làm?

Vậy nên, đêm nay, đốt nén hương lòng, tôi thành-thành kính-kính chép lại câu chuyện nầy hầu khỏi đắc-tội với một bực ANH-HÙNG VÔ-DANH của Tổ-Quốc.

LÊ - THỌ - XUÂN

■

Tạp - chí ĐỒNG - NAI

Các bạn muốn tìm hiểu miền đồng - bằng Cửu-Long, xin mời các bạn đọc :

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

XUẤT BẢN HÀNG THÁNG

Với sự cộng tác thường xuyên của các Ô.Ô. Lê-Ngọc-Trụ, Vương-Hồng-Sển, Thuần-Phong, Hồ-Hữu-Tường, Chánh-Trí Mai-Thọ-Truyền, Tuần Lý Huỳnh-Khắc-Dụng, Thân văn Nguyễn-văn-Quí, Tạ-Quang-Phát, Nguyễn-văn-Hầu, Trần-văn-Quế, Trọng-Toàn, Đông-Hồ, Hồ-Đắc-Thắng, Lê-Thọ-Xuân, Sơn-Nam, Bình-Nguyên-Lộc, An-Cư, Nguyễn-Ngọc-Huy, Nguyễn-văn-Y, Phạm-Long-Điền.

TÌM ĐỌC:

ĐỒNG-NAI số 7

Đặc-khảo về nhà thơ Nguyễn-Đình-Chiểu

Thân thế và thơ-văn của

NGUYỄN-THÔNG

▼ *BÙI-QUANG-TUNG*

L. T. S. *Để biết rõ về tác giả Độn Am Văn Tập, người đương thời với Trương-Định, liên hệ mật thiết cũng như cho ta tài liệu có giá trị về «Trương Công», chúng tôi xin đăng vào số đặc khảo này bài của ông Bùi-Quang-Tung, người rất quen thuộc trong giới khảo cứu Việt-Nam cũng như quốc-tế. Đây là bài biên khảo ngắn mở đầu cho những bài khảo cứu mà ông sẽ lần lượt gửi từ Paris về cho Tập San.*

Trong lúc tôi còn ở Việt-Nam, nhân dịp đi khảo cứu về lịch-sử nước nhà, được hân hạnh gặp Bác sĩ Nguyễn-quý-Phần tại Phan-Thiết. Bác sĩ mới cho tôi biết rằng còn giữ được — sau bao nhiêu cuộc tang thương vì khói lửa — một bộ sách của cụ Nguyễn-Thông. Ấy là sách *Độn Am văn tập* và *Kỳ xuyên văn sao*. Ấy là 2 sách còn lại trong những tác phẩm khác như :

— *Ngoạ du tào thi văn tập.*
— *Việt sử cương giám khảo lược.*
— *Nhân sự kim giám.*
— *Dương chinh lục...*

nay không tìm ra được.

Các tác phẩm của Nguyễn-Thông viết bằng chữ Hán cần phải gia công phiên-dịch và chú-thích để cho chúng ta khảo-cứu sau này. Về mặt này, ông khác hẳn Nguyễn-đình-Chiểu, ông này lại viết toàn bằng chữ nôm, chỉ có một vài bản chữ Hán.

Đứng về phương diện lịch sử, thứ nhất là về mặt dân Nam-kỳ kháng chiến thời Pháp xâm lược. Cụ Tô-Nam và tôi xin tạm dịch ba bài của cụ Nguyễn-Thông và Trương-công-Định, Hồ-Huân-Nghiệp và Phan-văn-Đạt là ba tay kháng chiến miền Nam, có tên tuổi trong lịch sử cận đại Việt-Nam.

Trước hết, nhơn dịp này, xin giới thiệu thân thế của cụ Nguyễn-Thông. Tôi dựa theo tiểu sử của cụ đã đăng trong *Đại Nam chính biên liệt truyện* tập II (quyển 37 tờ 136) và những lời truyền khẩu của Bác sĩ Nguyễn-quý-Phần là cháu ba đời của cụ thuật lại cho tôi nghe trong những buổi hầu chuyện cùng Bác sĩ tại Phan-Thiết và tài liệu của giáo sư Ca-văn-Thỉnh, hiện nay ở Bắc-Việt đã thâu thập về thân thế và sự nghiệp của cụ.

▼ *THÂN THẾ CỦA CỤ NGUYỄN-THÔNG:*

Tại Tân-Thạnh tỉnh Gia-Định nay là chợ Kỳ-Sơn, tỉnh Tân-An (Nam Phần) có gia đình dòng Nguyễn-Hanh kết hôn với họ Trịnh, nguyên quán ở Thừa-Thiên. Sanh hạ được 2 trai là Thông và Hài. Anh em được thân phụ vốn là nhà nho nghèo dạy dỗ.

Cha lại mất sớm, để gia đình đủ sanh sống Thông phải đi làm mướn cho một bà con trong làng vừa chăn trâu và giúp việc lặt vặt trong nhà. Còn Hài thì ở nhà chăm nom săn sóc bà và mẹ. Ông bà chủ nhà Thông ở, vốn người hiếu học, thấy Thông viết chữ tốt bà giúp đỡ cho ăn học. Vốn thông minh, trí nhớ bền, Nguyễn-Thông học vượt cả bạn bè được xóm làng khen ngợi và yêu mến.

Đến lúc 18 tuổi, Thông được cho đi ra họ ngoại ở Thừa-Thiên. Ở đây, Thông càng nổi tiếng là học giỏi. Khoa 1849 (năm kỷ dậu, triều Tự Đức), ông thi đỗ cử nhân. Vào thi hội ; Thông bị đánh rớt vì tập bài thi bị lấm mực, không hợp lệ. Đọc bài thi thấy văn tài của Thông, nhiều người khuyên nên tiếp tục học để thi khoa sau. Nhưng nhà nghèo Thông không thể ngồi học để đi thi nên nhận chức Huấn-đạo tại *Phú-Phông* tỉnh An-giang (nay tức là Cần-Thơ)

Nguyễn-Thông lấy tên chữ là Hy Phần; hiệu là Kỳ-Xuyên, biệt hiệu Độn-Am. Ông làm huấn-đạo 6 năm. Đến năm 1855, ông về Huế làm nội các; tham dự việc soạn sách *Nhân sự kim giám* (gương vàng sự việc người). Bộ sách hoàn thành, kế xảy việc quân Pháp đánh thành Gia-Định năm 1859, vì thực tình muốn bảo vệ đất nước, ông quyết tâm tình nguyện tùng quân. Trong quân ngũ ông giúp việc đắc lực cho Thống đốc quân vụ là Tôn-Thất-Hiệp.

Đầu năm 1801, quân triều thua trận ở đại đồn Chí-Hòa rút về Biên-Hòa. Biên-Hòa lại bị chiếm, ông đi xuống Long-Thành vòng về Tân-An, Gò-Công để tham gia vào cuộc phong trào nhân dân kháng chiến do cậu của ông là Trịnh - Quang - Nghị (trước ở trận Chí-Hòa chiến đấu bên cạnh ông Nguyễn-Duy là con của Nguyễn-Tri-Phương). Ông Nguyễn-Duy tử trận tại trận Chí-Hòa, và bạn ông là Phan - văn - Đạt đứng lên mộ nghĩa binh chống quân xâm lược Pháp. Sau khi ông Phan-văn-Đạt bị quân Pháp bắt giết. Ông Trịnh-Quang-Nghị thì tiếp tục kháng chiến, được ông Trương-Công-Định tuyển làm tham tán quân vụ, giúp ông Định một cách đắc lực.

Sau năm 1862 là năm triều - đình Huế ký tờ hòa-ước nhường ba tỉnh miền đông cho Pháp đình, thì ông Nguyễn-Thông — do Phan-Thanh-Giản đề cử được bổ làm đốc học Vĩnh - Long. Đến năm 1867 thì ba tỉnh miền tây bị chiếm luôn. Trong thời gian 4 năm ấy ông tích cực giảng dạy, xây dựng lại văn miếu, liên lạc với Trịnh-Quang-Nghị theo dõi cuộc chiến đấu của Trương-Định đồng thời liên lạc với các sĩ phu yêu nước, trong đó có những sĩ phu các tỉnh miền đông.

Không sống được trong đất bị địch chiếm đóng, dời gia đình về các miền tây. Tôn sùng đạo đức Khổng Mạnh, ông cùng Phan-Thanh-Giản khởi xướng việc dời mộ nhà giáo-dục nổi tiếng ở lục tỉnh là Võ-Trường-Toản, từ Chí-Hòa đưa cải táng về Bảo-Thạnh (tức là Ba-tri, tỉnh Bến-tre) vì lẽ đức-nghiệp của ông thầy chung không để cho quân địch làm ô uế. Sau khi Phan-Thanh-Giản tự tử và toàn

lục tỉnh bị mất, ông cùng một số sĩ phu «tị địa» ra ở Bình-Thuận. Năm ấy ông được 41 tuổi (1).

Đến Bình-Thuận ông cùng các bạn người Nam-Kỳ bàn việc điều tra địa thế, tìm căn cứ để tạo điều kiện liên lạc với Biên-Hòa, đồng thời phát triển nghề nông, tích trữ lương thực lo kế lâu dài. Ông tổ chức việc đi thám hiểm các vùng cao nguyên La ngư, Ba dần ghi địa hình, địa thế, khả năng khai hoang v.v... Ông chưa làm được gì thì lại đổi về Khánh-Hòa. (Nha - trang) rồi sau đó đi Quảng-Ngãi và Huế.

Trong năm 1867; ông làm án-sát Khánh-Hòa, nhưng lòng vẫn lo nghĩ đến Nam Kỳ đã mất. Vì kính mến Phan-Thanh-Giản, nhờ đến «di sớ» của Phan mong vua sửa đổi việc trị nước, ông liên tiếp gởi sớ đến vua Tự-Đức một là xin truy tặng Phan-Thanh-Giản đã tử tiết, hai là điều trần nêu 4 vấn đề (chọn hiền tài, trừ quan lại hại dân, tăng cường võ bị, cải tiến thuế thổ sản, đề cao khoan hậu đối với dân) và mạnh dạn can vua giảm việc xây dựng lăng tẩm tổn phí của kho. Lời ông không được triều đình chấp thuận.

Năm 1870; ông làm biện-lý bộ Hình, rồi Bố-Chánh tỉnh Quảng-Ngãi. Đặc biệt ở tỉnh này, trong thời gian không đầy ba năm, ông đã làm nhiều việc có lợi cho nông dân, nhất là công tác thủy lợi. Ông đã vận động đào kinh, đắp đập, trồng cây, đồng thời bài trừ bại tệ, cường hào nhũng lạm của dân. Giữa lúc ấy, ông bị tố cáo xử án thất xuất, nên bị cách chức, bị giam và xử trượng. Dân, lính thương mến ông đứng ra xin quan khâm-sai là Nguyễn-Bính vừa đến Quảng-Ngãi xét lại tội trạng của ông. Có người tự nguyện đến tận Kinh-thành kêu oan cho ông. Ông được tha nhưng phải tiếp tục công việc thủy lợi để chuộc tội. Mãi sau mới xét rõ trắng đen vụ án ấy do tên cường hào Lê-Doãn dựng ra để vu cáo ông.

---

(1) Bình phẩm vụ «tị địa» này, cụ Phan-Bội-Châu có phẩm một câu chua chát như sau: «Thất thân thì nữ, hà dĩ chi trinh» để đánh giá trị hành vi các sĩ phu từ ấy, trốn giặc chớ không chống giặc như các cô gái đã thất thân mà còn tự hào giữ gìn trinh tiết của mình.

Khoảng thời gian 1873 - 1875, ông mắc bệnh xin về Bình-Thuận ở chốn sơn trang kết bạn thì là cùng nhau ngâm vịnh. Nhân cùng bạn bè du ngoạn các vùng rừng núi, ông hết sức chú ý đến vấn đề khai hoang.

Năm 1876, ông trở ra triều làm Tư nghiệp quốc tử giám. Ông được cử cùng với các ông Bùi-Ước, Hoàng-duy-Tân khảo duyệt bộ *Khâm định Việt-sử thông giám cương mục*. Nhân làm công việc ấy, ông soạn ra bộ *Việt-sử cương giám khảo luận*.

Trong năm 1874 triều đình Huế và Pháp ký hiệp định về thương chánh, Pháp giao trả lại các tỉnh Ninh-Bình, Nam-Định, Hà-Nội, Hà-Đông và Hải-Dương mà họ đã chiếm và tặng triều đình năm chiếc tàu máy. Nhân lúc ấy ông thấy vua quan ngồi yên, chỉ chú trọng đến mối lợi trước mắt, thừa lúc giảng dạy ở Quốc-tử-giám, ông soạn bài văn nghĩa dựa vào câu chuyện Mạnh-Tử ra mắt vua Huệ-Vương nước Lương mà bày tỏ ý niệm mình đối với việc nước.

Vì ích lợi lâu dài cho dân, ông tom góp tài liệu cuộc điều tra ở La-ngư, Ba-Dầu trước kia và nghiên cứu thêm. Ông gửi đến vua đề nghị lập đồn điền khai khẩn miền Tây nguyên từ biên giới Cao-Miên đến Quảng-Trị, thâu nạp những dân lưu ngụ, nhứt là dân từ Nam-Kỳ ra. Triều đình chuẩn y đề nghị ấy. Năm 1877 ông về Bình-Thuận làm Dinh-điền sư. Từ Huế về tỉnh, ông lâm bịnh thổ huyết rất nặng chết đi sống lại mấy lần. Giữa cơn bịnh lúc nào khá thì ông cố sức dự hội đồng để bàn việc lập đồn khẩn ở Cao-nguyên. Nhưng Soái phủ ở Nam-Kỳ gửi thư ra Huế phản đối nên triều đình bèn ra lệnh bãi công việc nầy. Lúc ấy ông được 57 tuổi.

Từ ngày thổ huyết, sức khỏe ông càng ngày càng sút kém. Sáu bảy năm dài, bịnh trở đi trở lại mặc dầu gia đình, bạn bè hết sức chăm lo điều trị. Đã bịnh thêm đau buồn vì chủ trương không

thực hiện được bịnh càng kéo dài. Người bạn chiến đấu của ông là Trà-quí-Bình (1) thông cảm nỗi lòng thảo ra một bài sớ dài gửi về triều đình vạch rõ âm mưu tằm ăn dâu của pháp đình. Ông cho rằng nếu triều đình không có kế hoạch, hết nhân nhượng này đến nhân nhượng khác thì cả nước sẽ mất. Sớ ấy không được triều đình chú ý.

Năm 1880, ông cùng các người đồng hương bàn việc lập Đồng Châu xã. Trong lúc tuổi già, sức yếu, ông vẫn lo hai việc mà đời ông chú ý nhất là: khuyến khích phát triển nghề nông và ra sức giáo dục đào tạo lớp tuổi trẻ. Ông dựng một ngôi nhà nhỏ bên cạnh sông Phan-Thiết đặt tên là *Ngọa du sào*, trên vách có vẽ một số cảnh tiêu biểu mà đời ông đã trải qua.

Ông mất năm 1894, thọ 68 tuổi.

Ông kết hôn cùng Ngô-thị Thúy-A, cháu tằng tôn của Ngô-nhân-Tĩnh, một trong tam gia thi ở Gia-Định. Bà sanh được 2 trai là Trọng-Lội và Quí-Anh và ba gái là A San, A Chuyên và A Lỗ. Vợ thứ hai của ông sanh một trai một gái.

Nguyễn-trọng-Lội, con cả Nguyễn-Thông có tham gia phong trào đấu tranh chính trị năm 1907. Các nhà hoạt động chính trị đầu thế kỷ này như cụ Phan-châu-Trinh, Đặng-nguyên-Cẩn cùng với Nguyễn-trọng-Lội lập ở Phan-Thiết Hội Liên Thành (về mặt kinh tế) và lớp học Dục-Anh (2) (về mặt giáo dục) để làm cơ sở mở rộng hoạt động gây phong trào đấu tranh chính trị ở nhiều tỉnh Trung Bộ. Còn trong hàng con của ông Nguyễn-quí-Anh có cậu Nguyễn-Minh-Duệ tham gia kháng chiến, nhập bộ đội Cửu-Long và hy sinh cho tổ quốc vào năm 1948, để lại một cô vị hôn thê đến nay vẫn thủ tiết với người đã liều mình vì nước.

---

(1) Cũng là thông gia vì con trai của ông Bình tên là Tiếp cưới con gái cụ Nguyễn-Thông, ông Trà-quí-Bình người tỉnh Gia-định, nguyên làm bố chánh, có tập thi văn, cụ Nguyễn-Thượng-Hiền đề tựa.

(2) Hội Dục-Anh không bao lâu bị Chính-phủ Pháp xúi triều đình Huế đóng cửa. Hội Liên Thành vẫn duy trì đến ngày nay, hiện chuyên chú về sản xuất nước mắm.

TRUYỆN PHAN-VĂN-ĐẠT

Phan-văn-Đạt tên chữ là Minh-Phủ, người thôn Bình-Thanh, huyện Tân-Thạnh (tỉnh Gia-Định) cha là Phan-văn-Mỹ tính vui vẻ dễ dãi, gặp ai học thức tỏ lòng kính yêu quí trọng. Văn-Đạt thuở nhỏ; đã có vẻ đứng đắn như người lớn. Khi đã lớn, thông hiểu kinh sử, sở trường về thơ từ. Năm Canh Thân đời Tự-Đức 1880. Ông đậu cử nhân, muốn đi làm quan nhưng không có tiền ăn đi đường phải nhờ các bạn thân đến cấp giúp. Nhưng ra đến kinh thì lại bỏ về. Tính ông Đạt ngay thẳng, không ưa a dua, được người làng kính mến. Ai có việc tranh giành thường đến nhờ ông phân xử, họ bảo nhau rằng: «Sợ sự chênh lệch thì nhờ mặt cân, muốn hết tranh giành thì nhờ ông Phan».

Tháng ba năm Tự-Đức thứ 14 (1861), thân phụ ông tạ thế, chôn cất xong, ông bùi ngùi nói: «Việc riêng của tôi thế là xong. Từ nay về sau tôi sẽ tùy theo tạo hóa vần xoay» (1). Buổi ấy quân ta thua lớn ở Phú-Thọ (2). Quan quân lui về Biên-Hòa. Thành Gia-Định bị người Pháp chiếm cứ, Phan-văn-Đạt cùng với người chú bên ngoại là Trịnh-Quang-Nghị mưu việc khởi binh. Suy tôn Trịnh-Quang-Nghị làm đầu. Quang-Nghị là cậu ruột của tôi (tức là Nguyễn-Thông) tên chữ là Tử-Vũ, buổi đầu hoạt động dưới sự chỉ huy của tán lý của Nguyễn-Duy. Ông Nghị là người dũng cảm, gan dạ, sau trận thua to ở Phú-Thọ (Chí-Hòa) ông bèn lén lút trong các làng, đến nay cùng Văn-Đạt khởi sự lại. Mộ dân tráng trong làng làm lính, nhiều thanh niên các huyện lân cận đến theo, chia quân đóng giữ phía nam Biện kiều, thôn Bình Thanh.

---

(1) Ý nói: tuy theo vận hội nước nhà, nếu có chết cũng không sao.

(2) Tức là trận Chí-Hòa, hiện còn đài kỷ niệm.

Trước khi đó Đỗ-Trình-Thoại ở huyện Tân-Hòa, hợp quần chúng đánh đồn Quy-Sơn (1), bị thua chết, lính Tây đến thế mạnh như bão, nghĩa dân đứng nhìn, không có ai liều mình xung phong giết giặc. Từ khi hai ông đóng giữ phía nam Biện kiều, phát giấy hiệu cáo, tiếng nghĩa vang dội nghĩa hào các huyện Bình-Dương (tức là Thủ dầu Một), Tân Long, Tân An và Tân Hòa thảy đều tập hợp dân chúng giết giặc, ấy là nhờ sự hô hào của hai ông.

Lúc ấy, tôi cùng Phan-Chính-Thường ở chỗ hai ông đóng quân. Khi hai ông mới khởi binh, thế lực hãy còn đơn yếu, lại nghe quan quân đóng miết ở Biên-Hòa, không tiến đánh, nên mới bàn với nhau dời quân giữ nơi hiểm yếu, đợi cơ hội, chưa vội xuất phát. Tướng Tây là Ba Xuc(?) đóng đồn ở phủ Tân-An, dò biết tình hình, sai quan đánh úp Biện kiều, Văn-Đạt cùng tám người nghĩa binh bị bắt sống. Ngày ấy là ngày 16 tháng 7 (1861).

Còn Quang-Nghị đem quân đi đằng khác để đóng đồn ở Ô-Khê (tây nam Biện kiều). Cũng bị quân Pháp áp bắt, cố đánh chạy thoát được, quân Pháp bắt Văn-Đạt, đem tra tấn cực hình nhưng Văn-Đạt không hề run sợ, tên chủ giặc lấy làm lạ hỏi ý kiến tên thông ngôn. Thông ngôn chỉ Văn-Đạt nói rằng: «Người ấy là kiệt liệt nhứt trong đảng». Vì thế Văn-Đạt bị bắn chết, năm ấy ông được 34 tuổi. Lúc ấy bọn Pháp ruồng bắt nghĩa quân rất gắt, mọi người đều phải trốn tránh. Có bà Trịnh thị (chị Trịnh-Quang-Nghị) sai người đi tìm thi hài Văn-Đạt, sắm đủ áo mũ, đem mai táng ở phía nam Biện kiều là nơi ông khởi binh khi trước. Triều đình Huế nghe việc ấy truy tặng Phan-văn-Đạt hàm tri phủ, ban cho em ông là Thanh hàm bá hộ và ra lịnh hòa bình sẽ lập miếu thờ, mỗi năm mùa xuân mùa thu cấp tiền tế lễ.

Khi quân Tây đánh Biện kiều có tám người nghĩa binh cùng bị bắt với Phan-văn-Đạt một lượt. Họ sợ thế nào cũng phải bị

(1) Tức là Sơn-quy, ở Tân-An bây giờ.

giết, Văn-Đạt giỏi thiệt bói toán, đoán rằng: « Tôi thì chắc chết, còn các anh thì không can gì. Nhờ các anh em nói với các đồng chí nên cố sức làm cho thành công ». Về sau, tám người ấy được tha như lời Văn-Đạt nói. Trong trận này, tôi với Phan-Chính ở đồn khác nên thoát chết. Quang-Nghị, sau khi Văn-Đạt bị giết, thâu thập tàn quân về đóng tỉnh An-Giang.

Phan-văn-Đạt là người thông minh sáng suốt, việc máy móc chỉ xem qua là có thể bắt chước làm được. Tính ông rất thích thổi sáo. Tôi ở gần nhà ông. Thuở nhỏ vì tình họ ngoại nên rất thân yêu nhau. Đến khi tôi được thăng làm Hàn-lâm trước tác đi tùng chinh ở Gia-Định thì nhà Văn-Đạt ngày thêm sa sút, mẹ chết không chôn cất được, tôi cho các bạn thân hay để giúp tiền của, mới làm lễ tống táng được tử tế. Vợ ông mất sớm, tự mình phải làm việc kim chỉ vá may. Tôi thường đọc chuyện khúc đãn « Trĩ phi tháo Hàn tử » (1) để chế nhạo. Văn-Đạt cười nói rằng: « Người chăn trâu là khoáng phu (2), chớ tôi vẫn có vợ, chỉ khác một điều là người ở trên trần và người ở cửu-tuyền mà thôi ! ». Rồi ở góa không cưới vợ khác chỉ sanh được một gái.

Trích dịch *Kỳ-Xuyên Văn-Sao*

---

(1) Trĩ phi tháo : tên một khúc đàn xưa. Thời Tề Tuyên-Vương có người xứ sĩ gọi là độc mục tử (gã chăn trâu) đã 50 tuổi không lấy vợ. Sau ra hái của ngoài đồng thấy đôi chim trĩ trống mái cùng bay, cảm xúc mà làm ra khúc đàn «Trĩ triêu phi ».

(2) Người không vợ như chim thiếu trống hoặc thiếu mái.

ĐỘN AM VĂN TẬP *

LÃNH-BINH TRƯƠNG-ĐỊNH TRUYỆN

领 兵 張 定 傳

▼ *Nguyên-tác* NGUYỄN-THÔNG
▼ *Dịch giả* TÔ-NAM và BÙI-QUANG-TUNG

L. T. S. : *Nguyễn Thông tự là Hy Phần, hiệu là Kỳ Xuyên, quê ở huyện Tân Thạnh, Gia Định, sống cùng thời với Trương Định, cùng tham gia kháng Pháp. Theo* Đại Nam chính biên liệt truyện, *sơ tập, quyển 37 tr. 14-16, ông đã soạn nhiều tác-phẩm như bài* Việt Sử Cương Giám, Kỳ Xuyên văn sao.

Ngọa Du sao thi văn tập *và* Độn am văn tập. *Chúng tôi nhận thấy* Độn am văn tập *là một tài liệu lịch sử giá trị vì chính Nguyễn-Thông, người đương thời viết về các nhân vật kháng chiến, trong đó có Trương-Định và Huân Nghiệp truyện mà chúng tôi xin trích đăng. Theo ông Tô Nam, dịch từ nguyên bản khắc năm Nhâm Ngọ tháng 5 triều Tự Đức (1882), phát hành tại hiệu Quảng Thịnh Nam, do con giai ông Nguyễn Thông là Thuật, cháu là Yến, Nguyên-An và học trò là Tuy Giang, Nguyễn-Lễ Nhượng cùng phụng sao, nay nguyên bản theo lời ông Bùi Quang Tung, hiện bác sĩ Nguyễn Quý Phần, cháu 3 đời cụ Nguyễn Thông cất giữ tại Phan Thiết.*

Ông-Định nguyên quán ở Quảng-Ngãi 廣義 phụ thân tên là Cầm 琴. Vào khoảng giữa đời Thiệu-trị 紹治三年四年 (1843 - 1844) sung chức Lãnh-binh Gia-định 嘉定領兵, cưới con gái một nhà phú hào ở huyện Tân-hòa 新和 cho Định, sau khi Cụ mất thì ông lập luôn gia cư ở đấy chứ không về quê nữa.

Ông Định người trông rất khôi ngô, tinh thông các môn võ nghệ và sở trường về môn bắn trăm phát đúng trăm ! Đến thời Tự-Đức 嗣德, ông bỏ hết gia tài để mộ dân lập sở đồn điền, triều đình thấy người có

(*) Quyển 4, từ trang 10.

chí kinh doanh bèn trao cho chức Quản Cơ 管奇. Tháng giêng năm Kỷ-vị Tự-Đức 12 (1859), quân Pháp công hãm thành Gia-Định, Hộ-đốc Võ-duy-Ninh 武維寧 bị tử trận, lúc ấy ông đem Cơ binh (dân quân) theo quan quân đóng tại cầu Thuận 順橋, trận nào cũng xông lên trước, lập được khá nhiều chiến công, tháng giêng năm thứ 14 Tân dậu (1861) nghĩa là sau trận mất đồn Phú-thọ 富壽. Các tướng lui về giữ Biên-Hòa 邊和, ông Định cũng thu quân về đồn cũ Tân-hòa 新和, vì lúc ấy quân Pháp còn đương mải vào việc đánh Biên-Hòa Vĩnh-Long 邊和永隆, đối với cánh tàn quân của ông Định, chúng coi như một đám giặc cỏ. Không chú ý mấy, vì thế ông được rảnh tay, chiêu tập các thân sĩ như Tri huyện Lưu-tiến-Thiện 劉進善, Bát phẩm thư lại Lê quang-Quyền 黎光權 trù biện quân lương, đúc thêm khí giới, chỉ thời gian ngắn, nghĩa binh đã lên tới hơn ngàn. Vì thấy quân Pháp mới sang chưa thuộc đường lối, các ông liền áp dụng chiến thuật phục kích, dẫu không đại thắng, nhưng quân Pháp cũng bị thiệt hại rất nhiều, làm cho tinh thần kháng chiến các nơi hứng khởi.

Nói về triều đình Thuận-hóa trong khi đương hoang mang vì những thất bại ở Nam-Kỳ, nay bỗng nhận được tin có một đạo quân khởi sắc như vậy thì rất hài lòng, liền mật dụ cho ông thăng chức Phó lãnh binh Gia-Định, nhưng đến tháng 11 thì Biên-hòa 邊和 thất thủ, triều đình liền hạ dụ nghiêm trách các quan hiệp tán quân vụ Thân công Văn-nhiếp 申公文燮 Khâm phái quân vụ Nguyễn-túc-Trưng 阮夙徵 v. v. phải kíp tới Tân-hòa 新和 để tính kế khôi phục, nhưng chính lúc ấy thì quan nguyên Tuần-phủ Gia-định là Đỗ-Quang 杜光 đã theo đường tắt tới họp với Định và Định đã tiến đóng đồn Quy-sơn 山龜 (龜) đoàn quân thắng trận đó đã lên tới ngoại 5 ngàn, nhân thấy Túc-Trưng là đại tướng cũ, nên mọi người suy tôn đứng đầu để cùng tuân theo mệnh lệnh, ngặt vì giữa lúc thế địch đương mạnh, Túc-Trưng cũng chỉ hoạt động trong phạm vi Tân-hòa mà thôi.

Năm Tự-đức thứ 15 Nhâm-tuất 1862, ngoài Bắc có bọn thảo khấu do Lê-minh-Phượng 黎鳴鳳 cầm đầu, quấy nhiễu vùng Quảng-yên, lan cả huyện Hải-an 海安 làm cho dân tình náo động, còn Nam kỳ thời Vĩnh-

---

Chú thích của dịch giả.

(1) Tức Sơn Quy, Gò-công.

long 永隆 thất thủ, tin tức quận sự tới tấp về Kinh. Tình thế lúc ấy thực đúng với câu 直此關山金鼓振 Trực bắc quan san kim cổ chấn, 征西車馬羽書馳 Chinh tây xa mã vũ thư trừ « Trống chiêng ải bắc vang tai dục, Tin tức chinh tây chấp cánh đưa ! »

Tháng 5 thì viên Thủy sư đề đốc Pháp Bonnard 鋪那 phái 1 chiến hạm ra Thuận-hóa yêu cầu triều đình Thuận-hóa cử ngay Toàn quyền đại thần vào Gia-định để hội nghị hòa ước, triều đình chấp thuận thế là hòa ước ký kết ngay trong tháng 5, rồi tháng 7 bãi binh, xuống chiếu vời các ông Túc-Trưng 凤徵 về triều, còn ông Định 定 thì được thăng chánh lãnh binh An-giang 安江 và phải giải tán quân đội để đi lãnh chức mới. Các ông Túc-Trưng tiếp được thông tư triệt binh cũng theo đường tắt rút đi nơi khác, còn ông Định thì thu xếp cho vợ con đi trước riêng mình ở lại kiểm điểm các việc rồi mới rút sau, nhưng khi đó các người hào nghĩa không muốn giải tán cố giữ ông ở lại, họ bàn luận với nhau rằng quân Tây luôn luôn bị bại, nếu ngày nay để chúng đắc chí tự do hoành hành thì chúng ta sẽ phải làm mồi cho chúng, vả lại cuộc hòa này chúng lấy binh lực ăn hiếp triều đình chứ đâu phải là thực bụng ? Chắc gì mai đây chúng chả trở mặt tức thì ? ? ? sau khi hòa ước đã định chúng ta còn biết trông cậy vào đâu ? chi bằng cứ việc tiếp tục kháng cự. Cổ thủ lấy một miếng đất mà đùm bọc lấy nhau vân vân....

Mấy câu cương quyết trên được toàn thể tán thành và đồng thanh thề chết chứ không khuất phục. thế rồi mọi người yêu cầu ông Định ở lại điều khiển trong khi ông còn do dự thì bỗng tiếp được thư của Phạm tuấn-Phát 范駿發 ở Tân-long 新隆 gửi đến cho nghĩa quân, trong thư cũng suy tôn ông làm Chủ soái, và thề nhất định sống chết với địch chứ không hòa !....

Bức thư của Tuấn-phát 駿發 chẳng khác gì một ngòi lửa đúng thì giờ ấy nó đã châm vào kho thuốc, trái tim của đám nghĩa quân, làm cho tinh thần bất khuất lại thêm bồng bột ! hai tiếng thề chết ở trăm vạn miệng cùng hô, tưởng như long trời lở đất ! rồi trăm ngàn người cùng bắt tay vào việc ! chỉ trong chốc lát đã tạo nên ngay một cái đàn (trúc đàn bái tướng đắp đàn phong tướng như thời xưa) suy tôn ông làm chủ soái trong giờ phút ấy dẫu muốn theo lịnh triều đình, tìm câu thoái thác, ắt chẳng xong nào, nhất là bản tâm của ông cũng không muốn thế ! tấm thân đã hiến giang sơn tổ quốc thì có màng chi cái chức lãnh binh ? lòng ông như thế ! lại được lòng nghĩa binh như thế, nên ông chẳng còn

do dự, khẳng khái bước lên tuyên thệ trước mặt mọi người rồi tự xưng là Bình-tây-đại-nguyên-soái 平西大元帥 Quang-Quyền 光權 làm Tham tán quân vụ, chỉnh đốn hàng ngũ xong liền phân phát tướng sĩ đi đóng chặn các nơi hiểm yếu bao quát một vùng, mặt đông nam ra đến bãi bể, mặt tây đến núi Hoa cương 花崗 còn ông thì chỉ huy đại binh đóng tại rừng Trát-tước 札雀泉 suốt từ *Dung-cương* đến đê *Ông-canh* 榕崗至翁更嬌 cứ cách một quảng lại thiết lập một đồn lũy để cản sức xung phong và đúc thêm trọng pháo, mộ thêm dinh tráng, phòng bị huyện Tân-hòa 新和 làm kế tràng cửu, rồi lại gửi thư đi các nơi nói rõ cho các hào kiệt biết việc làm của nghĩa quân đây không phải là chống đối mà trái lại chính là để giúp đỡ cho triều đình, vì thế các nơi đều xin theo mệnh lệnh và các phủ huyện cũng ngầm giúp tiền lương bấy giờ ông mới mổ trâu giết lợn khao thưởng ba quân, tuyên bố những lời chém đinh chặt sắt càng thêm phấn khởi lòng quân, nhưng cứ bề ngoài mà xét thì ai chả khấp khởi mừng thầm, nếu nói đến nội dung? Tướng sĩ dẫu nhiều? Dẫu có hăng hái? Nhưng sự thực thì vô kỷ luật lúc hợp lúc tan không gì ràng buộc? Riêng có đạo binh của Tuấn-phát 駿發 ở Hắc-Khâu (黑邱 Gò đen) đạo quân Bùi-huy-Diệu 裴輝耀 ở *Cần-đức* 勤德 Tuyên-phủ-sứ Nguyễn-văn-Trung 阮文忠 ở Tân-Thịnh 新盛, mấy đạo ấy còn hơi chỉnh đốn, có thể gây thế lực cho ông phần nào? Chứ còn các đạo khác thì như trên đã nói: thiếu kỷ luật thì còn mong gì chiến thắng? dễ tan vỡ thì lại gây ảnh hưởng tai hại cho đại cục của nghĩa quân! đó là điều không thể tránh nổi.

Về phần quân Pháp, sau khi hai bên đã lập hòa ước, dẫu họ biết rõ công việc của nghĩa quân đương làm và sẽ làm? Nhưng họ vẫn án binh bất động (đóng quân không hành động) họ chỉ thúc dục trần thần Vĩnh-Long phải gửi thư cho Định, bắt buộc bãi binh! thư ba lần tới! ba lần trả lại! Nghĩa quân nhất định không theo!

Thư đó đại lược nói: Hiện nay triều đình đã ký hòa ước, hai bên tiếng súng đã ngừng mệnh lệnh bãi binh sao lại giám trái? Vẫn biết hai chữ Trung hiếu, tốt đẹp vô cùng, nhưng cái tốt đẹp ấy phải có giới hạn, đạo thần dân không nên vượt qua cái giới hạn đó, cái lỗi vượt quá với cái

lỗi làm thiếu bổn phận nó cũng như nhau ! Ví như con rắn mà vẽ thêm chân thì đâu phải là con rắn ? Vậy thì các ông cũng chớ nên vượt qua giới hạn ? Ví bằng các ông vượt qua giới hạn mà khôi phục được trọn vẹn cả bức dư đồ Định-Biên 定邊 thời việc làm của các ông quả là vĩ đại! Nhưng khốn nỗi đại binh nay đã triệt hồi, các chưởng binh trước kia thủ hiểm tại các rừng suối, nay cũng tản mát các nơi, chỉ còn vỏn vẹn một số nghĩa quân đem ra chiến đấu, chắc gì đã giữ phần thắng ? dùng để cố thủ, chắc gì đã giữ được lâu ? Nói tóm lại : cả công lẫn thủ đều không hi vọng ? thử hỏi các ông còn cố miễn cưỡng làm gì ? ? ?

Cách ít lâu Đề-đốc Bonnard 鋪 耶 lại gửi cho Hiệp biện-đại-học-sĩ Phan-thanh-Giản 1 bức thư đại khái như sau : Cứ như tình thế hiện tại, đối với nghĩa quân ở Tân-hòa trừ phi lực lượng quân Pháp thì không giải quyết nổi ! Chỉ hiềm nơi đó là một địa phương trù phú, một khi dùng đến binh lực, tất sẽ tan hoang, vì thế nên y không nỡ ? Nhưng nay Trương-Định 張 定 không chịu giải tán, tức là công cuộc bình định vẫn chưa hoàn thành ? Vậy bất đắc dĩ cũng phải dùng sức mạnh để xua đuổi v.v...

Tiếp được thư trên Phan-Công liền phúc đáp cho Pháp soái biết : Việc này ông đã cứ thực tâu báo về triều, nên còn phải chờ mệnh lệnh v.v...

Thám được tin trên, Định liền tương kế tựu kế, tạo ra một đạo mật dụ khuyên dân nên triệt để ủng hộ vì triều đình đã phó thác công việc khôi phục cho ông ? Mục đích để thúc đẩy nhân dân và phá vỡ hòa cục ! Biết đâu đối với tờ mật dụ ấy chính Pháp soái cũng ngờ ? Cho rằng triều-đình không thực bụng ? Liền hạ lệnh tấn công Sơn-Quy 山龜 thấy quân Pháp trúng kế ông bèn dùng mẹo giả thua dụ quân Pháp đuổi vào thung lũng, bấy giờ phục binh nổi dậy, quân Pháp sa xuống bùn lầy, thiệt hại vô kể ! Bị bại trận đầu, Pháp soái vô cùng tức giận, bèn hạ lệnh cho thủy quân kéo cả chiến hạm vào Dung giang 榕 江 (sông này ở phía đông đồn Gò rùa tức là *sông Tước-Nguyên* (1) (雀 泉) cho quân đổ bộ đánh cả 4 mặt, nghĩa quân dẫu kém lực lượng nhưng

(1) Phải chăng là Khổng Tước Nguyên tức Gò Công ?

kháng cự rất hăng ! Đôi bên cùng thiệt hại nặng, về sau quân Pháp nhờ có trọng pháo nên mới thủ thắng, nghĩa quân bị thiệt mạng mất hai viên dũng tướng là Đặng-Kim-Chung 鄧金鐘 và Lưu-Bửu-Đường 劉保堂 (Chung người làng Mỹ-Hòa 美和 huyện Bình-Dương 平陽 ban đầu theo nghĩa quân với chức Suất đội, sau theo Ông Định làm Đốc-binh, người rất can đảm, ra trận bao giờ cũng xông trước, chẳng may bị trúng đại bác cùng với Bửu-Đường cùng chết oanh liệt trên chiến địa, nếu không chửa biết trận thế ra sao ? Làm cho ai cũng thương tiếc). Nói về trước khi quân Pháp chưa tới, Ông Định và các tướng đã đoán trước, quân Pháp sẽ phục thù, sẽ điều động lực lượng rất mạnh, nên sau khi thắng trận đầu ông đã truyền hịch cho nghĩa quân ở Tân-Long 新隆 Bình-dương 平陽 Bình-Long 平隆 Biên-Hòa 邊和 đồng thời phải tấn công các đồn Mai-Sơn 梅山 Thuận-Kiều 順橋 Tây-Thái 西泰 Phước-Tuy 福綏 Bình-An 平安 Long-Thành 隆城. Để kìm hãm quân Pháp, nhưng các đạo thấy đều thất bại, và 2 đạo của Văn-Trung 文忠 Tuấn-Phát 駿發 cũng bị thua chạy, thành ra ông phải đứng vào thế cô, hết đường ngoại viện, thế rồi tháng sau tức tháng 12, đại binh của Pháp tập trung cả ở Tân-Hòa 新和 đạo thứ nhất từ cửa bể tiến đánh sông Già 駕江 đạo thứ hai tiến đánh và chiếm cứ đồn Lẳng-lộc 浪祿, đạo thứ ba cho quân đổ bộ ở Kỳ-miên đánh đồn Hoa-cương 花崗, còn đại binh thì tiến thẳng đến Sơn-Qui 山龜, bốn mặt cùng tiến trăm khẩu đại bác cùng nhả đạn như mưa ! Trận ác liệt này ông phải thân ra đốc chiến, suốt 3 ngày đêm tướng sĩ chẳng được nghỉ tay, cứ người này chết người khác thay, cầm cự cho tới khi bắn đến viên đạn cuối cùng, gươm giáo cùng quăn hết mũi nhọn, không còn một miếng ăn, bấy giờ mới chịu mở một đường máu để tháo lui, phó mặc cái thành không cho quân Pháp giầy xéo ! Nhưng quân Pháp vẫn không thả lỏng ? một mặt chiếm thành, một mặt vẫn cứ rượt theo ! theo tới bãi bể, tới khi ông và các tướng tá chạy vào đến quãng rừng sâu, thì chúng mới chịu trở lại ! đành để cho cọp về non !!!

Xét ra trận thắng này quân Pháp cũng phải mua bằng một giá rất đắt ? ? ? từ đó chẳng dám coi thường ! ! ! (trận này kết liễu vào ngày mồng 7 tháng giêng năm Quý-hợi, tức là Tự đức năm thứ 16, D. lịch 1863). Về phần ông và các đồng chí, sau trận núi Rùa, chạy vào rừng sâu, nhưng

cách mấy hôm thì lại lần về Phước-lộc 福祿, nghĩa binh nghe tiếng lại lần lượt kéo về, mưu tính công cuộc phục khởi. Chẳng ngờ lúc ấy có tên bộ tướng của ông Định gọi là *Đỗ-Tấn* 杜進 (3), một tên hộ vệ tin cẩn xưa nay, biết đâu y đã thay lòng đổi dạ, âm mưu bán chủ và bán non sông! Ngày 19 tháng 8 năm Giáp-tí 1864 Tự đức thứ 17, y mời ông về đóng ở thôn Tân-phước 新福 để chờ dịp đánh úp Tân-hòa 新和? muốn để ông Định tin lời. lẽ tất nhiên y đã viện ra nhiều điểm thuận lợi, nào là sĩ khí nơi đó rất cao? nào là quân đội của Pháp ở trong đồn sẵn có một số anh em chúng bạn của y nhận làm nội ứng.

Tin rằng cơ hội hiếm có, ông và các đồng chí theo y sang ngay, thế rồi vào quãng nửa đêm hôm ấy, trong lúc bốn bề im lặng, bầu giời sương phủ kín đen, anh em cũng đương thiêm thiếp trong giấc kê vàng, chiến thắng ngày mai, thì bỗng xóm ngoài chó sủa liên tiếp, làm cho mọi người sực tỉnh! hỏi đến *Đỗ-Tấn* 杜進? chẳng thấy Tấn đâu? biết rằng Tấn đã thông mưu với giặc! bấy giờ bốn mặt tiếng súng đã nổ, tiếng hò hét đã áp tới gần! muốn mở đường máu để thoát thân? nhưng trong khi đêm tối, đường lối không quen! nhất là việc này chúng đã âm mưu bố trí chắc không để hở kẻ nào? thôi thì mạng đổi lấy mạng, kẻ gươm người súng xông ra hỗn chiến! mấy anh em sát hại địch quân đến mấy chục mạng, tới khi ai cũng bị đạn không thể chiến đấu, thì ông rút gươm tự vẫn, rồi anh em cũng chết theo! đứng trước cái chết oanh liệt ấy viên chỉ huy quân Pháp cũng phải kinh ngạc và đem lòng kính trọng, ra lệnh cho quân sĩ mai táng hẳn hoi.

Ông mất vào năm 44 tuổi, con giai là Quyền 權 dẫu còn niên thiếu nhưng rất can đảm và thiện chiến, trong khi theo ông ra trận, Quyền vẫn chỉ huy riêng một cánh nghĩa binh, nổi tiếng anh dũng, người đời đã tặng cho danh hiệu là quân chẳng hai (二郎軍 nhị lang quân) may sao trận này cậu còn đương ở nơi khác, nên không bị hại, nhưng từ đó cậu cũng chán đời không cho ai biết tông tích!

---

(3) Sau này người ta thường gọi là Huỳnh Công Tấn, phải chăng có sự đổi họ.

Nhắc lại ông Định là người có nhiều cơ mưu, hiệu lệnh nghiêm mà sáng tỏ, tướng sĩ sợ mà mến yêu, bởi thế mới lập được nhiều chiến công biển hách, trong triều ngoài quận đâu cũng biết danh ? Tướng địch quân thù nghe điều khiếp đảm ! chẳng may vận nước lâm nguy, anh hùng ngậm hận ! sau khi ông chết thì nghĩa quân như rắn không đầu ? các hào kiệt tự do xưng hùng xưng bá ! có kẻ mượn danh phục quốc, thừa thế hiếp dân ! diễn lại tấn thảm kịch 12 sứ quân ngày trước ! lúc ấy dẫu có Quang-Quyền 光權 là người thay thế, nhưng cũng chẳng hãm được nào ?

Quang-Quyền 光權 vốn người phủ Thừa 丞府人, bắt đầu hưởng ứng nghĩa binh đã giữ chức Tham-tán cho ông Định 定, vì rất am luyện về chính trị và có biệt tài về chỉ huy quân sự nên được ông Định coi như một cánh tay, sau khi ông mất Quang-Quyền đành bỏ cánh nghĩa quân chạy ra Giao-Loan 交灣 giúp đỡ cho Trần-Tuấn 陳濬 tức Phạm-Chánh 潘正, Chánh dẫu làm chủ một cánh nghĩa quân, nhưng rất giỏi về văn thơ, vì tính người khẳng khái không chịu dưới ai, nên tự trước đã chiếm cứ Giao-Loan, tự xưng Bình-tây phó-nguyên-soái 平西副元帥. Giao-Loan nguyên là một eo biển ở khoảng giữa Biên-hòa 邊和 Bình-thuận 平順, nhờ được ruộng đất phì nhiêu, Tuấn phân phát nghĩa binh lập các đồn điền để giải quyết vấn đề lương thực, và rèn đúc khí giới để chờ thời, kể ra chí khí cũng rất quật cường, hành động cũng có phương pháp, nhưng tiếc nỗi thổ dân toàn là mường mán, chúng sợ phải cung đốn quân dịch, và một mai quân Tây kéo đến lại bị thành cháy vạ lây, nên chúng bàn nhau chỉ lối cho quân Tây đánh úp, nghĩa quân sức mỏng lại bị đánh bất thần, chỉ trong giây phút hoàn toàn tan vỡ ! May mà ông Tuấn 濬 chạy thoát, rồi sau trú ngụ ở kinh thành Thuận-hóa, vì có khí tiết văn thơ, được vua Tự-đức tri ngộ và triều thần quí mến, khi ông ở Sơn-đồn 山屯 thường cùng các thi sĩ Tàu là Tô-Thành 蘇成 xướng họa, lời thơ rất khẳng khái lâm ly, sau vẫn truyền tụng.

HỒ-HUÂN-NGHIỆP TRUYỆN

胡　勳　業　傳

Hồ-huân-Nghiệp người làng An-định 安定 huyện Bình-dương 平陽. Ông nội tên là Hồ-văn-Thuận 胡文順, khi trước đã làm đến chức Ký lục (cũng như Tuần-phủ).

Ông Nghiệp có một hình thù rất cổ quái, mũi nhọn như mỏ vẹt tay dài như tay vượn ở tính tình trầm tĩnh mà cứng cỏi lại ưa chuộng những việc kỳ khôi. Khi phụ thân là Hồ-Lợi 胡利 tạ thế, ông làm nhà ở bên mộ để dạy học.

Nguyên cái nhà mồ đó dẫu ở giữa cánh đồng không, nhưng nó lại ở chỗ ngã ba đường là lối đi lại ban đêm của bọn trộm cướp nên chúng cho là chướng ngại, thừa lúc canh khuya châm lửa đốt lều, đốt rồi hôm sau ông lại cùng các học trò dựng cái lều khác, ngày đêm đọc sách như thường ; trải qua mấy lần như vậy, quân trộm cảm động vì tấm lòng hiếu của ông nên chúng bảo nhau tìm đường lối khác chứ không đốt nữa.

Thế rồi cách mấy năm sau, ông đã 30 tuổi, gặp có khoa thi, vì muốn ở nhà phụng dưỡng mẹ già nên không ứng thí, khi ấy ông Trương-Định đóng ở Tân-hòa, có triệu thân hào để bàn kế khôi phục Gia-Định. Huân Nghiệp cũng tới dự, khi trở về nhân tiện có ghé vào nhà người em họ tên là Hài 諧, Hài hỏi ngày nay Trương công xướng nghĩa, bốn phương hào kiệt kéo đến như mây vậy thì Bác xem ông ấy có thể thành công được chăng ?

★ Quyển 4, từ trang 10.

Ông mỉn cười đáp : Ngã chỉ tri Trương công thị đương thế đích dị nhân kỳ như hành sự đương trí ư thành bại chi ngoại 我只知張公是當世的異人其如行事當置於成敗之外. Ta chỉ biết Trương công là bậc dị nhân của đời nay, còn như việc làm thì nên đặt bên ngoài sự thành bại.

Sau cuộc họp mấy hôm, Huân-Nghiệp đương ở nhà thì bỗng tiếp được một bức điệp văn của Trương-Định, bổ nhiệm ông làm Tri-phủ Tân bình 新平, ông viết thư chối từ, viện lẽ nhà còn lão mẫu, không ai trông nom ; nhưng thân hào hai huyện Bình-dương Tân-bình, nhất định buộc ông phải đi nhận chức, có gởi cho ông bức thư đại lược nói rằng : Trong khi quốc gia lâm nạn, trượng phu ắt phải vì nước quên nhà, vậy ông là người xứng đáng đứng làm tiêu biểu cho cả binh dân lẽ nào lại vì chữ hiếu mà bỏ trách nhiệm non sông ? vì thế ông phải thu xếp việc nhà rồi đi nhận chức.

Lúc ấy Gia-định đã bị quân Pháp chiếm đóng, còn các phủ huyện do ông Trương-Định đặt ra, đều phải lưu động ở các xã thôn, ông cũng luôn di chuyển để tiện trù liệu về mặt quân lương. Nhưng khi Tân-hòa thất thủ, nghĩa binh đã rút đi nơi khác mà ông vẫn còn phải ở lại hoạt động trong dân gian, rồi sau quân Pháp được tin, kéo đến vây bắt đem về giam giữ ở phủ cũ Tân-bình, ông bị bắt vào ngày 12 tháng 3 Tự-Đức năm 17 (1864).

Ông bị bắt quả là một tai hại lớn cho nghĩa quân, vì ông là người đạo đức, có biệt tài về chính trị, tới đâu cũng được nhân dân ái mộ, cho nên quân Pháp dẫu chiếm đóng Tân-bình, mà dân thì vẫn do ông nắm giữ, phong trào khởi nghĩa vẫn còn bành trướng ở các dân thôn, muốn đàn áp phong trào đó quân Pháp đã phải thi hành hết cách mà vẫn vô hiệu, nên chúng phải treo giải thưởng rất hậu để bắt ông, khi bắt được rồi viên tướng chỉ huy Pháp đem ra thẩm vấn.

Hỏi : Những ai đứng ra triệu tập nghĩa binh ? không trả lời.

Hỏi : Hiện nay triều đình đã ký hòa ước, cớ sao lại còn sinh sự nhiễu dân ?

Điều này ông trả lời thao thao bất tuyệt để thóa mạ cái dã tâm của Pháp, khiến cho viên tướng Pháp nổi khùng sai đem ông ra chém, nhưng ông vẫn cứ thản nhiên. Lúc ấy có viên giáo sĩ tây phương thông thạo chữ Hán, thấy ông khảng khái đem lòng kính yêu, đứng ra bảo đảm và khuyên nên hợp tác, nhưng ông không theo rồi chỉnh đốn áo khăn ngâm một bài tuyệt bút như sau.

見義寧甘不勇爲
全憑忠孝作男兒
此身生死何須論
惟愿高堂白髮垂

Phiên âm

Kiến nghĩa ninh cam bất dũng vi.
Toàn bằng trung hiếu tác nam nhi
Thử thân sinh tử hà tu luận
Duy luyến cao đường bạch phát thùy

Dịch

Thấy nghĩa không làm dũng để chi ?
Hiếu trung là phận của nam nhi.
Tử sinh xá kể thân này đã.
Riêng nhớ nhà huyên nỗi tuyết ti. (1)

Nhắc lại lúc sinh thời, ông từng kết bạn với một người Minh-hương (明鄉: người Tầu) tên là Trương-Nghĩa-Minh 張義明, tính

(1) *Tuyết* : sương tuyết ; *ti* : tơ, mẹ già tóc bạc như tuyết tơ. Câu thơ vừa ngâm xong, thì lưỡi gươm tàn bạo đã lia cây cột trụ của nghĩa quân bị gẫy, năm ấy ông mới 36 tuổi.

nghĩa keo sơn chẳng khác ruột thịt, khi ông chưa bị bắt, Nghĩa-Minh ốm chết, ông có làm câu đối phúng rằng:

屋梁落月顏猶烈，世事浮雲物不齊

Ốc lương lạc nguyệt nhan do chiếu, Thế sự phù vân vật bất tề.

Dịch: Nóc nhà giăng lọt người đâu tá? Cuộc thế mây trôi vật đổi dời. Bài thơ Đỗ-Phủ mơ thấy Lý-Bạch có câu: 落月滿屋梁猶疑照顏色 Lạc nguyệt mãn ốc lương, do nghi chiếu nhan sắc: Giăng chiếu vào xà nhà, còn ngờ như soi vào mặt bạn.

Rồi mấy năm sau ông bị Tây bắt, vợ chú Nghĩa-Minh là Hoàng-thị mỗ (黃氏ㅅ) cậy người đem vàng đút lót cho viên chỉ-huy quân Pháp để chuộc mạng cho ông, nhưng viên đó sợ rằng: Nếu buông tha tính mạng cho ông thì tính mạng của y không bảo đảm được, nên y không nhận. Xét thấy việc làm của thím Hoàng dẫu không có kết quả, nhưng với tấm lòng trọng nghĩa khinh tài ấy khiến cho nhân dân ai cũng cảm phục!

Tương truyền rằng Huân-Nghiệp trong lúc bình sinh giao du toàn người có phẩm hạnh, tức như ông Tú Phạm-như-Châu 范如珠 ở thôn Phước-Lộc 村福傑, và ông cử Lê-xuân-Khánh 春黎慶 tự là Thụy-Phủ 瑞甫, ông này có tính ham chuộng sách vở, có bao nhiêu tiền đều mua cả sách, tủ sách của ông chẳng khác gì một thư viện nhỏ, thế mà còn vẫn giao du với ông Nghiệp để học hỏi thêm, chẳng may hai người đều mất sớm cả, còn ông Nghiệp thì sau khi chết chỉ còn để lại được một cái thai trong bụng vợ, rồi sau sinh hạ được một con giai

Tán rằng:

Văn-Đạt 文達 đầu tiên xướng nghĩa đã biết sát thân dĩ thành nhân 殺身以成仁: giết mình để thành điều nhân (câu này ở sách *Luận-Ngữ*). Còn lịch sử ông Đạt chúng tôi xin dịch sau.

Trương-Định 張定, một viên võ biền nhỏ mọn, trong lúc võ lở bôn ba, thế mà một tay nhóm lên ngọn lửa trong đám gio tàn, đóng tại Tân-hòa, quyết với huyện thành cùng chung số phận. Ví phỏng người

ấy, gặp thời Gia-định võ sự, được quyền phương diện trong tay, nhờ binh khí của quốc gia, giựa thế hiểm của sông núi, đem tài thi thố, sự nghiệp há chỉ thế du ?

Huân-Nghiệp : những tưởng ở nhà phụng dưỡng lão mẫu, sau vì thời thế rối ren, cho nên không được toại nguyện. Nhưng ta thử coi trong lúc lâm nạn vịnh thơ, ung dung khẳng khái như vậy, há chẳng phải một bực trượng phu oanh liệt đó sau ?

Saigon, ngày 4-7-1963.

Tô-Nam Nguyễn-Đình-Diệm và Bùi-Quang-Tung

Phụng thuật.

MUA Ở ĐÂU ĐƯỢC

đồ nữ trang và vàng lá tốt mà giá hạ ?

Bán ở đâu được giá cao ?

Xin mời ngay lại tiệm vàng NGUYỄN-THẾ-TÀI

190 Lê thánh Tôn — Saigon

trước cửa có 4 cọp vàng

HIỆN TƯỢNG TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH

▼ HỒ-HỮU-TƯỜNG

L. T. S. Đây là bài diễn thuyết của ông Hồ Hữu Tường, đọc tại thính đường Quốc Gia Âm Nhạc, sáng ngày 21-8-66, nhân dịp ngày truy niệm Trương Công Định, mở đầu cho các hoạt động của nhóm chủ trương Tập San Sử Địa có mục đích đẩy mạnh các sinh hoạt văn hóa dân tộc. Nếu không gì trở ngại chúng tôi sẽ cố gắng tổ chức kỷ niệm 50 năm Trần Cao Vân và Cải lương... Đây là một bài diễn thuyết trước đại chúng nên khó có thể đi sâu vào chuyên môn, tuy nhiên chúng tôi cũng xin đăng vào số báo này thể theo lời yêu cầu của một số bạn đọc ở xa không dự được buổi diễn thuyết trên.

Thưa quí vị,

Nhóm chủ-trương Tập-San Sử-Địa dành cho tôi cái vinh-diệu quá cao, là nhắc lại gương cao cả của vị anh-hùng Trương-Công-Định, nhơn dịp truy-niệm cái chết của Người, trước đây hơn trăm năm, hi sanh cho dân-tộc, nêu một tấm gương chói-lọi cho hậu-thế noi theo suốt bao lâu cũng chưa phai mờ được. Vinh diệu quá cao ấy làm cho tôi thấy mình nhỏ bé, nên đã mấy lượt từ nan, để nhường nó lại cho một vị khác xứng đáng hơn. Nhưng ban tổ-chức dựa vào cái lý chưa tìm được ai, mà thời giờ lại quá gấp, nên tôi đành lãnh cái gánh nặng nói ít lời, kẻo lỡ truy-niệm đáng long-trọng này mà thiếu sót phần nhắc nhở, thì ra có tội lớn đối với tiền nhân. Xét mình chưa đủ cái đức để kể vai gánh cái gánh nặng này, nên trước khi khởi sự, tôi xin quí vị ban trước cho tôi một sự khoan hồng vô biên đối với một kẻ không phải là sử gia chuyên môn.

Bởi không phải là sử gia, nên tôi không dám đá động đến cái thật tượng Trương-Công-Định. Tôi xin nhượng hoàn-toàn việc tìm và nói cái thật tượng ấy cho các sử gia nhà nghề. Tôi chỉ là người đọc sử, học sử, nghe nói; nghe đồn về những sự-kiện lịch-sử, nên tôi chỉ xin phép nói về cái hiện-tượng Trương-Công-Định mà thôi. Cặp mắt nhìn, hai lỗ tai nghe của kẻ đọc, kẻ học, kẻ nghe nói, nghe đồn như thế nào, tôi chỉ nói đến chừng ấy mà thôi. Đi quá cái giới-hạn của hiện-tượng, thật tình tôi không dám, và quí vị xin chớ đòi hỏi tôi quá cái giới-hạn ấy.

Trương-Công-Định là người sanh trưởng năm 1820, tại Bình-Sơn, tỉnh Quảng-Ngãi. Thân phụ là Trương-Cầm, còn thân mẫu tên họ chi, thì tôi chưa nghe ai nói. Lúc nhỏ, ở Quảng-Ngãi, thì họ và tên không có chữ lót ngăn cách. Vì vậy mà có sách chỉ chép là Trương-Định mà thôi. Vào giữa đời Thiệu-Trị, cụ Trương-Cầm, vốn là lãnh binh của triều Nguyễn, được bổ nhậm vào Nam với chức Vệ Úy Hữu Thủy Vệ ở tỉnh Gia-Định.

Vốn con nhà võ, sanh trưởng ở vùng Quảng-Ngãi. Bình-Định là vùng mà ai vào thời ấy thảy đều giỏi võ cả, chắc chắn Trương-Định cũng võ-nghệ thuần-thục lắm. Còn Người có văn-học chăng ? Trình-độ văn-học thế nào, thật không nghe ai nhắc đến. Nhưng mà làm con quan lãnh binh, Trương-Định há không có chút học thức sao ? Có điều mà người ta thường nhắc là Trương-Định dung-mạo khôi-ngô, sức rất mạnh, tài bắn hơn người, lại rất rành về binh thơ. Như vậy thì, ít nữa, Trương-Định cũng đọc nổi sách của Khương-Thượng về *Lục-Thao*, của Trương-Lương về *Tam-Lược*, của Tôn-Võ, *Ngô Khởi Binh Pháp* và của Hưng-Đạo Đại-Vương Trần-Quốc-Tuấn về *Binh Thơ Yếu-Lược* và *Vạn-Kiếp Bí Truyền*. Điều sau này, nghiên-cứu về lối hành quân về sau của Người, chúng ta có thể ức-đoán như thế mà không đến nỗi sai lắm.

Năm 1845, khi thân phụ được bổ làm quản cơ ở Gia-Định thì Trương-Định theo cha mẹ mà vào Nam. Nhưng mà người không theo nghiệp cha, thi võ cử để làm quan, gặp « đất Đồng-Nai cả cơm lớn

tiền », lại nuôi chí khẩn đất, mộ phu để lập đồn-điền. Bấy giờ, hưởng ứng với phong-tục trong Nam, người bèn thêm chữ lót giữa họ và tên, và từ ấy đi vào lịch-sử với tên Trương-Công-Định. Lại cưới Lê-Thị-Thưởng, một con gái nhà giàu ở Tân-An, bây giờ thuộc tỉnh Định-Tường. Thuở xưa, đường sá khó khăn, từ Gia-Định mà xuống Tân-An cưới vợ, điều đó nói được sự giao-du rộng-rãi của Người. Sau khi cha chết, Người không trở về quê, mà ở luôn bên vợ.

Khi Kinh-Lược-Sứ Nguyễn-Tri-Phương vào Nam, năm 1850, điều-chỉnh chính-sách khẩn hoang, thì Trương-Công-Định xuất tiền mộ phu đồn-điền, cho người về vùng người đông đất ít là Nam Ngãi Bình Phú mà chiêu mộ dân nghèo để khai hoang lập ấp theo phương-pháp « đồn-điền » đặc biệt của người mình khi Nam tiến. Ấy là tịnh vi dân, động vi binh. Quân ở đồn-điền kể như là quân trừ bị bây giờ, và luôn luôn có tổ-chức thường trực để biến chuyển mau lẹ dân ở đồn-điền thành bộ-đội chiến-đấu ngay được. Người chỉ-huy tịnh thì làm tổng, động thì làm quản cơ. Có võ giỏi, sự-nghiệp to, nên Trương-Công-Định được bổ chức Quản cơ và thường được gọi là Quản Định, vừa làm giàu cho mình, vừa giúp cho một số đông nông dân có cơm ăn, áo mặc. Nếu phải lấy một phạm trù mác xít nào để dán nhãn cho Trương-Công-Định, thì một cách máy móc, phải nói rằng Trương-Công-Định vốn con nhà phong-kiến, bản thân là một đại điền chủ, có thể nói là một vị phú hào.

Không phải con nhà phong-kiến nào, đại điền chủ nào, phú-hào nào cũng là hạng bóc lột, áp bức dân đen và chỉ lo việc phản dân hại nước. Ví dầu việc đó là công lệ đi nữa, thì Trương-Công-Định chắc chắn là ngoại lệ. Biết bao nhiêu dân nghèo nhờ Người mà có đất để làm ruộng, có nhà để ở, có cơm để ăn, có áo để mặc. Biết bao nhiêu dân đã cảm cái đức của Người, mến cách ăn nói của Người, nên chi khi nước nhà cần có nhiều người đứng lên để bảo-vệ non sông tổ-quốc, thì tiếng gọi của Trương-Công-Định thét to lên, được bao nhiêu người hưởng ứng, hơn tất cả ai ai vào thời đó cả. Hiện-tượng Trương-Công-Định anh-hùng dân-tộc không phải một sớm một chiều mà có được. Trương-Công-Định đã từ lâu lập công, lập

đức, đã «chinh tâm» ức người, thì khi cất tiếng kêu gọi mới có muôn người nhất tề đứng dậy mà hưởng ứng.

Năm 1860, quân-đội Pháp đánh vào Gia-Định. Quân-đội chánh qui của triều-đình nhà Nguyễn binh ít, võ-khí cũ xưa và không bao nhiêu, cự không lại. Vì vậy mà ở khắp nơi, một phong trào khởi lên, nhằm mục-đích chiêu mộ nghĩa binh, tự mình động viên kẻ đinh tráng, rèn đúc khí-giới, mua sắm lương-thực, tập luyện trận thế, binh lược, để giúp sức cho binh lực của triều-đình mà chống giặc xâm-lăng. Thời thế ấy giúp cho kẻ anh-hùng xuất đầu lộ diện. Một số văn thân, sẵn có nhiều uy-tín, như Án-Sát Đỗ-Quang, Tri-phủ Nguyễn-thành-Ý, Tri-huyện Đỗ-trinh-Thoại, Tri-huyện Âu-Dương-Lân, cựu Tri-huyện Trần-thiện-Chính Phủ Cậu, Tri-huyện Lưu-Tấn-Thiện, Thơ-lại Lê-Quang-Quyền, Thủ-khoa Nguyễn-Hữu-Huân, Cử-nhân Phan-văn-Đạt, Cử-nhân Phan-văn-Trị, Cử-nhân Trần-Xuân-Hòa, những Tú-tài Nguyễn-Đình-Chiểu, Trịnh-Quang-Nghi, Lê-Cao-Dũng, Hồ-Xuân-Nghiệp, Trà-Quý-Bình, Võ-Duy-Dương, Nguyễn-Công-Duy, những cựu quân-nhân như Lê-Huy, như Quản Là, kẻ ít người nhiều đều dẫn đầu những toán nghĩa-quân mà tham chiến. Trong đám quần hùng phong khởi ấy, ai cũng có chức tước, khoa nghiệp, chỉ có một mình Trương-Công-Định là thường dân, là địa-chủ. Tuy không phải là «phó thường dân» vì trong tổng còn làm được chánh tổng. Song so sánh lại các địa-vị xã-hội, thì Trương-Công-Định ở bậc chót hết trong đám anh hùng nọ.

Nhưng mà, để so sánh kẻ anh hùng, từ muôn thuở, không ai đem khoa nghiệp, địa-vị xã-hội, chức tước, tiền của, để làm cây thước để mà đo cả. Khi ngồi uống rượu mà luận anh hùng với Lưu-Bị, thì Tào-Tháo, theo lời của La-Quán-Trung, đã dùng mấy cây thước đo sau đây: «Hung hoài đại chí, phúc hữu lương mưu, bao tàng võ trụ chi cơ, thôn thổ thiên địa chi khí» (Hông ôm chí lớn, bụng chứa mưu hay, bao gồm then máy của vũ-trụ, hít phà hơi thở của đất trời). Không biết khi những anh hùng kể trên hội nhau lại mà chọn người thủ lãnh, các vị ấy đã lấy những cây thước đo nào, song lịch-sử đã ghi lại rằng chính là người ở bậc chót hơn hết của cây thang xã-hội, một thường dân, không khoa nghiệp là Trương-

Công-Định lại mặc nhiên được tất cả nhìn nhận là người lãnh-đạo. Cho hay, nếu bảo rằng lịch-sử không bao giờ lập lại, âu cũng đành nhìn nhận như vậy đi. Song ít nữa, phải nhượng bộ mà công nhận rằng trước đây, người áo vải đất Tây-Sơn đã chen lên hàng đầu của lịch-sử, thì ngày nay Trương-Công-Định được chúng anh hùng kính nể, âu cũng là công lệ.

Lùi lại thời-gian, chúng ta thử tìm những yếu-tố nào đã kết-cấu cái mà tôi xin mạo muội gọi là hiện-tượng Trương-Công-Định. Người khoa nghiệp cao không ? Không. Người chức cao tước lớn chăng ? Không. Người có địa-vị xã-hội trọng vọng không ? Không. Người là thủ lãnh của một gia-đình to tát và nhiều uy-thế như gia-đình của chúa Nguyễn không ? Không. Người có nhiều tiền của lắm không ? Có và có vậy thôi, song đã kẹt hết trong vụ khai hoang lập ấp. Người là thủ lãnh của một đảng chính-trị to chăng ? Không. Người dựa vào thế-lực của một cường quốc nào chăng ? Không. Những yếu-tố kể trên, Trương-Công-Định không có yếu-tố nào cả.

Khởi kỳ thủy, Trương-Công-Định đứng sẵn vào một cái «thế», là được ở địa-vị làm quản cơ của một tổ-chức dân quân khá to. Ta có thể nói rằng một tổ-chức dân tộc đã đề cử một anh hùng dân tộc. Tổ-chức dân tộc ấy là đồn-điền, binh-lính và sĩ-quan thảy có tánh chất trừ bị, không ăn lương của nhà nước, tự mình tạo võ-khí lấy, tự mình tổ-chức lấy và các sĩ-quan do binh-lính cử lên được «bổ nhậm» một cách tượng trưng, nghĩa là triều-đình nhìn nhận những thủ lãnh mà dân chúng đã tự chọn rồi. Khi hữu sự, tổ-chức đồn-điền biến ngay làm nghĩa binh. Vị chánh tổng đã sẵn có chức là quản cơ, trở nên tướng lãnh, nếu nghĩa binh vui lòng vâng mạng lịnh.

Thuở ấy, tại miền Nam, có cả thảy 29 liên-đội. Những quản cơ chỉ-huy cùng liên-đội này thảy có cái thế đứng đầu những nhóm nghĩa binh. Thế ấy tương đối thuận tiện hơn các vị Tri-phủ, Tri-huyện, khoa nghiệp, hay văn thân khác. Nhưng mà, giữa những quản cơ với nhau, tài-liệu ghi rằng nhóm nghĩa binh của Trương-Công-Định là đông hơn hết. Như vậy, ấy là Trương-Công-Định có

những yếu-tố đặc thù, mà các vị quản cơ khác không có. Ấy là trong mấy năm khẩn hoang, lập ấp, Trương-Công-Định đã có lập công, lập đức gì đó, mà sử liệu không có ghi, nhưng mà những công đức đó ví như những hột gieo sẵn trong lòng của dân, nên đến lúc hữu sự, Trương-Công-Định gặt được phong danh thạnh mậu hơn những vị quản cơ khác. Thế là trong cuộc thi đua, các quản cơ lấn bước hơn các vị văn thân trong cuộc chiêu mộ. Rồi giữa những quản cơ, Trương-Công-Định lại dẫn đầu, nhờ mấy năm trước đã lập nhiều công đức sẵn.

Những tài-liệu mà tôi được đọc, trong những tháng chiến-đấu đầu tiên trong năm 1860, nghĩa binh của ông đóng ở Thuận-Kiều, phòng tuyến dài từ Cây Mai đến Thị-Nghè. Trong các cuộc chiến-đấu, luôn luôn ông đi tiền-phong, tỏ ra rất gan dạ, chỉ-huy rất sáng suốt. Các đội của ông lập nhiều chiến công nho nhỏ, gây cái uy-tín thêm cho ông. Việc giết chết đại-úy Barbé do một tiểu-đội của Trương-Công-Định điều-khiển gây một tiếng vang. Lúc ban đầu mỗi đội của một đồn-điền cung-cấp không quá 300 nghĩa binh. Một liên đội chỉ giúp động viên độ một ngàn binh, cũng như hầu hết các cơ khác. Trương-Công-Định khởi đầu cũng chỉ vào lối ngàn nghĩa binh. Những tháng chiến-đấu, làm cho các cơ liên-kết nhau, và các quản cơ tự nhiên chọn mà cất lên người lãnh-đạo. Sáu quản cơ trong tỉnh Gia-Định cử Trương-Công-Định làm người lãnh-đạo cho mình. Ấy là trong tay Trương-Công-Định có được 6.000 nghĩa binh, trội hơn hết các vị anh hùng của thời đó.

Lúc triều-đình Huế còn kháng-chiến, triều-đình hợp-thức-hóa sự suy-tôn ấy bằng cách phong cho ông làm Phó lãnh binh của tỉnh Gia-Định. Chánh lãnh binh là quan võ của triều-đình, ăn bổng lộc và là sĩ-quan nhà nghề, chỉ-huy đạo quân chánh qui. Trương-Công-Định từ hàng ngũ của dân quân mà xuất hiện, vượn lên hàng đầu nhờ tài đức và gan dạ của mình, làm phó để điều khiển nghĩa binh.

Thế là cuộc chiến-đấu đã tự nhiên tuyển tranh mà đưa Trương-

Công-Định lên địa-vị chỉ-huy lại những Tri-huyện, Tri-phủ, những cử-nhân, tú-tài, chỉ-huy tất cả các vị văn thân, các vị phú hào. Và danh-vọng và uy-tín của vị phó lãnh binh lại lấn át cả danh-vọng và uy-tín của vị chánh lãnh binh nữa.

Dõi theo cái quá trình xuất-hiện vị anh hùng dân tộc là Trương-Công-Định, ta thấy rõ những yếu-tố khoa nghiệp, chức tước, địa-vị, gia-đình, tiền của, thế-lực... thảy đều thứ yếu. Những yếu-tố quan-trọng là công đức, là tài, là giá-trị nội tại và cá nhân của vị anh-hùng khế hợp với thiên chức của lúc đó. Những yếu-tố quan-trọng này, Trương-Công-Định có hơn tất cả người cùng thời, thì sự tự nhiên tuyển trạch phải theo lề lối tự nhiên mà đưa kẻ anh hùng lên địa-vị của người anh hùng. Đó là công lệ. Hiện-tượng Trương-Công-Định nhìn nhận như vậy, cũng như kinh-nghiệm của người Anh cho phép họ đúc-kết câu tục ngữ :

The right man in the right place.

Triều-đình vốn dĩ phải binh nhau, nhưng mà trui qua lò lửa của cuộc chiến-đấu, cũng phải nhìn nhận sự tuyển-trạch tự nhiên ấy. Sau khi Biên-Hòa thất thủ, triều-đình bắt buộc phải quở trách quan Hiệp Tán Quân Vụ là Thân-văn-Nghiệp và quan Khâm Phái Quân Vụ là Nguyễn-Túc-Trưng. Lại ra lệnh cho những người này phải tìm đường hội quân với Trương-Công-Định để chống giặc.

Ở đây, chúng ta nên dừng lại mà rọi đèn soi vào một chỗ dở trong cái mà tôi gọi là hiện-tượng Trương-Công-Định.

Khi mà Tham Tán Quân Vụ Thân-văn-Nghiệp, Khâm Phái Quân Vụ Nguyễn-Túc-Trưng và Tuần phủ Đỗ-Quang hội với Trương-Công-Định để bàn việc kháng-chiến, thì hội-nghị lại đề cử Túc-Trưng lên làm Tổng Chỉ-Huy. Phân tích chiến-lược của kháng-chiến về sau đó, chúng ta không khỏi thấy lắm chỗ sơ sót tai hại, làm nguyên-nhân cho những thất bại về sau. Đã đành rằng những lầm lỗi về chiến-lược này, Túc-Trưng gánh phần trách-nhiệm nặng nề hơn hết. Song

truy xa hơn, chúng ta không khỏi trách cứ cả hội-nghị đã để cử kẻ bất tài vừa bị quở trách kia nắm tay lèo lái quan-trọng của cuộc kháng chiến mà lái về hướng của sự thất bại.

Trong hội-nghị, có ba vị quan của triều-đình suốt đời ăn bổng lộc, mà Trương-Công-Định là người từ dân chúng xuất thân. Phải chăng ba vị «lương đống của triều-đình» đã liên kết lại mà không buông tay lèo lái cho kẻ «áo vải»? Hay là họ đã biết thân giá áo túi cơm mà nhượng quyền chỉ-huy cho Trương-Công-Định, rồi Định có mặc cảm tự ty đối với triều-đình, mà không dám nhận lấy? Hay là Định sớm biết lũ ấy bất tài, đòi hỏi nắm lấy quyền bính, nhưng bên chúng có ba, bên Định chỉ có một, rồi trong cuộc bàn cãi, «thiểu số phục tùng đa số»? Hay là trước sự bất tài của các quan triều-đình, triều-đình phải nhượng bộ cho dư luận, chấp nhận Trương-Công-Định để ngăn sự phản đối của dân, còn quyền bính vẫn nắm trọn trong tay, chia cho Định một chức phó cho có lệ? Chọn Túc-Trưng làm Tổng Chỉ-Huy là một chỗ dở, mà trong chỗ dở này, trách-nhiệm là của ai?

Ở vùng Gia-Định, chúng ta thấy một chỗ dở. Ở nhiều nơi khác cũng xảy ra nhiều chỗ dở. Bao nhiêu cái dở cộng nhau lại, làm cho thế của triều-đình suy kém, nên chủ hòa. Triều-Đình ký hòa-ước với Pháp, làm cho hiện-tượng Trương-Công-Định đội một lốt mới. Đó là một cuộc chuyển thân mà chúng ta cần phân tích cho rõ sắc thái.

Triều-Đình Huế hạ lịnh bãi binh, Nguyễn-Túc-Trưng là một quan chánh qui, thì bị triệu về Kinh. Và Túc-Trưng mau mau lãnh chỉ. Đối với Trương-Công-Định, bấy giờ mới được phong cho chức lãnh binh, thì triều-đình bắt buộc vị quan mới này phải theo hòa-ước mà giải-tán nghĩa quan, cho họ trở về đồng-áng. Còn riêng Trương-Công-Định, đáng lẽ triều-đình cho trở về làng cũ với ruộng nương, triều-đình lại bắt buộc rời lính cũ của mình, sang An-Giang mà nhậm chức. Trương-Công-Định cho vợ con đi trước, cho triều-đình yên tâm rằng lịnh đã được tuân theo. Nhưng Định mượn cớ ở lại mà kiếm-

điểm lương-thực và binh lính, mà ở nán lại. Nhưng mà, một sự-kiện mới xuất-hiện Ấy là nghĩa quân quyết-nghị không chịu giải-tán, chủ-trương góp sức nhau mà chiếm một khoảng đất, để chống cự lại. Họ yêu cầu Trương-Công-Định ở lại, đứng đầu và lãnh-đạo cuộc chiến-đấu của họ. Trương-Công-Định chưa chối từ, cũng chưa nhận lãnh. Đối với mọi người thì bảo rằng hễ ở lại thì bảo-toàn tính đồng đội, trước đã, thề đồng sống, há quên nghĩa đồng thác với nhau mà lánh đi sao? Nhưng ở lại thì té ra bất tuân lịnh của triều-đình. Trong lúc ấy, từ ở Tân-Long (một làng của tỉnh Tan-An ngày nay), một văn thân là Phạm-Tuấn-Phát truyền thơ cho tất cả các đội nghĩa quân, đề-nghị nên suy-tôn Trương-Công-Định làm chủ soái để cầm đầu cuộc kháng-chiến. Đề-nghị đưa đến đâu, dư-luận đều hoan-nghênh. Như một cao-trào, tất cả nghĩa quân đều hăng hái biểu đồng tình. Và người ta tình nguyện đắp đàn làm lễ bái tướng. Trong lễ này, lại cử người đem nhiễu điều choàng lên vai của Trương-Công-Định và suy-tôn Người lên làm Bình Tây Đại Nguyên Soái.

Quả là một lễ tấn phong, uy-nghiêm, trọng đại, không phải do một nhà vua nào trao cờ mao, búa việt, mà là do dân chúng. Nhiễu điều, từ bao giờ, đối với người Việt, vẫn là tượng trưng cho toàn dân. Từ thời Bắc thuộc, đã lưu hành câu ca-dao « Nhiễu điều phủ lấy giá gương, người trong một nước hãy thương nhau cùng ». Và khi Quang-Trung phất cờ bắc phạt, thì cờ của Tây-Sơn vốn là cờ đào. Nay trong lễ bái tướng cho Trương-Công-Định nhiễu đào đã choàng lên vai người, thì bái tướng Trương-Công-Định không phải là một vị hoàng-đế nào, mà là dân Việt vậy. Ý-nghĩa của cuộc bái tướng quá rõ rệt. Từ bấy giờ, Trương-Công-Định không còn là lãnh binh của một Vua Tự-Đức. Từ bấy giờ, Trương-Công-Định là vị Đội Nguyên Soái có sự-mạng bình Tây. Mà Nguyên-Soái của ai? Nguyên-Soái của toàn dân.

Từ ngày bái tướng ấy, Trương-Công-Định phải đánh giặc cả hai mặt trận. Mặt trận quân-sự và đối ngoại, các tài-liệu thảy đều có ghi. Tài ba, dũng cảm, hi sanh là những yếu-tố cần thiết để

thắng ở mặt trận này. Còn mặt trận thứ hai là mặt trận chính-trị, đối nội, thật gian lao, khổ sở. Nên để ý rằng hơn trăm năm trước, dân chúng Việt ta hãy còn lù mù về chánh-trị và ý-niệm ái-quốc và ý-niệm trung quân còn lẫn lộn với nhau.

Đối với Trương-Công-Định, đối với một thiểu số sĩ phu, hai ý-niệm đã phân biệt rõ ràng. Và khi hai ý-niệm ấy tương phản nhau, họ chọn lựa rất dễ dàng việc ái quốc và xem nhẹ việc trung quân. Nhưng còn một đa số sĩ phu và dân chúng không khỏi bấn loạn và hoang-mang khi lòng ái quốc không được chấp nhận.

Thứ nữa, hãy còn vấn-đề khôn ngoan khi bỏ lên cân mà cân lợi hại của hai giải-pháp hòa hay chiến. Trong tất cả chế-độ, có những trường-hợp na-ná xuất-hiện ra. Và ngay nơi một cơ-thể, vấn-đề cũng đặt ra nữa. Một người đau bịnh thúi thịt (gangrène) nơi chơn. Giữ cái chơn rồi dùng thuốc mà uống cho bịnh khỏi, hay là chặt cái chơn để cứu phần còn lại ?

Ngay trong chế-độ cộng-sản, vấn-đề cũng xảy ra luôn. Khi cộng-sản Nga vừa lấy chánh quyền, thì họ bị quân-đội Đức tấn-công xính-vính. Cắt đất mà cầu hòa để củng cố phần còn lại, hay kháng-chiến đến kỳ cùng ? Trước khi ký hiệp-định Brest-Litovsk, đảng cộng-sản Nga suýt phân liệt vì vấn-đề hòa hay chiến.

Vào lúc ấy, song song với hiện-tượng Trương-Công-Định, ở xứ ta hãy còn xuất-hiện ra hiện-tượng Phan-Thanh-Giản. Phan-Thạnh-Giản không phải là kẻ bán nước. Bằng cớ là người cấm con cháu hợp-tác với Tây. Song Phan-Thanh-Giản lại thấy rằng khôn ngoan hơn là cắt đất mà cầu hòa, cầu tạm hòa, rồi nhơn lúc tạm hòa mà củng cố phần còn lại để phục thù tuyết hận. Kẻ nhẹ trung quân, mà nặng ái quốc còn phải chọn lựa giữa hai biện-pháp. Biện-pháp Trương-Công-Định hay biện-pháp Phan-Thanh-Giản ?

Kể ra, lúc vận nước tơi bời, thì dân tâm ly tán. Đứng trước sự xâm lăng ngoại lai, có một số chẳng trung quân mà cũng không

ái quốc. Đó là lũ chực đầu hàng với địch để mong được « phì gia » mà chẳng kể chi cả. Kế đến là phần đông người cầu an, thế nước nghiêng bên nào thì theo bên nấy. Có một phường giá áo túi cơm, ăn bổng lộc của triều-đình, vua bảo sao thì nghe vậy và cho đó là trung quân. Còn một số như Phan-Thanh-Giản, mong tạm nhượng bộ để chuẩn-bị cho ván cờ sau... và rốt hết, là biện-pháp của Trương-Công-Định : kháng-chiến cho đến khi nhỏ giọt máu cuối cùng. Chỉ có vấn-đề đối ngoại, mà dân tâm ly tán không biết đường nào !

Huống chi, những xu-hướng trên chống đối nhau, thì mỗi xu-hướng lại xử sự thế nào ? Ví bằng đồng-minh với nhau, bổ-túc nhau, thì lại xử sự ra sao nữa ? Người ở bên này mà phụng-sự cho bên kia, cũng có. Mà hai xu-hướng « đánh cuội với nhau » để mà mắt kẻ thù chung, há lại chẳng có sao ?

Ở đây, tôi xin quí vị chớ đòi hỏi nơi tôi giúp ánh sáng vào cái thật tướng Trương-Công-Định ra làm sao. Tôi không dám nói rằng Trương-Công-Định thật là « trung với Vua Tự-Đức », song không phải là trung cái trung của Nhạc-Phi, chiếu vua hạ xuống bảo làm thế nào thì vâng thế ấy. Tôi cũng không dám nói rằng Trương-Công-Định trung theo lối chánh thống, « kẻ cầm quân ở biên tái, có lắm lịnh vua không nên tuân theo ». Trương-Công-Định không đi lãnh chức quan tại An-Giang, ở lại để cho dân quân lập đàn bái tướng làm Bình Tây Đại Nguyên-Soái ở vào cái hình thức « trung » này chăng ? Đến như, về sau, Trương-Công-Định mạo chiếu của Vua Tự-Đức để nâng cao tinh-thần kháng-chiến của dân chúng, cái « trung » ấy ở vào loại trung nào ?

Và sau cùng, khi những người « trung quân » theo lề lối cũ xưa khiển-trách Trương-Công-Định sao không có tuân mạng lịnh của triều-đình, thì vị anh hùng của ta lấy cái lý mình là « trung thiện tướng quân » mà hành-động. Để hiểu hiện tượng này, ta nên nhắc lại điển tích về Bá-Di, Thúc-Tề. Bá-Di và Thúc-Tề là hai anh em hiền-triết, không tranh nhau mà thừa hưởng ngôi của cha để lại, rủ nhau vào núi mà ẩn. Khi nghe Võ-Vương dẫn binh phạt Trụ, thì dẫn nhau ra chặn

đầu ngựa mà can ngăn. Can ngăn không được, nên thì không thờ nhà Châu, dẫn nhau vào núi Thú-Dương ăn rau vi mà sống, chớ không thèm ăn thóc nhà Châu. Có người nói, rau vi ấy mọc trên đất nhà Châu, thì ăn rau vi ấy là ăn lộc nhà Châu. Hai người bèn nhịn ăn mà chết. Ý-nghĩa của điển-tích này là nói rằng ở trên đất của ai, dầu không ăn bổng của chủ đất ấy, vẫn là ăn lộc của người ấy.

Khi Trương-Công-Định xưng mình là « trung thiên tướng quân », như *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* chép, thì Người muốn nói Người là kẻ ở giữa trời, chơn không đạp đất như Bá-Di và Thúc-Tề, mà phải ngại vì việc ăn lộc của kẻ làm chủ đất ấy. Người muốn nói rằng người không ăn lộc của Vua Tự-Đức, thì người không có bị gì ràng buộc với triều-đình Huế. Mà ba tỉnh miền Đông, tuy Vua Tự-Đức đã cắt nhượng cho Pháp rồi, người cũng không ăn lộc của Pháp. Người là kẻ « trung thiên », kẻ đứng giữa trời, chỉ có hành chánh đạo mà thôi. Và cái chánh đạo ấy, theo người hiểu, là kháng Pháp đến kỳ cùng, mặc dầu triều-đình Huế có thái-độ nào với Pháp, người không hề kể đến.

Hiện-tượng là vậy đó. Còn cái thật tượng như thế nào? Trương-Công-Định có giả vờ bất đồng ý-kiến với triều-đình Huế để mà phụng-sự cho Tự-Đức một cách hiệu-quả hơn chăng? Tôi không phải là sử gia, thú thật với quí vị, tôi không dám mó đến một điều mà tôi dốt. Năm 1940 khi nước Pháp thua trận, thống-chế Pétain ra hàng đầu Hitler để làm một công việc mà nhiều người gọi là miễn cho nước Pháp thảm hại hơn nữa. Đó là một cái mà tôi không dám quả quyết tin theo, vì thấy có hơi trái với hiện-tượng. Vì lẽ ấy mà tôi không dám tin. Mấy năm sau, khi De Gaulle thắng thế, mà Pétain lại bị đem ra xử nặng nề, lòng tôi rất hoài-nghi đối với những cái tạm gọi là « thật tượng » quá tương phản với « hiện tượng ».

Tôi hoài-nghi, nhưng tôi cũng không dám quả quyết rằng sự hoài-nghi của tôi là có lý. Nếu Trương-Công-Định, trong thật sự là trung với Tự-Đức, mà bề ngoài không vâng lời Tự-Đức. Thêm về

sau, người không chết một cách bi thảm, kháng-chiến lại thành công, tôi không biết dân tộc Việt-Nam sẽ ca tụng vị anh hùng cứu quốc biết phối hợp anh dũng và mưu trí đến bực nào?

Sở dĩ tôi phân biệt hiện tượng và thật tượng, nói một cách khác sở dĩ tôi phân biệt sự kiện và huyền thoại, ấy bởi vì tôi dựa vào thành-kiến cho rằng cái thật tượng không bao giờ có thể biết được và cái mà người ta cầm bằng là thật tượng chỉ là huyền thoại mà thôi. Nói như thế, hiện tượng chưa ắt là chân lý và huyền thoại chưa ắt là sai lầm. Một sử gia vỗ ngực xưng mình là khoa-học, bằng vào những bằng chứng hữu hình (mà họ cho là chỉ có cái hữu hình là khoa-học mà thôi), sẽ vạch một cái đồ-thị để ghi rõ những giai-đoạn sau đây của quá trình tư tưởng của Trương-Công-Định.

a) Thuở thanh-niên không làm quan vì không có tư tưởng ăn bổng lộc của triều-đình.

b) Khi nước nhà hữu sự, lãnh đạo phong-trào dân quân, vì tình thế bắt buộc mà phải hợp tác với triều-đình mà chống với kẻ thù chung ngoại lai.

c) Khi triều-đình cầu hòa với kẻ thù, thì lấy lại sự tự do hoạt-động của mình, mặc kệ việc làm của triều-đình, và kháng-chiến luôn.

d) Khi triều-đình dùng cái thế vua sai quan mà bắt buộc đi vào con đường khác của mình thì phủ nhận chức tước của triều-đình phong cho, mà nói rằng mình chỉ là một vị tướng quân của trời ban cho, một « trung thiên tướng quân », như *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện* chép.

Hiện-tượng là như vậy. Còn huyền thoại nghe cũng lắm.

Huyền thoại vì như cụm rừng mênh-mông đầy bí mật, mà cũng vì những bí mật ấy mà rất hấp dẫn. Còn hiện-tượng chỉ là một gốc của rừng đã khai phá, phóng đường vạch lối hẳn hoi. Trách-nhiệm của sử gia là lấn thêm vào rừng, tìm thêm những bí-ẩn mà chưa ai biết được để trình ra ánh sáng. Cái hứng thú của sử học là thỉnh thoảng tìm được một sự kiện hữu hình nào đó, đánh đổ bao nhiêu cái mầu thiên-hạ cầm bằng chân lý.

Tôi có một người bạn trẻ, bấy lâu nay nghe các nhà «khoa-học» chứng minh rằng Hồ-xuân-Hương không phải là nhân vật sống, chỉ là một sự bịa đặt tập-thể của người mình. Thình lình nắm được một tài-liệu là *Hồ Gia Thế Phả* chứng tỏ nhà thi-sĩ có ông bà cha mẹ hẳn hoi. Rồi hắn sung-sướng cả mấy ngày, hơn là trúng số độc đắc. Cái hứng thú của nhà sử học là nắm được những tài-liệu hữu hình, hoặc chứng minh một cách không chối cãi được hoặc đánh đổ một cách hoàn-toàn, một giả-thuyết cũ.

Đến hôm nay, do cái nghe, cái đọc sơ-sịa của tôi, tôi đã phác-họa cái giả-thuyết mà tôi đã ghi bốn cái mốc ở trên đánh dấu cái tội mà tôi tạm gọi là «hiện-tượng Trương-Công-Định». Tôi ước mong rằng sang năm, trong nhóm Sử Địa, có người tìm được một tài-liệu chứng minh một cách quyết-đoán, không chối cãi được, rằng cái «hiện-tượng» kia chẳng khác gì chuyện «Hồ-xuân-Hương là một nhân vật bịa đặt».

Tôi quan-niệm rằng khoa-học không phải là một sự dựa vào cái hiểu biết chính xác của nhứt thời mà lập lên thành chơn lý tuyệt-đối, mà tư tưởng loài người không có quyền đi xa hơn nữa, rằng cái đó không phải là khoa-học, mà là giáo-điều. Tôi quan-niệm rằng khoa-học là sự đi tới hoài hoài, mãi mãi, mỗi lúc đánh những cái mốc để ghi bước đường của mình. Khoa-học không phải là những cái mốc. Khoa-học là cả sự đi tới, đi lấn mãi cái chưa biết, để đánh những cái mốc mới nữa, vượt qua những cái mốc cũ.

Nhơn nói về « hiện-tượng Trương-Công-Định », tôi xin đem cái mong muốn của người dốt sử học mà bàn với các nhà sử học. Cái mong muốn ấy, các nhà sử học có thể cho là cái lầm của những người không chuyên môn. Nhưng các nhà chuyên môn cũng nên biết rằng kẻ không chuyên môn mong muốn như vậy, hầu thể theo đó mà trình bày công trình một cách hấp dẫn hơn.

Tôi xin thành thực cám ơn quí vị đã chịu khó dõi theo công việc nhắc nhở này. Tôi tin rằng có nhiều chỗ sẽ bị xem là rất lầm. Nhưng trong khoa-học, lắm khi việc chứng minh rằng một giả-thuyết là lầm, mà nhà khoa-học lại tìm được lắm chơn lý mới mẻ. Tôi cầu xin cho Nhóm Sử Địa, vì muốn chứng minh rằng tôi lầm, mà sẽ tìm ra lắm điều chính xác trong lịch-sử. Như vậy, tự hiến thân làm kẻ lót đường cho sử học tiến tới, tôi cảm thấy tôi có phụng-sự cho sử học chút gì. Đó là cái an ủi của người dốt sử mà thích nghe nhắc về sử.

Xin quí vị nhận lời chào cung kính của tôi.

HỒ-HỮU-TƯỜNG

HÃNG CÀ-PHÊ

Meilleur Goût

135, Đại-Lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện thoại : 21.284

Chuyên bán cà-phê sống và cà-phê chín

(Rang và xay mỗi ngày bằng máy điện)

Chi-Nhánh : *124, đường Pasteur — Saigon*

38, đường Minh-Mạng — Đà-lạt

Giới sành điệu Thủ-Đô đều nhìn-nhận dùng cà-phê Meilleur Goût là thơm-ngon nhứt. Đã dùng qua 1 lần là không thể quên được.

TRƯƠNG-CÔNG-ĐỊNH

Viết sử cho đúng đã là một việc khó. Viết sử Việt ta, nhứt là khoảng cận-kim, lại càng khó viết cho y sự thật. Từ tiếng súng Pháp bắn vào Cửa Hàn khởi đầu (1847) cho đến khi tên lính chót Lang-sa rút lui về xứ với Hiệp định Genève (1954), dân ta ngót một trăm năm dẫu có miệng cũng không nói được lời nào, còn bọn họ vốn già hèm viết lách để lại rất nhiều, ngặt nỗi trong đống tài liệu tư-vị kia, làm sao tìm ra sự thật? Thêm nữa những sử-liệu ấy ở tản mác, không nói chứa nhiều méo mó tùy nơi xuất xứ, nay dẫu muốn tra-cứu cũng chưa phải là chuyện dễ.

Phần quan-trọng, bấy lâu đặt vào đó nhiều niềm tin, tôi muốn nói những gì trước kia thu góp tàng-trữ nơi Quốc-Sử Quán tại Huế-đô, thì nay tang-thương lắm nỗi. Lúc Nam-triều còn tại vị, thì có mấy ai được vào xem thong thả? Đến năm đảo-chính 1945/46, thì thêm bị đốt phá, thất lạc. Châu-phê, Châu-bản của Nguyễn-triều, tôi từng gặp tại Đà-Lạt, bị dời về đây do lịnh ông Diệm ông Nhu, thì cho đến nay cũng chưa thấy ai nhớ mà lo việc «ngọc bích Triệu huờn». Mà dẫu đem về Huế được rồi, nói qua vấn-đề khai thác thì cũng là một vấn-đề nan giải. Toàn viết bằng Hán-tự, cho nên không phải ai ai cũng đọc nổi. Cậy người dịch lại thì sao tin cho bằng tự mình đọc ên và hiểu được? Chưa nói sử ta đời trước, hiểm-hóc, viết không hết lời, sẵn tánh ưa giấu giếm, nói nửa mí, mới làm sao thấy mau lẽ thật?

Cầu cứu nơi nguồn gốc Pháp thì sử-liệu văn khố các thuộc-địa cũ nay chia ra nhiều nơi: bộ Thủy-binh, bộ Thuộc-địa, bộ Ngoại-giao mỗi nơi có mớ nhắm, không qui-tụ lại một chỗ. Nhà khảo-cứu nào có thiện chí cũng không dễ gì lục soạn, sưu tầm cho khắp. Lại còn tài-liệu tàng-trữ ở Hội Truyền giáo Ngoại-quốc (Société des Missions Etrangères)? Con của Anh-quốc? Của Trung-Hoa? Nhật-bản cũng có nữa, vì thời ấy (Thế-kỷ XIX) họ đã có thương điếm nơi Hải-Phố (Faïfo). Thêm nào sử Cao-Miên, Miến-Điện,

VÀ ĐẠO HIẾU - TRUNG

▼ VƯƠNG-HỒNG-SỂN

Thái-Lan, Nam-Dương, cũng cần được tham khảo, giáp mí và so sánh. Nhưng làm sao căn cứ vào sử-liệu ngoại-bang để viết sử nhà cho ổn thỏa? Thật là khó vậy. Tôi đã từng than phiền với nhiều học-giả Pháp. Họ an ủi rằng chính sử Pháp cũng chưa chắc khỏi sai và đã từ lâu, chẳng qua « *sử là những mảnh vụn-mún, bị chánh-trị bóp nát và méo-mó đi nhiều* ».

Nay muốn soạn một đặc-san khảo về *tiểu-sử và sự-nghiệp ông Trương-Định*, với phương-tiện và khả-năng có hạn-định của *Tập-san Sử Địa* ta, nếu cứ moi-móc, tìm-tòi viết nhiều về ông thì chẳng qua nhại đi nhại lại mãi những mớ tài-liệu rút trong các sách cũ Pháp, đậm mùi chánh-trị, thực dân, nói lấy phải, thiên lệch và khả nghi. Càng vùi đầu sưu-tập trong báo-chí lớp trước, thì chỉ gặp những tiểu-tiết vặt vãnh, lụn-vụn, ngó-ngẩn dễ đánh lạc người đọc và dư-luận. Tôi xin phép nhắc lại đây một kinh-nghiệm bản-thân, không phải muốn « khoai vò mình củ », nhưng để thấy sự khó trong vấn-đề khảo về Trương-Định. Cách nay đã lâu, tình cờ một nhà tiền-bối mách tôi rằng : « *tuồng hát-bội « Ngưu-đầu-san » là ám-chỉ khóc ông Trương-Định hay khóc ông Thủ-khoa Huân* ». Tôi để tâm sưu-tầm, lâu lắm mới gặp tuồng Ngưu-Đầu-San. Mừng chưa kịp rơ, tôi ôm bộ ấy đi tìm một ông bạn đọc được chữ nôm. Ông Võ-Trọng-Viễn bạn thân, dịch giùm kỹ-càng ra làm bốn tập chép tay mỗi tập 50 trang. Vì có nhiều chỗ sai chánh tả, tôi ôm lại nhà chuyên-môn là anh bạn chí thiết, Lê-Ngọc-Trụ. Anh nhiều việc, làm không xiết. Tôi lấy về tháng 4 năm 1961. Sẵn ông Trần-văn-Hương là người sành sỏi về hát-bội, tôi ôm lại xin nhờ ông xem xét lại giùm. Nhưng tháng 11 năm 1961, ông trả lại tôi, tuy không nói, tôi đã ngầm hiểu vì tuồng kém văn-chương, nên ông không đọc hết. Tôi đem về để nằm trong tủ, cho đến hôm nay vì phải viết về Trương-Định, lấy ra coi sơ, mới tá hỏa. Cái tội của tôi, sự mừng hụt của tôi là định lòe anh em « Sử-Địa » bằng một tài-liệu mới mẻ hiếm có, té ra tôi lầm và cũng may, thắng lại kịp !

Ngưu-đầu-san, xem kỹ lại, chẳng qua là một bổn tuồng hát-bội, nhắc chuyện đời Tống bên Trung-Hoa, diễn từ lớp Nhạc-Vân là con trưởng của Nhạc-Phi, tuy nhỏ tuổi mà tài cao, chống nổi tướng Phiên là Kim-Đạn, diễn cho đến lớp cụp lạc là lớp vua Tống-Cao-Tông (1127-1162) bị Ngột-Truật kéo binh rượt nà, đuổi chạy đến Ngưu-đầu-san, may nhờ tướng Nhạc-Phi cứu giá kịp. Khi xem hát, người lớp trước thấy sự tích na-ná như việc của nước nhà, và bởi quá giàu tưởng-tượng nên đỗ rằng *hay là tuồng đặt như vậy chớ đó là ám-chỉ việc vua ta bị nhục lớn*, tướng của ta như Trương-Định thì bị bộ-hạ cũ tham tiền của Tây bắn chết, hoặc như Thủ-khoa Huân thì bị Tây bắt chém, cho nên, như đã nói, vị tiền bối kia khuyên tôi rán sưu-tầm cho được bản tuồng Ngưu-đầu-san vì đó là tuồng có ý-nghĩa, tuồng quốc-sự, mượn chuyện xưa khóc trung-thần Định, Huân. Hôm nay, nhờ viết bài cho *Tập San Sử-Địa*, tôi lấy ra xem, tuy chưa đọc trọn bộ, nhưng khi lật tờ chót thấy ghi rõ tuồng viết vào năm « *Tự-Đức thập-nhứt-niên, thập-nguyệt, sơ-thập nhựt* » thì tôi hết hồn và cũng cụt hứng luôn. Nhờ phen nầy tra cứu lại kỹ nên rõ ra là:

Tự-Đức thập-nhứt niên là năm Mậu-Ngọ (*1858 Tây-lịch*)
Trương-Định bị Huỳnh-Tấn bắn chết năm Giáp-Tý (*1864* —)
Thủ-khoa Huân thọ hình năm Ất-Hợi (*1875* —)

Té ra người Việt ta óc tưởng-tượng phong phú quá, việc bên Tàu dám nói việc bên nầy, và nhờ tra kỹ, Ngưu-đầu-san viết trước và không « ăn nhậu » gì với cái chết của Định, Huân chút nào!

Cũng may mà thấy kịp, không thì các bạn nhỏ tin tôi đã bị sa lầy và lầm lạc cả đám!

Nhưng như đã nói, người Việt là giống thừa nước mắt. Lúc nhỏ, tôi được nhiều vị lão thành thương, nên dạy học xem hát bội. Có một ông hương-chức làng ở Sa-đéc, chơi với tôi rất thân, và thỉnh-thoảng lại nhà tôi, nài tôi lấy rượu ra uống để ông hát cho nghe. Ông khoe ông diễn lớp « *Phong-Ba-Đình Nhạc-Phi thọ hại* » hay lắm. Tôi vưng lời, sai chạy mua nước đá, hai anh em cụng ly, chai Martel gần cạn, ông bạn tôi uống cho thật đã, rồi nằm dài xuống trường-kỷ, bỗng ngồi dậy, nốc một hơi nửa ly Martel Perrier, kế rống lên ba tiếng « *Đại ca ôi!* » đoạn khóc ỏ.ỏ thật lớn, nước mắt nước mũi chàm ngoàm, rồi ông nằm xuống tức tưởi,

không hát được tiếng nào. Báo hại tôi cũng khóc theo, vợ tôi không biết chuyện gì, cho đến mãn tiệc, thỉnh-thoảng ông lại « *Đại-ca ôi !* » ba tiếng rồi lại khóc nữa —khóc mãi, khóc cho đến chai rượu cạn queo, mà tuồng ái-quốc kia tôi chỉ học được ba chữ « *Đại-ca ôi !* » khóc, khóc và khóc !

Ai nói chỉ có nàng Kiều mới biết *Khéo dư nước mắt* ? Và ai mê hát, cứ xách rượu thịt sẵn đem lại nhà tôi, số 5 đường Rừng sác (Gia-Định), tôi sẽ diễn lại tuồng « *khóc Nhạc-Phi* » cho nghe, vì tôi đã thọ giáo học nghề của ông bạn tôi được rồi !

Trở lại tài-liệu về Trương-Định, tôi đọc cũng khá nhiều nhưng nay tôi không viết lại, vì không muốn bước rập lên dấu *chưn* của các bạn làm gì. Duy tôi thấy một điều, có lẽ các bạn chưa để ý đến, là tại sao ta đào-xới mãi những trang giấy nát của sách Tây cũ ? Tại sao ta không chịu suy-nghiệm và tìm hiểu bề trong, ý nghĩa của cuộc kháng-chiến nầy ? Như đã biết, vua Tự-Đức đã bị tờ hòa-ước ký với Pháp nên không làm chi đặng hơn là để cho Trương-Định mặc tình hành-động và chống cự, còn xúi ngầm thêm nữa là khác, nhưng bề ngoài cũng phải quở răn lấy lệ.

Đại-diện cho Chánh-phủ trong Nam, quyền hành giữ trong tay của quan Phan, thì quan Phan, hễ Tây nhắc trách thì viết thơ hỏi cho có lệ, ngoài tuy phủ-nhận việc làm của Định mà bề trong a-ý khúc tùng, ai hay ?

Cho nên nỗi lòng của Định, tóm tắt lại, là làm theo ý riêng, một mặt chống Tây và nhận hết tội « *bất tuân vương mạng triều-đình* », nhận hết, chịu hết, một mặt biết thờ vua cho hết đạo, thờ mộc mạc theo nhà võ-tướng, cũng không cần chứng-minh viết lách cho hậu-lai được biết, thà chết đem theo và trước sau có nhựt-nguyệt sáng soi. Cái chữ « *TRUNG* » của Định là *Trung* câu-nệ theo lối xưa, như gái xưa thờ chồng, chồng hư cũng là chồng, thì Định đây thờ Chúa, Chúa dẫu sao cũng là Chúa, Chúa bị nhục, tôi phải liều chết, (đời ấy chưa hiểu chủ-nghĩa quốc-gia, chỉ biết tượng trưng là Chúa), một mực tôn-thờ, không cần xét nét đắn đo, như đã nói, biết không chỉ có hai vừng nhựt-nguyệt.

Theo ý riêng tôi, muốn viết và hiểu về Định, sao không để các chi-tiết vặt-vạnh của sách Pháp kia lại một bên và phăng mới lên chánh gốc? Khi tìm căn-do sự kháng Pháp của các sĩ-phu vạn thuở của Việt-Nam ta, theo tôi, nếu kể về đời Tự-Đức thì có thể nói chỉ có một chữ « *HIẾU* » ở trên đè bao nhiêu chữ « *TRUNG* » ở dưới.

Ông vua chí-hiếu là Đức Dực-Tôn, dẫu hậu-thế vì không xét nét kỹ, nên gán cho ông là « *ông vua đã làm cho mất nước* ». Nhưng xin chớ quên, ông là một ông vua thờ mẹ chí-hiếu, đủ làm gương cho đời, và khi bản thân mình chưa tròn chữ Hiếu với mẹ cha, thì hãy khoan vội phê bình mà mắc cỡ với lương-tâm. Dẫu thế-cô sức yếu, dẫu trong triều-thần không ai đánh lại Tây, đó là việc khác, chớ trong vòng chánh-trị, Dực-Tôn cho đến ngày về chầu Trời, vẫn không quên: *đất Thủ-Đức có lăng mộ dòng họ Hồ*, tức là tổ-tiên của bà Thuận-Đức Nhơn-Hoàng-Hậu (vợ vua Minh-Mạng, sanh đức Thiệu-Trị, chưa được mười ba ngày rủi băng sớm không kịp thấy con lên ngôi); và *đất Gò-Công có lăng-mộ dòng họ Phạm* là tổ tiên của đức Thái-Hậu Từ-Dũ.

Ông có quyền đòi hỏi nơi các bề tôi trong ngoài gần xa phải triệt để giúp ông làm tròn hiếu-đạo. Mất nước tại vua ư? Tại các quan ư? Không nên đổ lỗi cho ai cả. Vận nước nhà đã như thế thì mỗi người mỗi có phận sự và phải gánh vác nạn chung. *Luận về chữ « Trung »*.— Chữ « Trung » vào đời ấy, có ba bảy đường: Phan-Thanh-Giản trung một cách như tên ông đã vạch, chất phác, vừa trong sạch, vừa đơn sơ, sau nay có chén thuốc độc tỏ lòng; Trương-Định, trung theo võ-biền, miễn vua biết cho mình; Đỗ-Chiểu, trung theo sách dạy, nghiêm cách, cay nghiệt đến gần như khó tánh; Nguyễn-Tri-Phương, Hoàng-Diệu, Thủ-khoa Huân, Nguyễn-Trung-Trực, Bùi-Hữu-Nghĩa, Phan-Đình-Phùng, Hoàng-Hoa-Thám, v.v., đều trung theo lối xưa, xin miễn luận; Huỳnh-Mẫn-Đạt, sớm rút lui, không thờ chủ mới, trung một bề như các nhà dư ăn, an phận thủ-thường, giữ chữ « Trung » không khó; nhưng vì kỹ càng quá nên không tội cũng không công; Cử-Trị, trung, ngay, nhưng khi say, làm thơ ưa móc họng, Nhiêu-Tâm, Học-Lạc, trung theo kẻ chán đời; và còn nữa kể không hết... Và bao nhiêu anh hùng tử-sĩ vô danh khác, thậm chí toàn thể dân đen đời Tự-Đức đều xứng đáng

là «Trung», kẻ thì liều chết an ủi với câu « *sanh vi tướng* » « *tử vi thần* » kẻ khác chân lấm tay bùn, chỉ có nước khóc thương ông vua mình bị nhục, thà bỏ đất đợi chờ cựu-trào trở lại, không khứng đầu Tây, nghèo khổ cam phận, được chữ Trung mà cũng không ngờ. Một ông Phan-Hiển-Đạo, tôi xin đề-nghị hậu cứu, vì tuy ngoại-sử chép Tôn-Thọ-Tường và Đạo ra đầu Tây sớm, Tường theo phò, Đạo về chết với chén thuốc hay là với dây thòng-lọng chợ Vĩnh-Kim, như vậy thì Đạo *Trung* hơn Tường, nhưng căn-cứ theo tài-liệu chép tay của cụ Tô-Nam (Nguyễn-Đình-Diệm) như sau : *còn Phan Hiển Đạo mỗi khi lai vãng với Tây, y đều cắm cờ hiệu Tấn-sĩ và cờ ba sắc lên trên mũi thuyền. Tới tỉnh Gia-Định cũ, y ngồi nghe hát với Tây, việc nầy do viên Tri-phủ phủ Tân-Bình là Nguyễn-Thành-Ý kiện đã phi trình tại nơi quân-thứ Tân-Hòa . . .*

(Tờ bẩm của Phạm-Tấn, viết vào Tự-Đức năm 16 (1863) tháng 9 ngày 28. Bản dịch Tô-Nam do ông Nguyễn-Nhã cho tôi mượn, bản chép tay).

Cử chỉ ấy, theo tôi, như vậy là mờ ám quá ! Sao bằng thà như Tôn-Thọ-Tường, thẳng thắn hơn ! (1) Tường xin tập ấm, không được vừa lòng. Tường nhà nghèo quá thêm có mặc cảm và uất ức sẵn nên đầu Tây, làm một mẻ chơi cho biết mặt ! Ai muốn nói sao tôi không dám cãi, chớ riêng tôi, thấy Tường bề trong biết ăn năn lắm nên làm thơ mỗi bài đều có ký-thác, vì vậy tôi thương mà theo phe ông, ai trách cũng mặc. Biết đâu chừng lâm vào cảnh-ngộ như ông, riêng tôi ắt tôi cũng làm như thế chớ không hơn. Tuy không được *Trung với vua*, chớ Tường ở được đến vì dẫu có chơi bời bài bạc hút xách, thiếu nợ thì chịu, nghèo đến chết phải bán nhà trả nợ, nhưng một đời trong sạch, (nếu thọ của hồi thì còn giàu hơn Tổng-đốc Phương nữa kìa), vẫn giúp Cử Trị và

(1) Tôi được nghe quan Phan không trách Tường đầu Tây, nhưng trách Đạo nên Đạo mắc cỡ về xứ mình tại quê nhà ở Vĩnh-Kim (Mỹ-Tho), tự sát. Dường như quan Phan nhiếc : « Tường làm được vì chưa chịu ơn vua, không phải khoa-bảng xuất thân. Còn nhà ngươi (vốn Đạo ở nhà quan Phan tại Huế để đi học) nhà ngươi đã là Tấn-sĩ, sao không biết nghĩa chữ Trung làm vậy ? » Về sau khi đi sứ, quan Phan và Tường có họa thơ với nhau, đủ hiểu quan Phan không chê không giận Tường . . . V. H. S.

khi say Cử Trị nói nặng lời mà không giận, lại khôn khéo cứu giúp anh em. Một khi nọ, Tường làm bộ lỡ chơn đi cầu khỉ té xuống nước, bao nhiêu sổ bộ ôm trên tay và do Tây tịch thu nơi các nhà của nhóm chống đối, đều nhoè chữ và lem luốc không đọc được, khiến Tây tưởng thật nên bỏ qua và tha tội chết cả bọn. Theo tôi, thà ra đầu Tây làm vầy, mang tiếng xấu thật nhưng còn có ích cho đời hơn những ai chỉ biết Trung một cách ngu ám, rồi thấy người ta hơn mình bèn đổ quạu, trở nên cau-có rồi ưa chửi bâng-quơ! Một anh lính làm cho Tây, ma-tà lính kín mà sáng suốt, còn hơn một anh đóng cửa thủ-tiết và lẩm-bẩm.

Còn một vài kiểu Trung khác nữa, tỷ dụ như bọn anh hùng nầy mà miền Nam ngày xưa nhiều nhứt, tôi muốn nói như các con cháu người Minh-Hương theo ám trợ Tây-Sơn để dùng «giáo Tàu đâm chệc» đánh giết lại bọn Mãn-Thanh nhưng không ra mặt, cũng như các anh sống đời phiêu lưu, thời bình thì có máu mã thượng nên trốn xâu lậu thuế làm du-côn và đánh lộn với Tây đến khi Tây có việc, bom dụ bèn ùn ùn xuống Tàu sang Pháp đánh giặc mướn, tuy với Đức vốn nhị-ngã vô thù. Làm như vậy mà chi? Chẳng qua trước để đổi không khí, đi Tây cho biết, đá bèo cho sướng cái đã, gậm bánh mì nguội và rét lạnh sá chi! Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi! Và máu mã thượng miền Nam vẫn còn mãi.

Còn nhiều bực Trung nữa, Trung theo ngày nay chỉ biết nước không có biết vua, hay đổi danh từ gọi chi chi cũng không cần hiểu. Hoặc Trung như diệu Talleyrand nước Pháp, phò Cựu trào rồi qua phò chánh-phủ Cách-Mạng, rồi theo hoàng đế Napoléon xuống đến Louis-Philippe, tráo trở phản trắc, nhưng được cái là tại hội-nghị Congrès de Vienne, tận tụy binh vực quyền lợi nước Pháp là nước chiến bại mà nhờ ông gỡ gạc được rất nhiều, tuy đối chủ hoài mà ai dám xem ông là nịnh?

Ở đời, thiếu chi người, hễ tắm khi nào vuốt mặt khi nấy! Và cũng vì Tôn-Thọ-Tường muốn trọn nghĩa *trung* với vua mà bị một lớp người kém tài làm khó dễ, nên bèn đầu Tây trổ tài cho biết mặt. Nếu cho tôi xử, tôi sẵn lòng tha ngay! Một người khác kìa, tôi muốn nói Huỳnh-Tấn, người nầy mới là đáng tội để cho thế-gian sỉ-tiếu. Mà cũng vậy, nếu xét

ra cũng thế-gian thường tình! Trước một lòng giúp Định, sau bị tội gì đó, cất đầu không lên, ở nữa với Định thì cũng không mong gì lập công-danh, thà đổi chủ nên bèn trốn qua với địch. Đặc ác là bọn nầy làm thế nào khiến Tấn phải định bắt sống chủ cũ là Định để lập công. Và bắt sống không được nên Tấn bèn bắn gãy xương sống, ấy là việc đã quá trớn rồi thì còn một nước liều, đi tới đâu hay tới đó. Tiếng chửi rủa có thấy làm chết chóc ai! Mà cũng vì Tấn bắn chủ nên đã bị Tường xỏ một câu; khi Tấn chết, Tường điếu tang bằng câu đối nầy có ghi trong *Nam-Kỳ phong tục nhơn vật diễn ca*, bản 1909, cuốn nhì, trang 53 và trong *Sài-Gòn năm xưa của tôi*, nhà Tự-Do xuất-bản năm 1960, trang 166:

Phú-quí thị thảng lai, oanh-liệt hùng tâm khinh nhứt trịch,

Thinh danh ưng bất hủ, ức dương công luận phú thiên thu.

Tôi dịch:

Giàu sang ấy thoáng qua, lừng lẫy hùng tâm khinh một ném,

Tiếng tâm đành chẳng mục, chê khen công luận phú ngàn năm.

Chưa tới trăm năm mà Định được dân tôn sùng còn bia của Tấn đã bị phá bỏ.

Tôi không muốn bắt chước ai khen « phò-mã tốt áo » và a-dua tìm tài-liệu rất tốt cho ông Định mà tôi cho bằng thừa. Tôi cũng không ghét Tường ghét Tấn, vì đã chết rồi, theo tôi chê thì dễ, và khi gặp cảnh bí, những người mạnh miệng chê, xin hỏi có làm được hơn chưa? Sẵn tiện nói luôn: theo tôi vì Trương-Định được nhiều người mến tiếc cho nên tặng chữ « công » làm chữ lót. Trương-Công-Định là ông Trương tên là Định. Thật là xứng đáng. Và theo tôi tưởng, lúc sanh tiền ông chỉ tên là Trương-Định. Tên có chữ lót: Trương-Công-Định là vì dân-chúng sùng bái nên tặng và viết làm vầy để tỏ ý tôn kính. Đến như Tấn cũng lót chữ *công* và xưng là *Huỳnh-Công-Tấn*. Nếu tôi ở địa-vị của Tấn, hoặc tôi lấy tên họ khác, làm lại cuộc đời mới, hoặc tôi xưng *Huỳnh-Tấn* vốn vẹn và bỏ chữ *công* cho nhẹ với lương-tâm và cũng cho thấy mình còn chút ít « liêm-sỉ ».

Chữ Hiếu của Đức Dực-Tôn.— Đến như chữ *Hiếu* của vua Tự-Đức cũng không cần ngày nay tôi phải đề cao, vì chúng ta dư hiểu, theo sử Trần-Trọng-Kim ông vua nầy, một buổi nọ, khi đi săn về, vì về trễ mẹ giận, thì mặc dầu là bậc chí tôn, vẫn nằm dài xin chịu phạt cho mẹ nguôi lòng phiền. Và có ông vua nào đa-tình đến khi bà Thị-Bằng chết, đã khóc một bài thơ thống-thiết? Và có ông vua nào tự biết xét mình nên trên lăng, mỗi chỗ mỗi nơi đều nhắc lại chữ « *Khiêm* » ?

Đau đớn nhứt là biết mình cô độc, lúc về già gặp giặc chống Pháp, đã viết :

Muốn để hỏi tiên, tiên chẳng bảo,

Gượng làm chút nữa để mà nghe !

Ông vua Dực-Tôn có chữ Hiếu trùm lên các lỗi lầm, tận tụy như ông, ở có hậu với bà Bằng như ông, đời nầy mấy ai xét lại? Năm 1965, tôi được đi Huế, bị một ông cựu giáo-sư trước có làm việc tại Quốc-Sử-Quán, ông đỡ tôi xưa kia vua Tự-Đức lên Khiêm-Lăng ngồi câu cá ở chỗ nào và đã xây tiên cầu tự, duy muốn có con với bà Bằng, việc nầy tôi chưa điều tra nên chưa vội trả lời nơi đây, duy biết một điều là tôi mang tiếng làm giảng-sư mà tôi học ít quá !

Đức Dục-Tôn trọn đời chỉ biết một điều, làm ông vua trong thời buổi khó khăn, vận nước đang chuyển, thêm lãnh phần nối nghiệp của ông cha, thế mà để cho Tây chiếm mất một phần đất trọng đại, xứ hưng-vương của Cao Hoàng, đất mộ chôn nội-ngoại tổ-tiên, vậy thì phải làm đủ cách để thâu đất lại: không đánh nổi thì điều-đình, sai quan Phan đi qua Pháp tính việc mua chuộc, xuýt gần được, kẻ bị mấy thằng thực-dân hạng nặng cản Napoléon III không cho vua Pháp giữ lời hứa (lão Chasseloup-Laubat lớn tiếng nhứt), sau phải bày kế khác, một mặt kéo dài điều-đình, một mặt xúi chống ; cố ý làm cho Tây ngã lòng, họa may trả đất. Nên nhớ, các cuộc khởi-nghĩa miền Nam, tuy không nói ra rõ ràng, nhưng luôn luôn là cố thủ giữ sở đất có mồ mả lâu lọt vào tay Tây ngày nào hay ngày nấy (*Định* làm khổ Tây cho đã rồi cũng xuống nước xin chuộc đất, cũng như nhóm khác cố đánh Tây chung quanh mả họ Hồ).

Nhắc đến chữ Hiếu, nhắc đến mẹ, mới thấy chữ « Hiếu » của ông là trên hết và không ai bì kịp.

Nay xin chép lại bài *Ngẫu cảm* để cùng suy gẫm:

Sự đời ngẫm-nghĩ, nghĩ mà ghê!
Sống gởi, rồi ra lại thác về.
Khôn dại cùng chung ba thước đất,
Giàu sang chưa chín, một nồi kê.
Tranh giành trước mắt, mây tan tác,
Đày đọa sau thân, núi nặng nề.
Muốn để hỏi tiên, tiên chẳng bảo:
Gượng làm chút nữa để mà nghe!

Dực-Tông ngự-chế

(*Nam-thi hợp-tuyển Nguyễn-văn-Ngọc*, Vĩnh-Hưng-Long, 1927, tr. 248)

« *Tranh giành* » đây là đánh Tây, « *núi nặng nề* » là nhớ mẹ gần đất xa trời, riêng mình đã già, yếu lại nhiều bịnh, thêm việc nước rối như bòng bong. Tội nghiệp thay! Người sống đã bất lực, day qua cầu cơ hỏi tiên mà tiên có bảo gì đâu! Duy còn gượng gạo cố gắng lấy mình để nghe ngóng thêm nữa. Và ai đời, việc quốc-gia đại-sự mà ông luôn luôn tùy và chiều theo ý mẹ, và bà mẹ vua, dẫu có tiếng hay chữ học nhiều, nhưng nào ai đời đó có học khoa an bang tế thế? Sau nầy việc nước cũng một tay Bà tham-dự: phế, tôn, Bà vẫn nghe và làm sao hiểu thấu nỗi thâm ý hai gian thần: Tường, Thuyết? Bà là một cân-quắc nữ anh thư, sống suốt một xâu dài gần trọn một triều Nguyễn-đại: Bà từng thấy mặt đức Cao-Hoàng, làm dâu đức Minh-Mạng, thờ đức Thiệu-Trị làm chồng, làm chúa, mẹ sanh đức Dực-Tôn (và bởi thân sanh, máu ruột nên niềm thương giữa mẹ con vô ngần, không nên nghe lời đồn nghi theo

lối tuyên truyền của phe Hồng-Bảo là con trảo, con đối) rồi nào là bà nội của các vua Dục-Đức, Hiệp-Hòa, Kiến-Phúc, Hàm-Nghi, Đồng-Khánh, bà cố đức Thành-Thái, cho mãi đến năm 1901, bà mới qui tiên (1809-1901), thọ 93 tuổi, thấy gần đủ mặt các vua chánh-thống nhà Nguyễn từ Cao-Tổ đến mạt-đế Thành-Thái.

Phải chi gặp buổi xuôi chèo mát mái, vận nước đang thái-bình thì cũng đỡ. Phải chi vị-trí đất nước ta được như Nhựt-Bản, tròn khuỳnh mấy cù-lao thì bế quan tỏa cảng cũng đành. Đàng nầy vận nước đang trong thời chuyển-biến, Đông-Tây đụng nhau, ban đầu đem đạo mới truyền sang, sau dắt đường cho ba thằng thực-dân ỷ mạnh hiếp yếu, ra mặt ăn cướp, thì đừng nói chi vua Dực-Tôn hiếu-tử và bà Thái-hậu Từ-Dũ hiền-mẫu, vua khác người khác, gặp vũ-bão trở trời làm vầy thì cũng khó xoay trở khác được. Huống chi đất nước ta là một cõi thiên-đường phật-địa, xuống sông có cá, lên bờ có lúa có cơm; núi có sơn-trân, rừng chứa lâm-sản, gỗ quí, cao-su, còn than đá thì lộ-thiên không cần chun hầm nguy-hiểm, binh lực thì suy yếu, thảo nào không mất? Vua Minh-Mạng truyền chỉ bắt đạo là có duyên cớ của ông, thế mà sử-sách Pháp lên án chỉ trích. Dầu không có chuyện bắt đạo thì họ cũng đặt ra tội khác để cướp nước mà! Cái nạn của dân Việt là ông vua có tài như Quang-Trung thì mạng yếu, rồi nào *một dọc* Gia-Long băng vì « tỳ phế thọ thương », Minh-Mạng băng vì té ngựa, Thiệu-Trị vì rượu vì say, Tự-Đức vì lo rầu, Đồng-Khánh vừa bớt cơn siết (1) ăn khoai lang trúng thực!

Kết-luận.— Tôi xin tóm tắt bài nầy bằng một đoạn Pháp-văn tôi dịch như sau, thế làm *kết-luận*:

---

(1) Siết: tiếng trong nhà vua, cử tiếng đau-ốm.

« L'Annam ne nous avait pas « cédé sans arrière-pensée une partie « de son territoire, et, en dépit du « traité, le Gouvernement annamite « se livra, dès les premiers jours de « notre prise de possession, à de « ténébreuses machinations pour nous « forcer à évacuer notre nouvelle « conquête.

Nước Nam nhượng đất cho ta cắt một phần trong cương-thổ quốc-gia tức nhiên không phải vô ân-ý. Mặc dầu điều-ước đã ký kết, chánh-phủ Nam-triều nhứt là vào buổi đầu khi ta đến nhận nhượng-địa, vẫn làm khó dễ đủ mọi cách, dốc lòng làm cho ta nản chí trả đất lại họ.

« Tự-Đức voulait, à tout prix, « nous racheter les trois provinces. « C'était d'ailleurs, de sa part, une « très respectable pensée, et les motifs « invoqués par lui ne pouvaient que « nous donner une haute idée de sa « piété filiale.

Vua Tự-Đức luôn luôn muốn chuộc lại ba tỉnh ấy, với giá nào cũng không từ. Điều ấy, đối với người, quả tôn-ý cao thượng, và những duyên cớ người nêu ra càng làm cho ta thấy gương hiếu-đạo của người là cao kính đến bực nào.

« Sa mère est née à Gò-Công ; « sa grand'mère, mère de l'empereur « Thiệu-Trị, est née au village de « Thủ-Đức, aux portes de Saigon. « L'honneur du souverain était « engagé à conserver à son pays les « terres où reposent les ossements de « ses ancêtres.

Thân mẫu của người vốn sinh-trưởng tại Gò-Công ; nội-tổ mẫu của người, tức thân mẫu đức Thiệu-Trị lại chào đời ở Thủ-Đức, sát ngưỡng-cửa thành Sài-Gòn. Danh-dự người là hoàng-đế bắt buộc người phải giữ-gìn sao cho đất có phần mộ tổ-tiên phải còn dính lại quê-hương đất Tổ.

« Tự-Đức se résolut donc à « envoyer une ambassade à Paris, « ignorant combien les questions de « sentiment sont, pour nos gouver- « nements européens, d'un faible « poids en face des considérations « d'ordre politique.

Vua Tự-Đức dốc tâm sai sứ bộ sang Paris để điều-đình với Pháp triều xin chuộc đất cho được, nhưng người biết sao được đối với chánh phủ Châu Âu như nước chúng ta, hiếu sự, nhân tình văn nhẹ, vấn đề chánh-trị và quyền lợi quốc-gia vốn nặng hơn nhiều.

(L'Empire d'Annam par Capitaine Ch. Gosselin, Paris Perrin et Cie, éditeurs, page 139-140).

Phải thẳng thắn nhìn nhận Gosselin là một sử-gia Pháp trong số rất ít, dám nói sự thật, đã khai ra đây thâm ý bọn ỷ mạnh để cướp đất của những nước yếu nhỏ khác.

Nay rõ lại cử-chỉ không chừng đổi, nay đánh mai né tránh của Trương-Định, hành-động cực-chẳng-đã của Phan Khâm-sai, sự úp-mở của Nam-triều, thảy dường có ăn-ý trước. Tội nghiệp cho nước ta thuở ấy: sức, dũng có thừa, nhưng súng hỏa-mai làm sao cự lại súng Chassepot, và súng đồng của ta, hỏa-lực làm sao bì lại với súng canon tân tạo của Pháp ?

Nhưng chớ đem thành bại luận anh-hùng. Nhóm Trương-Định tuy biết chống không lại nhưng vẫn chống cho đến tàn hơi mới thôi. Cũng như Gia-Cát Vũ-Hầu, tuy biết thời cơ nhà Hán đã dứt nhưng cũng làm cho tận lực để rạng rỡ chữ Trung.

Đức Dực-Tôn được chữ *Hiếu*, các bề tôi mỗi người một vai tuồng đều tròn vẹn chữ *Trung*. Văn-minh xưa, tuy có người chê, đã đào-tạo ra các con người ấy và tồn tại mấy ngàn năm. Ta nay tự khoe hiểu theo mới, sống theo mới, có bằng người xưa không ? Còn chờ xem. Vì tấn tuồng hãy còn dài.

Phụ ý.— Tôi được biết có người xin nhóm « Sử-Địa » dâng đề nghị lên chánh-phủ, xin lấy bia Barbé trong nghĩa-địa Đô-thành đem nhập vào Viện Bảo-tàng Sài-Gòn, đặt dưới chưn di-ảnh quan Phan. Viện chứa đã nhiều, theo tôi, làm như vậy càng thêm chật. Sao bằng, nếu được, gỡ bia ấy trả về mộ Phạm-Quốc-Công ở Gò-Công và tế-cáo vong-linh tiên-đế Dực-Tôn, Thái-hậu Từ-Dũ và Phạm-Quốc-Công rằng ngày nầy tháng nầy con cháu là chúng ta đã rửa nhục xưa được phần nào ! Barbé sẽ có bia mới dựng trả lại cho. Bằng cao-thượng hơn nữa, dĩ ân báo oán, thì cứ để y như cũ, biết để trong lòng, cho khỏi động mồ động mả.

Gia-Định, viết tại Vân-Đường, ngày 7-8 tháng 7 dl. 1966

VƯƠNG-HỒNG-SỂN

ĐẠI NAM CHÁNH BIÊN LIỆT TRUYỆN

tiểu sử

TRƯƠNG - ĐỊNH

TÔ-NAM NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM dịch

Trương-Định vốn người Bình-sơn 平山 tỉnh Quảng-nghĩa 廣義, là con quan Thủy-vệ Vệ-úy Trương-Cầm 張琴 tỉnh Gia-định. Sau khi cụ Cầm mất ở Gia-định thì ông cư ngụ luôn ở đó. Ngay lúc thanh niên ông đã tinh thông võ nghệ và thao lược, đến năm Tự-Đức 14 (1861) lúc Gia-định hữu-sự, ông Định 定 liền ra ứng nghĩa, triệu tập được hơn 6000 nghĩa dõng, lại kiêm quản cả công việc mộ nghĩa của phái thân hào, ghép thành 18 cơ, luôn luôn kháng cự quân Pháp một cách có hiệu quả, và thâu hoạch đặng rất nhiều quân khí! Muốn tăng cường về lượng, ông lại mở thêm các lò rèn đúc, vì thế ông được đặc cách thặng thụ chức Quản-cơ nhưng vẫn quyền chức Lãnh binh Gia-định.

Tới khi hòa ước thành lập triều đình chỉ dụ cho Nam-kỳ, phải lui binh (thôi việc binh) và đổi ông Định ra Phú-an 富安. Nghĩa dân Nam-kỳ không chịu, suy tôn ông Định đứng đầu dâng sớ về triều xin đặng tiếp tục chiến đấu. Đình thần sợ trái hòa ước không cho phép, và sức cho Khâm sai Phan-thanh-Giản 潘清簡 tới nơi hiểu thị cho nghĩa quân phải thôi hoạt động, lại thúc dục ông Định phải đi nhậm chức ở tỉnh Phú-an 富安, nhưng ông vẫn không nhậm chức, vẫn ở lại Gia-định, chỉ huy phong trào kháng chiến lấy danh

Dịch *Đại Nam Chánh Biên Liệt Truyện*, quyển 38, trang 26.

hiệu là Trung-thiên Tướng-quân 中天將軍 một ông Tướng đứng giữa trời không theo lời của ai cả! Vì theo lệnh thì giang sơn bị xóa bản đồ con cháu rồng tiên mắc vòng nô lệ! Sao bằng có áo xiêm đùm bọc lấy nhau, giọc ngang nào biết trên đầu có ai? Ấy mới gan! Ấy mới tài! làm cho quân địch sởn gai giật mình!

Chí khí của ông thật là hiên ngang! Việc làm của ông quả đã oanh liệt! Chỉ bởi vận nước lúc suy, lòng trời chẳng tựa, sau khi thất trận lại bị một đứa bội thày phản chủ, đến nỗi ông phải quyên sinh! Rồi sau con gái là Tuệ 穗 cũng hi sinh tánh mạng về cuộc kháng chiến. Vợ ông là bà Lê-thị-Thưởng 黎氏實 trơ trọi một thân, lại phải trở về sinh quán, năm Tự-Đức 27 tỉnh thần Quảng-Nghĩa dâng sớ kể lại công trạng của ông ngày trước và tình cảnh khốn quẫn của bà hiện thời và xin phép để trợ cấp cho bà mỗi tháng 20 quan tiền với 2 phương gạo, được hưởng tiếp tục cho mãn đời. Năm thứ 31 Phiên thần là Trà-quí-Bình 茶季平 lại tâu về việc này: Nói Cha con Trương-Định 張定 trung nghĩa một nhà, lượng trên từng đã xét thấu. Vậy nay xin cấp thêm 5 mẫu tự điền, trao cho một người trong họ là Văn-hồ 文虎 nhận làm giám tự, năm 24 ??? Để nhớ đến công họ Trương, lại ra lịnh dựng đền thờ ở xã Tư-cung 思恭 là xã sở tại, và tăng tiền trợ cấp mỗi tháng 10 quan, chức dịch trong xã phải thời thường săn sóc, tới khi bà mất, triều đình lại tặng tiền tuất 100 quan.

✱

Tin mừng

Được tin Ông *Phạm-Đình-Tiếu* thành-hôn cùng Cô *Lê-thị Ngọc-Anh* ngày 6-8-1966, nhân dịp này, Sinh-viên trong nhóm Sử-Địa Đại-Học Sư-Phạm Saigon kính chúc thầy được trăm năm hạnh phúc.

Nhóm Sử-Địa Đ.H.S.P. Saigon

■

Ban chấp-hành Nhóm Sử-Địa Đại-Học Sư-Phạm và toàn thể sinh-viên trong Nhóm thân-ái chúc chị *Phạm-thị Kim-Cúc* cùng *Mai-Ngọc-Liên* được đời đời hảo-hợp.

N.S.Đ.Đ.H.S.P.S.G.

TÌNH-HÌNH BA TỈNH NAM-KỲ TỰ-ĐỨC NĂM THỨ 16 (1863)

■ TÔ-NAM và BÙI-QUANG-TUNG dịch

L. T. S. *Những hồ sơ công văn của vua Tự Đức, đã được xếp thành tập. Tờ bẩm của Phạm-Tiến, nằm trong Tự Đức tập 155 trang 59a. Tờ khai thứ hai của ông Trần Ngọc Thanh, Nguyễn Đức Tánh, chúng tôi không được rõ đã được khai trong trường hợp nào mà được lưu trữ vào Tự Đức tập 155 trang 114a. Theo ông Tô Nam, đây là bản dịch từ bản chép tay do ông Bùi Quang Tung đưa cùng dịch. Nguyên bản chưa được rõ hiện giờ ở đâu. Vì thấy hai tài liệu này rất có giá trị, liên quan đến tình hình ba tỉnh miền Đông, lúc Trương Định ứng nghĩa cũng như có nói tới Trương Định, nên chúng tôi đã trích đăng ra đây. Sau này chúng tôi biết rõ thêm về hai tài liệu trên chúng tôi sẽ cho quí độc giả được biết.*

tình hình ứng nghĩa của 3 tỉnh Nam-kỳ Tự-Đức năm 16 tháng 9 ngày 28.

tờ bẩm của PHẠM-TIẾN ▼

Ty chức Phạm Tiến kính bẩm về việc khai báo, nay thừa quí viện vâng mệnh sức xuống cho biết những lời châu phê như sau: «Cứ lời tên ấy trình bầy còn có nhiều chỗ chưa được tường tận, ngay đến các việc đã qua cùng việc hiện tại đều còn giấu diếm chứ chưa nói rõ nên làm thế nào có thể thu phục? Vậy sức cho viên ấy dự nghĩ tường khai: như việc Phan Lâm kháng cự ngày nào, hiện có người nào chứng kiến; Còn việc phái viên bí mật tới nơi chiêu dụ, là việc rất khó! Khâm Thử». Nay xin kính vâng lời dụ nguyên vì Ty chức từng ở Gia-Định và cùng các người xướng nghĩa hai tỉnh Định-Tường, Biên-Hòa hoạt động nhưng vì kiến văn cũng chưa chu đáo, vậy nay cứ ngu muội thẳng thắng khai kê, cúi mong Cơ mật viện đường quan thu lục tiến lên ngự lãm, nay kính bẩm.

▼ *Tự-Đức*, tập 155, từ trang 59a.

Ty chức kể từ sau ngày tháng 5 năm Tự-Đức 14 đã có nhiều lần cùng với quan dân 3 tỉnh và các cử, tú, thân sĩ, hương, mục, binh, dân, cộng sự trong việc ứng nghĩa. Về sau có xảy ra việc Phan-văn-Đạt và Lê-Cao-Dõng bị Tây thắt cổ. Triều đình gia phong khuyến khích, từ đấy sĩ phu các hạt lại càng phẫn khích phấn khởi thề giết quân thù.

Nhưng rồi từ khi Lãnh-đốc họ Phan và quan Lãnh-phủ cùng vào Gia-Định ký hòa ước xong, ra lệnh triệt hồi các quan từ trước vẫn ngầm hoạt động ở các thôn xã, làm cho sĩ phu khắp hạt, gào khóc như mưa, nhưng mà ai nấy vẫn phải vâng theo mệnh lệnh triều đình, đến ngày tháng 8 nhuận năm ngoái, đã từng mấy lần đến hầu tại Vĩnh-Long An-Giang Bình-Thuận, duy có viên cử nhân bát phẩm Lê-Liêm, và viên Tú Tài cửu phẩm Nguyễn-bá-Phan, Tự Thừa Nguyễn văn-Tánh thì cho tùy ý muốn tới tỉnh nào ứng hậu cũng được, còn các người khác như viên quyền quản Hoàng-văn-Thiện và Hoàng-Trí-Viên, Tráng-sĩ-Nhàn, Phạm-quang-Cần, Trần-bá-Hồ, Ngô-Tỉnh, Phạm-văn-Duyên thì qua Vĩnh-Long thì Lãnh đốc Phan thu lại văn bằng do tỉnh cấp ngày trước, rồi cấp văn bằng khác đem về trình với phủ quan để về yên nghiệp, nhưng bọn đó đều không nhận bằng và cũng không tới trình chiếu.

Còn như Nguyễn-Thết cùng các quản suất của hai phủ huyện Phước-Tuy, Long-Thành khi qua trình diện ở Bình-Thuận thì viên Lãnh phủ Lâm cũng thu văn bằng của tỉnh cấp mà đợi mãi không thấy hỏi đến, rồi ngày tháng 10 thì bọn đó lại kéo nhau về huyện Tân-Hòa kể lại cho Tôi và Trương-Định biết.

Thế rồi cách ít lâu thì Phan-đốc lại nghiêm sức bắt giam Đoàn-Tiến-Thiện để ghép vào tội ăn cướp, Nguyễn-Trực thấy vậy trốn vào vùng Tây để nhờ quan Tây xin hộ, sĩ dân 3 tỉnh đối với việc này ai cũng bảo rằng: Phan-đốc xua dân bỏn quốc đến

làm tai mắt cho Tây! Ai cũng lấy làm kinh ngạc! Chẳng biết nương tựa vào đâu? nên chỉ nhìn nhau mà khóc!

Những cũng may sao! Ngay giữa lúc ấy lại có một viên thị vệ mới đi công vụ Vĩnh-Long trở về, khi qua Tân-Hòa viên ấy nghỉ lại mấy hôm, nhân tiện thuật lại cho nghe, thì các thân sĩ hào mục mới biết đại khái mà thôi. Vì thế nên các đoàn huyện vẫn cứ tập hợp thề thốt cùng nhau. Chúng tôi cùng với Trương-Định bàn định với nhau, trao cho viên cử nhân Bùi-Tấn và Cù-Khắc-Kiệm chuyên coi công việc của huyện Tân-Thịnh, cử nhân Lý-duy-Phiên, Hà-mậu-Đức, Tú-Tài Nguyễn-văn-Trung chuyên biện công việc của hai phủ huyện Tân An và Cửu-An, Tú-Tài Hoàng-văn-Đạt và Bùi-văn-Lý chuyên biện việc huyện Tân-Long. Tri huyện Đặng-văn-Duy chuyên biện việc phủ huyện Tây-Ninh và Quang-Hóa, bát phẩm Lê-Quang-Bình, cử nhân Nguyễn-Tánh-Thiện chuyên biện việc huyện Tân-Hòa Thân sĩ Hồ-huân-Nghiệp, Tú Tài Mai-phương Mỹ, và Nguyễn-Duy-Thận chuyên biện việc huyện Tân Bình, Bình-Dương và giao thông với Biên-Hòa, Định-Tường.

Còn các võ viên cử nhân, tú-tài, hương mục binh dân khác cùng với một số người Tầu thì chia từng chi đặt từng toán để đi đắp lũy, kể từ nửa trên huyện Phúc-Lộc cùng với các hạt Bình-Dương, Bình-Long, Tân-Long đều do chính Tôi quản đốc, còn từ nửa dưới huyện Phúc-Lộc với huyện Cửu-An, Tân-Thạnh, Tân-Hòa thì do Trương-Định thống quản, ai nấy chiếu theo địa hạt phòng tiễu, gặp khi hữu sự thì thông báo cho nhau để cùng tiếp ứng, gặp lúc vô sự thì bảo vệ hương thôn, trừ có mấy người bị quân đội Tây sát hại như Nguyễn-văn-Niên, Đặng-văn-Cửu không kể. Còn từ ngày tháng 11-12 đến giờ, các trận giao chiến với quân đội Phú ở hạt Tân-Long, Phước-Lộc, nghĩa quân tử trận mất 12 người tức ông Nguyễn-văn-Tá cựu hương thân, Đoàn-thiện-Giáo thày đồ, và Trầm Thành Ý, Trần-Hiền cùng viên ngũ-trưởng Trần-văn-Dỏ, đội trưởng Nguyễn-Sinh, binh Lê-văn-Hạch, dân Lê-Công-Nghiễn, Võ-văn-Phú, Nguyễn-văn-Bé, Nguyễn-văn-Lợi, Nguyễn-văn-Học, còn 6 người

bị Tây bắt là: Tú Tài Lê-Thanh-Tề, suất đội Bùi-văn-Lô, đội trưởng Trần-Nhượng, học trò Lê-Tôn-Đán, Lê-Tuấn, và dân bang Quảng-Đông Hà Quốc. Các người này Tây đều giao cho 2 viên Tri huyện của Tây là Nguyễn-Tường-Phong, Nguyễn-Tường-Vân giam cầm quyến dụ, nhưng chúng dụ đến 4, 5 ngày các người ấy cũng chẳng khuất phục lại còn chửi mắng om xòm làm chúng tức giận, đem ra thắt cổ 5 người, còn sót Lê-Tuấn vẫn bị giam giữ chưa biết ra sao? Còn bao nhiêu dân hạt bị chết trong lúc trận mạc thì Trương-Định, Nguyễn-hữu-Huân, Phan-Chánh đều có ghi ở trong cuốn nhật ký.

Ngoài ra lại còn một số chuyên biện các việc phủ huyện, hiện đương lẩn trong thôn xã chiêu dụ nhân dân, thì xã dân nào cũng vẫn có lòng nhớ cũ vui theo, có người cúng hết gia tài vào việc quân xướng! Nhưng cũng có mấy kẻ nhẫn tâm theo địch như tên Hợp-Cương, Hợp-San. Thủ Nho thì Tây cho làm ký lục, Tổng Ca thì làm Tri huyện Bình-Long, Tổng Trinh làm Tri huyện Tân-Hòa, còn Phan-hiến-Đạo mỗi khi lai vãng với Tây. Y đều cắm cờ hiệu Tấn-Sĩ và cờ ba sắc lên trên mũi thuyền. Tới tỉnh Gia-Định cũ y ngồi nghe hát với Tây, việc này do viên nguyên Tri phủ phủ Tân-Bình là Nguyễn-Thành-Ý hiện đã phi trình tại nơi quân thứ Tân-Hòa. Còn Tôn-Thọ-Tường thì địch cho làm Tri phủ Tân-Bình. Nguyễn-Trực làm Tri phủ Tây Ninh. Nguyễn-Tường-Phong làm Tri huyện Tân-Long, Nguyễn-Tường-Vân làm Tri huyện Phước-Lộc, Nguyễn-xuân-Khải Tri huyện Long-Thành, Nguyễn-văn-Nguyên làm học chánh, đối với những tên kể trên, nhân dân 3 tỉnh đều gọi là lũ bạn nghịch, và muốn đón đường giết đi, nhưng sợ Phan Lãnh-đốc biết chuyện lại sức cứu xét lôi thôi nên không giám làm.

Lại như tên nguyên quán cơ thuộc cơ Gia-Tiền tên gọi Đào-Bao được Tây cho làm Thống quản, mỗi tháng cấp cho 30 đồng bạc sai đem giáo dân đi đào sông, từ cầu Nhiêu-Lộc đến sông Bến-đất bề rộng 7 thước, sâu cũng 7 thước, lấy đất đắp thành con lũy bao quanh cả vùng Mai-Sơn, Cảnh-Phước, Khải-Tường, Tràng Thi, Công-Thần, Kim-Tảo, Hiền-Trung, Từ-Bi, Hải-Nam, An-Định, Thành Gia-

Định cũ, phủ Tân-Bình và Chợ Lớn, chợ Kinh, những sở của Tây đều ở bên trong lũy đó, chúng đã khai quật phần mộ tổ tiên của dân không biết bao nhiêu mà kể, vì thế viên quản suất nghĩa quân đã bắt Đào-Bao giữa lúc ban đêm, đem ra chém đầu, khiến cho Tả đạo và bọn Ma-tà Tứ dân thấy đều hoảng sợ bỏ chạy tán loạn, không giám hung hăng như cũ.

Gần đây Phủ soái lại dựng học đường rồi sức đòi các Cử nhân, Tú tài, sĩ phu trong hạt, ai có học vấn, không kể rằng trước kia đã làm quản suất trong nghĩa quân, nay ra trình diện, chúng cũng miễn tội, cho làm các chức Giáo huấn và lại yết thị rằng sang năm là năm Giáp Tý bắt đầu mở một khoa thi, ai thông văn học Hán tự lại biết chữ Tây thì được đỗ đầu, lúc ấy Tôn-Thọ-Tường và Nguyễn-Tường-Phong có tiến cử nhà nho Hồ-huân-Nghiệp, Võ-Mẫn và Tú tài Bùi-văn-Lý, Nguyễn-Châu-Cơ, Mai-Phương-Mỹ, Hoàng-văn-Đạt, Võ-văn-Hữu, nhưng các người ấy đều lần tránh chứ không chịu ra, Tây lại sức đặt Tổng lý, nhưng các Tổng lý cũ trong hạt cũng chỉ có 1, 2 người nhận việc, còn người khác thì đều mượn cớ chối từ, rồi cho thường dân và các người già yếu lui tới mà thôi.

Hiện thời Tây lại đắp thêm 1 lũy đất ở chợ rạch Kén, 1 lũy ở chợ Gò Công, 1 ở chợ Gò-Đen, 1 ở chợ Cần-Đước, 1 ở thành Gia-Định cũ, còn các sở khác thì bồi đắp thêm ở chợ Kênh có dựng 1 chiếc cầu lớn qua sông, và 1 cầu ở bến Nghé.

Một mặt lại từ thành cũ đi đến đồn lũy mới cũ, cùng các phủ huyện chợ quán v.v... thì đều mở rộng đường lối giao thông chẳng còn đếm xỉa gì đến mồ mả đất tư của dân chúng, trên đường có dựng cột gỗ, đầu cột có chăng giây thép nối nhau, cột cao độ chừng 10 thước, cách nhau 100 thước, hỏi thăm mới biết ở tỉnh Biên-Hòa và tỉnh Định-Tường cũng thế. Ngày nay bọn Tây lại đã ra lệnh bắt lính và thâu thuế nhưng mà điều lệ không có nhất định cứ xã lớn thì bắt 3 lính ma tà, xã nhỡ 2 lính, xã nhỏ 1 lính, còn những xã ở nơi viễn cách không kịp đem nộp thì chúng cũng thôi, còn mỗi tên lính thì chúng cấp cho 30 đồng bạc, đó là trong lúc

hữu sự, còn lúc vô sự thì chỉ cấp cho 10 đồng, thuế thì về huyện Phúc-Lộc, 10 phần chúng thâu 5 phần, huyện Tân-Long 10 phần thâu 6, phủ Tân-An và huyện Tân-Thạnh, 10 phần chỉ thu 3, 4, huyện Tân-Hòa 10 phần thu cả, 2 phủ huyện Bình-Long và Tây-Ninh cũng thế, nhưng về khoản lính thì các dân xã mướn dân thành thị sung vào chứ không chịu bắt dân nội tịch, thuế thì dân xã viện cớ sau cuộc binh qua tàn phá để xin khất lại, chứ không nộp đủ, nhất là việc gì dân cũng báo cáo với các viên xướng suất nghĩa quân chứ không giám tự tiện vẫn để tài lực chờ đợi triều đình, ví bằng triều đình đem việc 3 tỉnh trao phó cho dân cứ việc ngấm ngầm đánh úp, e rằng việc làm không có đầu mối, rồi bọn xu lợi thông với ma tà, thao túng bên trong, hoặc chúng đón đường sông bể để cướp bóc, hoặc bắt người giầu để lấy tiền, làm cho lòng dân thêm oán, rồi sinh chán nản.

Vả lại từ tháng 11 năm nay, đạn dược cũng đã gần hết, nghĩa quân đã phái 1 viên quyền quản là Nguyễn-văn-Tá, giả dạng thuyền buôn, ngầm ra An-Giang để mua các thứ diêm-tiêu lưu-huỳnh, và mật trình với các quan tỉnh để xin một số đạn dược, nhưng các quan tỉnh lại họp hội đồng đem Nguyễn-văn-Tá ra đánh rồi bảo không được sinh sự.

Lại cứ như viên Tiền cơ của Gia-Định cũ, hiện đương lưu thú tại tỉnh An-Giang và như các chức vị Đội-trưởng Bang biện cùng suất đội Nguyễn Nhung, lên vì bổn quán nói rằng: Tú Tài Trịnh-quang-Nghi, trước đây ở huyện Tân-Thịnh cùng Phan-văn-Đạt bí mật chiêu mộ nghĩa binh, đến sau chạy sang tỉnh này tấm lòng oán hận vẫn còn chưa hả, tức như trước khi chưa có cuộc hòa, một bọn giáo-dân cỡi 10 chiếc thuyền trốn vào Gia-Định, Quang-Nghi ngầm sai nghĩa quân đón đường triệt sát, lấy hết của cải cấp cho nghĩa dân, đến khi thổ phỉ tỉnh đó nổi lên, địa phương

bẩm tỉnh xin phái quân đi đàn áp, Quang-Nghi tình nguyện đem nghĩa quân đi, dẹp xong thổ phỉ rồi trở về tỉnh đợi lệnh khá lâu, thế mà quan tỉnh vẫn cứ làm lơ không hỏi gì đến ? Cố nhiên là kẻ sợ oai, đành nằm ở nơi thôn giã, chứ không chịu ra nhận việc!

Thế thì ngày nay cảnh thổ 3 tỉnh dẫu đã bị Tây chiếm cứ, nhưng mà lòng dân vẫn còn nhớ cũ, phong tục vẫn chẳng đổi thay, lễ nhạc y quan vẫn thế, thờ thần lễ phật, tế tự xướng ca, khắp hạt vẫn theo tục cổ, chúng tôi nghe nói trước đây ngụy Tây (1) chiếm cứ Gia-Định hơn 10 năm giời, thánh giá ở bên Vọng-Các sai người về nước chiêu dụ nhân dân mà bọn Quốc công Võ-Tánh nhờ đó đề xướng nghĩa, dân đều vui theo nên mới rước Ngài trở về Gia-Định phục đặng cố đô, đều là nhân có lòng người đề đi đến chỗ thành sự đó vậy.

Thế mà ngày nay lòng người cũng vẫn như cũ dẫu việc ủy người lẻn vào chiêu dụ có khó khăn đấy, nhưng mà kén chọn lấy người am thục thì cũng không sợ tiết lậu sự cơ, tức như những người trước kia đã làm biện lý công bộ tỉnh Gia-Định là Ý, Án sát cũ tỉnh An-Giang là Nguyễn Đức-Trứ, Tri phủ cũ Tân-Bình là Nguyễn-Thành-Ý đều là những người am hiểu nhân tâm phong tục của dân bổn xứ, cùng với những người như Võ-doãn-Thanh trước đã từng làm huyện lệnh Tân-Hòa và được thăng binh bộ viên ngoại, và Nguyễn-hoài-Vinh trước đã Tri phủ Tân-An rồi sau bị cách, rồi lại được nhiếp chức Lệnh phủ Tân-bình và huyện Phước-Lộc, đối với tình dân các hạt đã rất am tường, nếu có viên nào tình nguyện vâng mạng triều đình lẻn vào chiêu dụ, chúng tôi cũng xin đi theo, tùy cơ hướng dẫn để được thuận lợi trong lúc đi đường, nếu có xảy ra chuyện gì bất

(1) Tây-Sơn

trắc ? Tôi xin liều chết để giữ bí mật chứ không để lộ hình tích, như vậy thì công việc ta làm dẫu chúng có nghe biết, cũng thuộc vô bằng khó lòng tìm ra cho đủ chứng cứ.

Chúng tôi trộm nghĩ quân địch ở vùng Gia-Định hiện đương bắc cầu đắp lộ, dựng lũy đắp thành, xây lâu đài mở phố xá, đặt khoa thi bổ các phủ huyện cấp cho hậu lương, và nói giối dân về vụ giảm tô giảm binh, mưu thâm của chúng là muốn mua chuộc lòng dân để còn tính kế tràng cửu. Nhưng dân 3 tỉnh vẫn còn mến cũ chẳng chịu phục tòng, tưởng nên nhân đấy mà trước hãy thi hành những việc thăm viếng người chết, an ủi người sống, để cho lòng dân càng thêm phẫn khích, vững chí thờ vua, cái cơ khôi phục là ở nơi đó, vậy nay chúng tôi có chút ý kiến thô thiển, vâng lệnh trình bày.

Ty chức PHẠM-TIẾN ký

Tự-Đức năm 16 tháng 9 ngày 28

Tin mừng

Được tin cô *Trương thị Như-Hoa* vâng lệnh song-thân thành hôn cùng cậu *Võ Đình-Thâm* ngày 25-8-1966, nhân dịp hảo-cầu này, Nhựt-Tấn chúc cho Như-Hoa ngàn năm được vạn sự như ý.

NGUYỄN-NHỰT-TẤN

Ông Trần Ngọc-Thanh, Nguyễn Đức-Tánh thừa khai tình hình 3 tỉnh. Tự-Đức năm 16 tháng 10 ngày 18 vang khai thế giặc ■

Tỉnh Gia-Định, nơi bảo (đồn) Bến Dái cũ, Tây đã tu bổ rất là kiên cố, trong dựng 1 lầu cao, ban đêm treo đèn, ở xa cũng trông thấy rõ, có chừng 50 quan binh Tây đóng. Cửa Cần-Giờ có 1 chiếc tầu máy đỗ bến, phía dưới vũng Cầm-Giàng có 1 chiếc thuyền nhiều giây hạng nhỏ đồn Giao-Khẩu thuộc bảo Hữu-bình Gia-Định đã bồi bổ thêm, có 20 lính Tây đóng giữ, còn bảo Tả-định thuộc tỉnh Biên-Hòa thì bỏ từ lâu.

Sông bến Nghé hiện thời có 7 chiếc thuyền máy lớn, 3 thuyền nhiều giây, 11 thuyền máy bọc sắt nhỏ, 3 thuyền nhiều giây, trên bến hiện đương đóng thêm 4 chiếc thuyền máy bọc sắt nhỏ, 3 chiếc nhiều giây, còn về quân số, tất cả thủy lục độ hơn 4000, trong đó quân nhân thuộc nước Ma-ní, Đồ-bà ước độ 1000, còn quân Ma-tà và mới mộ được hơn 700, ngựa 800 con, Y-pha-Nho cũng có 1 chiếc thuyền máy hạng trung đương đỗ dưới bến, quan binh có độ 100, và nước Xích-mao, nước Đồ-bà cũng có 3 chiếc thuyền buôn hạng nhiều giây, ở đây Tây lại mới lập 1 lò đúc, hiện đã đúc được súng đại bác hạng lớn bằng đồng, nòng rộng 6, 7 tấc, dài 7, 8 thước, đúc được 81 cỗ và rất nhiều đạn, hiện còn tiếp tục đúc thêm, hàng ngày trên quãng đồng không, lính Tây đều có thao diễn, quân lính Ma-Ní thì tập cỡi ngựa bắn súng, quân Ma-tả mộ binh thì tập bắn thứ súng chim, nhà văn miếu đã giỡ đem về thôn Tân-Khai để dựng phủ nha Tân-bình, phía hữu tỉnh thành cũ, có dựng 1 chiếc nhà lầu rất là cao rộng, đặt danh là lầu xem lễ, 4 mặt có xây đạo đường, đạo quán, nhà phước, dân đạo thì ở bao bọc phía ngoài, già trẻ giai gái theo đạo khá đông. Trường thi cũ phía ngoài 4 mặt tường gạch có bồi đắp thêm, trong tường bồi thêm rất giầy, quân xá cũng đều cải tạo, quan binh Tây thì ở phía trước trường thi

■ *Tự Đức*, tập 155, từ trang 114a.

còn nơi phủ cũ Tân-bình có dựng 1 tòa lầu để cho Phủ Soái ở, 4 bên có nhiều nhà cửa trại binh chuồng ngựa, quan binh nhớn nhỏ chia ở chung quanh, Từ thôn Tân-Khai bến thành cho tới điếm Lá, nhà đất của dân đều đã bán cho những người Xích-mao, Đồ-bà, Ma Nì, người Thanh, người Tây, họ xây nhà mới hoặc sửa sang lại để trữ hàng hóa, tùy chỗ rộng hẹp để định giá tiền, có chỗ đến hơn ngàn quan, có chỗ 2, 3, trăm quan, đối diện chợ Lội là thôn Khánh-Hội thì giáo dân ở, còn đối diện với chợ Bến-Thành là thôn Nhai-Quới thuộc Biên Hòa có lập 1 phố lầu xanh, nơi đây các gái điếm và giáo dân cùng ở lẫn lộn, tự xóm điếm Lá, đến cầu Kênh Chợ-Lớn thì nhân dân và các cửa tiệm buôn bán ở, còn khu chợ Lội đối diện với thôn Khánh-Hội mới bắc 1 chiếc cầu qua sông, Chợ-Kênh đối diện với xóm Than cũng có 1 chiếc cầu, sang Thị-Nghè thông đến sông Xóm Kiều, khúc sông bị lấp nay chúng đã cho đào lại, từ cầu Nhiêu-Lộc đến chùa Mai-Sơn, nối liền 2 thôn Bình-Tiên và Bình-Tây, thông thẳng đến sông Ruột Ngựa, còn mặt bộ thì chỗ đường xá khuất khúc, ngày nay chúng mướn dân phu nắn lại cho thẳng và rộng, để cho xe ngựa dễ đi, về việc nắn đường khơi sông đoạn nào gặp có dân cư mồ mả chùa chiền chúng đều phá hủy, chùa Cảnh-Phước có độ 10 tên lính Tây đóng, đồn Mai-Sơn có chừng 30 lính Tây, còn đồn lớn ngày trước thì còn 1 tiền đồn để cho quan binh Tây đóng ước độ 100, đồn Tây-Thái trước vẫn còn và lại xây thêm 1 đồn rất kiên cố lính Tây có độ 100

Nói về mặt thủy : bến sông Lạch-Các có 1 chiếc thuyền nhiều giây hạng nhỏ, sông Chợ-Đầm, sông Phiêu, sông Nhật-Tảo, sông Lạch-Lá, đều có 1 chiếc binh thuyền hạng nhỏ, còn sông Gò-Công thì có 1 tầu máy nhỏ. Trong thị trấn này hiện đương xây 1 đồn lớn chưa xong, và có 200 quân lính Tây, 200 Mã tà và lính mộ, 200 binh mới kén, (tuyển), sông Kỳ-luân thuộc huyện Tân-Thịnh có 1 binh thuyền nhiều giây hạng nhỏ, sông Chu-phê thuộc phủ Tân-An có 1 binh thuyền máy hạng lớn, và nghe nói ở phủ Tây-Ninh ngoài bến sông cũng có 1 binh thuyền hạng nhỏ, cùng 1 số lính Tây đóng giữ.

Việc lương bổng : Trừ những người Tây còn dân tạ phục dịch mỗi tháng đều cấp bằng bạc, Đốc-học lương 40 đồng, Tri-huyện 30, lại dịch 10 đồng, giáo dân làm suất đội 10 đồng, binh luyện mỗi tên 1 đồng, ma tà, binh mộ 3 đồng, hàng ngày phát thêm bánh rượu và thịt, với lại quần áo giầy khố. Trạm mục các điếm 6 đồng, trạm thừa 3 đồng, 10 tên điếm phu túc trực mỗi tên 1 đồng.

Nói về thuế khóa : Không kể điền hay thổ, cứ mỗi mẫu chiết nạp 3 quan 5 tiền, người thâu thuế được thâu thêm 1 quan 5 tiền lệ phí, nhân dân thì bất luận già trẻ tàn tật, mỗi người phải nộp 1 quan 5 tiền và phải phụ thêm 1 quan, còn như thuyền buôn các tỉnh cặp bến, chúng đo hạng dài 30 trượng thì bề ngang cứ mỗi thước thu thuế 3 quan, dài 40 trượng bề ngang mỗi thước 5 quan, hạng thuyền lớn sau khi giỡ hàng phải lấy đất đổ xuống khoang thì đánh thuế 70 quan, hạng trung 50 quan, hạng nhỏ 30 quan, thuyền ván lồng, độc-mộc, muốn đi thông thương phải làm tờ khai hạng nhớn nộp lệ 5 quan, hạng nhỏ 3 quan, hết hạn 3 tháng lại phải đổi giấy thông hành, quá hạn phải phạt 5 quan, dân xã Minh-hương mỗi năm phải nộp 2 lạng bạc, người Thanh thì phải nộp thêm 2 quan, gái điếm mỗi thị 1 tháng phải nộp 10 quan, người Thanh lập phố đề nấu a phiến, sòng bạc phải nộp từ 2000 cho đến 5000, còn việc tuyển lính thì cứ 7 đinh lấy 1, thuộc ngạch ở phủ huyện nào thì phục dịch ở đấy. Tên nào trốn tránh thì làng ấy phải phạt là 50 quan rồi lại phải điền tên khác, việc khơi sông bắc cầu đắp đường mở phố, chúng bắt các Tổng lý phải đem dân phu đến làm, mỗi ngày cấp cho 5 tiền, cứ 10 ngày 1 kỳ phát, nhưng cứ ngày thứ 7 thứ 8 thì viên đốc công Tây đến khám, hạch sách đánh đập, ai không chịu nổi mà bỏ trốn thì tiền cố công người ấy, viên Đốc công sẽ bỏ túi riêng, rồi lại sức phạt dân làng 3 quan 5 tiền chẳng hạn, ở nơi thành thị, nếu dân giang hồ hay các thuyền bè qua lại buôn bán mà có to tiếng, chúng đều bắt phạt 5 quan hay là 10 quan, chức dịch phủ huyện thì chúng tuyển dụng trong giáo dân, hay những cử nhân tú tài hiện đã cam tâm theo chúng, phủ có 1 viên Tri phủ, huyện có 1 viên Tri huyện và có 1 viên quan Tây gọi là Tham biện huyện vụ, những người

làm việc được 6, 7 tháng hay đủ 1 năm, chúng sẽ bới móc ra những lầm lỗi, rồi bắt phạt từ 10c cho đến 4,500 đồng, nói tóm lại các việc kể trên chúng đều thi hành nhất luật, cả ở các tỉnh Biên-Hòa Định-Tường cũng thế.

Biên-Hòa, ở điếm Biên-Thạnh có 50 lính Tây, 30 lính luyện, từ điếm này đến phủ Phước-Tuy chúng đương bắt dân đắp đường, trên đường công lộ tại thôn Long-Điền có 1 đồn nhỏ đóng 100 quân. 60 lính luyện (lính Tập) trên thượng du về thôn Phước Tối cũng có 100 quân đóng. Thôn Kiên có 50 tên, phủ Phước-Tuy có 1 đồn lớn đóng 400 quân Tây, 100 quân Ma-Ní, 60 lính tập, 50 ma tà, mộ binh, 80 ngựa, đồn này xây rất kiên cố, chung quanh có đặt đại bác, tuần phòng rất nghiêm, ngoài bến sông có 1 chiếc tầu máy bọc sắt hạng nhỏ cách một quãng tức xứ Buôm-dinh cũng có 1 thuyền nhiều giây nhỏ, dân giáo trú ngụ ở bên các đồn, thường dân từ 15 tuổi trở lên đi buôn hay ở nhà đều phải lĩnh thẻ tùy thân của Tây cấp phát, những ai không có sẽ bị bắt giam, khi nào bắt được đa số sẽ giải cả vào Gia-Định nhập bọn với các tù nhân, để bán cho người nước khác, rồi chúng lại xét xem người ấy quê ở xã nào, bắt phạt xã ấy 100 quan, hoặc 3, 4 mươi quan. Ở xứ Thị vỉ thuộc huyện Long-thành cũng dựng 1 đồn nhỏ, quân đóng ước phỏng 100, bến sông tỉnh thành có đỗ 1 chiếc tầu máy hạng lớn, và 1 chiếc nhiều giây hạng nhỏ, quân Tây có độ 300, Ma-Ní 100, lính tập 200, Ma tà lính mộ 200, 80 con ngựa. Tuần-phủ và quan chức thì ở ngoài thành, làm việc tại các tư gia, còn trong thành để riêng có quân lính đóng, và tích trữ khí giới lương thực, phía bên tả trước thành thì người Tàu, người Đồ-bà cùng giáo dân lập phố buôn bán, văn miếu vẫn còn nhưng các cố đạo chiếm cứ để làm giáo đường; về xứ Du-miệt thuộc huyện Bình-An có 1 đồn nhỏ. Độ hơn 100 quân đóng, dưới sông có 1 thuyền máy bọc sắt nhỏ, công việc cai trị cũng như Gia-Định mà thôi.

Tỉnh Định-tường tại cửa Lệch Chênh có 1 đồn nhỏ đóng 20 tên quân Tây, 30 quân ma tà và giáo dân, bến Vụng Ô cũng xây

1 đồn nhỏ, quân số cũng như đồn trên, còn tỉnh thành thì có 1 tầu chiến hạng lớn, 1 thuyền nhiều giây, 4 tầu nhỏ, một thuyền nhiều giây nhỏ, Tổng đốc và các viên chức Tây đều đóng tại các nhà bên ngoài thành, trong thành tức là trại binh và kho tàng, hiện có hơn 300 lính Tây, 100 lính Ma-Ni, 200 ma-tà và lính mộ, dãy phố bên hữu là nhà của dân thì nay người Tây người Tầu v.v. thuê lại để trữ hàng hóa, chúng cho cử Tạo làm Đốc học, nhưng chỉ mười đứa trẻ con tới học mà thôi, văn miếu vẫn còn nhưng cố đạo chiếm cứ làm nhà giảng đạo, ở phủ Kiến-Tường cũng có 1 đồn nhỏ quân Tây phỏng độ 100, ở bến Kê-Bè có 1 thuyền nhiều giây hạng lớn, nơi đối diện với phủ Kiến - Tường là thôn Tân-tịch thuộc phủ Tân-thành, ngôi đình thôn này cũng có độ 30 tên lính Tây đóng giữ, 1 số bò và đá vôi, rượu thịt v.v., tầu binh Tây đi về Cao-Man thường hay đỗ lại nơi đó, có khi đến 2, 3 chiếc, còn việc khác thì cũng giống như ở Gia-Định.

Dân Tình

Xét thấy dân tâm 3 tỉnh kể từ sau khi có cuộc hòa nghị, thời trừ những kẻ táng tận lương tâm cúi đầu theo địch độ 2 phần 10, còn ngoài ra thì đều chán nản, ruộng nương không muốn cầy cấy, cơ nghiệp cũng chẳng đoái hoài, ngày đêm chỉ những xúm 5 tụm 3, cùng nhau than thở vì nỗi phải ở với Tây ! Bất cứ việc gì nhân dân cũng chỉ thuận theo ngoài mặt mà trong lòng thì vẫn chống đối, cố phải ẩn nhẫn để xem triều đình khu xử ra sao ?

Tức như gần đây phủ quan sức cho phủ huyện tổng xã thôn và Minh-hương trong khắp 3 tỉnh, bắt phải đem nộp sổ sách đinh điền ngày trước, sức xuống đến 3, 4 lần, thế mà lần nào dân cũng viện cớ rằng bị đốt cháy trong lúc lửa binh, còn các mộc truyện thì đều thất lạc, chứ không chịu nộp, về sau phủ quan lại phải cấp mộc truyện mới để dân thừa hành, và bắt khai sổ đinh điền khác để chúng thâu thuế, đối với lệnh này nhân dân lại phải bí mật họp tại một nơi tìm cách đối phó.

Trong cuộc họp ấy nhân dân bàn rằng: nay chúng ra lệnh, mà mình không theo e rằng chúng sẽ khủng bố nên bất đắc dĩ cũng phải hư ứng nhưng mà các người thân hào có lòng trung nghĩa thì đều giấu mặt ở chốn thôn quê, để cho thủ hạ gia nhân ra nhận những chức Tổng lý, còn về số đinh xã nào 100 chỉ khai ra có 50, điền thổ 1000 mẫu chỉ khai 500, riêng xã Minh-hương thuộc tỉnh Gia-Định, cứ sổ đinh cũ những hơn 600 thì nay khai có 190 hai mươi mấy người mà thôi.

Lại như tháng 8 năm nay giá gạo 3 tỉnh bỗng dưng cao vọt, mỗi phương đến hơn 9 quan, dân tình đương lúc cực khổ, bọn Tây bèn đem những bánh mì cũ trong kho đi phát cho các thôn xã, nhân dân không nhận không được, nhưng khi phái viên của Tây về rồi, thì ai cũng vất bánh đó xuống sông, hay là cho heo cho chó, chứ không thèm ăn!

Trên đây chúng tôi xin kể những việc trọng đại, còn việc nhỏ mọn không sao kể xiết, vì có nhân tâm như vậy cho nên ở vùng Gò-Công lúc mà Trương-Định đứng lên mộ nghĩa thì dân các xã thảy đều cổ võ hoan nghinh, họ liền báo cáo với nhau, kẻ thì quyên cúng tiền bạc, lúa gạo để giúp quân nhu, hoặc quyên đồng sắt chất nổ để giúp quân khí, người già trẻ con thì ở coi nhà, bao nhiêu trai tráng đều ra ứng mộ, họ muốn mau mau giết hết quân Tây để cho hả giận!

Nhưng có ngờ đâu chính đồn Gò-Công về sau bị quân đội Tây kéo đến vây kín đại bác bắn vào như mưa! Nghĩa binh trong đồn cầm cự chẳng được bao lâu thì hết đạn dược và không có quân cứu viện nên đành giải tán mạnh ai nấy chạy, về sau phủ quan cho đi tra xét lùng bắt các người ứng nghĩa và người quyên cúng, người bị cướp hết gia tài, người bị đốt hết nhà cửa, lại biết bao người bị giết, bị đầy, còn như thôn nào có người quyên mộ thì chúng bắt phạt một hai ngàn quan cho tới hàng vạn, ngoài ra lại còn một bọn lưu manh, côn đồ lợi dụng tấm

lòng nghĩa khí của dân, chúng bèn đi khắp các nơi nói phao lên rằng : nay mai Triều đình sẽ đem binh đến, cho chúng vào trước để mộ nghĩa binh, nay mai đi theo quan quân giết giặc, dân quê tưởng thực, hoan hỉ vô cùng, tiền của bỏ ra quyên nạp không kém gì trước, bọn ấy thâu được bao nhiêu chia nhau bỏ túi, rồi sau người Tây biết chuyện cho đi tra xét bắt phạt các thôn, lại còn một nỗi trước kia thôn nào biết chúng là kẻ gian giới không chịu quyên nạp thì chúng lại giở thủ đoạn đốt nhà giết người, thành ra đằng nào cũng khổ.

Hiện nay các người cử nhân, tú tài, thân sĩ cùng các quản suất nghĩa quân hào mục trong các thôn xã bị Tây nã gắt gao, nên phải bỏ hết sản nghiệp để cùng gia quyến chạy đến 3 tỉnh Vĩnh-Long, An-Hà, Hà-Tiên trú ngụ rất nhiều, còn như những người vì nghĩ phần mộ tổ tiên nên còn ở lại quê quán, hoặc vì nghèo khó không thể thiên cư thì mới ở lại cam chịu đời sống cơ cực trăm chiều khiến cho làng mạc xơ xác nhà cửa tiêu điều, ruộng đất bỏ hoang tài lực khánh kiệt ! Nhưng dù đứng trong cảnh khổ nhân tâm vẫn còn oán hận vô cùng !

Tình hình Cao-Man

Cứ lời của phái viên do tham Nguyễn-Kỳ do tỉnh An-Giang phái sang Cao-Man xem xét trở về báo rằng Tên Don đã chết, hiện có quan Xiêm tên gọi Chao-Khon-Khô-Lịch còn đóng tại đó, rồi ngày 13 tháng 5 năm này đã đốt, và có mấy chiếc tàu chiến, của Tây, thuyền máy hạng lớn 1 chiếc, thuyền nhiều giây 1 chiếc, thuyền máy bọc sắt nhỏ 2 chiếc hiện đậu tại bến, quân Tây có độ 300, Na-Ní 100, chúng đã chiếm đóng ở thành Trấn Tây trước, con đường từ chùa Nhập-Đế thông sang Vĩnh Long chúng đã thiết lập đạo đường đạo quán cho cố đạo ở, dân Man theo đạo cũng nhiều, nơi đối diện với cù lao Trấn Tây chung xây dinh thự, trại lính, kho tàng v.v. Nạc-Ông Lân, cùng các liêu thuộc thấy vậy nói với Tây rằng :

Trước kia nước tôi thần sự Nam Triều và Xiêm, ngày nay

Ông Don mất đi, theo như lệ cũ thì phải cho sứ sang hai nước báo tang và nạp cống mới phải nhưng bị quan binh Tây gạt đi bảo rằng : đã có ta đây, can chi phải làm những việc vô ích như thế, quan Xiêm biết chuyện như vậy, đến mồng 3 tháng 6 bèn đem tên U về Xiêm, từ đấy trở đi phàm các nguồn lợi về thuế thủy lợi, thuế tàu v.v. các thứ thu được nhiều lợi của nước Cao-Man đều bị người Tây chiếm hết, cả đến tượng phật trong các chùa chiền, chúng cũng bóc lột lấy vàng, ngày thường chúng lại đến nhà vua tôi tên Lân, ép cả vợ con nàng hầu đi coi hí kịch, thị nào vừa mắt chúng lôi xuống tàu hay vào trong trại để chúng hãm hiếp, Vua tôi Lân đành nhẫn nhục.

Thế rồi vào ngày 18 tháng 8 Tướng Chao-Khon-Kho-Lịch của Xiêm lại sang bảo vua tôi Cao-Man rằng : Nước ông vốn dĩ thần phục nước Nam-na nước Xiêm, vậy nay cắt đất cho Tây dựng phố xây nhà, cớ sao lại không một lời báo cáo cho hai nước biết ? Hay là cậy thế của Tây mà toan bội phản đó chăng ? Vua tôi Lân bấy giờ cũng rất hối hận, nhưng trả lời với Xiêm thế nào thời tôi không rõ, bởi vì lúc ấy tôi đã trở về, cho nên cả đến việc lập ai làm tù trưởng Cao-Man tôi cũng không biết.

Tỳ : Trần-ngọc-Thanh ký
Tỳ : Nguyễn-Đức-Tánh ký

Chúc mừng

Được tin vui của Giáo sư *Phạm-Đình-Tiếu*, nhân viên giảng huấn tại Đại Học Văn Khoa và Đại Học Sư Phạm, Saigon, toàn thể ban chủ biên Tập San Sử Địa chân thành chúc mừng Tân Lang và Tân giai nhân trăm năm hạnh phúc.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

■ ■ *Giới-thiệu sách báo Sử-Địa*

Tập-San Sử-Địa vừa nhận được một số sách bằng chữ Hán có phần tóm lược hay giới-thiệu bằng Anh-ngữ do ban Nghiên-cứu Đông-Nam-Á thuộc Viện Nghiên-Cứu Tân-Á, Viện Đại-Học Hồng-Kông (*South-East Asia Studies section*, New Asia Research Institute, The Chinese University of Hong Kong). Gửi tặng. *Tập-san Sử-Địa* xin hân-hạnh giới thiệu đọc giả.

■ I — TRỊNH-HOÀI-ĐỨC, *Cẩn trai thi tập*, Monograph Series. No 1, S.A.S S, N.A.R.I. Hong Kong, 1962, 134 trang. *Cẩn trai thi tập* là tập thơ thứ hai sau *Gia-định tam gia tập* gồm 5 phần :

11.— Một bài tựa của NGUYỄN ĐỊCH-CÁT và hai bài bạt của NGÔ-THỜI-VỊ và CAO HUY-DƯỢC.

12.— *Thối thực truy biên tập* gồm 127 bài thơ sáng-tác hồi 1782 — 1801.

13.— *Quan Quang tập* gồm 152 bài sáng-tác lúc ông làm quan và đi sứ sang Trung-quốc (1802 — 1803).

14 — *Khả dĩ tập*, gồm 48 bài, sáng-tác hồi 1804 — 1818.

15.— Nói về tiểu sử : Liên-hệ gia-đình, nghề-nghiệp, nhiệm-vụ ở bên Tàu, lý-do xuất-bản tập thơ vào năm Gia-Long 18 (1819).

Cẩn trai thi tập không những có giá-trị về mặt thơ-văn mà còn có giá-trị về phương-diện sử-liệu cho công-cuộc nghiên-cứu lịch-sử VN.

■ II.— CHEN CHIN HO, *Hoa-kiều ở Phi-luật-Tân hồi thế-kỷ 16*, Monograph Series No 2, S. A. S. S, N. A. R. I., Hong Kong, 1963.

■ III — LŨ SHIH P'ENG, *Việt-Nam thời Bắc-thuộc*, Monograph No 3, S.A.S S, N.A.R I, Hong-Kong, 1964, 148 trang — Nội-dung nói về Việt-Nam từ thế-kỷ thứ III trước Công-nguyên đến thế-kỷ X sau Công-nguyên. Sách nói về nguồn-gốc dân-tộc Việt-Nam và Việt-Nam thời Bắc-thuộc qua từng triều-đại Trung-hoa (Tần, Hán, Lục triều, Tùy, Đường, Ngũ đại...) tới sự hình-thành nền độc-lập vương-quốc Việt-Nam.

■ IV.— PHAN THÚC-TRỰC, *Quốc-sử di biên*, Historical Materiall Serie No 1, S.A.S.S., N.A.R.I, Hong Kong, 1965 — nguyên-bản thuộc trường Viễn-đông Pháp-học-viện ở Hànội. Tác-giả trước tên là Phan-dưỡng-Hạo sau đổi là Thúc Trực. Nhan-đề đầy-đủ của bộ sách này là *Dưỡng-Hạo hiên đình tập, quốc-sử di biên*. Sách dày 398 trang, nói về cuộc hành trình ra Bắc tìm tài-liệu theo lệnh vua của ông trong khoảng năm 1851-1852. Sách chú-trọng đặc-biệt về Sử của 3 triều-đại đầu nhà Nguyễn (Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị) tuy-nhiên sách chỉ mô-tả theo niên-đại các chiếu-chỉ, luật, lệnh... của vua. Ngoài ra nội-dung sách còn gồm cả sự tổ-chức hành-chánh, cải-tổ và thuyên-chuyển, thăng-thưởng và trừng-phạt các viên-chức, kẻ nghịch... cùng sự liên-lạc ngoại giao, ngoại-thương, thi-cử, hệ-thống thuế má, thiên tai, đặc biệt xảy ra ở Kinh-đô và Bắc-Việt. Sách này chép nhiều sự-kiện mà *Đại-Nam Thực lục chính biên*, quyển-sử chính của triều Nguyễn không chép. Những điều đặc-biệt này làm cho *Quốc Sử Di Biên* trở thành một nguồn tài-liệu quan-trọng đối với sự nghiên-cứu sử học Việt-Nam vào tiền bán thế kỷ XIX.

Đón đọc Sử-Địa số 4.

Gốc tích của Chúa Trịnh và một bức thư nôm của Trịnh - Kiểm

của HOÀNG-XUÂN-HÃN

HỘP THƯ SỬ-ĐỊA

▼ Ông NGUYỄN-CƯ, Trung học Bá-Ninh, Nha-Trang.

Chúng tôi đã gửi báo lần thứ hai sau khi nhận thư của ông. Đề nghị của ông về việc thành lập Hội Những Người Yêu Thích Sử-Địa *là ý kiến rất hay. Mong các bạn đọc xa gần góp ý kiến về vấn-đề này. Sử-Địa sẵn sàng nhận đứng ra đốc thúc nếu được sự hưởng ứng đông đảo. Theo ý ông Nguyễn-Cư, hội này sẽ có mục đích chính là giúp trao đổi tài liệu sách báo Sử-Địa, giúp các hội viên có thể mua được dễ dàng các sách báo tài liệu ở trong và ngoài nước.*

▼ Ông HUỲNH-DUY-THIẾT, Phan-Thiết.

Ông muốn mua Sử-Địa số 1. Hiện nay nhà sách Khai-Trí, 62 Lê-Lợi còn bán. Nếu không có gì trở ngại, chúng tôi sẽ gửi thêm ra ngoài Phan-Thiết. Nếu ông muốn có ngay, xin cho chúng tôi biết địa chỉ rõ ràng cùng gửi tiền báo và thêm tiền cước phí máy bay.

▼ Ông SƠN-NAM, Saigon.

Thành thật cảm tạ mỹ cảm của ông đối với nhóm chủ trương Tập San. Thật rất khích lệ cho chúng tôi. Ý kiến của ông đăng ở nhựt báo Tia Sáng ngày 31-8-66 về vấn đề tổ chức các cuộc du khảo các di tích lịch sử. Chúng tôi rất đồng ý với ông về sự tham dự của thành phần trẻ trong đoàn du khảo mà ông cho là giới học sinh. Nhưng thiết nghĩ riêng chúng tôi không thể nào tổ chức một cách sâu rộng vào giới học sinh, giới rất đông đảo; điều đó chỉ có thể trông nhờ vào các giáo sư tại các trung học sẽ tổ chức. Muốn vậy phải làm sao cho các giáo sư trung học tương lai (Sinh viên Đại Học Sư Phạm hay Văn khoa) quen cái lối học hỏi này, để về sau chính họ sẽ lo cho các học sinh. Bởi vậy, trong các cuộc du khảo dự tính, ngoài các nhà khảo cứu, chuyên viên, thành phần đông đảo sẽ là các sinh viên Đại Học Sư Phạm, Văn khoa; họ sẽ được chia thành các « ê-kíp », tuy đối với họ về phần du được đặt nặng hơn, nhưng họ cũng sẽ được làm quen với vấn đề khảo. Nếu không có gì trở ngại, các di tích tại Sài gòn sẽ là đề tài đầu tiên được khảo kỹ càng, cùng giới thiệu với các giới sinh viên này.

BẢN ĐÍNH CHÁNH TẬP-SAN SỬ-ĐỊA SỐ 2

⊕ NHỮNG LỜI THÈ CỦA LÊ-LỢI, HOÀNG-XUÂN-HÃN

TRANG	DÒNG	S A I	S Ử A L À
12	7-8	hoàng-địa kỉ	hoàng-địa-kỉ
20	2	toàn cuối chuyện	toàn chuyện
20	13	di-tâm	dị-tâm
25	19	Trạo-vinh	Trạo-vịnh
26	16	lân-bang	lân-bàng
26	25	chanh-chấp	tranh chấp

⊕ ĐẠI NAM THỰC LỤC CHÁNH BIÊN

85	30	là bạn	là bọn
86	8	(thuộc tỉnh Giadịnh	(thuộc tỉnh Gia Định)
87	26	Chưởng dinh, Tôn thất Hý	Chưởng-dinh. Tôn thất-Hy

⊕ VONG SƠN NIÊN PHỔ

70	20	nắm trong	nằm trong cáng
70	55	Quận-công-ký-lục	Quân-công-ký-lục
71	5	Quận công gia cấp	Quân công gia cấp
71	7	quận công nhất cấp	Quân công nhất cấp
71	29	quận công	Quân công
71	30	chà	chả
72	7	Phần thành	Phần hoàng
72	16	các Cụ	Cụ Các
72	30	văn-minh	Văn-minh
73	2	giao thụ Đoan hùng	giáo thụ Đoan hùng
73	2	nói	nơi
73	12	lấy tiểu	vừa tiểu
73	15	hại	hạt
73	32	đặt	xin đặt
75	25	Thân Duật	Thận Duật
78	31	Doan-hùng	Đoan-hùng
80	6	àm	làm
80	29	ngày	ngay
81	5	Phương tri Càn thốn	Phượng trì Càn thôn
81	8	hộp	hợp
81	14	dị	bị

BẢN ĐÍNH CHÁNH TẬP-SAN SỬ-ĐỊA SỐ 3

BÀI TRƯƠNG-ĐỊNH, CỦA PHÙ-LANG

TRANG	DÒNG	S A I	SỬA LÀ
4	11	nghiêm	nghiên
9	23	Hiến	Hiền
9	25	ngại	lại
10	5	thật	thuật
10	chót	Lamiral	l'amiral
12	2	Hoa	Hòa
23	8	lý	ý
24	8	Việt đình-chỉ	Việt-đình chỉ
26	15	trổ	trở
30	7	rằng ưng sống	rằng không ưng sống
30	11	và	vả
31	7		(4)
37	12	Biétri	Piétri
37	16	Rạch-Giá	Rạch Già
41	15	Rạch-Giá	Rạch Già
44	3	làm kinh	hàm thinh
46	2	khiêng	kiêng
48	18	bơm	bom
54	chót	văn mộ	văn mô
59	5	rong	trong
63	18	thôi mà	thôi khó mà
68	10	địch-thái	địch-khái
76	11	Khắc	Quốc
77	5	cao thế	cao hết
79	11	Lâu	Lân

Vì nhiều bài về chủ đề Trương-Công-Định, chúng tôi xin tạm gác đến số 4 các bài còn tiếp đăng.

Thành thật cáo lỗi cùng bạn đọc. Số trang kỳ này tăng nhiều, chúng tôi xin tăng giá, các kỳ sau trừ những số đặc biệt vẫn giữ nguyên giá cũ mặc dù các chi phí **TẬP-SAN SỬ-ĐỊA** *đều tăng tới 50%.*

Sách pháp luật, chánh trị, kinh tế

Dân luật tu tri	*Phan-văn-Thiết*	100đ.
Hình luật tu tri	—	95.
Các tranh tụng về dân sự	—	95.
Kiểu mẫu văn khế	—	95.
Hộ tịch chỉ nam	—	100.
Phụ nữ V. N. trước pháp luật	—	65.
Pháp luật thực hành	—	50.
Nhân viên công lực cẩm nang	—	75.
Luật dân sự tố tụng	*Nguyễn-huy-Đẩu*	250.
Dân luật khái luận	*Vũ-văn-Mẫu*	130.
Dân luật lược khảo (hai quyển)	—	300.
Luật nhà phố	*Công-Báo*	65.
Luật thuế vụ	*Bộ Tài Chánh*	160.
Thuế lệ dẫn giải	*Đinh-quang-Chính*	80.
Luật lao động	*Bộ Lao Động*	145.
Tạp lục các bản văn áp dụng luật lao động	—	150.
Tìm hiểu luật lao động	*Huỳnh-khắc-Dụng*	140.
Án lệ lao động	—	250.
Luật Lao động dẫn giải	*Bùi quang Tời*	80.
Quy pháp vựng tập I, II, III, IV, V, VI	*Tổng-Thống Phủ*	720.
Luật thương mãi	*Trịnh-đình-Thảo*	45
Luật thương mãi (hai quyển)	*Lê-tài-Triển*	150.
Dân luật thực hành	*Đoàn-bá-Lộc*	90.
Chế độ tài sản trong gia đình Việt-Nam I, II	*Vũ-văn-Hiền*	220
Tổ chức chính trị và hành chánh V. N.	*Bùi-quang-Khánh*	100.
Chính trị học	*A. de Grazia*	250.
Chính trị học hiện đại	*Tôn-thất-Trạch*	50.
Chính trị cổ nhân	*Nguyễn-tử-Quang*	38.
Kinh tế học	*P. A. Samuelson*	250.
Phát triển kinh tế	*G. M. Meier*	200.
Kinh tế phục vụ quần chúng	*M. Salvadori*	60.
Hành chánh công quyền	*H. E. Simon*	200.
Xã hội học	*B. Selizick*	250.
Tiền tệ lợi tức và chính sách tiền tệ	*Ed. S. Shaw*	250.
Kinh tế quốc tế	*Ellsworth*	200.
Mô thức chính trị quốc tế	*L. M. Alexander*	250.
Tài chánh công	*P. E. Taylor*	250.
Tự do cá nhân	*Trần-thúc-Linh*	70.
Danh từ pháp luật lược giải	—	300.
Luật giá thú	*Dương Kiền*	100.
Luật lệ thông dụng dẫn giải	*Nguyễn-văn-Tuyền*	100.
Phân tranh luật pháp	*Nguyễn-xuân-Chánh*	100.
Hình sự tố tụng	*Nguyễn-quốc-Hưng*	100.

Những sách trên đều có bán tại:

Nhà sách KHAI-TRÍ, 62, Đại-lộ Lê-Lợi, Saigon

Thuốc Bác-sỹ Tín vì sao ra đời?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp-dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học, y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trông thấy khuyết-điểm ấy, Bác-Sỹ Tín lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thổ-sản thổ-nghi và dân-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông, công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên Bác-Sỹ Tín đã sang Âu-Châu du-học tìm, hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tòng-sự tại các bịnh-viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, Bác-Sỹ Tín đã cố công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên-chất dùng vào việc chế thuốc, thâu thập cái hay của người đặng nâng cao giá-trị những dược-phẩm dồi-dào của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, Bác-Sỹ Tín liền tổ-chức một sở bào-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc Bác-Sỹ Tín, thích-hợp với cơ-thể người mình và khí hậu nhiệt đới. Toa nhẫn đều dùng chữ quốc-ngữ và phát-hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-đích là để phổ-thông trong dân chúng, tận xóm làng, thôn lâm, cống hiến cho đồng-bào môn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình văn hồi, giấy rẻ, in rẻ, Bác-Sỹ Tín sẽ ấn-hành những sách báo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bổ sinh-lực của nòi giống.

NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN

Lại còn có tham-vọng :

1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v. v...
2.— Xuất-cảng những dược-phẩm Việt-Nam.
3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon tháng 3 năm 1945)

CIEGECO

(COMPAGNIE GENERALE DE COMMERCE)

Công-Ty nặc danh Vietnam Vốn 20.515.000$

Trụ-sở : 30 - 32, Pasteur Saigon

Điện-thoại : 91.081 - 91.082 — Điện-tín : **CIEGECO SAIGON**

(Hành nghề nhập-cảng trên mọi ngành từ NC-1 đến NC-18, do giấy phép số 8182/BKT/KSKT/KTTG ngày 24-8-66)

NHẬP CẢNG — XUẤT CẢNG
THỤ THÁC TÀU BIỂN — ĐẠI-DIỆN THƯƠNG MẠI

Hiện là đại lý độc quyền cho trên 100 hãng sản xuất và cung cấp ngoại quốc :

— Xe máy dầu YAMAHA

— Động cơ SACHS, RUSTON, MATSUI, DESOTO

— Máy móc LETOURNEAU WESTINGHOUSE, INTERNATIONAL DIESEL ELECTRIC

— Dầu thơm và mỹ-phẩm COTY... và tạp hóa.

— Rượu COGNAC MARTELL, WHISKY GRANT, Rượu chát HENRI MAIRE, Champagne BOLLINGER v. v...

— Đồng hồ ROLEX

— Thực phẩm : cá mòi đóng hộp « MEZIANNE », thịt hộp, rau hộp và ốc sò đóng hộp v. v...

— và rất nhiều hàng-hóa khác.

Trân trọng kính mời quý vị thương gia, trực dụng giao dịch với chúng tôi trong mọi nghiệp vụ thương mại.

VIỆT-NAM CỐNG-THƯƠNG HỘI
VIỆT-NAM BUSINESS ASSOCIATES
(V. B. A)

Công-Tỵ nặc-danh — Vốn : VN$ 15.000.000,00

VĂN - PHÒNG THƯƠNG - MÃI :

673, Đ. L. Trần-Hưng-Đạo, SAIGON — Điện-Thoại : 36.454

★

CHUYÊN NHẬP-CẢNG :

— Xe mô - tô hiệu		HONDA
— Máy phát - điện	—	HONDA
— Xe hơi	—	HONDA
— Máy bơm	—	HONDA
— Máy cày	—	HONDA
— Máy horsbord	—	HONDA

Sản-phẩm HONDA tốt nhất và rất được tín-nhiệm trên thị-trường Quốc-tế.

Tại sao hàng chục ngàn người đổ xô ghi tên mua SUZUKI ? Vì :

■ SUZUKI xài **BOUGIE THƯỜNG** như tất cả các loại xe gắn máy khác.

■ SUZUKI **2 THÌ**, 30% phụ tùng ít hơn các xe khác **4 THÌ** nên máy móc rất giản dị, khỏe và rất bền, không hư bậy.

■ SUZUKI nếu hư thì người thợ sửa xe ở góc đường cũng có thể sửa được, khỏi cần đưa vào một xưởng xe hay phải đưa tới thợ chuyên môn.

■ SUZUKI nhiều đại lý nhập cảng xe nhất và đồ phụ tùng cũng nhập cảng nhiều nhất so với các hiệu xe khác.

■ Hãng IMI đã tổ chức các xưởng chuyên sửa xe SUZUKI trong đó có các kỹ sư của chính hãng SUZUKI từ Nhật sang trông coi và huấn luyện các chuyên viên ráp máy cũng như sửa chữa.

Châm ngôn của người Việt hiện nay là :

Ăn chắc, mặc bền đi... SUZUKI

LÀ KHỎI... THẮC MẮC

GIÁ PHỎNG ĐỊNH :

M30 : 30.500$ M15-2 : 32.500$ M12-2 : 33.500$

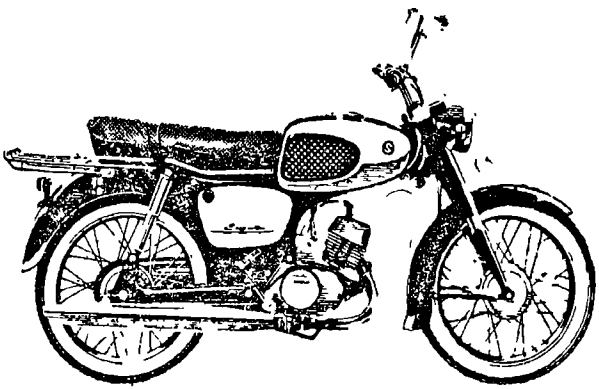

SUZUKI-50 MODEL M-15 M-15D

- **50cc — 2 thì — 1 xy-lanh**
- **45 mã lực — 8.000 tua**
- **Tốc lực 85 cây số một giờ**
- **100 cây số hết 1 lít 5 xăng**

Đại-Lý Độc-Quyền : **IMI**, *58 Pasteur — SAIGON*

Điện - Thoại : 25.676

NƯỚC NGỌT "CON CỌP"

Nước ngọt "Con Cọp"! Hoan hô!
Với chai "HỎA-TIỄN" điểm tô cuộc đời
thêm VUI, thêm ĐẸP, thêm TƯƠI!

IA.I.P.

Phiếu mua báo dài hạn

Phương-danh độc-giả . . . . . .

Địa-chỉ . . . . . .

Thời-hạn mua (1) . . . . . .

Thể-thức trả tiền (2) . . . . . .

Giá tiền (3) . . . . . .

.... ngày ... tháng ... năm 196

KÝ TÊN

---

(1) Một năm (4 số) hay nửa năm (2 số)

(2) Trả tiền mặt, chi-phiếu hay bưu-phiếu
(đề tên Phạm-thị Kim-Cúc, B P : 388, Sài-gòn).

(3) Hai năm : 140$

Một năm 75$, miền Trung và Cao-nguyên tính thêm cước phí máy bay.

Mua dài hạn TẬP-SAN SỬ-ĐỊA :

— Là khuyến-khích thiện-chí phụng-sự ngành Sử-Địa, nền văn-hóa dân-tộc.

— Làm món quà tặng thanh-nhã.

In tại nhà in VIỆT-HƯƠNG, 34 Đại lộ Lê-Lợi — SAIGON

K.D. Số 2494-B.T.T.C.H — Ngày 17-9-66

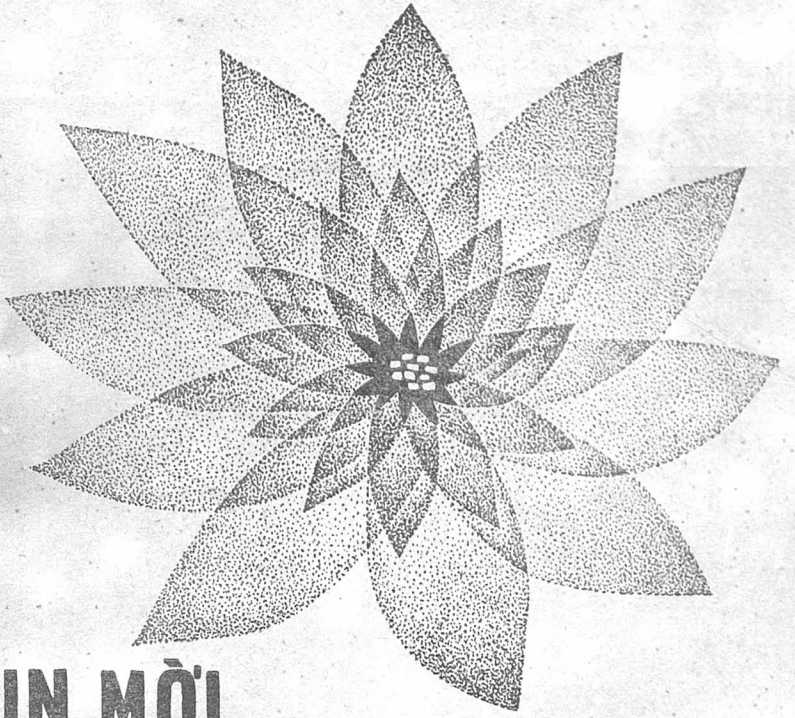

XIN MỜI
QUÝ-VỊ LUÔN LUÔN DU-NGOẠN

bằng **Caravelle**
PHẢN-LỰC-CƠ TRẢNG-LỆ NHỨT THẾ-GIỚI

của ĐƯỜNG BAY **Hoa sen**
VIỆT-NAM

3 SAIGON-HONGKONG
(Mỗi Thứ Hai, Thứ Ba và Thứ Bảy)

3 SAIGON.PHNOMPENH.BANGKOK
(Mỗi Thứ Ba, Thứ Năm và Thứ Sáu)

2 SAIGON.KUALA-LUMPUR.SINGAPORE
(Mỗi Thứ Tư và Chúa Nhựt)

(Trừ ngày Thứ Ba Saigon-PhnomPenh-Bangkok bằng DC-6B)

* * *

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du lịch hay

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, NGUYỄN-HUỆ, SAIGON. 21.624.625.626

SỬ ĐỊA

tam cá nguyệt san — Số 3 — Tháng 7, 8, 9-1966

MỤC-LỤC

⊕ *Lá thư tòa soạn* 1

⊕ *Trương-Định, dõng tướng huyện Tân-Hòa*
PHÙ LANG TRƯƠNG BÁ PHÁT 3

⊕ *Vài giai thoại có dính líu tới cụ Lãnh Binh Trương-Định*
LÊ THỌ-XUÂN 81

⊕ *Thân thế và thơ văn của Nguyễn-Thông*
BÙI QUANG TUNG 93

⊕ *Độn Am văn tập — Lãnh-Binh Trương-Định Truyện — Hồ-Huân-Nghiệp Truyện*
của NGUYỄN THÔNG
dịch TÔ NAM và BÙI QUANG TUNG 102

⊕ *Hiện Tượng Trương Công-Định*
HỒ HỮU TƯỜNG 115

⊕ *Trương-Công-Định và đạo hiếu trung*
VƯƠNG HỒNG SỂN 130

⊕ *Đại Nam chánh biên liệt truyện — Tiểu sử Trương-Định*
TÔ-NAM dịch 143

⊕ *Tình hình ba tỉnh Nam Kỳ*
tờ bẩm của PHẠM TIẾN
tờ khai của TRẦN NGỌC THANH
NGUYỄN ĐỨC TÁNH 145

⊕ *Giới thiệu Sách Báo* 161

⊕ *Hộp thư Sử-Địa* 163

Giá : 30$

Công sở : giá gấp đôi